



NXB
TỔNG HỢP
TP.HCM

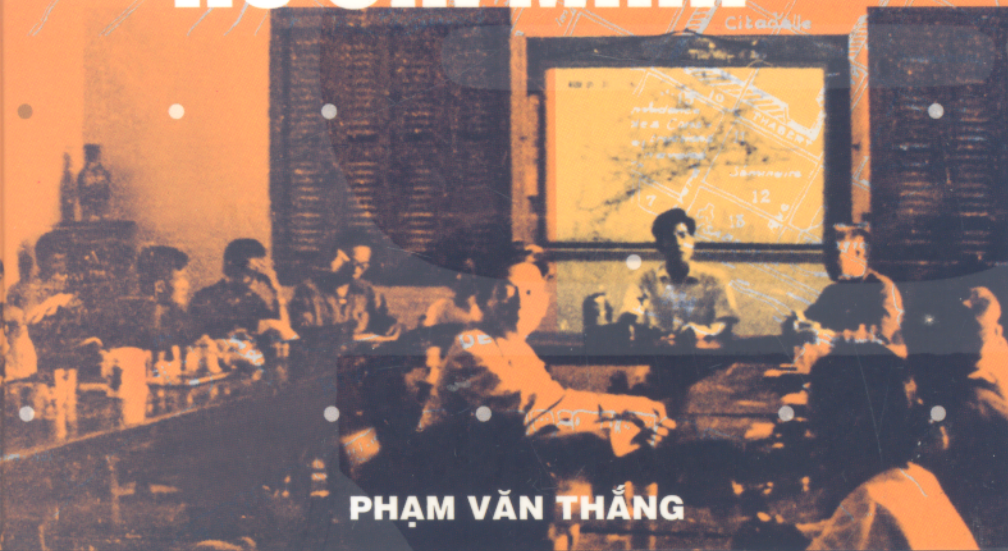
VHSC
NXB VĂN HOÀ SAIGON



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ
GIA ĐÌNH – SÀI GÒN
TP. HỒ CHÍ MINH



Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh



PHẠM VĂN THẮNG

100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ
GIA ĐÌNH – SÀI GÒN
TP. HỒ CHÍ MINH

PHẠM VĂN THẮNG

Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh



NXB TỔNG HỢP TP.HCM

VHSG
NXB VĂN HÓA SÀI GÒN

Chủ biên:
CAO TỰ THANH
HỒNG DUỆ
HOÀNG MAI

MỤC LỤC

trang	hỏi/đáp
13	* Lời nói đầu
15	001. Xin cho biết những phong trào đấu tranh yêu nước tiêu biểu chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định trong những năm đầu thế kỷ XX.
19	002. Xin cho biết thời gian, địa điểm Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước và hoạt động của Bác trong những năm 1911 đến 1920.
22	003. Tổ chức Công hội đầu tiên ở nước ta được thành lập ở đâu, năm nào? Ai là người sáng lập ra tổ chức này?
25	004. Xin cho biết về diễn biến và ý nghĩa cuộc bãi công của công nhân Ba Son ngày 4. 8. 1925.
29	005. Tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập ở Sài Gòn năm nào? Ai là người thành lập tổ chức này?
32	006. Xin cho biết sự ra đời của ba tổ chức cộng sản là An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn ở Sài Gòn và Nam Kỳ.
37	007. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam diễn ra ở đâu, vào thời gian nào, do ai chủ trì và nội dung chính của Hội nghị?
40	008. Việc hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản Việt Nam ở Nam Kỳ, Sài Gòn - Chợ Lớn và tỉnh Gia Định diễn ra như thế nào? Sau khi hợp nhất Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Đảng bộ tỉnh Gia Định có bao nhiêu chi bộ và đảng viên?
43	009. Xin cho biết các cuộc đấu tranh của công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định trong cao trào 1930 - 1931.
46	010. Xin cho biết diễn biến cuộc đấu tranh của nông dân Hóc Môn (Gia Định) và Đức Hòa, Bà Hom, Bến Lức (Chợ Lớn) vào ngày 4. 6. 1930.
50	011. Xin cho biết về cuộc diễn thuyết ngày 8. 2. 1931 tại Sài Gòn và người cộng sản trẻ tuổi Lý Tự Trọng.

- 54 012. Quá trình khôi phục lại Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, Tỉnh ủy Gia Định và phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân thành phố trong những năm 1932 - 1935 như thế nào?
- 57 013. Hãy kể tên những cuộc bãi công của công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định trong năm 1936, cho biết diễn biến và ý nghĩa cuộc bãi công ngày 4. 12. 1936 của công nhân Ba Son.
- 60 014. Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi triệu tập Đại hội Đông Dương như thế nào?
- 63 015. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VI (tháng 11. 1939) được tổ chức ở đâu? Nội dung chủ yếu của Hội nghị là gì?
- 66 016. Xin cho biết sự hình thành nghị quyết phát động toàn xứ đứng lên khởi nghĩa tháng 11 năm 1940 của Xứ ủy Nam Kỳ và vì sao cuộc khởi nghĩa không nổ ra ở nội thành?
- 69 017. Xin cho biết những diễn biến chính trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở tỉnh Gia Định.
- 72 018. Xin cho biết những nét chính về tình hình Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định từ sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ đến cuối năm 1943.
- 75 019. Xin cho biết quá trình hình thành và hoạt động của Xứ ủy tiền phong và Xứ ủy giải phóng.
- 79 020. Xin cho biết sự ra đời và hoạt động tổ chức Thanh niên tiền phong ở Sài Gòn.
- 83 021. Xin cho biết bối cảnh ra đời, ý nghĩa lịch sử của bản Chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".
- 86 022. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào vào ngày, tháng, năm nào và Hội nghị đã quyết định những vấn đề quan trọng gì?
- 88 023. Xứ ủy Nam Kỳ đã tổ chức những cuộc họp nào để bàn việc lãnh đạo nhân dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8. 1945, các cuộc họp này được tổ chức ở đâu và đã có những quyết định gì?
- 90 024. Xin cho biết về diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8 năm 1945 ở Sài Gòn - Chợ Lớn

- Gia Định và cuộc mít tinh mừng ngày độc lập của nhân dân Nam Bộ ngày 2. 9. 1945.
- 94 025. Xin cho biết ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng 8. 1945 ở Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định.
- 98 026. Sau Cách mạng Tháng 8. 1945, Đảng bộ thành phố đã thực hiện việc xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng như thế nào để bảo vệ thành phố?
- 102 027. Âm mưu trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai được thực dân Pháp thực hiện từng bước như thế nào ở Sài Gòn - Chợ Lớn?
- 106 028. Đứng trước những hành động khiêu khích của thực dân Pháp, Ủy ban nhân dân Nam Bộ đã làm gì để đối phó với những hành động của Pháp và chuẩn bị kháng chiến như thế nào?
- 109 029. Từ tháng 9. 1945 đến tháng 12. 1945, Xứ ủy Nam Bộ đã triệu tập mấy cuộc hội nghị? Cho biết thời gian địa điểm và chủ trương của từng hội nghị.
- 113 030. Xin cho biết quá trình hình thành Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn sau ngày Nam Bộ kháng chiến.
- 116 031. Trong những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến, Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã hình thành 4 mặt trận bao vây ngăn chặn địch. Xin cho biết tên các mặt trận, vị trí và lực lượng tham gia ở các mặt trận này.
- 119 032. Giai cấp công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn đã đóng góp gì trong những ngày đầu kháng chiến ở Nam Bộ?
- 122 033. Xin cho biết quá trình hình thành và hoạt động của hai tờ báo *Chống xâm lăng* và *Căm tử* trên địa bàn thành phố.
- 125 034. Khi giặc Pháp phá vỡ vòng vây Sài Gòn - Gia Định ra ngoại thành và các tỉnh Nam Bộ, thành phố đã có chủ trương gì? Xin cho biết về chủ trương đó và kết quả thực hiện.
- 129 035. Từ 1947 - 1950, Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn đã triệu tập bao nhiêu hội nghị? Xin cho biết địa điểm, nội dung từng hội nghị.
- 133 036. Trung đội nữ biệt động "Minh Khai" được thành lập lúc nào? Do ai chỉ huy? Xin cho biết một số trận đánh tiêu biểu của trung đội này.

- 137 037. Xin cho biết về những chiến khu tiêu biểu của Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Thành tích hoạt động của những chiến khu này trong kháng chiến chống Pháp?
- 141 038. Trong cao trào cách mạng năm 1950 ở Sài Gòn - Chợ Lớn có hai cuộc biểu tình đã đi vào lịch sử dân tộc. Xin cho biết về diễn biến của hai cuộc biểu tình đó.
- 145 039. Phối hợp với chiến trường toàn quốc trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 ở thành phố đã có những phong trào gì? Xin cho biết về diễn biến và kết quả của các phong trào đó.
- 149 040. Hiệp định Genève về lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết ngày nào? Nội dung chủ yếu của Hiệp định về vấn đề Đông Dương.
- 153 041. Xin cho biết "Phong trào bảo vệ hòa bình" ở Sài Gòn - Chợ Lớn do ai chủ trương. Nêu diễn biến, kết quả và một số trí thức tiêu biểu tham gia phong trào này.
- 157 042. Xin cho biết về chế độ độc tài phát xít, đàn áp các lực lượng đối lập và chính sách "tố cộng", "diệt cộng" của Ngô Đình Diệm đối với miền Nam và Sài Gòn - Chợ Lớn.
- 161 043. Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định đã có những biện pháp nào để lãnh đạo đấu tranh chống "tố cộng", "diệt cộng" của Mỹ Diệm và giữ gìn lực lượng cách mạng?
- 165 044. Xin cho biết tình hình cách mạng ở miền Nam và Sài Gòn - Chợ Lớn sau Hiệp định Genève 1954. Việc xây dựng cơ sở trong các ngành các giới của Đảng bộ được thực hiện như thế nào?
- 170 045. Trong thời gian 1957 - 1959 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn đã có nhiều phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đòi quyền dân sinh, dân chủ. Xin cho biết đó là những phong trào đấu tranh của tầng lớp nào?
- 175 046. Xin cho biết nội dung cơ bản và ý nghĩa của lịch sử Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) tháng 1. 1959.
- 180 047. Xin cho biết về sự hình thành của Khu Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định.
- 184 048. Xin cho biết về diễn biến cuộc Tổng bãi công ngày 27. 7. 1964. Tại sao nói cuộc Tổng bãi công này là bước

trưởng thành của quần chúng công nhân lao động Sài Gòn - Chợ Lớn?

- 186 049. Xin cho biết về diễn biến phong trào Phật giáo dẫn đến cao trào đấu tranh lật đổ Ngô Đình Diệm tháng 10. 1963.
- 191 050. Cuộc hành quân Cedar - Falls của Mỹ đánh vào khu tam giác sắt Củ Chi - Trảng Bàng - Bến Cát nhằm mục đích gì? Xin cho biết diễn biến và kết quả.
- 193 051. Đặc khu Rừng Sác được thành lập khi nào? Nhiệm vụ của đặc khu rừng Sác? Nêu những trận đánh tiêu biểu.
- 196 052. Hội nghị Tổng kết chiến tranh nhân dân và phát động phong trào thi đua diệt Mỹ diễn ra khi nào? Cho biết kết luận về khả năng đánh Mỹ của chiến tranh nhân dân và kết quả phong trào diệt Mỹ (1965 - 1966) ở Sài Gòn - Gia Định.
- 199 053. Xin cho biết về chủ trương của Trung ương Cục và sự chuẩn bị của Đảng bộ khu Sài Gòn - Gia Định trong Tổng tấn công và nổi dậy tết Mậu thân 1968.
- 205 054. Xin cho biết về diễn biến trận đánh và đơn vị biệt động đánh vào Tòa Đại sứ Mỹ rạng sáng ngày 1. 2. 1968.
- 208 055. Xin cho biết khái quát về đợt 1 và đợt 2 trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 ở Sài Gòn - Gia Định.
- 213 056. Ý nghĩa thắng lợi và những vấn đề rút ra từ Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 ở khu vực trọng điểm là gì?
- 217 057. Từ 1968 đến 1972, Thành ủy đã triệu tập mấy cuộc hội nghị thường gọi là Hội nghị Bình Giả? Xin cho biết chủ trương của từng hội nghị.
- 222 058. Hiệp định Pariss về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết lúc nào? Nội dung chính của Hiệp định? Tình hình Sài Gòn - Chợ Lớn sau hiệp định?
- 225 059. Xin cho biết âm mưu của Mỹ - Thiệu, và những chủ trương của Đảng ta sau khi có Hiệp định Paris. Sự đấu tranh chống địch phá hoại Hiệp định và đòi các quyền dân sinh dân chủ ở Sài Gòn - Gia Định?
- 230 060. Xin cho biết về chủ trương mở chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn. Nhiệm vụ của Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định trong Chiến dịch Hồ Chí Minh là gì?

- 233 061. Trong thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, lực lượng tại chỗ của thành phố đã đóng góp một phần quan trọng. Xin cho biết đó là những lực lượng nào?
- 237 062. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, thành phố có bao nhiêu nơi quân chúng nổi dậy giành chính quyền ở nội thành và ngoại thành? Xin cho biết những nơi nổi dậy tiêu biểu.
- 240 063. Xin cho biết vai trò của lực lượng thứ ba và việc sử dụng lực lượng thứ ba của Đảng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- 244 064. Nêu diễn biến khái quát cuộc Tổng tấn công và nổi dậy trong Chiến dịch Hồ Chí Minh ở Sài Gòn - Gia Định từ 26. 4 đến 30. 4. 1975.
- 248 065. Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?
- 254 066. Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định được thành lập ngày, tháng, năm nào? Gồm bao nhiêu thành viên và do ai làm Chủ tịch?
- 259 067. Xin cho biết sau ngày giải phóng Thành ủy họp hội nghị lần thứ nhất vào thời gian nào? Hội nghị đã đề ra chủ trương gì?
- 262 068. Sau giải phóng Đảng bộ thành phố có bao nhiêu Quận ủy trực thuộc Thành ủy?
- 265 069. Ủy ban nhân dân cách mạng Sài Gòn - Gia Định chính thức ra mắt thời gian nào, ở đâu, ai là Chủ tịch và các phó chủ tịch?
- 268 070. Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước diễn ra vào thời điểm nào? Nội dung của Hội nghị?
- 271 071. Xin cho biết Hội nghị Đại biểu nhân dân miền Nam họp vào thời gian nào? Nội dung của Hội nghị?
- 274 072. Thành phố chính thức được mang tên thành phố Hồ Chí Minh vào năm nào? Cơ quan nào quyết định?
- 276 073. Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV xác định nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong giai đoạn cách mạng mới là gì?
- 280 074. Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ nhất được tổ chức vào thời gian nào? Ở đâu? Những nội dung chính của Đại hội?

- 284 075. Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ II được tổ chức vào thời gian nào? Ở đâu? Mục tiêu phương hướng của Đại hội là gì?
- 287 076. Nghị quyết 01/NQ-TW của Bộ Chính trị (tháng 9. 1982) đã xác định vị trí, đặc điểm và nhiệm vụ của thành phố như thế nào?
- 292 077. Sự kiện Đà Lạt năm 1983 đã có tác động gì đến quá trình hình thành đường lối đổi mới của Đảng?
- 297 078. Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ III được tổ chức vào ngày, tháng, năm nào? Cho biết nội dung và kết quả của Đại hội?
- 300 079. Từ ngày giải phóng đến nay thành phố đã tổ chức mấy kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân cấp thành phố? Ai làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân? Ai làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân?
- 304 080. Thực hiện nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (9. 1979) khóa IV, Đảng bộ thành phố đã có những biện pháp gì để "tháo gỡ" và "bung ra" sản xuất?
- 307 081. Để thực hiện Nghị quyết 8 (khóa V) của Trung ương về Giá - Lương - Tiền, thành phố đã có chủ trương, biện pháp gì?
- 309 082. Xin cho biết những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân thành phố đạt được sau 10 năm giải phóng 1975 - 1985.
- 312 083. Xin cho biết về Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và đường lối đổi mới của Đảng.
- 316 084. Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ IV diễn ra ngày, tháng, năm nào? Ở đâu và những nội dung chính của Đại hội?
- 320 085. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
- 324 086. Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ V được tổ chức vào thời gian nào? Ở đâu? Cho biết nội dung và kết quả của Đại hội?
- 328 087. Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa V) họp vào thời gian nào? Hội nghị đã bàn về vấn đề gì?

- 330 088. Chương trình xoá đói giảm nghèo của thành phố ra đời vào thời điểm nào? Sự chỉ đạo của Thành ủy đối với chương trình này?
- 333 089. Xin cho biết những thành tựu về kinh tế - xã hội mà Đảng bộ và nhân dân thành phố đạt được sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 1996).
- 336 090. Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI được tổ chức vào thời gian nào? Xin cho biết kết quả của Đại hội.
- 341 091. Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VII được tổ chức vào ngày, tháng, năm nào? Nội dung và kết quả của Đại hội?
- 344 092. Xin cho biết những thành tựu về kinh tế mà Đảng bộ và nhân dân thành phố đạt được trong 5 năm (1996 - 2000).
- 346 093. Xin cho biết Hội nghị Thành ủy lần thứ 13 (Khóa VII) diễn ra trong thời gian nào? Hội nghị đã bàn về vấn đề gì?
- 348 094. Thành phố Hồ Chí Minh đón nhận danh hiệu "Thành phố anh hùng" do Đảng và Nhà nước trao tặng vào ngày, tháng, năm nào?
- 350 095. Xin cho biết 12 Chương trình (và công trình) trọng điểm của thành phố do Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII đề ra là gì?
- 352 096. Xin cho biết Chương trình 17/CT - TU của Thành ủy về "Xây dựng giai cấp công nhân thành phố" ra đời vào thời gian nào và bao gồm những nội dung gì?
- 357 097. Xin cho biết một số kết quả đạt được trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương III (Khóa VII) về cuộc vận động "Đổi mới và chính đổi Đảng" của Đảng bộ thành phố.
- 360 098. Nghị quyết 20/NQ-TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010, ra đời vào ngày, tháng năm nào? Nội dung chủ yếu của nghị quyết?
- 364 099. Xin cho biết những thành tựu lớn mà thành phố đã đạt được trong ba mươi năm (1975 - 2005).
- 376 100. Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ VIII họp ngày tháng năm nào? Nêu những nội dung chính của Đại hội.

LỜI NÓI ĐẦU

Từ 1986 đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã trải qua một quá trình đổi mới theo hướng hiện đại hóa và hội nhập với quốc tế rất sôi động. Trên nhiều phương diện, quá trình ấy đã đào thải rất nhiều và rất nhanh các yếu tố lạc hậu, trì trệ và không hợp lý, song cũng chính trong tình hình ấy, văn hóa truyền thống phải tìm được những hình thức tồn tại mới mà cụ thể là trở thành những kiến thức và thông tin phổ cập có thể tác động tích cực tới sinh hoạt xã hội. Mặt khác, bản thân quá trình ấy cũng tác động một cách toàn diện và lâu dài tới đời sống văn hóa - xã hội ở Thành phố, nên việc cung cấp những thông tin cần thiết về nó cũng là cách thức giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về các khuynh hướng và động thái kinh tế - xã hội hiện tại ở Thành phố, từ đó có những ứng xử tích cực và hữu hiệu hơn trong hoạt động của mình. Bộ sách **"Một trăm câu hỏi đáp về Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh"** gồm ba mươi quyển mà Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn liên kết tổ chức thực hiện này nhằm hướng tới đáp ứng những mục tiêu vừa mang tính cấp thiết vừa mang tính lâu dài ấy. Có thể nói đây là một bộ Địa chí Văn hóa Thành phố dạng sơ giản nhằm phổ cập kiến thức và cung cấp thông tin cho người đọc cả trong lẫn ngoài nước về truyền thống lịch sử - văn hóa và hiện trạng kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên có thể nêu ra trên ba mươi chủ đề, vấn đề để giới thiệu về Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên do sự hạn chế về lực lượng, thời gian và phương tiện vật chất, trước mắt bộ sách chỉ giới hạn trong ba mươi quyển, cũng là một thể nghiệm bước đầu để sau này nếu có điều kiện sẽ tiến tới biên soạn một bộ Tiểu từ điển bách khoa về Thành phố Hồ Chí Minh. Quyển **Một trăm câu hỏi đáp về lịch sử Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh** của tác giả Phạm Văn Thắng là nằm trong cơ cấu chung nói trên.

Quyển sách này cung cấp tư liệu về những sự kiện nổi bật trong quá trình hình thành, đấu tranh và phát triển của Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh từ 1930 đến nay, từ đó góp phần nêu rõ truyền thống cách mạng vẻ vang, kinh nghiệm đấu tranh phong phú của một Đảng bộ ra đời trong bối cảnh Nam Kỳ thuộc địa nên sử dụng được cả nhiều hình thức đấu tranh của xã hội dân chủ hiện đại như báo chí, nghị trường, đặc biệt là trong thời gian trước Cách mạng Tháng Tám. Đồng thời quyển sách cũng cố gắng làm rõ đặc điểm của một Đảng bộ hoạt động tại một đô thị lớn nhất toàn quốc, có lực lượng trí thức đông đảo, có mối giao lưu toàn diện với quốc tế từ trước đến nay...

Vì thời gian gấp rút, cách thức biên soạn lại tương đối mới mẻ, phạm vi cần đề cập lại quá rộng lớn, nên chắc chắn quyển sách còn nhiều thiếu sót. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn và tác giả hy vọng được đọc góp ý để sau này nếu có điều kiện tái bản, quyển sách sẽ đạt được chất lượng cao hơn.

Tháng 5. 2006



001

XIN CHO BIẾT NHỮNG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH YÊU NƯỚC TIÊU BIỂU CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC CỦA NHÂN DÂN SÀI GÒN - CHỢ LỚN VÀ GIA ĐỊNH TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX.

Tiếp nối những phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX. Vào những năm đầu thế kỷ XX, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định lại tiếp tục đứng lên đấu tranh chống đế quốc xâm lược Pháp. Những phong trào yêu nước tiêu biểu của thời kỳ này là:

1. Cuộc khởi nghĩa tháng 3. 1913: Cuộc khởi nghĩa này do một nhà yêu nước quê ở Cần Giuộc tên là Nguyễn Hữu Trí lãnh đạo. Ông dùng một thanh niên có tên là Phan Phát Sinh nhận là con vua Hàm Nghi đứng ra dựng cờ nghĩa với danh hiệu là Phan Xích Long hoàng đế. Nguyễn Hữu Trí định tập trung nhiều lực lượng để đánh thẳng vào cơ quan đầu não của Pháp, chiếm Sài Gòn và liền sau đó, quân khởi nghĩa sẽ nổi dậy ở nhiều tỉnh.

Đêm 23 rạng 24. 3. 1913, quân khởi nghĩa đặt 8 trái phá hẹn giờ ở một số cơ quan chính quyền Pháp tại Sài Gòn, Chợ Lớn và rải truyền đơn trong thành phố. Nhưng chẳng may, chưa đến giờ bom nổ thì quân Pháp đã phát hiện ra mấy quả bom, tháo gở đi và điều quân ra tuần tiểu

ngăn chặn. Không thấy tiếng nổ, nhiều cánh quân rút lui. Quân Pháp gặp một đạo nghĩa quân 600 người mặc đồng phục quần đen áo trắng, tay không đi vào Chợ Lớn, hồ nghi về cách ăn mặc, chúng bắt nhiều người. Nguyễn Hữu Trí chạy thoát, Phan Xích Long bị địch bắt. Cuộc khởi nghĩa không thành.

2. Cuộc khởi nghĩa đêm 11 rạng 12. 12. 1916: Đây là cuộc khởi nghĩa cũng do Nguyễn Hữu Trí lãnh đạo. Vào đêm 11 rạng 12. 12. 1916, lúc 3 giờ khuya, trăng vừa lặn thì 300 dũng sĩ xung kích do chính Nguyễn Hữu Trí cầm đầu, từ hàng chục chiếc thuyền buồm đậu trên sông cầu Ông Lãnh, giở khoang, dẹp lá nghi trang, nhảy lên bờ, áo đen quần trắng, khăn lông trắng quấn cổ, tay cầm đủ thứ binh khí (không có súng). Quân khởi nghĩa chia làm ba đoàn theo ba đường khác nhau nhằm thẳng dinh Thống đốc Nam Kỳ và Khám Lớn Sài Gòn mà tiến. Bọn Pháp không hay biết gì. Gần tới nơi, ba đoàn nhập lại rồi chia ra hai, một đánh vào dinh Thống đốc, một đánh vào Khám Lớn. Khi bắt đầu xung phong thì tiếng hô vang trời: Giết Tây! Giết!

Theo kế hoạch khởi nghĩa thì ta đánh vào dinh Thống đốc là để bắt viên Thống đốc chiếm trụ sở, ta đánh vào Khám Lớn là để giải thoát Phan Xích Long còn bị giam ở đó rồi đưa Phan Xích Long lên làm hoàng đế. Đánh vào Khám Lớn cũng là giải thoát tù chính trị. Tuy nhiên hai mũi tiến công đều không đạt mục đích vì quân địch đã phản kích kịp thời. Quân khởi nghĩa phải lui về mé sông cầu Ông Lãnh, chạy vào xóm Dầu, bị địch truy kích ráo riết. Quân ta ở ngoại ô không thấy lửa cháy, không nghe bom nổ, phải rút lui.

Nhiều chiến sĩ nghĩa quân bị tử trận, trong đó có Nguyễn Hữu Trí, 172 chiến sĩ bị đưa ra tòa án binh. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại

3. Cuộc đón tiếp Bùi Quang Chiêu: Bùi Quang Chiêu, một lãnh tụ của Đảng lập hiến Đông Dương, sang Pháp và trong khi ở Pháp y có mấy bài diễn văn yêu cầu cho Đông Dương có tự do dân chủ cho người bản xứ được tham chính. Những bài diễn văn đó không có gì là cấp tiến lắm, nhưng được một số báo ở Sài Gòn thời phỏng Bùi Quang Chiêu và cổ động nhân dân đi đón hân từ Pháp trở về Sài Gòn vào đầu 1926. Tuy nhiên khi tham gia cuộc đón Bùi Quang Chiêu chỉ có một số ít người vì khâm phục y, còn phần lớn nhân dân tham gia là muốn tỏ ý chí đấu tranh đòi tự do dân chủ. Cuộc biểu tình này có ý nghĩa ủng hộ các yêu sách của Bùi Quang Chiêu về tự do, dân chủ nhưng chẳng có một khẩu hiệu nào đòi tự do, dân chủ nào được viết lên tấm băng hay hô ở khẩu hiệu.

4. Cuộc vận động tổng đình công bệnh vực Nguyễn An Ninh: Tại Sài Gòn - Gia Định và một số tỉnh Nam Bộ trong những năm đầu thế kỷ XX, có sự hoạt động của Thanh niên Cao vọng Đảng của Nguyễn An Ninh. Khi ông Nguyễn An Ninh bị thực dân Pháp bắt giam ở khám lớn Sài Gòn, đã có một phong trào đấu tranh của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và các tỉnh đòi chính quyền thực dân phải thả ông.

5. Gần 100.000 người dân Sài Gòn - Chợ Lớn và các vùng lân cận tham gia đưa tang cụ Phan Châu Trinh: Phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu và phong trào Duy Tân của cụ Phan Châu Trinh từ miền Trung cũng lan tới Sài Gòn. Năm 1926, khi cụ Phan Châu Trinh mất, từ Bắc chí Nam, nhân dân ta tổ chức đám tang rất lớn. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn và các vùng lân cận có gần 100.000 người đã tham gia cuộc tuần hành đưa cụ về nơi an nghỉ. Nhiều nhà máy đóng cửa, học sinh nghỉ học. Đây là cuộc tổng bãi khóa đầu tiên của học sinh thành phố.

Tất cả những phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định trong những năm đầu thế kỷ XX đều bị thất bại vì thiếu đường lối chính trị phù hợp với thời đại. Tuy nhiên, các phong trào này chính là miếng đất tốt để chủ nghĩa Mác - Lênin du nhập vào và bắt rễ ở thành phố.



XIN CHO BIẾT THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM BÁC HỒ RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BÁC TRONG NHỮNG NĂM 1911 ĐẾN 1920.

Bác Hồ thời trẻ còn có tên là Nguyễn Tất Thành. Năm 1911 sau khi thôi dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết) Bác vào Sài Gòn để thực hiện quyết định ra đi tìm con đường giải phóng cho dân tộc.

Ngày 3. 6. 1911, Bác lấy tên là Nguyễn Văn Ba, xin làm phụ bếp ở tàu Đô đốc Latouche Tréville. Ngày 5. 6. 1911, Bác rời Bến Nhà Rồng (Sài Gòn) ra đi tìm đường cứu nước. Nhà Rồng là một ngôi nhà nằm trong khuôn viên Cảng Sài Gòn, có kiến trúc Pháp nhưng mang dáng dấp Á Đông bởi được trang trí hai con rồng trên nóc, được khởi công xây dựng từ ngày 4. 4. 1863 và hoàn thành vào năm 1867. Nhà Rồng là trụ sở của Hãng vận chuyển Hoàng Gia (Messageries Impériale) thời bấy giờ. Sau ngày đất nước thống nhất, Đảng và Nhà nước quyết định lấy Nhà Rồng làm Bảo tàng Hồ Chí Minh, Chi nhánh Hồ Chí Minh. Ngày nay Bảo tàng Hồ Chí Minh, Chi nhánh Hồ Chí Minh tọa lạc tại số 1, đường Nguyễn Tất Thành, quận 4.

Trên con đường bốn ba khắp năm châu bốn biển, lăn lộn trong phong trào hoà bình và phong trào công nhân quốc tế, Nguyễn Tất Thành đã thấy rõ cảnh bất công, tàn

bạo của xã hội tư bản và vô cùng xúc động trước đời sống khổ cực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước, không kể là da trắng, da vàng hay da đen.

Năm 1917, Bác từ Anh trở lại Pháp, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc. Giữa những ngày ác liệt của chiến tranh thế giới thứ nhất, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lao vào cuộc đấu tranh của công nhân Pháp. Người tham gia Đảng Xã hội Pháp và lập ra Hội những người Việt Nam yêu nước để tuyên truyền giác ngộ Việt kiều ở Pháp. Người lợi dụng mọi diễn đàn, từ những cuộc mít tinh đến những buổi thảo luận ở Câu lạc bộ ngoại ô Paris, để hướng sự chú ý của người nghe vào vấn đề Đông Dương.

Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị của các nước thắng trận sau chiến tranh thế giới thứ nhất họp tại Versailles (Pháp) một bản yêu cầu tám điểm, đòi nước Pháp và các cường quốc phải thừa nhận quyền tự do và bình đẳng của dân tộc Việt Nam.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở ra thời kỳ mới trong phong trào cách mạng các nước. Tháng 3. 1919, Quốc tế cộng sản thứ ba ra đời, tuyên bố loại bỏ chủ nghĩa cơ hội của Quốc tế thứ hai và kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc.

Tháng 7. 1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Luận cương của Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định: *Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.* Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác hơn là con đường cách mạng vô sản.

Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức! Đây là chân lý lớn nhất của thời đại mà Nguyễn Ái Quốc đã thấy được qua mười năm tìm tòi nghiên cứu (1911 - 1920), vượt qua bao nhiêu gian khổ, hy sinh, vượt qua bao nhiêu đại dương, khảo sát những kinh nghiệm cách mạng, kể cả những kinh nghiệm mới nhất của châu Âu, châu Mỹ. Từ việc bắt gặp chân lý đó Nguyễn Ái Quốc đã bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, chiếc "cẩm nang" thần kỳ của thời đại, "cẩm nang" cứu nước, cứu dân mà bấy lâu nay dân tộc ta hằng khát khao.

Đây là bước ngoặt lịch sử trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời là bước ngoặt của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam chuyển từ chủ nghĩa yêu nước sang chủ nghĩa cộng sản.

Bước ngoặt đó được đánh dấu tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế cộng sản và Đảng cộng sản Pháp. Đồng chí là một trong những người tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp, cũng là đảng viên Đảng cộng sản đầu tiên của nước ta.



003

TỔ CHỨC CÔNG HỘI ĐẦU TIÊN Ở NƯỚC TA ĐƯỢC THÀNH LẬP Ở ĐÂU, NĂM NÀO? AI LÀ NGƯỜI SÁNG LẬP RA TỔ CHỨC NÀY?

Ở nước ta Công hội đầu tiên được ra đời tại Sài Gòn vào cuối năm 1920.

Người sáng lập ra Công hội bí mật ở Sài Gòn là Tôn Đức Thắng. Ban chấp hành Công hội gồm có:

1. Tôn Đức Thắng, thợ máy hãng Kroff, Hội Trưởng.
2. Nguyễn Văn Cân, thợ nguội hãng Faci, Hội Phó.
3. Mạnh, thợ vẽ Nhà đèn, thư ký.
4. Đặng Văn Sâm, thợ tiện Nhà đèn, thủ quỹ.

Đây không còn là một hội tương tế, ái hữu, vì ngoài mục đích tương trợ, Hội còn có mục đích đấu tranh chống tư bản đế quốc. Hội không có điều lệ viết ra thành văn bản. Hội là một tổ chức bí mật, bất hợp pháp gồm những công nhân tiên tiến của nhiều xí nghiệp trong thành phố. Hội cũng không có trụ sở nhất định, họp luân phiên ở nhà hội viên, lợi dụng các buổi cúng giỗ, tiệc tùng, thường họp ở ngoại ô một tháng một lần. Nơi nào có nhiều hội viên như ở Ba Son, Faci, thì các hội viên họp thành một nhóm, nơi nào có ít hội viên thì gộp hội viên của nhiều sở, hay

hội viên ở gần nhà nhau họp thành từng nhóm. Đến 1925 số hội viên có khoảng 300 người. Dưới tác động của Công hội, tháng 11. 1922, nổ ra cuộc tổng bãi công của 600 thợ nhuộm Chợ Lớn có tính chất toàn ngành. Trong tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp", Nguyễn Ái Quốc coi đây là dấu hiệu cho thấy "Khắp nơi giai cấp thợ thuyền bắt đầu ý thức được sức mạnh và giá trị của mình", rằng "Đây là lần đầu tiên một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa", và coi đây là "Dấu hiệu của thời đại cần ghi nhớ".

Tôn Đức Thắng sinh ngày 20. 8. 1888, trong một gia đình nông dân ở xã Mỹ Hòa Hưng, tổng Định Thành, tỉnh Long Xuyên (nay là xã Mỹ Hòa Hưng, thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang).

Thuở nhỏ học ở quê nhà, năm 1906 lên Sài Gòn học ở Trường Bá Nghệ rồi làm ở Ba Son. Năm 1913, ông bị bắt vào lính thợ và bị đưa sang Pháp làm công nhân ở Toulon. Tại Pháp ông tham gia Công hội Pháp. Ông ủng hộ Cách mạng Nga năm 1917.

Tôn Đức Thắng là người kéo cờ đỏ trên cột cờ của chiến hạm Pháp làm phản chiến chống lại lệnh đi đánh nước Nga. Sau vụ binh biến này bị trục xuất về Sài Gòn tháng 8. 1920.

Về Sài Gòn, ông làm công nhân ở hãng Kroff và Cie. Chịu ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, lại học được một số kinh nghiệm đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp, cuối năm 1920, ông đã vận động thành lập Công hội bí mật tại Sài Gòn.

Từ 1920 - 1925, ông tham gia Công hội bí mật ở xưởng đóng tàu Ba Son. Năm 1927 ông tham gia Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Kỳ bộ Nam Kỳ. Cuối năm 1928, ông bị thực dân Pháp bắt

nhân vụ án ở đường Barbier (nay là đường Lý Trần Quán) Sài Gòn và bị kết án 20 năm tù khổ sai lưu đày ra Côn Đảo. Suốt 15 năm bị giam cầm, đày đoạ nơi địa ngục trần gian, Tôn Đức Thắng vẫn vững tin ở tương lai của cách mạng và giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản.

Cách mạng tháng Tám thành công, ông được Đảng đón về Nam Bộ. Về đất liền ông tiếp tục hoạt động cách mạng. Trong cuộc họp cán bộ Đảng toàn Xứ Nam Bộ ngày 15. 10. 1945, ông được bầu vào Xứ ủy và được cử giữ chức vụ Bí thư Xứ ủy Nam Bộ.

Đầu 1946, ông được Trung ương triệu tập ra miền Bắc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông ra hoạt động ở chiến khu Việt Bắc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hoà bình lập lại, ông cùng Trung ương về Hà Nội.

Tháng 7. 1960, ông được Đảng và Nhà nước cử giữ chức vụ Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và luôn hoạt động bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời (2. 9. 1969), ông thay giữ chức vụ Chủ tịch nước cho đến khi từ trần vào ngày 30. 3. 1980.

Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Tôn Đức Thắng là một tấm gương sáng ngời cho toàn Đảng và toàn dân.



004

XIN CHO BIẾT VỀ DIỄN BIẾN VÀ Ý NGHĨA CUỘC BÃI CÔNG CỦA CÔNG NHÂN BA SON NGÀY 4. 8. 1925.

Trong số các cuộc bãi công của công nhân Sài Gòn từ 1919 đến 1925, sách báo nói nhiều nhất đến cuộc bãi công của công nhân Ba Son, ngày 4. 8. 1925.

Năm 1925, tình hình ở Bắc Phi, Cận Đông và Viễn Đông đều căng thẳng đối với đế quốc Pháp. Pháp đã chiếm được nhiều quyền lợi ở Trung Quốc từ cuối thế kỷ trước, cho nên Pháp gửi thêm sang Trung Quốc một số chiến hạm để bảo vệ những quyền lợi đó, đối đầu với cách mạng Trung Quốc đang sôi nổi.

Tháng 8. 1925, trên sông Sài Gòn, thả neo những chiến hạm Jules Ferry, Le Maine, Jules Michelet. Chiến hạm Michelet cầm đầu cả đoàn tàu chiến này, nó vừa tới Sài Gòn và cần được sửa chữa gấp để dẫn cả bọn sang Trung Quốc.

Công nhân Ba Son và những người đứng đầu Công hội của họ lựa chọn dịp này để mở đầu cuộc đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực của công nhân, cuộc đấu tranh đó, nếu tổ chức ra được và kéo dài với mức nhất định nào, thì sẽ có tác dụng làm chậm trễ việc Pháp gửi chiến hạm sang Trung Quốc.

Ba Son là xưởng thợ xưa nhất và lớn nhất của Sài Gòn, được xây dựng vào năm 1863, có khoảng 1.000 công nhân, phần lớn là thợ lành nghề. Một cuộc bãi công ở đây, nhất là khi chiến hạm Pháp cần sửa chữa gấp để lên đường, chắc chắn sẽ làm cho nước Pháp rung động. Nhưng Ba Son là công xưởng hải quân, được quân đội quản lý rất nghiêm khắc, cho nên không phải dễ tổ chức được những cuộc đấu tranh.

Thời đó, Ba Son là xưởng duy nhất Đông Dương mà công nhân hưởng quy chế ngày làm 8 giờ, lương tháng, lương ngày, thường cao hơn nơi khác, cho nên vận động bãi công ở đây đã nguy hiểm lại rất khó, nhưng ngoài cách bãi công ra thì không còn cách nào giam được tàu chiến Pháp. Như vậy, cuộc đấu tranh này, về cơ bản, là có tính chất chính trị, nhưng khẩu hiệu chính trị không được nêu lên, chỉ thấy nêu những yêu sách kinh tế, làm như vậy mới tập hợp được toàn thể công nhân viên chức. Nguyên là ở Ba Son, nhà chức trách phát lương mỗi tháng hai kỳ, đầu tháng và giữa tháng. Ngày lãnh lương thì, theo quy định xưa nay, thợ được nghỉ việc từ 17 giờ chứ không phải 17 giờ 30 phút như quy định mới. Viên kỹ sư Courtiat ở bên Pháp mới qua đã bắt anh em phải làm tới 17 giờ 30 phút mới được nghỉ để đi lãnh lương. Công nhân phản đối. Ngày 4 tháng 8, ngày trả lương, anh em cứ nghỉ việc từ 17 giờ quy định cũ và biểu tình trong xưởng phản đối quyết định của Courtial.

Courtial cũng vừa ra lệnh giảm một số thợ.

Nay tàu Michelet cập bến để được sửa chữa gấp. Đó là cơ hội thuận tiện để anh em đấu tranh. Toàn thể công nhân họp lại, đề ra yêu sách đòi nhà cầm quyền phải:

- Lấy lại thợ đã bị bớt.

- Tăng lương lên 20%.

- Ngày lĩnh lương phải cho nghỉ trước nửa giờ như thường lệ.

Ngày 4. 8. 1925 toàn thể anh em công nhân Ba Son tuyên bố bắt đầu bãi công, chờ giám đốc trả lời.

Báo *L' Impartial* (Trung Lập), một tờ báo thân Pháp, số ra ngày 6. 8. 1925 viết: "Chúng ta biết rằng chiến hạm Michelet phải sang Trung Quốc, để giúp vào việc củng cố tô giới. Hiện cuộc bãi công ở Ba Son tiếp diễn trong lúc đó chiến hạm của chúng ta cần phải được sửa chữa gấp rút để sang Trung Quốc. Cuộc bãi công xảy ra trong lúc đồng nghiệp ở Pháp *Le Quotidien* (Nhật Báo) báo tin rằng Chủ tịch Quốc tế cộng sản vừa tuyên bố "Hôm nay Trung Quốc nổi dậy, ngày mai tới lượt Đông Dương, Ấn Độ nổi dậy".

Ngày 11. 8. 1925, tức ngày thứ 8 của cuộc bãi công Ba Son, Thống đốc Nam Kỳ triệu tập bốn đại biểu công nhân đến và ra lệnh "Ngày 12, tất cả công nhân đều phải trở lại làm việc, nếu không thì sẽ đuổi hết, cơ sở Ba Son sẽ đóng cửa".

Công nhân Ba Son không nao núng.

Sáng 12. 8, báo chí của thực dân đều đặt câu hỏi "Bọn thợ lấy tiền ở đâu, ai giúp đỡ chúng nó, để chúng nó có thể kéo dài cuộc bãi công 9, 10 ngày này?" Thật ra thực dân thừa biết cả vạn công nhân, viên chức Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã và đang quyên góp cho một ngàn thợ Ba Son đấu tranh nhưng vẫn không làm gì được.

Đe dọa không nổi, phần thì cần sửa chữa chiến hạm sớm, bọn Pháp phải chịu nhượng bộ: thợ được tăng lương 10%.

Cuộc bãi công thắng lợi và cuộc lãn công bắt đầu, kéo dài thời gian sửa chữa. Mãi đến 28. 11 tàu Michelet mới nhổ neo, sau khi "bị giam" 3 tháng rưỡi ở Ba Son.

Cuộc bãi công của công nhân Ba Son tháng 8. 1925 mở đầu cho giai đoạn đấu tranh có tổ chức, giai đoạn phong trào công nhân thành phố đi dần lên trình độ tự giác và là cơ sở tốt để tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.



**TỔ CHỨC HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG
THANH NIÊN ĐƯỢC THÀNH LẬP Ở SÀI GÒN
NĂM NÀO? AI LÀ NGƯỜI THÀNH LẬP
TỔ CHỨC NÀY?**

Cuối năm 1924, được sự giúp đỡ của Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, lúc ấy lấy tên là Lý Thụy đến Quảng Châu (Trung Quốc), nhằm mục đích xúc tiến việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới việc thành lập một đảng cộng sản ở Việt Nam. Một trong những việc chuẩn bị đó là mở lớp đào tạo cán bộ.

Tại Quảng Châu, sau một thời gian chuẩn bị, tháng 6. 1925, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* nhằm tập hợp những người yêu nước Việt Nam, để huấn luyện, giáo dục họ theo xu hướng cộng sản, rồi cử về nước hoạt động, gây dựng cơ sở chuẩn bị tiến tới thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.

Tháng 10. 1926, sau khi học xong, hai hội viên của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi được cử về công tác ở Sài Gòn. Lúc này đội ngũ công nhân thành phố đã có tổ chức công hội bí mật do Tôn Đức Thắng thành lập đang hoạt động.

* Thường gọi là Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Cuối 1926, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ra đời tại Sài Gòn. Sau khi tiếp nhận công hội của Tôn Đức Thắng thì số lượng hội viên của Hội phát triển rất nhanh tại thành phố rồi lan rộng ra toàn Nam Kỳ. Giữa 1927, trong hội viên của Hội ở 11 tỉnh Nam Kỳ có khoảng 100 người Sài Gòn, lúc này Kỳ bộ lâm thời của Hội được thành lập gồm có Phan Trọng Bình, Nguyễn Văn Lợi và Ngô Thiêm, do Phan Trọng Bình làm Bí thư.

Năm 1927, ngoài báo *Thanh niên* và các tài liệu cộng sản từ Trung Quốc gửi về, Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Nam Kỳ còn tiếp nhận các báo *L'Humanité* (Nhân Đạo), *La vie ouvrière* (Đời sống công nhân) và các tài liệu về chủ nghĩa Mác - Lênin như: ABC du Communisme của Boukharine (lúc đó dịch là Cộng sản chủ nghĩa sơ học), La doctrine soviétique du international (Lý thuyết Xô viết về luật quốc tế), *Le monde soviétique* (Thế giới cộng sản), *Cahiers des droits de l' homme* (Sách về nhân quyền) từ Pháp gửi sang.

Năm 1928, số hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Nam Kỳ có khoảng 500 người, Hội đã tổ chức đại hội để bầu ra Kỳ bộ chính thức gồm Phan Trọng Bình, Nguyễn Văn Lợi, Ngô Thiêm và Lê Văn Phát, do Phan Trọng Bình làm Bí thư. Sau khi Tổng bộ điều Phan Trọng Bình ra miền Trung thì Ngô Thiêm thay làm Bí thư. Sau vụ Barbier, thực dân Pháp khủng bố rất mạnh, cơ sở của Hội ở thành phố bị vỡ và nhiều hội viên bị bắt.

Tháng 3. 1929, Hội tiến hành Đại hội bầu ra Kỳ bộ mới gồm Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Văn Côn, Trần Ngọc Quế, Trần Ngọc Giải (sau bổ sung thêm Châu Văn Liêm), do Phạm Văn Đồng làm Bí thư. Đại hội cũng bầu đoàn đại biểu gồm ba người đi dự Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Trụ sở của Kỳ bộ đặt tại nhà số 4 hẻm Lacaze (nay là đường Nguyễn Tri Phương). Kỳ bộ đã phát hành được một số Tạp chí Bôn-sê-vích và báo Công - Nông - Binh, do Phạm Văn Đồng và Nguyễn Kim Cương chịu trách nhiệm.

Trong những năm 1928 - 1929, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên chủ trương cho hội viên đi "vô sản hoá" ở nhà máy, bến cảng, kéo xe... để tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho công nhân lao động, đồng thời tự rèn luyện cho mình trong thực tế lao động.

Với sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở thành phố và Nam Kỳ, chủ nghĩa Mác - Lênin đã được tuyên truyền vào giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân thành phố.



**XIN CHO BIẾT SỰ RA ĐỜI CỦA BA TỔ CHỨC
CỘNG SẢN LÀ AN NAM CỘNG SẢN ĐẢNG,
ĐÔNG DƯƠNG CỘNG SẢN ĐẢNG VÀ
ĐÔNG DƯƠNG CỘNG SẢN LIÊN ĐOÀN
Ở SÀI GÒN VÀ NAM KỲ.**

1. Sự ra đời của An Nam cộng sản đảng: Sau Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, đoàn đại biểu thanh niên Nam Kỳ về Sài Gòn, hầu hết đều ở trong Tổng bộ mới như Phạm Văn Đồng, Châu Văn Liêm, đồng thời cũng ở trong Hội nghị trù bị thành lập Đảng, bắt tay ngay vào việc phổ biến Nghị quyết đại hội, tiến hành cải tổ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Tháng 7. 1929, xu hướng chung của hội viên Thanh niên kể cả Tân Việt rất mong muốn được chuyển thành đảng viên cộng sản. Tiếp đến lại nhận được thư của Tổng bộ từ Hương Cảng gửi về đồng ý việc thành lập Đảng cộng sản. Châu Văn Liêm đã tổ chức một cuộc họp ở nhà mình tại đường Hamelin (nay là đường Lê Thị Hồng Gấm) với một số hội viên quyết định lựa chọn những người ưu tú trong hội viên Thanh niên để chuyển thành đảng viên cộng sản.

Lúc này thực dân tăng cường truy lùng, bắt bớ những người cách mạng. Hầu hết những thành viên trong Kỳ bộ mới của Nam Kỳ đều bị bắt trong đó có Phạm Văn Đồng.

Cuối tháng 9 đầu tháng 10. 1929, Hồ Tùng Mậu*, Lê Hồng Sơn, Lê Duy Điểm, Châu Văn Liêm và một số hội viên đang ở Trung Quốc và trong nước sang, khoảng 20 người, cùng nhau họp bàn thành lập chi bộ đầu tiên của An Nam cộng sản đảng, ra Thông cáo giải thích rằng hội trừ bị không còn mấy người, nên nghị quyết thủ tiêu hội trừ bị và tổ chức ra một chi bộ ở Trung Quốc, lấy tên là Chi bộ Đảng cộng sản An Nam.

Sau đó tại Sài Gòn, Châu Văn Liêm đã triệu tập hội nghị gồm các đại biểu được chọn ở các tỉnh của Nam Kỳ để tổ chức An Nam cộng sản đảng. Hội nghị được tổ chức tại Phong cảnh Khách lâu ở góc đường Bonard - Filippini (nay là góc đường Lê Lợi - Nguyễn Trung Trực) tại phòng 1 lầu 1. Các đại biểu dự hội nghị đều trở thành đảng viên và được giao nhiệm vụ chọn người phát triển Đảng và thành lập các chi bộ theo hệ thống An Nam cộng sản đảng.

Tháng 11. 1929, Lâm thời Chấp ủy (tức Ban Chấp hành Trung ương lâm thời) của An Nam cộng sản đảng được thành lập tại Sài Gòn do đồng chí Châu Văn Liêm làm Bí thư.

Ở Sài Gòn, An Nam cộng sản đảng đã xây dựng được chi bộ hoặc đảng viên ở xưởng Ba Son, hãng Faci, đê ô xe lửa Dĩ An, hãng dầu Nhà Bè, hãng rượu Bình Tây, cửa hàng Charner, nhà đèn Chợ Rẫy, hãng xây cất Brossard - Mopin, thợ thủ công, cắt tóc, xe kéo... Đặc biệt, tại Sài Gòn, An Nam cộng sản đảng đã lập được Tổng Công hội Nam Kỳ bao gồm nhiều công hội xí nghiệp, công hội thợ thủ công...

* Hồ Tùng Mậu được tha tháng 8. 1928.

2. Sự ra đời của Đông Dương cộng sản đảng: Ngay sau khi thành lập (tháng 6. 1929) ở Hà Nội, Đông Dương cộng sản đảng đã cử ngay người vào Trung Kỳ và Nam Kỳ để tuyên truyền, phát triển Đảng.

Tháng 7. 1929, Trần Tử Chánh (tức Bàng Thống) vốn là hội viên Thanh niên Nam Kỳ, tránh địch khủng bố sau vụ Barbier, ra Hà Nội gặp được Đông Dương cộng sản đảng, được Đảng thu nhận và cử vào Sài Gòn công tác. Tuy nhiên, do Bàng Thống chỉ liên hệ được với số hội viên Thanh niên như Đỗ Đình Thọ (Thọ Què), Hoàng Đôn Văn... là những người không được nhiều hội viên Thanh niên tốt ở Nam Kỳ tín nhiệm, do đó Đông Dương cộng sản đảng không phát triển.

Được tin này, cuối tháng 7. 1929, Đông Dương cộng sản đảng liền cho rút ngay Bàng Thống và cử Ngô Gia Tự cùng một số đồng chí khác như Hà Bá Cang (Hoàng Quốc Việt), Lê Văn Lương, Nguyễn Trọng Nhã, Võ Phong... vào tiếp.

Đông Dương cộng sản đảng đi ngay vào những nơi có công nhân như bến cảng, hãng dầu Nhà Bè, Faci, Nhà đèn Chợ Quán, đê phố xe lửa Sài Gòn, xe điện, giới bồi bếp, thợ may...

Đồng chí Ngô Gia Tự cũng quan tâm đến công nhân đồn điền cao su và các tỉnh miền Đông, bước đầu xây dựng ngay được một chi bộ Đông Dương cộng sản đảng ở đồn điền Phú Riềng do Trần Tử Bình làm Bí thư, đồng thời theo đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho xuống phát triển cơ sở Đảng ở một số nơi thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Có những cơ sở có cả An Nam cộng sản đảng cả Đông Dương cộng sản đảng cùng tuyên truyền ảnh hưởng và phát triển tổ chức.

Vào đêm 24 rạng sáng ngày 25. 10. 1929 và các đêm tiếp theo, rất nhiều truyền đơn, áp phích, cờ đuôi nheo, băng vẽ búa liềm ký tên Đảng cộng sản Đông Dương xuất hiện ở nhiều nơi trong Sài Gòn, vùng Thủ Đức, Tân Hiệp vào dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, cổ vũ các giới lao động, binh lính Đông Dương cùng nhau đoàn kết để lật đổ đế quốc, noi gương anh em vô sản Nga, ngày 25. 10. 1917 đã lật đổ Nga hoàng và lập nên Liên bang Xô Viết.

Mặc dù cảnh sát đã được báo trước, nhưng vẫn không biết được nơi xuất xứ và không bắt được người thực hiện.

Có thể nói đây là lần đầu tiên biểu tượng búa liềm, truyền đơn kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga do Đảng cộng sản tung ra công khai rộng rãi tại thành phố Sài Gòn.

3. Sự ra đời của Đông Dương cộng sản liên đoàn: Tổ chức Tân Việt cách mạng đảng được thành lập ở miền Bắc, có trụ sở cơ quan lãnh đạo ở miền Trung và mở rộng phạm vi hoạt động vào Sài Gòn và ở một số tỉnh ở Nam Kỳ. Năm 1928, Kỳ bộ Tân Việt đóng tại Sài Gòn gồm Nguyễn Đình Kiên, Đào Xuân Mai, Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Trần Phạm Hồ do Nguyễn Đình Kiên làm Bí thư.

Trọng tâm công tác của Tân Việt năm 1927 - 1928 là phát triển Đảng và huấn luyện đảng viên mới. Trong năm 1928, Tân Việt đã mở được hai lớp huấn luyện cho đảng viên theo nội dung chương trình huấn luyện chính trị của Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu.

Năm 1929, xu hướng cộng sản dấy lên khắp ba kỳ tác động mạnh đến một số cán bộ cốt cán của Tân Việt ở Nam Kỳ. Nhưng nội bộ Trung ương của Tân Việt lại không thống nhất. Những người lãnh đạo chủ chốt của Tân Việt phản đối việc thành lập Đảng cộng sản.

Số cốt cán của Tân Việt ở Nam Kỳ đã họp bàn bầu ra một Ban Chấp ủy mới gồm Trần Hữu Chương, Lê Trọng Mân, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Khoa Văn, Trần Hữu Duyệt... và đòi thành lập Đảng cộng sản, nếu không được sẽ ly khai Tổng bộ.

Lúc bấy giờ Đông Dương cộng sản đảng đã phát triển ở ba kỳ, số tích cực trong Tân Việt muốn được gia nhập, nhưng trở ngại là Đông Dương cộng sản đảng chủ trương chỉ kết nạp từng cá nhân chứ không tiếp nhận cả tổ chức.

Tháng 9. 1929, một số người trong Tân Việt bàn nhau phát đi một Tuyên đạt kêu gọi các đảng viên giác ngộ cộng sản trong Đảng Tân Việt lập ra Đông Dương cộng sản Liên đoàn, nhưng thật ra vẫn chưa có tổ chức, cương lĩnh cũng như Ban lãnh đạo.

Cuối tháng 12. 1929, đại biểu của Đảng bộ ba kỳ cùng họp bàn lấy ngày 1. 1. 1930 là ngày chính thức thành lập Đông Dương cộng sản Liên đoàn. Nhưng đúng hôm ấy, tất cả 8 người đều bị mật thám Pháp bắt ở bến đò Trai (Hà Tĩnh).



007

HỘI NGHỊ HỢP NHẤT CÁC TỔ CHỨC CỘNG SẢN THÀNH ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM DIỄN RA Ở ĐÂU VÀO THỜI GIAN NÀO, DO AI CHỦ TRÌ VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA HỘI NGHỊ?

Cuối thu năm 1929, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm (Thái Lan). Được nghe báo cáo về tình hình không thống nhất giữa các tổ chức cộng sản ở trong nước, Người đã kịp thời từ Xiêm trở lại Hương Cảng, triệu tập ngay hội nghị các tổ chức cộng sản để thống nhất các tổ chức ấy lại thành lập Đảng ta.

Dưới sự chủ tọa của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, thay mặt Quốc tế cộng sản, Hội nghị đã họp từ ngày 3 đến ngày 7. 2. 1930, tại một gian nhà nhỏ của một công nhân ở Cửu Long, gần Hương Cảng (Trung Quốc). Dự hội nghị có hai đại biểu của Đông Dương cộng sản đảng là Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh, hai đại biểu của An Nam cộng sản đảng là Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu. Còn đại biểu của Đông Dương cộng sản liên đoàn bị địch bắt trên đường đi dự hội nghị nên vắng mặt.

Chương trình nghị sự của hội nghị gồm có:

1. Đại biểu của Quốc tế cộng sản nói lý do cuộc hội nghị.
2. Thảo luận ý kiến của Quốc tế cộng sản về:

a) Việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành tổ chức chung, tổ chức này là một đảng cộng sản chân chính.

b) Kế hoạch thành lập tổ chức đó.

Sau 5 ngày làm việc khẩn trương và trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Hội nghị đã ra nghị quyết về những vấn đề sau đây:

1. Thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập một đảng cộng sản chân chính.

2. Đặt tên Đảng là Đảng cộng sản Việt Nam.

3. Thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt, Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng*, do đại biểu của Quốc tế cộng sản dự thảo, đồng thời cũng thông qua *Điều lệ tóm tắt* của Công hội, Nông hội, Hội thanh niên, Hội phụ nữ, Hội phản đế đồng minh (tức Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc) và Hội cứu tế.

Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt của Đảng và *Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng* nêu rõ đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn của Đảng, chỉ rõ tính chất Đảng và quyền lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới.

4. Kế hoạch thống nhất các tổ chức cộng sản và cử ra Ban chấp hành Trung ương lâm thời.

5. Về báo chí của Đảng, Hội nghị thành lập Đảng đã quyết định bỏ những tờ báo do Đông Dương cộng sản đảng và An Nam cộng sản đảng xuất bản trước đây. Ban chấp hành Trung ương có thể xuất bản một tạp chí lý luận và 3 tờ báo tuyên truyền của ba xứ.

Ngày 24. 2. 1930, tại Nam Kỳ, theo yêu cầu của Đông Dương cộng sản Liên đoàn, hai đồng chí Châu Văn Liêm,

Nguyễn Thiệu, đại biểu của đại biểu Quốc tế cộng sản (Nguyễn Ái Quốc), hai đồng chí Lâm thời Trung ương (Hà Bá Cang, Phạm Hữu Lầu) cùng đồng chí Ngô Gia Tự, Bí thư Lâm thời chấp ủy Nam Kỳ mở hội nghị và nghị quyết rằng: Đông Dương cộng sản Liên đoàn được gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam. Đông Dương cộng sản Liên đoàn cử một người dự vào Lâm thời chấp ủy của Đảng cộng sản Việt Nam ở Nam Kỳ.

Hội nghị thành lập Đảng có ý nghĩa như Đại hội của Đảng. Đảng ra đời đáp ứng kịp thời đòi hỏi của phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân ta. Về sau, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết "Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng".



008

**VIỆC HỢP NHẤT CÁC TỔ CHỨC CỘNG SẢN
THÀNH ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở NAM KỲ,
SÀI GÒN - CHỢ LỚN VÀ TỈNH GIA ĐỊNH ĐIỂN RA
NHƯ THẾ NÀO? SAU KHI HỢP NHẤT, ĐẢNG BỘ
SÀI GÒN - CHỢ LỚN VÀ ĐẢNG BỘ TỈNH GIA ĐỊNH
CÓ BAO NHIÊU CHI BỘ VÀ ĐẢNG VIÊN?**

Sau khi dự Hội nghị thành lập Đảng ở Hương Cảng trở về tới Sài Gòn vào cuối trung tuần tháng 2. 1930, đồng chí Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu đã bắt liên lạc ngay với các đồng chí trong Ban lâm thời chỉ đạo của An Nam cộng sản đảng và đồng chí Ngô Gia Tự (tức Bách) đại diện của Đông Dương cộng sản đảng ở Nam Kỳ để bàn việc hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Nam Kỳ. Cuộc họp hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Nam Kỳ được tổ chức tại một căn nhà ở xóm lao động ở Khánh Hội. Hội nghị đã thống nhất thành lập "Ban Lâm thời Chấp ủy" của Đảng cộng sản Việt Nam tại Nam Kỳ do đồng chí Ngô Gia Tự (tức Bách) làm Bí thư. Trụ sở đặt tại một ngôi nhà nằm trên đường Kitchener (góc đường Kitchener và Grimaud nay là đường Nguyễn Thái Học và Phạm Ngũ Lão).

Tiếp đó Ban Lâm thời Chấp ủy tiến hành việc hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Sài Gòn và các tỉnh cho đến tận các chi bộ cơ sở và các hội quần chúng theo cách các nhóm

cộng sản đều giới thiệu đảng viên và tổ chức của mình cho Ban Lâm thời chấp ủy, nếu cơ sở nào có nhiều chi bộ hoặc nhóm cộng sản thì thống nhất thành một chi bộ.

Việc hợp nhất các tổ chức cộng sản và thành lập các chi bộ mới tại Sài Gòn, Gia Định và Chợ Lớn cũng được thực hiện trong tháng 3. 1930. Một Ban Lâm thời Chấp ủy của Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn được chỉ định gồm 5 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Lợi (tức Hữu Dũng) làm Bí thư, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Gia Định cũng được chỉ định do đồng chí Lê Trọng Mân (tức Khôi) làm Bí thư, Tỉnh ủy Chợ Lớn do đồng chí Lê Quang Sung (tức Lê Hoàn) làm Bí thư.

Xong nhiệm vụ hợp nhất các tổ chức cộng sản, đồng chí Châu Văn Liêm được cử về phụ trách Liên tỉnh ủy Gia Định - Chợ Lớn, Nguyễn Thiệu về làm Bí thư Mỹ Tho.

Sau khi thống nhất, Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn có các chi bộ ở xưởng Ba Son, hãng Faci, đêpô xe lửa Dĩ An, đêpô xe lửa Sài Gòn, Nhà đèn Chợ Quán, nhà đèn Chợ Rẫy, hãng rượu Bình Tây, hãng dầu Nhà Bè, hãng xây cất Brossard Mopin, hãng buôn Charner, hãng xe điện và ô tô buýt, bến cảng, trong giới thủy thủ, thợ may, bồi bếp, xe kéo, thợ cắt tóc, học sinh, dân phố... Tổng cộng khoảng 20 chi bộ với tổng số đảng viên khoảng 130 người.

Về hệ thống tổ chức, các chi bộ chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Thành ủy, chưa có sự phân chia ra các khu. Cuối 1930, mới có sự phân chia thành ba khu là: Khu Sài Gòn, Khu Tân Định - Đa káo, Khu Chợ Lớn. Nhưng sự phân chia đó chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn về sau còn chia nhỏ nữa. Đến tháng 2. 1931 chỉ giữ lại hai khu: Khu Sài Gòn và Khu Chợ Lớn trực thuộc Xứ ủy do đồng chí Hà Huy Giáp phụ trách vì lúc này Thành ủy Sài Gòn -

Chợ Lớn đã giải tán và Xứ ủy đóng ở Sài Gòn kiêm luôn Thành ủy.

Tại tỉnh Gia Định, đã có chi bộ hoặc nhóm đảng viên (1, 2 người) ở các xã: Bình Lý, Tân Mỹ, Thới Thạnh, Tân Thạnh Đông, Bến Cỏ (An Nhơn Tây), An Phú xã, Tân Thông, Tân Phú Trung, Tân Thới Tứ, Tân Thới Tam, Tân Thới Nhì, Tân Thới Nhứt, Tân Thới Tây, Tân Thới Trung, Xuân Thới Sơn, Xuân Thới Thượng, Thuận Kiều, Vĩnh Lộc, Xuân Hòa, Trung Chánh, Chợ Cầu, Tân Đông Thượng (Đông Hưng Thuận), Tân Sơn Nhì, Tân Sơn Nhất... Cuối 1930, Đảng bộ tỉnh Gia Định có khoảng 24 đến 26 chi bộ, trong đó Hóc Môn có 13 chi bộ, Gò Vấp có 7 chi bộ. Tổng số đảng viên của Đảng bộ Gia Định có khoảng gần 100 người.

Về tổ chức, Đảng bộ Gia Định đã thành lập được hai Huyện ủy là Huyện ủy Hóc Môn và Huyện ủy Gò Vấp, Thủ Đức và Nhà Bè chỉ có chi bộ cơ sở.

Tại Trung Huyện, tỉnh Chợ Lớn (nay là huyện Bình Chánh) đầu 1930 đã có chi bộ đảng có chi bộ ở các tổng Long Hưng Thuận, Long Hưng Hạ và các xã Tân Nhật, Tân Kiên, An Lạc, Bình Trị Đông...

Như vậy kể từ tháng 3. 1930, thành phố Sài Gòn, tỉnh Gia Định, tỉnh Chợ Lớn đã có Đảng bộ cộng sản thống nhất lãnh đạo.



**XIN CHO BIẾT CÁC CUỘC ĐẤU TRANH CỦA
CÔNG NHÂN SÀI GÒN - CHỢ LỚN VÀ GIA ĐỊNH
TRONG CAO TRÀO 1930 - 1931.**

Ngay sau khi thành lập, Xứ ủy và Thành ủy đã phát động một phong trào đấu tranh chống áp bức bóc lột của giai cấp công nhân thành phố.

Ngày 1. 5. 1930, ở thành phố đã có ba cuộc đấu tranh của công nhân đập xe lửa Dĩ An, Nhà đèn Chợ Quán và công nhân làm đường Catinat (đường Đồng Khởi ngày nay). Hầu hết các cuộc đấu tranh này đều có vai trò lãnh đạo của chi bộ Đảng, đảng viên cộng sản hoặc công hội.

Ngày 1. 6. 1930, đúng vào ngày thực dân Pháp bắt được đồng chí Ngô Gia Tự, cuộc bãi công của công nhân hãng rượu Fontaine Bình Tây - Chợ Lớn nổ ra đòi tăng lương.

Ngày 1. 8. 1930, kỷ niệm ngày chống chiến tranh đế quốc, tại Sài Gòn nổ ra hai cuộc bãi công ở hãng rượu Fontaine (Bình Tây) và công ty dầu lửa Pháp - Á (Nhà Bè). Cùng ngày, hàng ngàn công nhân đồn điền Phú Riềng và Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một) cũng bãi công. Tất cả các cuộc bãi công này đều có khẩu hiệu kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động và đòi những quyền lợi cụ thể.

Hầu hết các cuộc đấu tranh này đều có vai trò lãnh đạo của chi bộ, đảng viên cộng sản hoặc của Công hội.

Tháng 10. 1930, có ba cuộc bãi công: của công nhân Nhà đèn Chợ Quán (12. 10), của 118 công nhân xưởng cưa Gia Ty Est Asiatique (Đông Á - Vĩnh Hội ngày 13. 10) và của 180 công nhân hãng Đông Á (Khánh Hội ngày 20. 10).

Về số lượng các cuộc biểu tình thị uy, theo thống kê bước đầu cho thấy: tháng 9. 1930 có 24 cuộc, tháng 10. 1930 có 11 cuộc, tháng 11. 1930 có 13 cuộc.

Năm 1931, ngay tháng đầu năm, bốn cuộc bãi công lớn và một cuộc biểu tình của công nhân lại liên tiếp bùng nổ lên rất mạnh, hầu hết là ở địa bàn các hãng dầu Nhà Bè. Đây là đợt đấu tranh của công nhân có sự lãnh đạo phối hợp và tổ chức chặt chẽ hơn, tiếng vang mạnh hơn.

Nhân xảy ra vụ công nhân bị chủ đánh và đuổi một cách vô lý, ngày 9. 1. 1931, toàn thể công nhân hãng Standard oil (Nhà Bè) bãi công đòi: tăng lương thêm 1 cắc/ngày, giảm giờ làm việc xuống 8 giờ/ngày, làm 6 giờ/ngày cho trẻ em dưới 16 tuổi, chống đánh đập thợ và nhận lại thợ bị đuổi, kèm theo hai yêu cầu nữa mang tính chính trị: thợ được tự do hội họp, tự do biểu tình, bãi công.

Để gây thanh thế và hỗ trợ cho cuộc bãi công này, công nhân hãng dầu Socony của Mỹ và hãng dầu của Anh cũng đình công.

Lần này cuộc đấu tranh của công nhân ở Standard oil có một bước tiến nữa là đã thành lập một đội tự vệ để bảo vệ anh chị em. Ngày 14. 1. 1931, cuộc bãi công kết thúc sau khi chủ phải chấp nhận một số yêu sách của công nhân.

Nhưng đúng vào hôm đó, 400 trên 500 công nhân hãng dầu Pháp - Á bãi công với những khẩu hiệu: Cấm đánh đập công nhân, tăng lương thêm 1 cắc/ngày, ngày làm việc 8 tiếng, ngày chủ nhật và ngày lễ đi làm tăng gấp đôi tiền công, ngày lễ, chủ nhật nghỉ vẫn được ăn lương, phải trả

lượng những ngày công nhân bãi công. Cảnh binh và lính gác vác súng đến đe dọa, liền bị công nhân ào lên bao vây tước súng.

Cùng thời điểm ấy, diễn ra một cuộc mít tinh ngay trước cửa hàng dầu Pháp - Á do Tổng Công hội Nam Kỳ tổ chức, có hàng ngàn công nhân, nông dân và lao động chung quanh kéo đến dự nghe diễn thuyết, làm tăng thêm uy thế của cuộc bãi công.

Ngày 18. 1. 1931, vào dịp kỷ niệm 3L, lại có hai cuộc biểu tình nữa ở trước hàng dầu Phú Mỹ và Faci.

Tháng 3. 1931, nổ ra ba cuộc bãi công nữa ở Công ty dầu Pháp - Á (10. 3), của thợ đốt than Nhà Bè (16. 3) và của công nhân hãng Socony (23. 3).

Đúng dịp tiến hành kỷ niệm ngày Phụ nữ Quốc tế 8. 3, một chị công nhân có thai bị nhân viên hãng Socony đánh trọng thương. Thế là cuộc bãi công do chi bộ gồm các đồng chí đảng viên nữ phát động có sự lãnh đạo trực tiếp của Lê Văn Lương bùng nổ, 400 công nhân làm mít tinh ngay trước cửa hàng trước giờ làm việc. Nữ công nhân Trần Thị Ngọc Hân đứng lên bục diễn thuyết vạch tội ác của chủ hãng, vạch những nỗi khổ của công nhân nói chung và đặc biệt của chị em nói riêng, đòi chủ không được đánh đập công nhân, phải bồi thường cho công nhân bị đánh.

Điểm đặc biệt trong phong trào công nhân thành phố thời gian này là dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy và Thành ủy, giai cấp công nhân thành phố đã 3 lần tổ chức Đại hội Công hội vào cuối tháng 6 đầu tháng 7. 1930 và 1. 1. 1931.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hòa cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân thành phố như học sinh - sinh viên, tiểu thương... cũng liên tục nổ ra trong những năm 1930 - 1931.



**XIN CHO BIẾT DIỄN BIẾN CUỘC ĐẤU TRANH CỦA
NÔNG DÂN HỌC MÔN (GIA ĐỊNH) VÀ ĐỨC HÒA,
BÀ HOM, BẾN LÚC (CHỢ LỚN)
VÀO NGÀY 4. 6. 1930.**

Từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, song song với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân thành phố, phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân ngoại thành cũng liên tục nổ ra. Một trong những cuộc đấu tranh có tiếng vang lớn trong thời kỳ này là cuộc đấu tranh của nông dân Học Môn - Gia Định và nông dân Đức Hòa, Bà Hom, Bến Lức (Chợ Lớn) vào ngày 4. 6. 1930.

Ngày 4. 6. 1930, hàng loạt cuộc biểu tình của nông dân diễn ra ở Đức Hòa, Bà Hom, Bến Lức (Chợ Lớn) và Học Môn (Gia Định), theo một kế hoạch thống nhất do đồng chí Châu Văn Liêm chỉ đạo.

Tại Học Môn, lúc 6 giờ sáng đã có hơn 100 người mang theo cờ búa liềm, băng khẩu hiệu tập trung trước quận lỵ Học Môn. Khoảng một giờ sau, một đoàn biểu tình lớn hàng ngàn người từ Quán Tre, Trung Chánh rầm rập từ nhiều phía tiến qua Bà Điểm, Bình Lý, Tân Mỹ, Tân Thạnh Đông, Tân Phú Trung, phụ nữ đi trước, tự vệ hai bên, kéo vào quận lỵ dưới sự chỉ huy của các đồng chí Lê Trọng Mân (tức Khôi) Bí thư Tỉnh ủy Gia Định, Bùi Văn Châu

(tức giáo Châu) và mấy anh em khác như Đậu, Thăng, Cơ. Cờ búa liềm được trưng lên với các băng ghi khẩu hiệu "Công nông binh đoàn kết lại!", "Đánh đổ đế quốc, địa chủ và quan làng!"

Chủ quận trong tay có 5 lính khố xanh, 4 lính làng trang bị đầy đủ súng ống định chặn đoàn biểu tình lại. Nhưng cùng lúc ấy xuất hiện một đoàn thứ ba gần 500 người từ Bến Xuân gần Lái Thiêu (Thủ Dầu Một) kéo xuống, nhập chung thành cuộc biểu tình lớn trước quận.

Chủ quận vội lùi về trước hè quận, có lính đạn lên nòng, bảo vệ chung quanh. Đại biểu của đoàn biểu tình đến đưa cho chủ quận yêu sách hoãn thuế 3 tháng, vì năm rồi mất mùa. Chủ quận chấp nhận mồm để cho qua và yêu cầu bà con quay về làng. Nhưng đại biểu của quần chúng biểu tình không chịu, bắt chủ quận phải ký tên chấp nhận vào yêu sách. Đoàn biểu tình hô to khẩu hiệu đòi hoãn thuế và tiếp tục bao vây quận làm áp lực cho yêu sách của đoàn đại biểu.

Quần chúng biểu tình quá đông đã ulla vào cả vườn hoa, sát gần thêm quận. Chủ quận vội lẩn vào bên trong, đóng cửa lại và leo lên lầu. Ngay từ khi thấy có nhiều dân kéo đến, chủ quận đã cấp báo cho chủ tỉnh và Thống đốc Nam Kỳ. Thống đốc Nam Kỳ hạ lệnh cho chủ tỉnh Thủ Dầu Một điều một đơn vị lính khố xanh, chủ tỉnh Gia Định và Sài Gòn điều mỗi nơi một trung đội. Hai toán sau do đích thân chủ tỉnh Gia Định, một đại úy và một thiếu úy chỉ huy. Tất cả được trang bị đầy đủ có cả súng máy, đi bằng ô tô kéo tới Hóc Môn. Lính nhảy ra khỏi xe là được lệnh xả súng bắn luôn vào những người biểu tình, làm chết 2, bị thương 7. Chúng còn bắt 40 người nữa.

Tại Đức Hòa, sáng 4. 6, dân các làng Hữu Thạnh, Mỹ Hạnh, Đức Hòa và các vùng xung quanh đã tập hợp thành hàng ngũ tiến về phía quận lỵ. Cuộc biểu tình này do đích thân đồng chí Châu Văn Liêm chỉ huy. Từ bốn ngã đường, đoàn biểu tình trên 1.500 người mang theo biểu ngữ, cờ, đi đầu là chị em phụ nữ, đảng viên và cảm tình với Đảng, tự vệ hai bên, kéo đến quận lỵ. Lúc đó đã gần chiều, chủ quận có 20 lính khố xanh, lượng sức không đàn áp nổi, cho nên chưa dám dùng súng để giải tán.

Mấy đại biểu lên gặp chủ quận, đưa yêu sách yêu cầu hoãn thuế. Chủ quận lần lượt hứa hẹn và nói muốn gì thì bà con hãy cứ về làng đi. Cuộc trao đổi kéo dài khoảng 8 giờ tối. Quần chúng chung quanh hò reo làm áp lực. Đồng chí Châu Văn Liêm đã nhập vào số người đại biểu gặp chủ quận. Vào lúc đó, Thống đốc đã lệnh cho Renault, chủ tỉnh Chợ Lớn, cùng với chánh mật thám Nadaud và trưởng lý Tòa án Sài Gòn mang lính, mật thám, cảnh sát tới Đức Hòa. Vừa tới nơi, liền xả súng ngay vào đoàn đại biểu và quần chúng biểu tình làm 2 người chết (trong đó có đồng chí Châu Văn Liêm), 6 người bị thương và bắt đi mấy chục người.

Tại Bà Hom (Chợ Lớn): Lúc 3 giờ sáng ngày 4. 6, nhân dân tổng Bà Hom đã cùng nhau tập hợp kéo đi yêu cầu "nhà nước" cho hoãn thuế. Đoàn biểu tình mang theo cờ đỏ, băng khẩu hiệu, đánh trống, phụ nữ dẫn đầu đi về phía trung tâm Bà Hom.

Tên chánh tổng vội lẩn đi mật báo cho viên mật thám Campana và viên thanh tra Alexandre. Chúng tức tốc mang theo 7 lính khố xanh và theo luôn viên chánh tổng về Bà Hom. Khoảng 4 giờ sáng, trời còn chạng vạng, chúng gặp đoàn biểu tình. Ngay lập tức tên Campana và tên Alexandre hạ lệnh cho lính bắn thẳng vào đoàn biểu tình làm chết 1

và bị thương 5 người. Chúng còn bắt khoảng 20 người nữa đem về giam ở nhà việc Bà Hom.

Nhưng khoảng một giờ sau, một đoàn biểu tình hàng ngàn người từ Phú Lâm đổ vào Bà Hom. Thấy chỉ có mấy tên lính và lại nghe nói chúng đã bắn chết 1 người, bắt của ta một số người đang giam trong nhà Việc, thế là đoàn biểu tình ào ào xô tới. Bọn lính vội rút chạy về phía Phú Lâm. Những người bị bắt đang bị giam trong nhà Việc được giải thoát.

Được tin, phó chủ tỉnh Chợ Lớn cùng một viên đại úy Sở Cảnh mang lính khố xanh, cảnh sát vào làng lùng sục bắt khoảng 30 người.

Tại Bến Lức: Ngày 4. 6, khoảng 10 giờ tối, Chủ tỉnh Tân An nhận được tin có hơn 1.500 người biểu tình đòi hoãn thuế ở Bến Lức. Y cấp tốc báo cáo cho Thống đốc Nam Kỳ lúc đó đang ở Đức Hòa, Thống đốc Nam kỳ điều ngay chủ tỉnh Chợ Lớn Renault và viên đại úy Sở Cảnh có sẵn 2 trung đội lính vừa đàn áp cuộc biểu tình ở Đức Hòa, kéo về Bến Lức, chủ tỉnh Tân An cũng điều thêm lính tới. Nhưng cuộc biểu tình đã giải tán.

Các cuộc biểu tình của nông dân Hóc Môn (Gia Định), Đức Hòa, Bà Hom, Bến Lức ngày 4. 6. 1930 được tổ chức theo sự chỉ đạo của Liên tỉnh ủy Gia Định - Chợ Lớn.



011

XIN CHO BIẾT VỀ CUỘC DIỄN THUYẾT NGÀY 8. 2. 1931 TẠI SÀI GÒN VÀ NGƯỜI CỘNG SẢN TRẺ TUỔI LÝ TỰ TRỌNG.

Thực hiện nhiệm vụ do Xứ ủy giao, Tổng Công hội đã tổ chức một cuộc mít tinh kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Yên Bái vào chiều ngày 8. 2. 1931.

Ban tổ chức có ba người: Quảng (tức Phan Bội, Hoàng Hữu Nam) Trưởng ban, Hui (Lý Tự Trọng) và một người nữa.

Gần sân banh ở đường Mayer (nay là đường Võ Thị Sáu) vào lúc 18 giờ 15 phút khi cuộc đá banh tan, người xem ra khỏi cổng đổ về đường Larégnère (ngay là đường Trương Định) đi đến ngã tư đường Le Grand De La Liraye (nay là đường Điện Biên Phủ) thì thấy cờ đỏ trương lên và có tiếng hô mời đồng bào đứng lại nghe nói chuyện. Người diễn thuyết đã được lựa chọn, nhưng đến lúc đó chưa có mặt. Đồng chí Quảng (Phan Bội) vội đứng lên thay thế.

Cuộc diễn thuyết chớp nhoáng vừa kết thúc thì bọn cảnh sát ập tới. Tên cò Legrand nhảy vào bắt đồng chí Phan Bội. Lập tức Lý Tự Trọng có sẵn súng lục trong tay, bắn liền hai phát, cò Legrand ngã gục xuống. Quân chúng hỗn loạn ngơ ngác, Lý Tự Trọng chạy, cò Borel thoáng thấy

phóng chân đuổi theo, Trọng quay người lại bắn mấy phát. May cho hắn, đạn chỉ trúng mũ. Trong cuộc này, Phan Bội, Trọng và mấy người tham dự bị bắt. Ngay tối đó, địch lùng sục ở cơ quan đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo) bắt mấy người nữa, trong đó có đồng chí Bùi Công Trùng. Hai hôm sau, ngày 10. 2. 1931, đồng chí Bùi Lâm cũng bị bắt.

Địch liên tục hỏi cung, tra tấn Lý Tự Trọng rất dã man. Nhưng địch không thể moi được một tiết lộ bí mật nào của Trọng. Được tin đó, ngày 23. 2. 1931 đã nổ ra một cuộc tuyệt thực của tù Khâm lớn Sài Gòn phản đối Pháp đánh đập tàn ác Lý Tự Trọng.

Ngày 18. 4. 1931, Tòa Thượng thẩm của chính quyền thực dân tuyên án tử hình Lý Tự Trọng. Lại một cuộc tuyệt thực nữa của tù Khâm lớn Sài Gòn chống chính sách đàn áp tàn bạo của đế quốc Pháp.

Ở bên ngoài, hàng loạt truyền đơn được rải ở nhiều phố và vùng nông thôn phản đối án tử hình đối với Lý Tự Trọng. Bà André Violis lúc bấy giờ đến Sài Gòn có vào thăm Lý Tự Trọng, khi về Pháp bà đã viết một loạt bài và cuốn sách Indochine S. O. S (Đông Dương cấp cứu) trong đó vạch trần chính sách tàn bạo của đế quốc pháp ở Đông Dương và phản đối án tử hình đối với Lý Tự Trọng. Vụ Lý Tự Trọng trở thành vấn đề quốc tế.

Ngày 21. 11. 1931 chúng đã đưa anh ra xử chém. Trước khi bước lên máy chém của địch, Lý Tự Trọng hô lớn "Đả đảo đế quốc Pháp!", "Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm!", "Liên bang Xô Viết muôn năm!" Tiếng hô của anh vang dậy cả khu vực nhà tù.

Lý Tự Trọng tên thật là Lê Văn Trọng, sinh năm 1913, quê quán xã Thạch Minh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Cha là Lê Hữu Đạt, một nhà cách mạng lão thành.

Lúc 10 tuổi, được đoàn thể đưa sang học ở trường Trung Sơn (Trung Quốc). Trọng học giỏi, nói thạo tiếng Trung Quốc và tiếng Anh, sinh hoạt trong Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. Khi gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ lấy bí danh là Lý Thụy ở Quảng Đông, anh tự nguyện lấy họ Lý đổi tên mình là Lý Tự Trọng.

Năm 1929, được bố trí về nước với nhiệm vụ thành lập Đoàn thanh niên cộng sản và làm giao liên cho Trung ương, nhận tài liệu từ nước ngoài gửi về và phiên dịch cho các đồng chí trong Trung ương với các đồng chí quốc tế. Nhiều lần nhờ gan dạ và mưu trí, anh thoát khỏi cảnh sát bủa vây khi trong người mang nhiều tài liệu cách mạng.

Những ngày sống ở cơ quan lúc đó là những ngày thật thiếu thốn trăm bề, có lúc chỉ có nước mắm rưới cơm không, nhưng anh vẫn hăng say làm việc, học tập đều đặn, chăm đọc sách chính trị, sách văn nghệ tiến bộ.

Khi bị bắt, biết Lý Tự Trọng là một thanh niên hoạt động cách mạng, bọn thực dân tra tấn anh rất tàn bạo. Những ngón đòn ác hiểm nhất đổ xuống thân thể người thanh niên đầy dũng khí. Bạo lực không khuất phục nổi anh. Chúng quay sang dụ dỗ, mua chuộc, nhử mồi, nào là cho sang Pháp du học, nào là quyền cao, chức trọng, tha hồ vợ đẹp, nhà lầu... Chúng càng không khai thác được gì hơn ngoài nhận được sự im lặng, khinh bỉ.

Dù rất tức tối, nhưng bọn thực dân rất kiêng nể Lý Tự Trọng. Chúng đặt tên khác, gọi anh là "Ông Nhỏ", khi luật sư bào chữa cho anh đến, anh đã gạt đi và nói "Tôi hành động không phải là không suy nghĩ. Tôi làm vì mục đích

của cách mạng. Tôi chưa đến tuổi thành niên, nhưng tôi đủ trí khôn để hiểu rằng con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng và không thể là con đường khác".

Trước khi lên máy chém, Lý Tự Trọng còn hát vang bài Quốc tế ca.

Anh hy sinh lúc mới 17 tuổi.



012

QUÁ TRÌNH KHÔI PHỤC LẠI THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN, TỈNH ỦY GIA ĐỊNH VÀ PHONG TRÀO ĐÁU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRONG NHỮNG NĂM 1932 - 1935 NHƯ THẾ NÀO?

Sau đợt khủng bố trắng của địch, hầu hết các cấp ủy Đảng và nhiều cơ sở bị phá đi, phá lại nhiều lần. Các đồng chí còn lại tạm nằm im hoặc tạm lánh đi nơi khác.

Nhưng chỉ vài tháng sau, các đồng chí lại tìm cách liên lại, móc nối với nhau để hoạt động trở lại. Quân chúng cách mạng bất chấp sự khủng bố, đe dọa của địch vẫn sẵn sàng bảo vệ, nuôi giấu cán bộ.

Tháng 4. 1932, tại Sài Gòn, một số đồng chí đã tự lập Xứ ủy lâm thời do Hồ Văn Long làm Bí thư. Vài tháng sau lập lại Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn do Tạ Đức Đường làm Bí thư. Nhưng chỉ được vài tháng, do nội bộ có người bị bắt khai báo nên tất cả đều bị bắt.

Tháng 5. 1933, một số đồng chí khác lại cùng nhau lập Xứ ủy lâm thời mới do Trương Văn Bang vốn là Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn năm 1932, làm Bí thư. Nhưng cũng chẳng được bao lâu thì đều sa vào tay giặc.

Đầu tháng 2. 1934, một Xứ ủy mới lại được thành lập do Trần Văn Giàu làm Bí thư và Thành ủy mới do Trần

Văn Vi (Dân Tôn Tử), Xứ ủy viên kiêm Bí thư Thành ủy. Xứ ủy lâm thời này hoạt động đến sau Đại hội lần thứ nhất của Đảng ở Ma Cao (Trung Quốc) thì đồng chí Võ Văn Ngân lên làm Bí thư.

Đảng bộ Gia Định ít bị thiệt hại hơn và tương đối ổn định so với Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn. Giữa 1932, Võ Văn Ngân và Võ Văn Tần đã tổ chức lại được Tỉnh ủy và hai Huyện ủy Gò Vấp và Hóc Môn. Võ Văn Ngân làm Bí thư Tỉnh ủy.

Sau khi được khôi phục, Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn và Tỉnh ủy Gia Định đã nhanh chóng lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh, nhờ vậy mà phong trào đấu tranh cách mạng của các tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định tuy có tạm lắng xuống trong thời gian địch điên cuồng khủng bố và không có biểu hiện của sự thoái trào.

Ngày 20. 2. 1932, 154 công nhân làm đường Sài Gòn đứng lên đấu tranh.

Ngày 18. 4. 1932, ở Hóc Môn đã nổ ra ba cuộc biểu tình của hơn 1.400 nông dân. Đoàn biểu tình giương cao khẩu hiệu chống thuế, chống khủng bố của đế quốc. Chủ tỉnh Gia Định vội vã điều quân đến đàn áp làm 4 người chết, 3 người bị thương và 40 người bị bắt.

Ngày 21. 4. 1932 tại nội thành, phong trào đấu tranh của công nhân lại rộ lên ở các nhà máy. Trong đó có cuộc đấu tranh của 500 công nhân người Hoa của 13 xưởng dệt ở Chợ Lớn.

Tháng 10. 1932, công nhân nhà in Testalin bãi công.

Năm 1932, có hai cuộc bãi thị của bà con bán hàng ở chợ Bến Thành và một cuộc đấu tranh của hàng ngàn nông

dân kéo đến gặp chủ tỉnh Gia Định Berland khi tên này về Tân Thới Thượng.

Hai năm 1934 - 1935, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân thành phố vẫn phát triển mạnh mẽ. Theo thống kê của địch thì trong hai năm (1934 - 1935) toàn Đông Dương có 60 cuộc đấu tranh của công nhân thì riêng ở thành phố có 40 cuộc.

Những cuộc đấu tranh của công nông và các tầng lớp nhân dân thành phố ngay sau cao trào 1930 - 1931 có tạm lắng xuống trong thời gian ngắn rồi lại bùng lên trong những năm 1933 - 1935 đã tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ thành phố bước vào lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh trong thời kỳ 1936 - 1939.



013

**HÃY KỂ TÊN NHỮNG CUỘC BÃI CÔNG CỦA
CÔNG NHÂN SÀI GÒN - CHỢ LỚN VÀ GIA ĐÌNH
TRONG NĂM 1936, CHO BIẾT DIỄN BIẾN VÀ
Ý NGHĨA CUỘC BÃI CÔNG NGÀY 4. 12. 1936
CỦA CÔNG NHÂN BA SON.**

Năm 1936, ở Sài Gòn - Chợ Lớn có các cuộc bãi công lớn của công nhân như:

- Công nhân hãng cưa Vĩnh Hội (9. 1)
- Công nhân hãng dầu Téchdacô (Texaco) Nhà Bè (20. 5)
- 100 công nhân Công ty nước mắm Chợ Lớn (4. 9)
- 250 công nhân hãng Thương mại Pháp ở Chợ Lớn (15. 9)
- 150 công nhân hãng Rôdi (Rauzy) Chợ Lớn (17. 9)
- 300 công nhân hãng xà phòng Trương Văn Bền ở Chợ Lớn (27. 9)
- 51 công nhân đường sắt Sài Gòn (28. 9)
- Công nhân nhà máy xay lúa Nguyễn Thanh Liên (5. 10)
- Công nhân may mặc của nhiều cửa hiệu (10. 10)
- Công nhân các lò nhuộm, trại cưa, xe thổ mộ... ở Bà Điểm, Quán Tre, Chợ Cầu,

Trung Chánh (5. 11)

- Công nhân hiệu may Adam mốt (Adam mode) (20. 11)
- Công nhân trại cưa ở Hóc Môn (22. 11)
- Công nhân trại cưa Phú Mỹ và Bình Lợi (29. 11)
- Công nhân Ba Son (4. 12)
- Công nhân xe điện, xe buýt (7. 12)
- Công nhân Thương khẩu Sài Gòn (9. 12)
- Công nhân hãng xà bông Trương Văn Bền (9. 12)
- Công nhân Sở vệ sinh Chợ Lớn (31. 12)

Cuộc bãi công của công nhân Ba Son: Nhân một công nhân Ba Son bị bắt và bị đuổi vì tham dự các cuộc họp lập Ủy ban hành động chuẩn bị cho Đồng Dương Đại hội, chi bộ Đảng ở Ba Son do đồng chí Nguyễn Văn Nghi làm Bí thư, chi bộ họp ở xóm Giỏ Ngói (Gò Vấp), đã chủ trương phát động một cuộc bãi công của 4.500 công nhân toàn xưởng vào ngày 4. 12. 1936. Ủy ban bãi công có 3 người Phạm Văn Khung (đảng viên), Ba Ái và Ba Tường. Cuộc đấu tranh đã nêu ra 4 yêu sách: Tăng lương cho công nhân, bớt giờ làm, cải thiện các điều kiện lao động, thả ngay những công nhân bị bắt và thả họ làm việc lại.

Tên chủ xưởng không chấp nhận các yêu sách. Thế là ngay trưa hôm đó, toàn thể công nhân bỏ xưởng ra về. Cuộc bãi công kéo dài hai tuần và kéo theo các cuộc đấu tranh lớn của công nhân các hãng, xưởng khác trong thành phố.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố, công nhân các hãng, xưởng xe lửa, ô tô, hãng rượu Bình Tây, Faci, Simac... đã phối hợp đấu tranh, nêu khẩu hiệu ủng hộ các yêu sách của công nhân Ba Son.

Cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son đã giành được thắng lợi. Toàn thể công nhân Ba Son xếp hàng tự đi vào xưởng giữa hai hàng lính thủy Pháp bồng súng chào.

Cuộc đấu tranh đã làm nổi bật sức mạnh đoàn kết của giai cấp công nhân, tác động mạnh đến tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân thành phố, gây tiếng vang rộng khắp trong cả nước.



014

ĐẢNG BỘ SÀI GÒN - CHỢ LỚN VÀ GIA ĐÌNH ĐÃ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH ĐÒI TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐÔNG DƯƠNG NHƯ THẾ NÀO?

Mở đầu cho phong trào cách mạng của nước ta trong thời kỳ này là cuộc vận động tổ chức Đông Dương Đại hội. Đây là sáng kiến của ông Nguyễn An Ninh đưa ra. Ngày 29. 7. 1936, giữa lúc Trung ương Đảng đang họp ở Thượng Hải, tại Sài Gòn, ông Nguyễn An Ninh đã viết một bài đầu đề: Tiến tới một cuộc Đại hội Đông Dương, trong đó có đoạn như sau "Lúc này, hơn lúc nào hết, thời giờ rất thuận lợi cho sự triệu tập một cuộc Đông Dương Đại hội, trong đó các giai cấp sẽ đại diện để thảo ra một tập yêu sách gồm các điều đòi hỏi của các dân tộc Đông Dương".

Tháng 8. 1936, trong bức thư ngỏ thứ ba của Trung ương Đảng ta gửi các đảng phái, Đảng ta đã trình bày rõ lập trường của mình về Đông Dương Đại hội, kêu gọi các đảng phái, các tổ chức chính trị và toàn thể nhân dân Đông Dương vì lợi ích chung, đoàn kết lại thành lập Mặt trận đấu tranh bảo vệ hòa bình, đòi quyền tự do, dân chủ và cơm áo, kêu gọi thành lập ngay các Ủy ban hành động ở khắp nơi từ thành thị đến thôn quê để tập hợp quần chúng và vận động họ bầu cử đại biểu tham dự Đông Dương Đại hội.

Những người trong Đảng Lập hiến (đảng cải lương của tư sản, địa chủ ở Nam Kỳ) vội vã đứng ra tổ chức cuộc họp để cử ra Ủy ban trừ bị cho Đông Dương Đại hội. Họ dự định triệu tập khoảng 100 người phần lớn thuộc giai cấp tư sản, địa chủ và trí thức lớp trên và chỉ mời một đại biểu của giới lao động là đồng chí Nguyễn Văn Tạo. Biết vậy, Đảng bộ Thành phố một mặt tích cực vận động các giới, các tầng lớp xã hội lên tiếng hoan nghênh cuộc họp, mặt khác chủ động cử đại biểu đến dự. Nhờ vậy, ngày 13. 8. 1936 tại Sài Gòn cuộc họp đã được tiến hành có 400 người dự, phần lớn là đại biểu của nhân dân lao động. Cuộc họp đã bầu ra một ủy ban trừ bị Đông Dương Đại hội gồm 19 người: 3 đại biểu công nhân, 6 đại biểu trí thức, tư sản, 3 đại biểu nông dân, 3 đại biểu phụ nữ, 4 đại biểu báo chí. Một hình thức Mặt trận đã hình thành ở bên trên.

Sau đó hàng chục vạn tờ truyền đơn được phân phát, báo chí công khai hàng ngày tuyên truyền cho Đông dương Đại hội. Cán bộ, đảng viên, quần chúng cốt cán của Đảng đi sâu vào quần chúng hướng dẫn họ tổ chức và đấu tranh. Trong một thời gian ngắn, phong trào nhân dân hưởng ứng Đông Dương Đại hội lan nhanh từ Nam ra Bắc. Riêng ở Nam Kỳ, chưa đầy hai tháng, đến cuối tháng 9. 1936, đã xuất hiện 600 Ủy ban hành động. Sài Gòn - Chợ Lớn có 31 Ủy ban hành động, tỉnh Gia Định có 70 Ủy ban hành động. Ủy ban hành động được tổ chức trong các xí nghiệp in, đường sắt, tàu điện, hãng thuốc lá Cofat, nhà máy rượu Bình Tây, xưởng Ba Son, khu xăng dầu Nhà Bè, khu vực Cảng, trong thợ thủ công như thợ đóng giày, tiểu thương, học sinh và trong cả nông dân. Ở nội thành thì lập Ủy ban hành động theo khu phố, ở thôn quê thì lập Ủy ban hành động theo làng. Hầu như Ủy ban hành động nào cũng đều "ra" (viết) truyền đơn.

Trước sự phát triển rầm rộ của phong trào thuận lợi cho Chính phủ mặt trận nhân dân Pháp, bọn phản động thuộc địa chuyển sang đàn áp, vừa dùng những thủ đoạn chia rẽ và xoa dịu. Chúng mua chuộc 5 đại biểu của Đảng Lập hiến. Bọn này liền vu cáo những người cộng sản rồi kiếm cớ bỏ Ủy ban trừ bị Đông Dương Đại hội.

Ngày 15. 9. 1936, bọn phản động thuộc địa ra lệnh giải tán các ủy ban hành động, cấm tất cả các cuộc hội họp của nhân dân, bắt giam và xét xử những người đứng đầu các ủy ban hành động, ra lệnh sa thải khỏi xưởng những công nhân viên tham gia phong trào Đông Dương Đại hội và tham gia các Ủy ban hành động, tịch thu và cấm các báo cổ động cho Đại hội Đông Dương.



HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG LẦN THỨ VI (THÁNG 11. 1939) ĐƯỢC TỔ CHỨC Ở ĐÂU? NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA HỘI NGHỊ LÀ GÌ?

Hai tháng sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Trung ương Đảng đã họp trong ba ngày 6, 7, 8 tháng 11. 1939 tại Bà Điểm (Hóc Môn - Gia Định) do đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư của Đảng chủ trì. Tham gia Hội nghị có các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần...

Hội nghị phân tích tỉ mỉ diễn biến cuộc chiến tranh, qua đó làm sáng rõ bản chất của nó. Đây là cuộc chiến tranh giữa hai tập đoàn đế quốc xâu xé lẫn nhau nhằm chia lại thế giới. Hội nghị chỉ rõ thủ phạm chính của cuộc chiến tranh là phát xít Đức - Ý - Nhật, đồng thời vạch trần chính sách muốn xoay cuộc chiến tranh để quốc thành cuộc tiến công Liên Xô.

Về tình hình Đông Dương, Hội nghị nhận định rằng: như cuộc chiến tranh lần trước, lần này Đông Dương sẽ bị lôi cuốn vào một cuộc thăm sát lớn xưa nay chưa từng có. Bọn thống trị thực hiện chính sách kinh tế thời chiến và chế độ cai trị phát xít vô cùng tàn bạo. Bọn phát xít Nhật làm le nhảy vào xâm chiếm Đông Dương. Toàn bộ đời sống xã hội của các giai cấp, các dân tộc Đông Dương bị

đảo lộn. Hội nghị phân tích rõ thái độ từng giai cấp trong xã hội, từng đảng phái chính trị, tôn giáo và đi đến kết luận về mối quan hệ lực lượng các giai cấp như sau:

- Một bên là đế quốc cầm hết quyền kinh tế, chính trị dựa vào bọn vua quan bản xứ thối nát và bọn chó săn phản bội dân tộc.

- Một bên là tất cả các dân tộc bản xứ bị chủ nghĩa đế quốc Pháp áp bức như trâu ngựa và đẽo rút xương tủy.

Nhưng thảm trạng do đế quốc chiến tranh gây ra sẽ làm cho trình tự cấp tiến và cách mạng hoá của quần chúng hết sức mau chóng... lòng phẫn uất sẽ sôi nổi, cách mạng sẽ nổ ra.

Về chính sách sách của Đảng, sau khi phân tích rõ mâu thuẫn chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc và tay sai, Hội nghị vạch rõ: nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trước mắt là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc. Nghị quyết viết "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng, để tranh lấy giải phóng dân tộc", "tất cả mọi vấn đề của cách mạng, cả vấn đề điền địa, cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết".

Để tập trung lực lượng đánh đổ đế quốc, Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, chống lãi nặng. Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu chính quyền Xô Viết công nông binh, thay bằng khẩu hiệu lập chính quyền cộng hòa dân chủ.

Do nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là đánh đổ đế quốc và tay sai, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ.

Hội nghị đã đặc biệt chú trọng đến công tác xây dựng Đảng, đề ra những nguyên tắc và biện pháp cụ thể nhằm củng cố Đảng về mọi mặt như: phải liên hệ mật thiết với quần chúng, phải vũ trang lý luận cách mạng, phải khôi phục hệ thống tổ chức và liên lạc Trung, Nam, Bắc, phải lựa chọn cán bộ, kiểm soát việc thực hiện nghị quyết, phải chống nạn khiêu khích của mật thám, phải thực hiện tự phê bình và đấu tranh trên hai mặt trận chống "tả" khuynh và hữu khuynh, đặc biệt chú trọng sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng.

Hội nghị Trung ương tháng 11. 1939 đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng về đường lối và phương pháp cách mạng trong thời kỳ đấu tranh dân chủ, dân sinh, sang trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai, từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, không hợp pháp và khởi nghĩa vũ trang. Chỗ sáng tạo và nhạy bén nhất của Hội nghị là đã sớm nêu ra phương hướng chiến lược tập trung mũi nhọn của cách mạng vào đế quốc và tay sai, chuẩn bị điều kiện trực tiếp cho việc giành chính quyền.

Đảng bộ Nam Kỳ là địa phương được quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI sớm nhất so với các địa phương khác trong cả nước.



016

XIN CHO BIẾT SỰ HÌNH THÀNH NGHỊ QUYẾT PHÁT ĐỘNG TOÀN XỨ ĐỨNG LÊN KHỎI NGHĨA THÁNG 11. 1940 CỦA XỨ ỦY NAM KỲ VÀ VÌ SAO CUỘC KHỎI NGHĨA KHÔNG NỔ RA Ở NỘI THÀNH?

Về sự hình thành Nghị quyết: Từ tháng 3. 1940, ở Nam Kỳ đã xuất hiện "Đề cương về cách mạng ở Nam Kỳ", thực chất là đề cương chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang, do Xứ ủy đề ra.

Từ ngày 21 đến 27. 7. 1940, Xứ ủy Nam Kỳ tổ chức Hội nghị khoáng đại toàn xứ ở xã Tân Hương, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, với sự tham dự của 24 đại biểu thuộc 19 trong số 21 tỉnh Nam Kỳ. Đồng chí Phan Đăng Lưu, Ủy viên Thường vụ Trung ương duy nhất còn lại ở Nam Kỳ cũng đến dự hội nghị. Hội nghị do đồng chí Tạ Uyên chủ trì.

Sau khi phân tích tình hình thế giới và trong nước, đánh giá tình hình địch và lực lượng của ta, nhiều ý kiến cho rằng tình hình rất khẩn trương, quân chúng và đảng viên muốn khởi nghĩa, nếu Đảng không lãnh đạo thì quân chúng sẽ manh động. Cũng có ý kiến cho rằng mâu thuẫn giữa nhân dân ta và địch tuy sâu sắc, nhưng chưa đủ điều kiện để khởi nghĩa.

Hội nghị nhất trí cử đồng chí Phan Đăng Lưu đi liên hệ với hai Đảng bộ Trung Kỳ và Bắc Kỳ bàn phối hợp hành động.

Tuy nhiên, để khẩn trương chuẩn bị khởi nghĩa, Hội nghị đã đề ra những công việc cần kíp trước mắt phải làm như: kiện toàn cơ quan lãnh đạo Đảng ở các cấp, phát triển mạnh các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận phản đế, tiến tới lập Mặt trận phản đế toàn xứ, tổ chức lực lượng du kích, mua sắm thêm vũ khí và luyện tập quân sự, đặc biệt là đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch...

Một số ban cần thiết trong lúc khởi nghĩa như Ban tham mưu, Ban phá hoại, Ban giao thông, Ban cứu thương, Ban tuyên truyền, Ban quân báo, Ban địch vận, Ban tài chính... cũng được thành lập.

Hội nghị đã bầu đồng chí Tạ Uyên làm Bí thư Xứ ủy, thay đồng chí Võ Văn Tần, Ủy viên Trung ương Đảng, kiêm Bí thư Xứ ủy đã bị bắt ngày 21. 4. 1940.

Từ ngày 21 đến ngày 23. 9. 1940, Xứ ủy họp Hội nghị mở rộng tại Xuân Thới Đông (xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn). Đây là cuộc họp nối tiếp hội nghị Tân Hương (Mỹ Tho) để vạch ra đường hướng cho cuộc khởi nghĩa và chọn Sài Gòn làm trọng điểm đồng thời là nơi phát lệnh khởi nghĩa. Hội nghị đã quyết định tất cả các cấp bộ phải nghiêm túc thực hiện chủ trương của Xứ ủy đã đề ra.

Vì sao cuộc khởi nghĩa không nổ ra ở nội thành: Kế hoạch khởi nghĩa tại thành phố như sau: Các vùng chung quanh như: Đức Hòa, Trung Huyện, Cần Giuộc thuộc Chợ Lớn; Gò Vấp, Hóc Môn, Thủ Đức, Nhà Bè thuộc Gia Định... có nhiệm vụ bí mật đưa lực lượng trung kiên có vũ trang thô sơ và súng chia thành từng tốp nhỏ, bằng mọi phương tiện (đi bộ, đi xe đò, xe điện, thổ mộ, đi thuyền...)

tới những địa điểm được quy định, cận thành phố. Khi súng nổ thì tiến vào đánh chiếm những nơi quan trọng như Khám Lớn và các nhà giam khác nhằm giải thoát tù chính trị: xưởng Ba Son, các xí nghiệp quốc phòng, các trại lính, sân bay, Nhà đèn Chợ Quán, dựng chướng ngại vật ở những chỗ quy định như ở đường Général Lizé (nay là đường Điện Biên Phủ, đoạn từ Cách mạng Tháng Tám đến Lý Thái Tổ) để chặn pháo binh, cắt dây điện, chặt cây, phá cầu cản trở giao thông... Chi bộ bồi bếp có nhiệm vụ đầu độc những viên quan cầm quyền người Âu và các viên chỉ huy quân sự cấp cao. Các trại lính có nội ứng phá kho lấy súng, diệt bọn chỉ huy ngoan cố, cướp trại, chiếm đồn và tỏa ra đánh chiếm các nơi. Binh lính nổi dậy theo cách mạng sẽ chiếm trại, phá kho lấy súng cung cấp cho quân cách mạng. Phương tiện vận chuyển trong khởi nghĩa đã có khoảng 10 xe vận tải được bố trí sẵn ở Sở cao su Bình Hòa, Bà Quẹo, Chợ Lớn.

Tuy nhiên vào ngày khởi nghĩa các đồng chí lãnh đạo đều bị địch bắt: Trưa 22, đồng chí Nguyễn Như Hạnh, Bí thư Thành ủy bị bắt, đến 16 giờ đồng chí Tạ Uyên, Bí thư Xứ ủy, Trưởng ban khởi nghĩa bị bắt, chiều tối hôm đó đồng chí Phan Đăng Lưu vừa về đến Sài Gòn cũng bị bắt. Vì thế cuộc khởi nghĩa không nổ ra ở Sài Gòn.



017

XIN CHO BIẾT NHỮNG DIỄN BIẾN CHÍNH TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA NAM KỲ Ở TỈNH GIA ĐỊNH.

Thực hiện lệnh của Xứ ủy, Ban khởi nghĩa tỉnh Gia Định do đồng chí Lê Văn Khương, Thường vụ Xứ ủy kiêm Bí thư Tỉnh ủy, phụ trách, đã họp bàn đề ra kế hoạch như sau:

1. Tuyển chọn một lực lượng đưa lên Sài Gòn tiếp sức đánh chiếm sân bay, dinh Tỉnh trưởng, phá Khám lớn.

2. Tại địa phương, huy động quần chúng nhân dân các xã, có lực lượng du kích, tự vệ làm nòng cốt, trang bị vũ khí thô sơ đánh các đồn bót, nhà Việc, chặt cây chặn đường, phá cầu.. để chặn viện binh địch. Nếu có xe địch thì chặn đánh, cướp vũ khí.

Chiều ngày 22, lực lượng được tuyển chọn của các quận Hóc Môn, Gò Vấp và cả Thủ Đức, Nhà Bè đã chia thành những toán nhỏ, dùng các phương tiện xe thô mộc, xe điện, đi bộ đến địa điểm tập kết đã quy định. Nhưng đến 0 giờ ngày 23, vẫn chưa nghe thấy tiếng súng lệnh của Sài Gòn. Tất cả vội rút về tham gia nổi dậy tại địa phương.

Ở quận Gò Vấp, tuy chưa thấy Sài Gòn nổ súng, nhưng theo kế hoạch đã định, Ban khởi nghĩa quận đã chủ động ra lệnh tiến công các đồn bót Lăng Cha Cả, Vườn Tiêu, Ngã Năm Vinh Lộc, Phú Lâm... Cùng với nghĩa quân Hóc

Môn cắt dây điện thoại, đốn cây chặn đường, phá một số cầu dọc đường Sài Gòn đi Tây Ninh.

Ở quận Hóc Môn, gần nửa đêm, quần chúng các xã thuộc tổng Long Tuy Hạ, Long Tuy Thượng, Bình Thanh Trung có lực lượng du kích quần đùi, áo cộc, cổ buộc khăn trắng, trang bị dao găm, rìu, búa... làm nòng cốt, nổi trống mõ, phèng la, đốt đuốc kéo đến chiếm Nhà Việc xã, tước súng của tề làng, cắt dây điện, đốn cây chặn đường, đốt cầu Bông, gỡ ván cầu Rạch Tra...

Khoảng 1 giờ 30 ngày 23, quần chúng từ các ngả kéo về hỗ trợ tiến công đồn và chiếm dinh quận lỵ Hóc Môn.

Nghĩa quân chiếm nhà việc xã, dinh quận, làm chủ quận lỵ và gần như đã chiếm được đồn Hóc Môn. Quận Thọ rút lên lầu cao cố thủ bắn xuống. Quân ta dùng súng bắn lên. Cuộc chiến đấu kéo dài hơn hai giờ.

Địch cho 6 lính ở đồn gần đó đến ứng cứu, nhưng trên đường đi bị nghĩa quân chặn đánh. Ta tiêu diệt 1 tên, 4 tên bị thương, 1 tên bỏ chạy mất tích.

Được tin báo quận Hóc Môn bị nghĩa quân chiếm, từ Sài Gòn và tỉnh lỵ Gia Định, Pháp vội vàng cho 2 viên cò, 4 thanh tra, 20 cảnh sát, 30 lính khố xanh, trang bị súng ống đầy đủ kéo xuống. Nhưng vì chúng phải đi đường vòng nên đến khi trời sáng rõ mới tới, lúc này nghĩa quân và quần chúng đã rút hết.

Trong cuộc đánh chiếm quận Hóc Môn, quân cách mạng thu được 8 khẩu súng, 6 lưới lê của địch, diệt 3 tên, làm bị thương 6 tên.

Cùng lúc 23 giờ ngày 22, một toán quân cách mạng thuộc tổng Long Tuy Hạ cắt dây điện thoại, đốn cây chặn đường Hóc Môn đi Trảng Bàng, kéo đến Nhà Việc Tân

Phú Trung, tước 4 súng, diệt một toán lính ngoan cố chống lại.

Trên đường tiến về cầu Bông, quân cách mạng gặp lính đồn Bà Điểm (đồn này do tên cò Etienne Bétaille, một tên ác ôn làm đồn trưởng) đi tuần. Thấy lực lượng khởi nghĩa chúng hoảng hốt bỏ chạy. Ta diệt đội Tước.

Quân cách mạng định phá cầu Bông, nhưng vì cầu kiên cố, anh chị em dùng mủ cao su rải lên mặt cầu rồi đốt và bóc ván. Sau khi quân ta rút đi, ô tô của chủ đồn điền cao su Arnaud mang tiền từ Sài Gòn về Tây Ninh đến cầu, xe không qua được.

Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Hóc Môn là địa phương nổ ra cuộc khởi nghĩa mạnh nhất của tỉnh Gia Định.

Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Gia Định tuy không giành được thắng lợi và bị kẻ thù đàn áp rất dã man, nhưng đã bộc lộ lòng căm thù sâu sắc của nhân dân đối với bọn đế quốc và tinh thần chiến đấu dũng cảm của quần chúng cách mạng trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do.



018

XIN CHO BIẾT NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH ĐẢNG BỘ SÀI GÒN - CHỢ LỚN VÀ GIA ĐỊNH TỪ SAU KHỞI NGHĨA NAM KỲ ĐẾN CUỐI 1943.

Sau Khởi nghĩa Nam Kỳ, các đồng chí Xứ ủy còn lại chủ trương lấy lại sức, tiếp tục khởi nghĩa, nhưng phải bó tay vì lực lượng không còn, thời cơ không có, mà địch thì tung sức trấn áp, bắt "nguội" cán bộ, đảng viên, và cả quần chúng cảm tình theo sự chỉ điểm của những tên phản bội.

Hệ thống Đảng ở Sài Gòn và các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn cũng như toàn Nam Kỳ bị địch phá tan hoang. Hầu hết đảng viên cốt cán có trọng trách lãnh đạo đều bị bắt vào tù, bị đày đi Côn Đảo... Các đồng chí còn lại phải chui bờ, ngủ bụi, dân giúp tiền, giúp gạo nhưng không dám nuôi giấu. Một bộ phận quần chúng cách mạng tìm vào đạo Cao Đài, Hòa Hảo.

Đầu năm 1941, một số đồng chí thuộc Đảng bộ Nam Kỳ đã tìm cách bắt liên lạc với Trung ương ngoài Bắc và lập lại Xứ ủy. Nhưng đến tháng 8. 1941, bị địch đánh phá, hầu hết cán bộ Xứ ủy lại bị bắt. Ngay sau Hội nghị lần thứ VIII (tháng 5. 1941) Trung ương đã cử cán bộ vào bắt liên lạc, truyền đạt chủ trương tại thành phố (tháng 8. 1941) và giúp sức lập lại Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, nhưng mới được hai tháng (tháng 10. 1941) các đồng chí này lại

bị bắt. Từ đó cho đến cuối 1943, Đảng bộ Nam Kỳ không có Xứ ủy và hoàn toàn mất liên lạc với Trung ương.

Trong hoàn cảnh như vậy, một số đảng viên của thành phố vừa ra sức che giấu lực lượng, vừa tìm mọi cơ hội móc nối, gây dựng cơ sở. Đầu 1941, đồng chí Bùi Văn Dự (Lưu Dự Châu) được Xứ ủy cử về lập lại Tỉnh ủy Gia Định, nhưng đến tháng 6. 1941 đồng chí bị địch bắt. Một số cán bộ Đảng của Gia Định vẫn tìm cách tổ chức lại Tỉnh ủy do đồng chí Nguyễn Văn Xương làm Bí thư. Giặc tiếp tục khủng bố, Tỉnh ủy lại bị vỡ. Một số cán bộ của tỉnh, quận phải tạm lánh vào nội thành Sài Gòn hoặc xuống Vũng Tàu hoặc qua Đức Hòa (Chợ Lớn)... và một số đồng chí nhờ quần chúng che giấu vẫn bám trụ tại địa phương. Đến tháng 7. 1941, những cán bộ nói trên lại tìm cách trở về Hóc Môn, Gò Vấp móc nối lại cơ sở. Đầu 1943, Ban cán sự Đảng tỉnh Gia Định được thành lập gồm 6 ủy viên do đồng chí Phạm Văn Bàng (Ba Bún) làm Trưởng ban. Sau đó các quận cũng tổ chức ra cán sự do các ủy viên Ban cán sự tỉnh là Trưởng ban và Đảng bộ tỉnh Gia Định được khôi phục.

Tại Sài Gòn từ chi bộ ghép Ba Son, các đảng viên đã gây dựng cơ sở Đảng ra các nơi trong thành phố như Simac, Faci, Bete Arsini, Nhà đèn Chợ Quán... Một số đảng viên từ các tỉnh Nam Bộ cũng về thành phố bắt liên lạc với các cơ sở cũ, xây dựng hai chi bộ Đảng trong binh lính ở thành Sân Đá và thành Ô Ma, phát triển một số đảng viên ở Chợ Lớn, xây dựng cơ sở trong chị em ở chợ Xóm Củi. Cuối năm 1941, tại Sài Gòn đã hình thành một số nhóm đảng viên hoạt động trong đó có vài nhóm tự nhận là "Thành ủy". Tháng 8. 1941, một số nhóm đã nhận được tài liệu của Trung ương, song chưa kịp triển khai thì suốt năm 1942, bọn địch đánh phá dồn dập và phần lớn các nhóm bị phá vỡ.

Đầu 1943, ở Sài Gòn có hai lực lượng đảng viên hoạt động mạnh. Một là nhóm đồng chí Nguyễn Oanh, làm công tác gây dựng cơ sở, hoạt động trong nội thành, hai là nhóm đồng chí Bùi Văn Dự do các đảng viên từ miền Tây Nam Bộ lên tổ chức, hoạt động chủ yếu ở vùng Bà Quẹo và ra báo Giải Phóng. Lực lượng này tự nhận là Thành ủy. Báo Giải Phóng ra được 5 số thì bị địch phá vỡ và phần lớn các đồng chí bị bắt. Những người còn lại bắt liên lạc với các đồng chí Hoàng Tế Thế (Sài Gòn), Nguyễn Thị Thập (Liên tỉnh ủy Mỹ Tho lên), Lê Hữu Kiều (Hà Nội vào) Hoàng Dư Khương, Lê Minh Định, Trần Văn Trà (từ miền Trung vào)... móc nối với nhau để hoạt động và lại ra tiếp tờ *Giải Phóng* làm cơ quan ngôn luận.



XIN CHO BIẾT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA XỨ ỦY TIỀN PHONG VÀ XỨ ỦY GIẢI PHÓNG.

1. Sự ra đời và hoạt động của Xứ ủy tiền phong: Theo chủ trương chỉ bộ nhà tù Tài Lai, có 8 đồng chí được tổ chức vượt ngục vào tháng 3. 1941 trở về hoạt động gây dựng lại cơ sở Đảng. Sau đó, 6 đồng chí bị bắt lại, chỉ còn đồng chí Dương Quang Đông và Trần Văn Giàu. Đến năm 1943, hai đồng chí đã nắm lại tình hình, bắt liên lạc với các đảng viên ở 21 tỉnh, thành Nam Bộ. Lần lượt lập ra các Tỉnh ủy mới. Đến tháng 10. 1943, 11 trong số các Tỉnh ủy mới đã cử đại biểu dự hội nghị tại Chợ Gạo (Mỹ Tho) để thành lập Xứ ủy Nam Kỳ. Hội nghị đã bầu đồng chí Trần Văn Giàu làm Bí thư Xứ ủy và quyết định ra tờ báo Tiền Phong làm cơ quan ngôn luận.

Từ khi thành lập cho đến tháng 5. 1945, Xứ ủy tiền phong chưa liên lạc được với Trung ương. Xứ ủy căn cứ vào Nghị quyết Trung ương lần Thứ 6 (tháng 11. 1939) và phân tích tình hình đang diễn biến trên thế giới và trong nước để đề ra các chủ trương, phương hướng hoạt động. Xứ ủy cho rằng việc chuẩn bị khởi nghĩa phải coi trọng cả nông thôn và thành thị, nhưng do vị trí đặc biệt của Sài Gòn, phải lấy Sài Gòn làm nơi quyết định sự thành bại.

Từ xác định đó, Sài Gòn và vùng ven đã trở thành địa bàn trọng điểm chỉ đạo của Xứ ủy "tiền phong". Cuối năm 1943, Xứ ủy tổ chức lại Đảng bộ Sài Gòn, thành lập Ban cán sự thành do đồng chí Trần Văn Giàu, Bí thư Xứ ủy trực tiếp phụ trách. Ban cán sự thành họp hội nghị tại Phú Lạc (Chợ Lớn) để ra phương hướng và nhiệm vụ cho Đảng bộ Sài Gòn như sau:

- Với tình hình đang chuyển biến mau lẹ trên thế giới và trong nước, toàn Đảng bộ phải nỗ lực "chạy đua với thời gian" để xây dựng lực lượng cách mạng, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa.

- Cùng với công tác tổ chức, Đảng bộ phải coi trọng công tác tư tưởng, lý luận. Đặc biệt phải tập trung trang bị cho cán bộ về lý luận khởi nghĩa của chủ nghĩa Mác - Lênin về kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga.

- Trong công tác xây dựng lực lượng quân chúng cách mạng, cần coi trọng công nhân lao động và thanh niên, phải tổ chức họ vào Công đoàn và các hội biến tướng, phải tập hợp lực lượng nông dân vùng ven để xây dựng một "vành đai đỏ" cho thành phố, phải có kế hoạch đi vào vận động binh lính, trước hết là binh lính người Việt rồi đến binh lính Pháp.

Đến tháng 4. 1944, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy tiền phong, 20 đại biểu Công đoàn họp tại Hàng thuốc lá Mic bầu ra Ban Chấp hành Tổng Công đoàn Nam Bộ.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, Xứ ủy tiền phong được tăng cường thêm nhiều cán bộ Đảng kỳ cựu của Nam Kỳ như: Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Bùi Công Trùng, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Kính, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tây (Thanh Sơn)...

Xứ ủy tiền phong đã nhiều lần cử cán bộ liên hệ với xứ ủy giải phóng để bàn bạc việc thống nhất.

Tháng 7. 1945, Xứ ủy tiền phong cử hai đại biểu đi dự Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào.

Ngày 15. 8. 1945, Xứ ủy tiền phong lập Ủy ban khởi nghĩa.

Ngày 16. 8, Xứ ủy tiền phong họp hội nghị mở rộng, bàn lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.

2. Sự ra đời và hoạt động của Xứ ủy giải phóng: Nhóm Giải Phóng đứng chân ở vùng ven Sài Gòn, trên địa bàn tỉnh Gia Định, có dự định khôi phục tổ chức Đảng Nam Kỳ. Cuối năm 1943 nhóm Giải phóng thành lập Ban cán sự miền Đông, thành lập Tỉnh ủy Chợ Lớn và các Ban vận động Việt Minh của tỉnh Gia Định, Thủ Dầu Một, Trà Vinh... Gần cuối năm 1944, nhóm Giải Phóng đang chuẩn bị thành lập Ban cán sự Đảng Nam Kỳ lâm thời, thì một số cán bộ bị bắt và cơ quan in báo ở Sài Gòn cũng bị địch phá. Việc thành lập Xứ ủy của nhóm Giải phóng không thành. Các đồng chí còn lại đã tìm cách liên lạc xin ý kiến chỉ đạo của vài đồng chí Xứ ủy còn bị giam ở Bà Rá.

Trong thời gian này, Đảng bộ tỉnh Gia Định trực thuộc sự lãnh đạo của nhóm Giải phóng tiếp tục được củng cố, chi bộ Đảng được xây dựng ở các làng Tân Thạnh Đông, Tân Thạnh Tây, Phước Hiệp, Hóc Môn. Tại Gò Vấp, Tân Bình, 16 xã từ Vĩnh Lộc đến Hạnh Thông, lên An Phú Đông đã có chi bộ Đảng. Năm 1944, chi bộ Đảng cũng được thành lập ở các xã Trung Lập, Tân Mỹ, Nhuận Đức (thuộc Củ Chi hiện nay). Ban cán sự tỉnh đã tổ chức cho cán bộ xuống cơ sở để tuyên truyền và tổ chức các đoàn thể Cứu quốc, xây dựng đội tự vệ.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, các đồng chí Dân Tôn Tử (Trần Văn Vi), Tô Ký... từ Bà Rá về Hóc Môn tăng cường cho nhóm Giải phóng. Ngày 20. 3. 1945, nhóm Giải Phóng họp tại Xoài Hột (Mỹ Tho) lập Xứ ủy Nam Kỳ lâm thời và bầu đồng chí Dân Tôn Tử làm Bí thư.

Xứ ủy giải phóng tiếp tục ra báo *Giải phóng* và ra thêm báo *Độc Lập* để tuyên truyền, vận động và tổ chức Việt Minh.

Tháng 4. 1945, Xứ ủy giải phóng lâm thời tổ chức được 10 Tỉnh ủy lâm thời và 6 ban cán sự tỉnh. Trên cơ sở đó, tháng 5. 1945, Xứ ủy lâm thời họp tại Bà Điểm (Hóc Môn) lập ra Xứ ủy chính thức gọi là Ban cán sự Nam Kỳ do Lê Hữu Kiều làm Bí thư.

Đảng bộ Gia Định được Xứ ủy giải phóng trực tiếp chỉ đạo và được tăng cường nhiều cán bộ từ nhà tù về. Tỉnh ủy được củng cố gồm các đồng chí Tô Ký, Phạm Văn Bàng, Huỳnh Văn Thám, Nguyễn Oánh, Trịnh Thị Miến... Hệ thống tổ chức Đảng từ tỉnh xuống xã được kiện toàn. Các tổ chức Cứu quốc (thanh niên, phụ nữ, nông dân...) được xây dựng và hoạt động sôi nổi từ tỉnh xuống thôn, xã.

Tháng 7. 1945, Xứ ủy giải phóng cử đại diện đi dự Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào.

Ngày 16. 8. 1945, Xứ ủy giải phóng cử đại diện tham gia hội nghị mở rộng do Xứ ủy tiền phong tổ chức tại Chợ Đệm để bàn kế hoạch lãnh đạo khởi nghĩa.

Đêm 24. 8. 1945, Xứ ủy giải phóng lãnh đạo nhân dân tham gia khởi nghĩa giành chính quyền tại Sài Gòn.



XIN CHO BIẾT SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC THANH NIÊN TIỀN PHONG Ở SÀI GÒN.

Cuối tháng 3. 1945, Iđá, quyền Tổng trưởng Thanh niên - thể thao Đông Dương ngỏ ý mời bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đứng ra lập một tổ chức thanh niên và để cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch được quyền quyết định về tổ chức, tên gọi, tôn chỉ mục đích, nội dung hoạt động.

Được biết sự gợi ý của Iđá, Xứ ủy tiền phong cân nhắc: Nam Kỳ và đặc biệt là Sài Gòn không có căn cứ cách mạng, lại cũng chưa có được một đội quân cách mạng chính trị đông đảo, nếu chỉ bằng hình thức tổ chức bí mật, thì không thể tập hợp quần chúng rộng rãi để sẵn sàng nắm thời cơ nổi dậy tổng khởi nghĩa.

Theo chủ trương "tương kế, tựu kế", Xứ ủy giao cho đồng chí Phạm Ngọc Thạch cùng một số trí thức, sinh viên yêu nước của thành phố đã được Đảng giác ngộ đứng ra tổ chức thanh niên công khai, hợp pháp thu hút đông đảo quần chúng đứng về phía cách mạng.

Với sự chuẩn bị hết sức khẩn trương, ngày 1. 6. 1945, tổ chức Thanh niên tiên phong ra đời.

Về tổ chức: Dựa vào hình thức tráng sinh của tổ chức Hướng đạo, mọi người từ 18 tuổi đều được vào Thanh niên tiên phong.

Trang phục: áo sơ mi trắng ngắn tay, quần soọc xanh, mũ rộng vành.

Trang bị: tầm vòng vật nhọn, dao găm, cuộn dây thong.

Đoàn ca: bài *Lên đường* của Lưu Hữu Phước.

Cờ: Nền vàng sao đỏ. khẩu hiệu: Thanh niên: Tiến!

Cơ quan ngôn luận: báo *Tiến* ra hàng tuần.

Trụ sở: 14 đường Chamer (nay là đường Nguyễn Huệ).

Hệ thống tổ chức của Thanh niên tiền phong chia thành 4 cấp: Cấp Trung ương (toàn xứ Nam Kỳ), cấp tỉnh (thành), cấp quận (huyện), và cấp xã.

Cơ quan lãnh đạo cao nhất (cấp Trung ương) là Hội đồng quản trị gồm 21 người Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Việt Nam, Nguyễn Văn Thủ, Huỳnh Văn Tiểng, Nguyễn Văn Tư, Huỳnh Tấn Phát, Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Nguyễn Lưu, Thái Văn Lung, Trần Bửu Kiếm, Kha Vạn Cân, Hồ Hữu Nhật, Hồ Văn Lái, Nguyễn Đăng, Lê Văn Nhàn, Võ Văn Khả, Nguyễn Văn Đức, Trần Kim Quang, Hoàng Đôn Văn, Huỳnh Bá Nhung. Người đứng đầu các cấp gọi là Thủ lĩnh. Đứng đầu Hội đồng quản trị là Phạm Ngọc Thạch. Đảng đoàn trong Hội đồng quản trị cũng do Phạm Ngọc Thạch làm Bí thư. Phần lớn thủ lĩnh Thanh niên tiền phong là những người yêu nước, cảm tình Đảng hoặc đảng viên cộng sản do các cấp ủy Đảng cử ra. Song để giữ thế hợp pháp, các thủ lĩnh này vẫn do Minoda ký quyết định và qua đó Thanh niên tiền phong còn tranh thủ được Minoda.

Phong trào Thanh niên tiền phong phát triển rất mạnh "như sóng, như gió". Cho đến trước ngày khởi nghĩa, Thanh niên tiền phong tổ chức ba lần biểu dương lực lượng: lần đầu vào ngày 15. 7. 1945 ở Vườn Ông Thượng (Tao Đàn

- Sài Gòn), lần thứ hai vào hai ngày 4 và 5. 8 ở thị xã Cần Thơ có tính chất Trung ương (toàn Xứ) có 20 tỉnh tham dự, lần thứ ba cũng tại Vườn Ông Thượng (Tao Đàn - Sài Gòn).

Thanh niên tiên phong đã lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Vì vậy một số nơi tổ chức Thanh niên tiên phong phụ nữ, Thanh niên tiên phong phụ lão, Thanh niên tiên phong thiếu nhi... Trong công nhân có Thanh niên tiên phong Ban xí nghiệp. Thực chất Thanh niên tiên phong Ban xí nghiệp chính là tổ chức Công đoàn lấy danh nghĩa Thanh niên tiên phong ra để hoạt động công khai.

Sau ba tháng hoạt động, Thanh niên tiên phong phát triển ra toàn Nam Bộ với 1.200.000 đoàn viên. Riêng Sài Gòn có 200.000 đoàn viên với 200 trụ sở đặt ở các đường phố, công xưởng, trường học và 120.000 đoàn viên Công đoàn trong tổ chức Thanh niên tiên phong.

Xứ ủy, Thành ủy bố trí đảng viên, cán bộ cốt cán nằm ở những vị trí then chốt trong Thanh niên tiên phong. Với kinh nghiệm và uy tín hoạt động của sinh viên, học sinh trong các trại hè, dạ hội ca nhạc, diễn kịch, hoạt động hướng đạo... Thanh niên Tiên Phong đưa ra những nội dung đáp ứng được khát vọng của tuổi trẻ yêu nước được hành động trong thời điểm chuẩn bị khởi nghĩa.

Những bài ca, vở kịch của nhóm Huỳnh Văn Tiểng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước đã nhanh chóng đi vào lòng người, đặc biệt là lớp trẻ, hun đúc ở họ lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc.

Thanh niên tiên phong hàng ngày học quân sự, cứu thương, giữ gìn an ninh trật tự ở công sở, xí nghiệp, trường học, nơi công cộng, nghe phổ biến thời sự, chính trị thường thức, nghe trình bày lịch sử dựng nước, tham gia các hoạt động xã hội như truyền bá chữ quốc ngữ...

Ngày 22. 8. 1945, Thanh niên tiên phong tuyên bố gia nhập vào Mặt trận Việt Minh. Thanh niên tiên phong đã có nhiều đóng góp lớn trong khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8. 1945 ở thành phố và các tỉnh ở Nam Bộ.



021

XIN CHO BIẾT BỐI CẢNH RA ĐỜI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA BẢN CHỈ THỊ "NHẬT PHÁP BẢN NHAU VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CHÚNG TA".

Đúng như dự đoán của Đảng ta, những mâu thuẫn đối kháng ngày càng gay gắt giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương và tình thế khốn quẫn của Nhật ở Thái Bình Dương đã buộc phát xít Nhật phải làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương và ngăn chặn mối họa sau lưng khi quân Đồng minh tiến vào. Ngày 8. 3. 1945, có tin từ cơ sở của ta ở Hà Nội báo cáo cho Ban Thường vụ Trung ương biết việc toàn quyền Decoux bị bọn cầm quyền Nhật gọi vào Sài Gòn có việc cần, sau đó Decoux bị Nhật giữ lại và có những dấu hiệu chuẩn bị chiến đấu của quân đội Nhật đóng ở Đông Dương. Trước tình hình ấy, đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng nhận định: Nhật sắp lật Pháp đến nơi. Đồng chí liền triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng vào tối ngày 9. 3. 1945. Hội nghị bắt đầu họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh) thì phát xít Nhật cũng bắt đầu nổ súng đánh Pháp ở Hà Nội và trên toàn cõi Đông Dương. Hội nghị họp từ tối ngày 9 đến ngày 12. 3. 1945, gồm các đồng chí Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Lê Đức Thọ, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Văn Trân...

Hội nghị đoán trước sự thất bại của Pháp, thắng lợi tạm thời của quân đội Nhật, vì bọn Pháp ở Đông Dương không có tinh thần chiến đấu, thiếu vũ khí hiện đại và không thống nhất hành động với các lực lượng chống Nhật của nhân dân Đông Dương. Hội nghị nhận định rằng cuộc đảo chính đã tạo ra một tình hình khủng hoảng chính trị sâu sắc, làm cho những điều kiện của cuộc khởi nghĩa ở Đông Dương chưa chín muồi đang đi tới chín muồi nhanh chóng. Ba cơ hội tốt giúp cho cuộc khởi nghĩa chín muồi nhanh chóng là:

- a) Chính trị khủng hoảng (quân thù không rảnh tay đối phó với cách mạng)
- b) Nạn đói ghê gớm (quần chúng oán ghét quân cướp nước)
- c) Chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt (Đồng Minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật).

Vì vậy, lúc đó là thời kỳ tiền khởi nghĩa và nhiệm vụ của Đảng là phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, lãnh đạo toàn dân gấp rút chuẩn bị, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Về đối tượng của cách mạng, Hội nghị nhận định "Sau cuộc đảo chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể, trước mắt duy nhất của nhân dân Đông Dương". Hội nghị đã thay khẩu hiệu "đánh đuổi Nhật - Pháp" trước đây bằng khẩu hiệu "đánh đuổi phát xít Nhật" và đề ra việc thành lập "chính quyền cách mạng của nhân dân".

Hội nghị quyết định "thay đổi mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh cho phù hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa", nhất là phải cổ động quần chúng mạnh

dạn ra đường đấu tranh, phá kho thóc của bọn đế quốc để giải quyết nạn đói.

Hội nghị nêu trường hợp thuận lợi cho tổng khởi nghĩa là khi quân Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật. Nhưng Hội nghị cũng nêu cao tinh thần dựa vào sức mình là chính của nhân dân Việt Nam.

Toàn bộ những nhận định đúng đắn và quyết định quan trọng của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng đã được ghi rõ trong bản Chỉ thị lịch sử ngày 12. 3. 1945: Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta. Nó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Mặt trận Việt Minh trong cao trào chống Nhật, cứu nước và có tác dụng quyết định trực tiếp đối với thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám.



HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC CỦA ĐẢNG HỢP Ở TÂN TRÀO VÀO NGÀY, THÁNG, NĂM NÀO VÀ HỘI NGHỊ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG GÌ?

Ngày 14. 8. 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc ở Tân Trào (Tuyên Quang). Tham dự Hội nghị có đủ đại biểu các Đảng bộ Bắc, Trung, Nam*, một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài, đại biểu Khu giải phóng và đại biểu các chiến khu.

Hội nghị vừa khai mạc thì nhận được tin phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng Minh. Trong tình hình vô cùng khẩn trương, Hội nghị đã làm việc hai ngày từ ngày 14 đến ngày 15. 8.

Nội dung nghị quyết của Hội nghị gồm 11 phần:

1. Tình hình thế giới.
2. Tình hình Đông Dương.
3. Chủ trương của Đảng.

* Đảng bộ Nam Kỳ cử đi tham dự Hội nghị hai đoàn: Đoàn của Xứ ủy tiền phong có hai đồng chí là Ung Văn Khiêm và Hà Huy Giáp đến kịp, còn đoàn của Xứ ủy giải phóng do đồng chí Nguyễn Thị Thập dẫn đầu không đến kịp.

4. Vấn đề ngoại giao.
5. Việc tuyên truyền cổ động.
6. Nhiệm vụ quân sự.
7. Nhiệm vụ kinh tế.
8. Vấn đề giao thông.
9. Vận động các giới và các đảng phái.
10. Vấn đề cán bộ.
11. Vấn đề Đảng.

Sau khi phân tích những điều kiện khách quan và chủ quan đã chín muồi để cuộc tổng khởi nghĩa có thể nổ ra và thắng lợi, Hội nghị quyết định Đảng phải kịp thời phát động và lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa để giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và bọn bù nhìn tay sai của chúng, trước khi quân Đồng Minh vào Việt Nam.

Nghị quyết Hội nghị đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ vừa ra đời sau Cách mạng Tháng Tám.

Sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, ngày 16 và 17. 8. 1945, Đại hội quốc dân cũng được long trọng tổ chức tại Tân Trào. Đại hội đã quy định Quốc kỳ, Quốc thiều của nước ta và cử ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam tức Chính phủ lâm thời do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Ở Nam Bộ hai đoàn đại biểu đi dự Hội nghị toàn quốc của Đảng về muộn nên không kịp truyền đạt nghị quyết của Hội nghị.



**XỨ ỦY NAM KỲ ĐÃ TỔ CHỨC MẤY CUỘC HỌP
NÀO ĐỂ BÀN VIỆC LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
ĐỨNG LÊN KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN
THÁNG 8. 1945, CÁC CUỘC HỌP NÀY ĐƯỢC TỔ
CHỨC Ở ĐÂU VÀ ĐÃ CÓ NHỮNG QUYẾT ĐỊNH GÌ?**

Sau khi được tin quân Nhật đầu hàng, căn cứ vào chủ trương vạch ra từ trước của Xứ ủy: Khởi nghĩa phải giành thắng lợi trước tiên ở Sài Gòn với sự hỗ trợ của nông thôn, Xứ ủy cùng Thành ủy và Tỉnh ủy Gia Định đã trực tiếp lãnh đạo nhân dân vùng lên giành chính quyền.

Ngày 15. 8. 1945, Xứ ủy tiên phong lập Ủy ban khởi nghĩa.

Ngày 16. 8. 1945, Xứ ủy tiên phong họp Hội nghị mở rộng tại chợ Đệm (nay thuộc Bình Chánh). Đại đa số những người tham dự Hội nghị cho rằng thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi. Theo đề nghị của Ủy ban khởi nghĩa thì có thể "bấm nút khởi nghĩa" ở Sài Gòn vào ngày 17 hoặc 18. 8. Các đồng chí tán thành khởi nghĩa phân tích: quân Đồng minh sẽ vào, thực dân Pháp sẽ đặt lại ách thống trị ở Đông Dương, nếu chần chờ không khởi nghĩa sẽ mất thời cơ. Số đồng chí không tán thành khởi nghĩa cũng đưa ra nhiều lý do: quân Nhật đóng ở Sài Gòn còn đông, chúng sẽ theo lệnh của Đồng minh đàn áp cách mạng, cần phải rút bài

học của khởi nghĩa Nam Kỳ. Hội nghị kéo đến sáng 17. 8 mà hai bên thảo luận vẫn chưa ngã ngũ. Xứ ủy quyết định tạm ngưng hội nghị với tinh thần:

- Giữ vững và tăng cường tổ chức, sẵn sàng khởi nghĩa. Công tác chuẩn bị khởi nghĩa phải được xúc tiến tốt hơn.

- Khi có tin Hà Nội khởi nghĩa, thì Sài Gòn phải lập tức khởi nghĩa.

Sáng ngày 21. 8, sau khi được tin Hà Nội khởi nghĩa, Hội nghị Xứ ủy mở rộng của Xứ ủy tiền phong lại họp tiếp. Tại cuộc họp này tưởng có thể thống nhất cho thành phố khởi nghĩa vào đêm 22. 8, nhưng mấy đồng chí không tán thành khởi nghĩa lại tiếp tục phân tích tình hình, so sánh lực lượng giữa ta và Nhật ở ngoài Bắc và trong Nam, cho rằng Đồng Minh "rút kinh nghiệm" ở Hà Nội sẽ ra lệnh cho Nhật đàn áp khởi nghĩa ở Sài Gòn. Cuối cùng, theo đề nghị của đồng chí Trần Văn Giàu, Bí thư xứ ủy, đại diện Tỉnh ủy Tân An lãnh nhiệm vụ khởi nghĩa "thí điểm". Hội nghị quyết định Tân An sẽ khởi nghĩa vào đêm 22 rạng ngày 23. 8. Hội nghị tiếp tục giải quyết những vấn đề tổ chức khởi nghĩa ở Sài Gòn như ngày giờ, cách thức khởi nghĩa, việc huy động lực lượng nông dân "vành đai đỏ", chỉ định danh sách Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Kỳ...

Sáng sớm ngày 23. 8 được tin Tân An đã khởi nghĩa thắng lợi, quân Nhật không phản ứng gì, Xứ ủy tiền phong lại họp và quyết định đêm 24. 8 Sài Gòn sẽ khởi nghĩa theo kế hoạch đã vạch ra và sáng 25 sẽ có biểu tình vũ trang gồm nhân dân thành phố và mấy tỉnh chung quanh, Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ ra mắt quốc dân đồng bào.



**XIN CHO BIẾT VỀ DIỄN BIẾN CUỘC TỔNG KHỞI
NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THÁNG 8. 1945 Ở
SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH VÀ CUỘC MÍT
TINH MỪNG NGÀY ĐỘC LẬP CỦA NHÂN DÂN
NAM BỘ NGÀY 2. 9. 1945.**

1. Diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định: Ngày 20. 8, Mặt trận Việt Minh ra công khai ở thành phố.

Ngày 21. 8, cờ đỏ sao vàng tung bay trên đường Galliéni (nay là đường Trần Hưng Đạo).

Sáng ngày 24. 8. 1945, Đảng ra công khai. Đồng đảo quần chúng tụ tập trước nhà bác sĩ Phạm Ngọc Thạch để ngắm nhìn cờ đỏ búa liềm tung bay.

Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy và các cấp bộ Đảng, ngay từ chiều 24. 8, quần chúng cách mạng của Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh Gia Định, Tân Bình, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Biên Hòa, Bến Tre, Tân An, Thủ Dầu Một... từng đoàn công nhân, nông dân, thanh niên có tổ chức, mang theo giáo, mác, tấm vông vạt nhọn... bằng mọi phương tiện rầm rập kéo về nội thành Sài Gòn để tham gia giành chính quyền theo kế hoạch của Xứ ủy. Đoàn viên Công đoàn và Thanh niên tiên phong đã có mặt ở khắp mọi nơi để sẵn sàng chiếm lĩnh những mục tiêu được phân công.

Từ 19 giờ ngày 24, quân khởi nghĩa tiến chiếm các Sở Công an, Sở Cảnh sát, Nhà ga, Bưu điện, Nhà đèn, các quận, bót cảnh sát... Vào lúc 22 giờ, Tráng đoàn Lê Lai thuộc Thanh niên tiên phong chiếm dinh Khâm sai. Cờ ba que bị hạ xuống, cờ đỏ sao vàng được dương lên. Cuộc chiếm "Soái Phủ Nam Kỳ" không vấp phải sự kháng cự nào vì hầu hết những viên chức cao cấp đều đã tham gia Thanh niên tiên phong. Riêng tại Sở mật thám (lính kín) Catinat, có sự chống cự một cách yếu ớt nhưng liền bị lực lượng khởi nghĩa đè bẹp ngay.

Sáng sớm ngày 25. 8, cả triệu quân chúng Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh lân cận ào ạt kéo vào thành phố, quyết tâm khởi nghĩa giành chính quyền hùng hục khí thế cách mạng. Đoàn người hô vang như sấm dậy khẩu hiệu "Việt Nam hoàn toàn độc lập!", "Tất cả chính quyền về tay Việt Minh!", "Mặt trận Việt Minh muôn năm!", "Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm!", "Độc lập hay là chết!".

Cờ đỏ sao vàng tràn ngập đường phố, phát phới bay hiên ngang trên các công sở.

Quân chúng như một biển người khéo vẽ dự mít tinh, hoan nghênh Ủy ban nhân dân Nam Kỳ rồi tỏa ra điều hành khắp nơi.

Trưa ngày 25. 8. 1945, một cánh quân trong đoàn người biểu tình từ thành phố kéo trở lại Bà Chiểu, tiến thẳng vào Tòa bố Gia Định. Lính gác bỏ súng đầu hàng. Tỉnh trưởng Nguyễn Phước Lộc cúi đầu xin nhận lệnh của Cách mạng.

Cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định đã thành công nhanh chóng, trọn vẹn và không phải đổ máu.

2. Cuộc mít tinh mừng ngày độc lập của nhân dân Nam Bộ: Ngày 2. 9. 1945, Nam Bộ tổ chức mít tinh chào mừng Ngày độc lập, tại một địa điểm gần nhà thờ Đức Bà. Hơn

một triệu người từ nhiều tỉnh và thành phố hăm hở chờ được nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại quảng trường Ba Đình (Hà Nội). Vì không nhận được tín hiệu phát ra từ Hà Nội nên Ban tổ chức đã có sáng kiến giới thiệu đồng chí Phạm Ngọc Thạch thay mặt Chính phủ, đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn đại diện cho Xứ ủy và đồng chí Trần Văn Giàu, Chủ tịch Lâm thời Hành chính, kêu gọi nhân dân đoàn kết chung quanh Chính phủ Hồ Chí Minh, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi mưu đồ của thực dân đế quốc trở lại xâm lược nước ta lần nữa.

Khi cuộc mít tinh chuyển sang biểu tình tuần hành, một số binh lính của thực dân Pháp núp trên những tầng cao chung quanh đã nổ súng bắn vào đoàn biểu tình, làm chết 47 người và nhiều người bị thương. Đoàn người biểu tình hiểu ngay rằng đây là hành động nằm trong âm mưu của thực dân Pháp muốn quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Hàng triệu người như một vẫn giữ hàng ngũ chỉnh tề, những đội viên vũ trang, thanh niên và nhiều quần chúng đã xông lên các nhà cao tầng vây bắt những tên lính Pháp vừa gây ra tội ác.

Cũng trong thời gian này, thực dân Pháp còn có nhiều hành động khiêu khích ta một cách hết sức trắng trợn. Ngày 4. 9. Tướng Anh Gracey, Trưởng phái bộ Đồng Minh có nhiệm vụ tiếp nhận sự đầu hàng của quân đội Nhật, ra lệnh cho quân đội Nhật phải điều quân từ các nơi về "giữ trật tự" trong thành phố, đồng thời ép chính quyền cách mạng "giải tán lực lượng vũ trang", ngăn cản quần chúng xuống đường biểu tình.

Trước hành động khiêu khích của quân đội Pháp, các tầng lớp nhân dân thành phố đã đứng lên đấu tranh phản đối. Đi đầu là giới công nhân, ngay trong đêm 4. 9, đã kéo đến Tổng Công đoàn Nam Bộ số 171 đường Kitchner (nay

là đường Nguyễn Thái Học) biểu dương lực lượng và tuyên thệ "Là chiến sĩ xung phong Công đoàn, xin thề trước bàn thờ Tổ quốc: Quyết cùng anh em lao động không nản chí trước khó khăn, không lùi bước trước nguy hiểm để cùng đồng bào bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn non sông".

Ngày 13. 9, hàng vạn nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn biểu tình, tuần hành thị uy lên án, phản đối quân Anh, đòi phái bộ Anh phải trả lại trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ, đòi quân Pháp phải hạ cờ Pháp treo ở dinh Toàn quyền.

Bất chấp những thiện chí của ta, đêm 22 rạng ngày 23. 9. 1945, được sự hậu thuẫn của quân Đồng Minh, thực dân Pháp bất ngờ tấn công vào chiếm các trụ sở của ta, trong đêm này nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đã đứng lên nổ súng để bảo vệ chính quyền cách mạng. Tiếng súng mở đầu cho quân và dân Nam Bộ bước vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.



025

**XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA VÀ NGUYÊN NHÂN
THẮNG LỢI CỦA CUỘC TỔNG KHỞI NGHĨA
GIÀNH CHÍNH QUYỀN THÁNG 8. 1945
Ở SÀI GÒN - CHỢ LỚN VÀ GIA ĐỊNH.**

Về ý nghĩa thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám ở Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định:

- Cuộc khởi nghĩa ngày 25. 8. 1945 thành công ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định mang yếu tố quyết định, sức mạnh cổ vũ đối với các cuộc khởi nghĩa của các tỉnh, thành ở Nam Bộ vì Sài Gòn lúc đó đóng vai trò trung tâm chính trị quân sự, kinh tế, là thủ phủ của bè lũ xâm lược và tay sai đối với Nam Bộ, Nam Trung Bộ nên khi chính quyền ấy bị đánh đổ thì bộ máy hành chính, quân sự của chúng ở các tỉnh bị rệu rã, không còn sức để chống lại phong trào cách mạng của quần chúng. Thực tiễn Cách mạng tháng Tám ở các tỉnh Nam Bộ đã chứng minh như vậy. Chỉ một ngày sau Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định giành được chính quyền, các tỉnh Nam Bộ đã giành được chính quyền đồng loạt trong một ngày đó là ngày 26. 8. 1945.

- Thắng lợi của cuộc vận động Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã tạo ra sự thay đổi căn bản trong đời sống chính trị của người dân thành phố. Từ đây người dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia

Định từ thân phận nô lệ trở thành người tự do của một quốc gia có chủ quyền.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã tạo ra cho sự nghĩa Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước nhanh chóng giành được thắng lợi để ra đời nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á vào ngày 2. 9. 1945.

Nói về tầm quan trọng của cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, tiếp theo khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, đồng chí Lê Duẩn đã khẳng định "Cách mạng Tháng Tám là một cuộc tổng khởi nghĩa kết hợp tài tình đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, một cuộc nổi dậy đồng loạt ở cả thành thị lẫn nông thôn mà đòn quyết định là các cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn"*.

Thắng lợi có ý nghĩa chính trị, giá trị tinh thần và những bài học kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng của Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trong Cách mạng Tháng Tám 1945 là nguồn sức mạnh để nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, nhân dân Nam Bộ thực hiện cuộc kháng chiến chống lại cuộc xâm lược lần thứ hai đối với nước ta của thực dân Pháp trong 9 năm và tiếp đó là cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 21 năm. Với ý chí, sức mạnh mỗi ngày một lớn lên góp phần cùng cả nước tạo nên đại thắng mùa xuân với chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào năm 1975.

Về nguyên nhân thắng lợi:

* Lê Duẩn, Cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Tập II, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 649.

- Cách mạng Tháng Tám ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định là một bộ phận của cuộc Tổng khởi nghĩa do Đảng ta lãnh đạo. Nó không những là kết quả trực tiếp của cuộc vận động giải phóng dân tộc thời kỳ 1939 - 1945, mà còn là kết quả của quá trình vận động cách mạng từ năm 1929 - 1930, khi các tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời và Đảng bộ Thành phố cùng Đảng bộ tỉnh Gia Định hình thành. Trải qua 15 năm chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ, vượt qua muôn trùng khó khăn, bất chấp sự khủng bố, tàn sát của kẻ thù. Đảng bộ Thành phố và Đảng bộ Gia Định đã kiên trì bám chặt trong quần chúng, kiên trì phát động và lãnh đạo nhân dân nổi dậy đấu tranh với những cao trào 1930 - 1931, 1936 - 1939, với Nam Kỳ Khởi Nghĩa 1940. Những cao trào đó thực sự là những cuộc tổng diễn tập của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945. Qua những cao trào đó, Đảng bộ đã rút ra được những kinh nghiệm vô cùng phong phú về nhiều mặt, nhất là về vận động, phát động quần chúng, về khoa học và nghệ thuật giành chính quyền.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám tại Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định là kết quả của sự vận dụng đúng đắn và sáng tạo đường lối cách mạng của Đảng, đường lối giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và chống phong kiến. Ngay từ năm 1930, khi Đảng bộ mới hình thành đã xây dựng được khối đoàn kết công nông liên minh vững chắc, làm cơ sở cho việc tập hợp các lực lượng yêu nước thành một mặt trận chung chống đế quốc và phong kiến. Năm 1945, cùng với Mặt trận Việt Minh, với các tổ chức Công đoàn, tổ chức Thanh niên tiên phong, với các tổ chức khác thu hút mọi tầng lớp nhân dân trong thành phố và vùng nông thôn ngoại thành (Gia Định) thực sự hình thành một Mặt

trần nhân dân rộng lớn áp đảo hẳn bọn phát xít và bè lũ tay sai, tiến lên giành chính quyền một cách nhanh gọn. Đó là cuộc nổi dậy đồng loạt của toàn dân mà đội quân chủ lực là công nhân và nông dân.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám còn là kết quả của quá trình xây dựng Đảng bộ Thành phố cũng như Đảng bộ Gia Định. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng bộ Thành phố và Đảng bộ tỉnh Gia Định đã bị địch khủng bố, tàn sát vô cùng ác liệt. Nhưng bọn đế quốc cũng như phát xít Nhật và bè lũ tay sai không thể nào tiêu diệt được. Lớp người trước ngã xuống, lớp người sau đứng lên. Cơ sở Đảng bị phá vỡ liên tục, nhưng cũng liên tiếp được khôi phục, và từng bước trưởng thành trong thực tiễn đấu tranh.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định thể hiện sức mạnh to lớn của các tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc.



026

SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945, ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ ĐÃ THỰC HIỆN VIỆC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, LỰC LƯỢNG VŨ TRANG VÀ CÁC TỔ CHỨC QUÂN CHÚNG NHƯ THẾ NÀO ĐỂ BẢO VỆ THÀNH PHỐ?

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Xứ ủy Nam Bộ (Tiền Phong) và Lâm ủy hành chính Nam Bộ đóng trụ sở tại Sài Gòn - Chợ Lớn và trực tiếp lãnh đạo Thành ủy, trong những ngày đầu thành phố giành được chính quyền. Ngày 27. 8. 1945 đồng chí Hoàng Quốc Việt, đại diện cho Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh cùng đồng chí Cao Hồng Lĩnh chuyên gia quân sự tới Sài Gòn. Đồng chí Hoàng Quốc Việt đã gặp Xứ ủy (Tiền phong) và Lâm ủy Hành chính Nam Bộ, sau khi bàn bạc đã đi đến quyết định: Đổi tên Lâm ủy hành chính Nam bộ thành Ủy ban nhân dân Nam Bộ, mở rộng thành phần, mời thêm những nhân sĩ, trí thức yêu nước, đại diện một số tôn giáo vào Mặt trận Việt Minh và vào trong Ủy ban nhân dân Nam bộ.

Lâm ủy hành chính Nam Bộ trước đây do đồng chí Trần Văn Giàu là Chủ tịch được thay bằng ông Phạm Văn Bạch, luật sư làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Trần Văn Giàu làm Phó Chủ tịch phụ trách quân sự.

Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn vẫn do đồng chí Nguyễn Văn Kính (Thượng Vũ) làm Bí thư. Tỉnh Gia Định vẫn giữ nguyên hai tỉnh ủy: Tiền Phong (Phạm Văn Khung làm Bí thư) và Giải phóng (Huỳnh Văn Thóm làm Bí thư). Sài Gòn - Chợ Lớn vẫn giữ nguyên bộ máy tổ chức cũ do người của cách mạng nắm giữ (Kha Vạn Cân làm Chủ tịch, Phan Văn Chương làm Phó Chủ tịch).

Ngay sau khi giành được chính quyền ngày 25. 8. 1945 Đảng bộ thành phố bắt tay ngay vào việc xây dựng Đảng, chính quyền tổ chức đoàn thể quần chúng từ cơ sở đến thành phố, trước hết lãnh đạo giữ gìn trật tự trị an, bảo đảm những hoạt động bình thường của các cơ sở thiết yếu phục vụ cuộc sống của nhân dân thành phố như: giao thông vận tải, điện, nước, y tế, vệ sinh....

Cũng như trong các thời kỳ cách mạng trước đây, trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8. 1945, thành phố đã đào tạo, rèn luyện một lớp cán bộ, đảng viên trung kiên trưởng thành trong công tác Mặt trận, đoàn thể, công tác Đảng, bước đầu học tập quân sự, học tập công tác chính quyền.

Trước những hành động khiêu khích của bọn phản động Pháp, tại cuộc mít tinh đón chào ngày độc lập 2. 9. 1945 tại Quảng trường Norodom (nay là khu vực nhà thờ Đức Bà), trên khắp các địa bàn nội, ngoại thành phố, phong trào cách mạng như một dòng thác sôi sục, mạnh mẽ lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Từ thành phố đến các hộ, làng, xã, ta gấp rút củng cố tổ chức Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cách mạng và Đảng đã có từ trước và sau ngày 25. 8. 1945. Thành phần tham gia Mặt trận Việt Minh được mở rộng gồm trí thức, nhân sĩ, chức sắc tôn giáo và quan chức cũ (do Nguyễn Văn Kính phụ trách). Các tổ chức đoàn thể cách mạng như công nhân, nông dân, thanh

niên, phụ nữ cứu quốc được củng cố và hoạt động rầm rộ. Các đội Thanh niên tiên phong (riêng trong các xí nghiệp, con số lên tới 20 vạn) chuyển thành Thanh niên cứu quốc.

Chỉ trong một thời gian ngắn, các tổ, đội vũ trang được gấp rút hình thành. Đại bộ phận trong số họ là từ đoàn viên Công đoàn, Thanh niên tiên phong ban xí nghiệp đã được tổ chức trong tổng khởi nghĩa, những công nhân, nông dân, thanh niên học sinh, lao động thành thị, trí thức... chỉ có gậy tầm vông, giáo mác hoặc tay không, nhưng tinh thần đặc biệt hăng hái. Cán bộ nòng cốt trong các lực lượng này do Tổng Công đoàn tổ chức ngay từ đầu.

Ngay chiều ngày 2. 9, đồng chí Nguyễn Lưu, phụ trách Tổng Công đoàn Nam Bộ, được lệnh của đồng chí Trần Văn Giàu thành lập ngay lực lượng vũ trang của công nhân để bảo vệ chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng. Chỉ trong hai ngày, Tổng Công đoàn Nam Bộ đã tổ chức xong 360 tổ xung phong Công đoàn, lúc đầu mới chỉ có 60 cây súng, còn lại là gậy gộc, dao búa. Một Ban chỉ huy được chỉ định gồm: Nguyễn Lưu (chỉ huy trưởng), Từ Văn Ri (chỉ huy phó), Huỳnh Đình Hai (tham mưu trưởng) và các ủy viên Trần Minh Quyền, Nguyễn Cao, Nguyễn Văn Tư. Đêm 4. 9, lực lượng công nhân vũ trang Sài Gòn hội tụ tại trụ sở Tổng Công đoàn Nam Bộ số 72 đường Lagrandière (nay là đường Lý Tự Trọng) lập bàn thờ Tổ quốc, họp mít tinh, tuyên thệ "Là chiến sĩ xung phong Công đoàn, xin thề trước bàn thờ Tổ quốc quyết cùng anh em lao động không nản chí trước khó khăn, không lùi bước trước nguy hiểm để cùng đồng bào bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn non sông".

Cùng lúc, ở ngoại ô thành phố tại các tỉnh Chợ Lớn, Gia Định, hàng loạt thanh niên nông dân ngoại thành và công nhân trong thành phố tự nguyện thoát ly cũng lần lượt tập hợp thành những nhóm vũ trang nhỏ lẻ do các đảng

viên cũ kêu gọi và chỉ huy, như các bộ phận của Cao Đức Luốc, Huỳnh Tấn Chùa, Tô Ký, Nguyễn Văn Thước, Huỳnh Văn Một (phía Tây Bắc), Phạm Văn Khung, Nguyễn Văn Công, Thái Văn Lung, Đào Sơn Tây, Trần Thắng Minh (phía Đông Bắc), Trương Văn Bang, Dương Văn Dương, Nguyễn Văn Mạnh (phía Đông Nam Sài Gòn - Gia Định).

Các đội xung phong Công đoàn và nhóm vũ trang kể trên trở thành những đơn vị vũ trang nòng cốt tại chỗ của Sài Gòn - Gia Định trong nội và ngoại ô thành phố.

Cùng với các lực lượng do ta tổ chức, Ủy ban nhân dân Nam Bộ tiếp nhận một đơn vị vũ trang có tên là Đệ Nhất sư đoàn dân quân cách mạng, lúc đầu do Kiều Công Cung, sau đó Trương Văn Giàu chỉ huy, và đặt tên là Cộng hòa vệ binh. Thành phần của Cộng hòa vệ binh gồm 3 đoàn bảo an binh của chính quyền cũ, được bổ sung thêm nhiều thanh niên, học sinh, công nhân và một số đảng viên cộng sản đưa vào làm nòng cốt, có số lượng khoảng 10.000 người, với khoảng 400 súng các loại.

Mặc dù thời gian quá ngắn (chỉ 28 ngày độc lập) nhưng Đảng bộ và nhân dân thành phố đã nỗ lực tạo được một số điều kiện quan trọng, xây dựng củng cố chính quyền cách mạng non trẻ, xây dựng các đoàn thể kháng chiến, hình thành các đơn vị vũ trang và đặc biệt động viên được một ý chí, một tinh thần quyết chiến đấu bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc vừa giành được.



ÂM MƯU TRỞ LẠI XÂM LƯỢC NƯỚC TA LẦN THỨ HAI ĐƯỢC THỰC DÂN PHÁP THỰC HIỆN TỪNG BƯỚC NHƯ THẾ NÀO Ở SÀI GÒN - CHỢ LỚN?

Ý định trở lại xâm lược Đông Dương của giới quân phiệt Pháp càng trở nên thôi thúc từ sau khi nước Pháp được giải phóng. Ngày 17. 8. 1945, lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông (FEFEO) - gồm sư đoàn thuộc địa số 9 (9e DIC do VA-LUY (Valluy) chỉ huy, binh đoàn thiết giáp do Massu chỉ huy và sư đoàn bộ binh thuộc địa số 3 (3e DIC) được thành lập và đưa sang Đông Dương. Ngay sau đó, FEFEO đổi thành đạo quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông. Tổng chỉ huy lực lượng lục quân Pháp ở Viễn Đông là tướng Leclerc, Đô đốc D'Argenlieu được cử làm cao ủy kiêm tổng tư lệnh hải lục quân, không quân Pháp ở Viễn Đông.

Cùng ngày thành lập lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông, Leclerc đi Kandy và được tướng Mountbatten tư lệnh lục quân Anh ở Đông Nam Á hứa giúp đỡ quân Pháp trở lại Đông Dương, dù Mountbatten biết hội nghị Potsdam ngăn cấm hành động này.

Hạ tuần tháng 8. 1945, một kế hoạch dùng biệt kích nhảy dù xuống vùng rừng núi Việt Nam, Lào phối hợp với bốn tàn binh tại chỗ chuẩn bị tiếp đón quân viễn chinh được vạch định. Một đại đội biệt kích theo quân Anh sang

làm nhiệm vụ tiền trạm ở Đông Dương nhận được lệnh của Leclerc khẩn tốc lên đường.

Ngày 22. 8. 1945, một máy bay không quân Hoàng gia Anh thả một nhóm nhân viên quân sự và dân sự xuống Tây Ninh, khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia. Đại tá Cedille người được chính phủ Pháp cử làm ủy viên Cộng hòa Pháp tại miền Nam Việt Nam có mặt trong nhóm nhảy dù này.

Cedille bị thanh niên địa phương bắt, được bọn Nhật giành lại và đưa về Sài Gòn.

Ngày 24. 8. 1945, kế hoạch trở lại Đông Dương do Leclerc và Bộ tham mưu quân viễn chinh Pháp vạch ra* được Ủy ban Đông Dương - cải tổ từ Ủy ban hành động giải phóng Đông Dương, thông qua.

Vậy là, đến trước ngày Sài Gòn Tổng khởi nghĩa, việc trở lại Đông Dương của thực dân Pháp đã không còn chỉ nằm trong ý định! Với sự giúp đỡ của quân đội Anh và sự hứa hẹn viện trợ của đế quốc Mỹ, giới quân phiệt Pháp đã quyết tâm chính thức tái lập ách thống trị thực dân kiểu cũ lên Việt Nam, Lào và Campuchia nhằm chiếm sức người, sức của ở khu vực này để hàn gắn vết thương chiến tranh, hầu cứu vãn nền kinh tế xã hội Pháp vừa bị cuộc chiến tranh thế giới thứ hai tàn phá nặng nề.

* Kế hoạch gồm 5 nội dung: 1. Đưa vào sự có mặt của quân Anh để xâm chiếm từ Nam vĩ tuyến 16. 2. Thả dù nhân viên dân sự và lực lượng quân sự xuống lãnh thổ miền Bắc Việt Nam. 3. Xác nhận việc duy trì chủ quyền nước Pháp ở Đông Dương, trước hết là đối với Đông minh. 4. Từng bước giành lại những vùng do Trung Quốc kiểm soát. 5. Về phương diện chính trị mà thương thuyết với các nhân vật.

Ngày 8. 9. 1945 một đại đội Pháp thuộc Trung đoàn Bộ binh thuộc địa số 5 (5e R.I.C) gồm 120 tên bám gót phái bộ Anh đặt chân đến Sài Gòn. Phái bộ Anh giao cho quân Nhật canh gác những nơi quan trọng và buộc ta phải thả những tên Pháp đã gây rối trong ngày 2. 9. 1945 đang bị giam ở khám lớn Sài Gòn.

Ngày 11. 9 tướng Gracey Tư lệnh sư đoàn 20 quân đội Hoàng gia Anh, Trưởng phái bộ đồng minh đặt chân xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Đi theo Gracey là một lữ đoàn thuộc sư đoàn 20 Hoàng gia Anh và hai đại đội còn lại của tiểu đoàn biệt kích thuộc Trung đoàn thuộc địa số 5 Pháp. Hai đại đội biệt kích này không cần phải ngụy trang nữa, mà công khai mặc quân phục Pháp. Liên tiếp từ khi Gracey tới Sài Gòn, quân Anh - Pháp ngang ngược tiến hành hàng loạt biện pháp nhằm từng bước nắm chiếm Sài Gòn. Trước đó một ngày (ngày 10. 9), viên trung tá Roe đại diện phái bộ Anh đóng ở dinh toàn quyền cũ, do Nhật giao lại, đòi chiếm Nam Bộ phủ (dinh Thống đốc Nam Kỳ cũ, hiện là Bảo tàng Cách mạng, 65 Lý Tự Trọng) nơi Ủy ban nhân dân Nam Bộ đang đặt trụ sở. Tới bản doanh phái bộ Anh, việc làm đầu tiên của Gracey là giao cho lính Pháp thay chân Nhật canh gác ở một số nơi, đòi tước khí giới của quân cách mạng, lấy vũ khí của Nhật trang bị cho một số tù binh Pháp bị Nhật giam giữ, giúp thực dân Pháp từng bước tổ chức lại bộ máy cai trị.

Ngày 19. 9. 1945 quân Anh cho Cedille công khai họp báo tuyên bố "Việt Minh không đại diện cho nhân dân Việt Nam và bất lực không giữ được trật tự. Pháp có nhiệm vụ lập lại trật tự và sẽ thành lập một Chính phủ theo tuyên bố ngày 24. 3. 1945 của DeGaulle. Ngày 20. 9, Gracey triển khai các biện pháp thực sự kiểm soát Sài Gòn, làm áp lực buộc ta trao lại các bót cảnh sát quận 2, quận 3 và đòi

quân ta rút ra khỏi thành phố. Ngày 21. 9, Gracey ban hành lệnh thiết quân luật trong toàn thành phố.

Đến ngày 22. 9, lực lượng quân địch đóng tại những địa điểm ở Sài Gòn đã lên tới 10.000, gồm 1 tiểu đoàn biệt kích Pháp thuộc Trung đoàn Bộ binh thuộc địa số 5 (5e RIC - 600 người), tù binh Pháp tái vũ trang thuộc Trung đoàn Bộ binh thuộc địa số 11 (11e RIC - 1.500 người), Pháp kiều có vũ trang (500 người), một lữ đoàn quân đội Hoàng gia Anh (2.500 người) và 7 tiểu đoàn Nhật (5.000 người). Toàn bộ quân địch đã sẵn sàng. Việc nổ súng đánh chiếm toàn thành phố chỉ còn là vấn đề thời gian!

Chính vì thế mà đêm 22 rạng ngày 23. 9. 1945, mặc dù số lượng quân Pháp còn ít, nhưng chúng dựa vào lực lượng và vũ khí của quân Anh, phát động cuộc chiến tranh đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.



028

ĐỨNG TRƯỚC NHỮNG HÀNH ĐỘNG KHIÊU KHÍCH CỦA THỰC DÂN PHÁP, ỦY BAN NHÂN DÂN NAM BỘ ĐÃ LÀM GÌ ĐỂ ĐỐI PHÓ VỚI NHỮNG HÀNH ĐỘNG CỦA PHÁP VÀ CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN NHƯ THẾ NÀO?

Trong điều kiện chính quyền nhân dân mới thành lập, tổ chức Đảng các cấp chưa được thống nhất, lực lượng vũ trang mới ra đời còn phân tán và phức tạp về thành phần, vũ khí thô sơ, chưa có kinh nghiệm tổ chức và thực hành chiến đấu, quân và dân Nam Bộ nhất là Sài Gòn - Chợ Lớn đã phải đương đầu với một kẻ thù đông gấp bội, được trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại, đó là một thử thách hết sức nặng nề.

Ngay từ khi quân Anh kéo vào, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ đã chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ. Để tránh va chạm với Đồng minh, Xứ ủy đã cho các đơn vị bộ đội tập trung rút ra ngoài, trong thành phố chỉ còn lực lượng tự vệ của Công đoàn.

Ủy ban nhân dân Nam Bộ gấp rút xúc tiến chuẩn bị chiến đấu, tổ chức lực lượng, xây dựng các ô chiến đấu ở những nơi xung yếu. Sài Gòn - Chợ Lớn được chia ra từng khu vực, ở mỗi khu vực đều có đội cảm tử để trừ gian

kháng địch giữ an ninh. Cả Sài Gòn - Chợ Lớn có hơn 120.000 đoàn viên Công đoàn, 50.000 thanh niên Tiền Phong thì có gần hàng chục ngàn là đội viên xung phong ngày đêm luyện tập trên các đường phố. Các ban tiếp tế, các hội hồng thập tự được thành lập đã nhanh chóng huy động được nhiều thuốc men, súng đạn, chuẩn bị sẵn sàng.

Mặt khác Ủy ban nhân dân Nam Bộ cho nhân dân nội thành đi sơ tán ra ngoại thành, di chuyển máy móc và những phương tiện cần thiết ra khỏi thành phố, lập đài vô tuyến dự bị, chuyển máy in, đài phát thanh ra vùng Tân Bửu (chợ Đệm) nay là huyện Bình Chánh, rút 2 triệu bạc ở kho bạc ra để làm ngân sách chuẩn bị cho kháng chiến. Ủy ban nhân dân Nam Bộ ra lệnh sẵn sàng Tổng bãi công, chuẩn bị kháng chiến đến cùng. Trên đường phố ta bố trí nghiêm ngặt, canh gác ngày đêm để đối phó với mọi tình huống.

Trước tình hình ngày thêm căng thẳng do quân Đồng minh Anh đồng lõa với thực dân Pháp cố tình gây ra, ngày 19. 9. 1945 nhân danh chính quyền cách mạng, Ủy ban nhân dân Nam Bộ đã ra lời kêu gọi:

"Nếu người Pháp đánh chiếm chính quyền ở đây, nếu họ đem quân đội đến định cướp nước ta, biến đổi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành xứ bảo hộ thuộc địa, dù dưới mặt nạ tự trị nào đi nữa thì quốc dân phải theo lệnh của Chính phủ sẽ:

- Tổng bãi công, không một ai cộng tác với giặc Pháp dưới bất kỳ phương diện nào.

- Kháng chiến đến cùng cho đến ngày toàn thắng để làm cho toàn cầu thấy rằng quốc dân ta quyết giữ nền độc lập, để làm hậu thuẫn cho Chính phủ Trung ương trong cuộc ngoại giao được thắng lợi. Trong kháng chiến ta không

được đụng chạm đến quân Đồng minh, không sát hại đàn bà, trẻ em và dân thường.

Nên chuẩn bị sẵn sàng tổng đình công và mở rộng kháng chiến ngay khi phát tờ lệnh này, đồng thời chờ lệnh chính phủ nếu người Pháp buộc ta phải sử dụng đến thủ đoạn nói trên"*.

Để tỏ thiện chí và tranh thủ thời gian chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, Ủy ban nhân dân Nam Bộ tỏ rõ thái độ tự kiểm chế và có những nhân nhượng có thể chấp nhận được đối với phái bộ Đồng minh Anh. Nhưng thực dân Pháp vốn đã rắp tâm trở lại nắm quyền cai trị Đông Dương, dựa vào quân Anh, mỗi ngày có thêm những hành động khiêu khích, không giấu giếm ý đồ sẽ đánh chiếm thành phố.

Lịch sử một lần nữa thử thách sức sống mãnh liệt của Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ, mà trực tiếp là nhân dân thành phố, nền độc lập 100 năm tranh đấu mới giành được, quyền tự do ước mơ ngàn đời mới có đang bị kẻ thù uy hiếp. Vấn đề đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ, nhân dân thành phố là bảo vệ chính quyền nhân dân trước sức tấn công điên cuồng của kẻ thù lớn mạnh và nguy hiểm. Tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nam Bộ, thành phố luôn biểu thị tinh thần đoàn kết, ý chí kiên cường quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững lời thề tuyên ngôn độc lập "Quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập".

* *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp*, tập 1, Nxb. Quân đội nhân dân Hà Nội 1985, tr. 83



029

TỪ THÁNG 9. 1945 ĐẾN THÁNG 12. 1945, XỨ ỦY NAM BỘ ĐÃ TRIỆU TẬP MẤY CUỘC HỘI NGHỊ? XIN CHO BIẾT THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA TỪNG HỘI NGHỊ.

Từ tháng 9. 1945 đến tháng 12. 1945 Xứ ủy Nam Bộ đã triệu tập 4 cuộc hội nghị.

1. Đêm ngày 22. 9. 1945 thực dân Pháp nổ súng tấn công đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn mở đầu chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Sáng 23. 9. 1945 Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ đã triệu tập cuộc họp khẩn cấp tại số nhà 627-629 đường Cây Mai, Chợ Lớn (nay là đường Nguyễn Trãi, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh) để bàn về chủ trương biện pháp đối phó với địch.

Tham dự hội nghị có các đồng chí Ung Văn Khiêm, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Nguyễn, Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Văn Tiểng... Đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đến Sài Gòn ngày 27. 8 được mời tham dự.

Hội nghị đã phân tích, đánh giá tình hình, so sánh lực lượng địch, ta.

Hội nghị có hai ý kiến được tranh luận khá gay go.

Một bên cho rằng Pháp đã nổ súng đánh chiếm các cơ quan quan trọng của ta, bộc lộ rõ âm mưu xâm lược trắng

trợn của chúng, gây nên sự căm phẫn trong các tầng lớp nhân dân, cho nên không còn con đường nào khác ngoài con đường phải phát động và lãnh đạo nhân dân kiên quyết đứng lên chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ nền độc lập dân tộc vừa mới giành được, ta phải ra lệnh kiên quyết đánh cho dù quân Anh có hỗ trợ che chở.

Một bên cho rằng Pháp đã có âm mưu và hành động xâm lược, tuy nhiên chưa nên hạ lệnh kháng chiến mà hãy ra lệnh tổng bãi công, bãi thị, không hợp tác với địch, hãy điện ra Trung ương xin ý kiến, chờ lệnh của Trung ương. Ý kiến này dựa vào bức điện ngày 22. 9 của Trung ương gọi cho đồng chí Hoàng Quốc Việt và Xứ ủy Nam Bộ nhắc nhở phải hết sức tránh đụng chạm với quân Đồng minh, tránh tạo cơ cho kẻ thù hợp tác với nhau tiến công xóa bỏ chính quyền cách mạng. Sau hai giờ tranh luận căng thẳng Hội nghị đã quyết định phát động toàn dân kháng chiến cứu nước đồng thời điện báo gấp ra Trung ương xin chỉ thị. Hội nghị đã quyết định thành lập Ủy ban kháng chiến Nam Bộ do đồng chí Trần Văn Giàu làm Chủ tịch và sau đó Ủy ban kháng chiến Nam Bộ chỉ đạo thành lập Ủy ban kháng chiến Sài Gòn - Chợ Lớn do đồng chí Nguyễn Văn Tư làm Chủ tịch.

2. Khi giặc Pháp phá vỡ vòng vây Sài Gòn - Chợ Lớn đánh chiếm ra các tỉnh Nam Bộ, để kịp thời ứng phó với tình hình ngày 15. 10. 1945 tại Cầu Vĩ (Mỹ Tho) Xứ ủy đã triệu tập hội nghị cán bộ toàn xứ để bàn việc thống nhất Đảng và thống nhất Việt Minh. Hội nghị tập trung thảo luận về xây dựng Đảng, củng cố tổ chức Việt Minh và các đoàn thể kháng chiến, khắc phục tình trạng tồn tại song song hai Xứ ủy tiền phong và giải phóng. Hội nghị quyết định giải thể cả hai Xứ ủy cũ, thành lập Xứ ủy mới thống nhất gồm 11 đồng chí (gồm cả Tiền Phong, Giải Phóng cũ, và các đồng chí ở Côn Đảo mới về) gồm: Tôn Đức Thắng (Bí thư), Lê Duẩn, Phạm Hùng, Trần Ngọc Danh, Lê Văn

Sĩ, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Kính, Hoàng Dư Khương, Nguyễn Thị Thập, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp.

Hội nghị cũng đã chỉ định một số bí thư tỉnh ủy ở các tỉnh có 2 tỉnh ủy và quyết định thống nhất các tỉnh ủy ở những tỉnh có 2 tỉnh ủy. Tổ chức Việt Minh cũng được thực hiện tương tự. Việc thống nhất các tổ chức Đảng và Việt Minh đã tạo điều kiện rất cơ bản cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

3. Ngày 25. 10. 1945 tại xã Hậu Mỹ, huyện Cái Bè - Mỹ Tho (gần chợ Thiên Hộ, nay là xã Hậu Mỹ Bắc B) Xứ ủy đã triệu tập hội nghị mở rộng nhằm kịp thời lãnh đạo cuộc kháng chiến đang lan rộng.

Dự Hội nghị có đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, các thành viên trong xứ ủy và các đại biểu tỉnh, thành. Đây là hội nghị lớn nhất của Đảng bộ Nam Bộ từ sau khi giành được chính quyền nhằm bàn những công việc quan trọng để đẩy mạnh công cuộc kháng chiến, đặc biệt là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Hội nghị đã phân tích tình hình, biểu dương thành tích chiến đấu anh dũng của quân, dân Nam Bộ, rút ra những kinh nghiệm trong chỉ đạo kháng chiến từ Hội nghị Cây Mai (Chợ Lớn) ngày 23. 9. 1945, phân tích những sai lầm, khuyết điểm của Đảng bộ Nam bộ trong việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng sau tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Hội nghị đề ra nhiều biện pháp cấp thiết để củng cố và xây dựng các lực lượng chính trị, đặt lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, xây dựng cơ sở bí mật trong các thành phố, thị xã bị địch chiếm, khôi phục chính quyền ở những nơi bị tan vỡ, làm công tác trừ gian diệt ác ôn... Hội nghị quyết định phát triển rộng khắp các đơn vị du kích, lấy chiến tranh du kích làm chính, thực hiện "Tiêu thổ kháng chiến", làm vườn không nhà trống,

ngăn chặn bước tiến của giặc, vận động quần chúng bất hợp tác với giặc. Trong hội nghị này, đồng chí Tôn Đức Thắng đã khiêm tốn không nhận làm Bí thư Xứ ủy mà đề cử đồng chí Lê Duẩn đảm nhận trách nhiệm này.

4. Ngày 10. 12. 1945 tại xã Bình Hòa Nam bên bờ sông Vàm Cỏ Đông, xứ ủy Nam Bộ đã triệu tập Hội nghị xứ ủy mở rộng để bàn việc thi hành chỉ thị "kháng chiến kiến quốc" (ngày 25. 11. 1945) của Ban Chấp hành Trung ương. Tham dự hội nghị có các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn cùng nhiều Xứ ủy viên, cán bộ các tỉnh và quân sự về dự. Sau khi quán triệt chỉ thị của Trung ương, Hội nghị quyết định giải thể ủy ban kháng chiến Nam Bộ, thành lập Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam do đồng chí Cao Hồng Lĩnh làm Chủ tịch, Đàm Minh Viễn chủ nhiệm tham mưu, Trần Ngọc Danh chủ nhiệm chính trị, Tôn Đức Thắng chủ nhiệm hậu cần.

Chấp hành quyết định của Trung ương, Hội nghị đã chia Nam Bộ thành ba khu và chỉ định cán bộ chỉ huy.

Khu 7 gồm: Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, khu trưởng: Nguyễn Bình, khu phó: Dương Văn Dương, chính trị bộ chủ nhiệm: Trần Xuân Độ.

Khu 8: Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc. Khu trưởng Đào Văn Trường, khu phó: Trương Văn Giàu, chính trị bộ chủ nhiệm: Lê Văn Sĩ.

Khu 9: Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá, Hà Tiên, khu trưởng: Vũ Đức, Khu phó: Nguyễn Ngọc Bích, chính trị bộ chủ nhiệm: Phan Trọng Tuệ.

Hệ thống lãnh đạo của Đảng cùng với hệ thống chỉ huy quân sự được thống nhất từ trên xuống, có tác dụng to lớn trong việc củng cố xây dựng lực lượng vũ trang ở Nam Bộ cũng như của Sài Gòn - Chợ Lớn.



030

XIN CHO BIẾT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN SAU NGÀY NAM BỘ KHÁNG CHIẾN.

Khi giặc Pháp phá vỡ các phòng tuyến ở Sài Gòn để đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ (tháng 10. 1945) do yêu cầu công tác, Xứ ủy đã điều động hầu hết các đồng chí Thành ủy viên Sài Gòn đi làm nhiệm vụ mới. Nguyễn Văn Kinh (Bí thư) được rút về Nam Bộ, Nguyễn Thành A về làm Bí thư Tỉnh ủy Tân An, Nguyễn Oanh, Nguyễn Văn Lộng bổ sung cho tỉnh Thủ Dầu Một, Nguyễn Văn Lượng về Công an Gia Định, Lý Chính Thắng về phụ trách Tổng Công đoàn Nam Bộ... Thành ủy Sài Gòn chỉ còn lại hai đồng chí là Tạ Văn Hảo hoạt động ở vùng Sài Gòn và Nguyễn Văn Chí hoạt động ở vùng Chợ Lớn. Lúc này Sài Gòn - Chợ Lớn không còn Thành ủy.

Cuối tháng 10. 1945, Xứ ủy điều động hai đồng chí Trịnh Đình Trọng (Nguyễn Hữu Phú) và Nguyễn Mạnh Hoan (Hong Châu) mới ở Côn Đảo được giải phóng trở về, đến mặt trận số 4 (phía nam thành phố) để cùng đồng chí Nguyễn Văn Trân (Bảy Trân) xây dựng lại cơ sở Đảng ở vùng này. Sau một thời gian hoạt động, tháng 11. 1945 các đồng chí này đã thành lập Ban cán sự Đảng mặt trận số 4 gồm ba người: Trịnh Đình Trọng (Bí thư), Nguyễn Mạnh Hoan và Nguyễn Văn Trân. Ban cán sự đã mở các

lớp huấn luyện về Mặt trận Việt Minh, về xây dựng và phát triển Đảng, về công tác thông tin tuyên truyền. Được sự giúp đỡ của huyện Cần Giuộc, Ban Cán sự đã cho xuất bản tờ *Thông tin Kháng chiến*, sau đổi thành tờ *Chống xâm lăng*. Cùng thời gian này Ban cán sự đã liên lạc được với đồng chí Nguyễn Văn Chí (Thành ủy cũ) và thành lập Ủy ban Việt Minh vùng Chợ Lớn do đồng chí Trịnh Đình Trọng làm Bí thư, kiêm chủ nhiệm Ủy ban Mặt trận Việt Minh.

Sau Hiệp ước sơ bộ (tháng 3. 1946) Xứ ủy đã cử đồng chí Nguyễn Thọ Chân (Sáu Khanh) về Sài Gòn bắt liên lạc và thống nhất các tổ chức ở vùng Sài Gòn. Đồng chí đã gặp được đồng chí Tạ Văn Hảo (Thành ủy cũ còn lại) và từ đó liên lạc với các đồng chí Huỳnh Tấn Phát, Lý Vĩnh Khuông, Mai Văn Bộ, Vũ Huy Xứng và thành lập thành Bộ Việt Minh Sài Gòn do Nguyễn Thọ Chân làm Bí thư, các ủy viên là Tạ Văn Hảo, Huỳnh Tấn Phát.

Như vậy, Sài Gòn - Chợ Lớn lúc này có hai tổ chức Đảng song song tồn tại, cả hai nhóm đều lập mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc nhưng hoạt động chưa ăn khớp với nhau.

Tháng 5. 1946 theo đề nghị của đồng chí Nguyễn Văn Linh (Xứ ủy) tại một địa điểm cạnh hồ bơi An Đông (quận 5 ngày nay) hai tổ chức đảng Thành bộ Việt Minh Sài Gòn và Ủy ban Việt Minh Chợ Lớn đã mở một cuộc hội nghị để thảo luận và thống nhất lại thành một tổ chức Đảng. Hội nghị đã lập ra Thành ủy Lâm thời gồm ba người là: Trịnh Đình Trọng, Nguyễn Thọ Chân, Nguyễn Văn Chí do đồng chí Trịnh Đình Trọng làm Bí thư. Đây chưa phải là một Thành ủy chính thức mà mới là sự thống nhất hai tổ chức Đảng để lãnh đạo phong trào thành phố. Cuối năm 1946, một số cán bộ được bổ sung vào Thành ủy lâm thời như đồng chí Liễu Châu, Quế Lâm, Chương Dương...

Ngày 1. 8. 1947 tại Bà Vu (Vườn Thom) Hội nghị cán bộ Đảng Sài Gòn - Chợ Lớn được triệu tập*. Đồng chí Lê Duẩn thay mặt Xứ ủy dự hội nghị. Hội nghị đã thảo luận nhiều vấn đề quan trọng và cử ra Thành ủy mới gồm 15 người (13 chính thức, 2 dự khuyết) do đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) làm Bí thư.

* Một số cán bộ có dự Hội nghị này nhớ rằng hội nghị họp vào tháng 4. 1947.



031

**TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU NAM BỘ
KHÁNG CHIẾN, SÀI GÒN - CHỢ LỚN
ĐÃ HÌNH THÀNH BỐN MẶT TRẬN BAO VÂY
NGĂN CHẶN ĐỊCH. XIN CHO BIẾT TÊN CÁC
MẶT TRẬN, VỊ TRÍ VÀ LỰC LƯỢNG THAM GIA
Ở CÁC MẶT TRẬN NÀY.**

Một tuần sau ngày 23. 9. 1945, lực lượng ta ở Sài Gòn được tổ chức thành bốn mặt trận bao vây ngăn chặn địch gồm:

- Mặt trận số 1 (còn gọi là mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Gia Định hay mặt trận miền Đông) kéo dài từ Thị Nghè đến cầu Kiệu. Trên mặt trận này, đồng bào xây dựng chiến tuyến (đào hầm hố, đắp mô) thành nhiều tầng, dựa trên ba trục chính: trục đường 13 (khu vực Thị Nghè, Hàng Xanh), trục cầu Bông, Bà Chiểu, cầu Hàng, Gò Vấp đến cầu Bến Phận, trục cầu Kiệu, Phú Nhuận, ngã ba Chú Ía ra An Nhơn.

Chiến đấu tại mặt trận này gồm các bộ đội Nguyễn Văn Dương, bộ đội Trần Cao Vân, bộ đội Hoàng Cao Nhả, bộ đội Hoàng Mạch, bộ đội Triệu Cải, bộ đội Thị Nghè (Nguyễn Bân), bộ đội Hai Nhỏ, bộ đội Hai Rim (đại đội dân tộc thiểu số Thủ Dầu Một). Ngoài ra còn có lực lượng Đệ tam sư đoàn của Nguyễn Hòa Hiệp và bộ đội của Hồng Tảo (HT 29). Bộ chỉ huy mặt trận tiền tuyến miền Đông gồm Nguyễn Đình Thâu (chỉ huy trưởng),

Phạm Văn Khung (chính ủy), Phan Văn Năm, Nguyễn Văn Công, chỉ huy sở đặt tại Gò Vấp, sau chuyển sang An Phú Đông.

- Mặt trận số 2 (còn gọi là mặt trận tiền tuyến phía Bắc hay mặt trận Tham Lương), án ngữ cửa ngõ quốc lộ 1 đi Tây Ninh, Campuchia.

Tại mặt trận này, nhân dân tự vũ trang, xây dựng lực lượng bằng cách tập hợp thành từng nhóm đánh giặc lấy súng và mua vũ khí của Nhật, phát triển thành phong trào.

Khu vực Bà Quẹo, Phú Thọ Hòa, Tân Sơn Nhì có bộ đội Nguyễn Văn Bội, Nguyễn Văn Thước. Ở Bà Điểm có bộ đội Huỳnh Tấn Chùa. Hóc Môn có bộ đội Cao Đức Luốc. Ở Tân Mỹ - Bình Lý có bộ đội Tô Ký (gồm cả lực lượng Nguyễn Văn Bứa). Ở Đông Thạnh có bộ đội Bảy Mỹ. Ở An Phú xã có bộ đội Nguyễn Văn Sanh. Xa hơn, phía Đức Hòa, có bộ đội Huỳnh Văn Một. Số đông trong cán bộ chỉ huy các bộ đội trên là đảng viên cộng sản bị tù đầy vượt ngục hoặc được thả ra sau ngày Nhật đảo chính Pháp ngày 9. 3. 1945, hoặc sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chất lượng chính trị của bộ đội cao. Đây là lực lượng tiền thân của Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa.

Bộ chỉ huy mặt trận tiền tuyến phía Bắc do Nguyễn Văn Tư làm chỉ huy trưởng. Sở chỉ huy đặt tại Phú Thọ Hòa.

Ngoài ra, hoạt động ở khu vực Phú Thọ Hòa còn có bộ đội Lê Văn Viễn (Bảy Viễn) gồm cả lực lượng của Dương Văn Ty ở Chợ Đũi, Nguyễn Phú Duyên và Thái Sĩ Từ ở Phú Thọ Hòa kéo ra... Khu vực Bà Quẹo có bộ đội Huỳnh Văn Trí (Muời Trí, đóng ở Tân Hòa, Vĩnh Lộc, Bà Quẹo).

- Mặt trận số 3 (còn gọi là mặt trận tiền tuyến phía Tây hay mặt trận Phú Lâm - Chợ Đệm) án ngữ lộ Đông Dương 16, con đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho và lộ số 10 Bình Trị

Đông - cầu Xáng. Toàn tuyến mặt trận trải dài từ Tân Thới Hòa qua Phú Lâm, Tân Hòa Đông, Phú Định xuống An Lạc, chợ Đệm, ngăn chặn hành lang chiến lược từ Sài Gòn xuống đồng bằng sông Cửu Long.

Chiến đấu ở mặt trận này có lực lượng Cộng hòa về binh Nam Bộ của Trương Văn Giàu và các bộ đội Tổng Công đoàn của Nguyễn Lưu và Đặng Văn Thìn. Ngoài ra còn những bộ đội khác chiến đấu trong nội thành rút dần ra và từ các tỉnh miền Trung, Tây, Nam Bộ lên. Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ Trần Văn Giàu kiêm chỉ huy trưởng mặt trận này. Chỉ huy sở đặt tại đường Cây Mai rồi về Bình Điền. Khi trận tuyến phía trước bị phá vỡ, lực lượng chiến đấu Trương Văn Giàu kéo về lập tuyến ngăn chặn địch ở khu vực cầu Bình Điền rồi kéo xuống Gò Công. Lực lượng Tổng Công đoàn trụ bám lại do Nguyễn Lưu chỉ huy lùi vào khu vực Gò Cát - Bình Trị Đông.

- Mặt trận số 4 (Mặt trận phía Nam) kéo dài từ Bình Đông đến cầu chữ Y, Tân Thuận, Thủ Thiêm. Chiến đấu chủ yếu trên mặt trận này có các bộ đội Bình Đông, Chánh Hưng của Nguyễn Văn Mạnh, Mai Văn Vĩnh, Quách Văn Phái, bộ đội Bình Xuyên của Dương Văn Dương, Trần Văn Đối, Nguyễn Văn Soái, Đoàn Văn Ngọc vân vân... bộ đội Nhà Bè của Huỳnh Văn Nhị, bộ đội Cần Giuộc của Trương Văn Bang, Nguyễn Văn Trân, bộ đội Thủ Thiêm của Ngô Văn Lực, Võ Văn Môn. Chỉ huy trưởng mặt trận là đồng chí Nguyễn Văn Trân, chỉ huy sở đóng tại Bình Dã, sát cạnh liên tỉnh lộ 5A Sài Gòn đi Cần Giuộc.



032

GIẢI CẤP CÔNG NHÂN SÀI GÒN - CHỢ LỚN ĐÃ ĐÓNG GÓP GÌ TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU KHÁNG CHIẾN NAM BỘ?

Với lòng yêu nước nồng nàn và căm thù giặc Pháp sâu sắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng ngay trong những giờ phút đầu tiên của cuộc kháng chiến, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn đã đi đầu trong mọi hoạt động, từ chiến đấu trên đường phố, tổ chức giao liên và tiếp tế cho chiến sĩ đến phá hoại kho tàng, nhà máy, không để cho địch sử dụng để đánh nhân dân ta... Ngay những ngày đầu kháng chiến, công nhân đã đốt phá 138 nhà máy và công sở, 22 kho tàng, 4 chợ, 17 đầu máy xe lửa, 30 tàu lớn, 51 tàu nhỏ, 200 xe hơi... Đó là nhà máy cao su Láp-bê, các nhà máy thuốc lá Mic, Mitac, Cofat, nhà máy xay gạo Gressier và C.C.I hãng bột Valda, hãng dầu Cầu Kho, xưởng cưa Vĩnh Hội và Phú Nhuận, đã đề-pô xe lửa Chí Hòa, kho hàng Khánh Hội, công xưởng, Ủy ban Mẽ Cốc... Dây điện thoại bị cắt đứt, đường ray xe lửa bị gỡ tung và một số máy móc dụng cụ còn được tháo gỡ chuyển về An Phú Đông và Dĩ An, sau này trang bị cho các binh công xưởng.

Về xây dựng lực lượng vũ trang, trong thời gian đầu, khi quân ta còn vây hãm địch trong thành phố, Tổng Công đoàn Nam Bộ tổ chức thành hai bộ phận để thích hợp với sự chỉ đạo đối với một thành phố rộng lớn như Sài Gòn.

- Bộ phận miền Đông lúc đầu đóng trụ sở ở Gò Vấp, sau dời về An Phú Đông, xây dựng từ các đội Công đoàn xung phong thành các đơn vị võ trang như bộ đội Trần Cao Vân, bộ đội Nguyễn Văn Giỏi, bộ đội Nguyễn Năng Tạo... Về sau các đơn vị võ trang này một mặt về thành lập các chi đội 6 (sau này là Trung đoàn 306), mặt khác phân chia chiến sĩ thành lập các chi đội 1, chi đội 10, chi đội 9, chi đội 11, chi đội 12.

- Bộ phận miền Tây lúc đầu đóng trụ sở tại đường Cây Mai sau lần lượt dời về Phú Lâm, rồi Bình Điền, rồi Gò Cát. Bộ phận miền Tây đã tổ chức công nhân trong các hãng xưởng và địa phương cũng thành các đơn vị võ trang chiến đấu trong thành phố: Bộ đội Đai-ken (công nhân hãng Đaiken của Nhật) bộ đội Cân Vắn (công nhân hãng đúc Cân Vắn), đơn vị xích lô, đơn vị Lave Chợ Lớn, đơn vị Quang Trung, đơn vị Mai Xuân Thuồng, đơn vị thợ nón, hãng đinh Xin-kô, Dô-kô, đơn vị Mười Thìn, các đơn vị thuộc hộ 4, hộ 10, hộ 15¹... Ở mặt trận Bình Xuyên, tức mặt trận số 4, Tổng Công đoàn Nam bộ cũng tổ chức và chỉ đạo các đơn vị võ trang hoạt động tại các hộ 3, 13, 16, 17, 18 (vùng quận 4 và quận 8 hiện nay).

Về tuyên truyền giáo dục, không kể tác dụng thiết thực của hàng vạn truyền đơn, Tổng Công đoàn Nam Bộ đã quyết định cho xuất bản một tờ báo để đáp ứng nhu cầu cấp bách về tin tức của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đang sôi sục chống Pháp. Tờ báo lúc đầu lấy tên là "Công đoàn". Ngày 9. 10. 1945 số báo "Công đoàn" đầu tiên ra đời ở ngoại ô Sài Gòn và được đưa ngay vào thành phố. Mỗi kỳ báo xuất bản khoảng từ 4000 - 5000 bản, 3 ngày 1 kỳ. Tờ Công đoàn ra được năm kỳ thì đồng chí Lý Chính Thắng

1. Hộ, tiếng Pháp là Quartier là đơn vị hành chính gần như quận hiện nay, do Pháp đặt ra và trong kháng chiến ta vẫn dùng như vậy.

(Tổng thư ký Công đoàn Nam Bộ) chuyển tờ báo về An Phú Đông (Gia Định) và đổi thành tờ báo "Cảm Tử". Tờ "Cảm Tử" ra đời đã hướng dẫn thông tin và động viên giai cấp công nhân và nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến chống giặc cứu nước.

Về vận chuyển, tiếp tế và giao liên, Tổng Công đoàn Nam Bộ có một lực lượng gồm nhiều xe tải, ghe chài, xe ngựa, xích lô... trong ba tháng đầu sau ngày 23. 9. 1945 đã thực hiện được hàng ngàn tấn gạo, thực phẩm và thuốc men tiếp tế cho chiến sĩ tại các mặt trận. Tổ chức Công đoàn cũng quản lý một ngân sách hàng triệu đồng gồm tiền chính phủ giao, tiền sản xuất kinh doanh của Công đoàn và tiền ủng hộ của đồng bào, vừa dùng chi tiêu mọi mặt cho cuộc chiến đấu, vừa chi dùng từ việc lớn đến việc cụ thể như trợ cấp khó khăn cho những gia đình công nhân lao động, hỗ trợ bà con người Hoa bị giặc Pháp đốt nhà ở xóm Máy Đá.



033

XIN CHO BIẾT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HAI TỜ BÁO CHỐNG XÂM LĂNG VÀ CẢM TỬ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ.

Sự hình thành của hai tờ báo *Chống xâm lăng* và *Cảm tử*.

Cuối tháng 11. 1945 Mặt trận số 4 (Mặt trận phía Nam) bị giặc Pháp phá vỡ, hầu hết các lực lượng đều phải rút xuống rừng Sác lập căn cứ để tiếp tục hoạt động. Khi các lực lượng rút xuống Rừng Sác, Ban cán sự Đảng Mặt trận số 4 ở tại Tổng Thạnh Phong Hạ bám dân lãnh đạo kháng chiến. Để gây lòng tin của cách mạng đối với nhân dân và tuyên truyền cho kháng chiến, Ban cán sự Đảng đã chủ trương cho xuất bản một tờ báo lấy tên là *Thông tin kháng chiến*. Giữa tháng 12. 1945 được sự giúp đỡ của địa phương, tờ *Thông tin kháng chiến* được hình thành, tòa báo có 5 người gồm: Trịnh Đình Trọng (Chủ bút), Nguyễn Mạnh Hoan, Trần Bạch Đằng (biên tập), Nguyễn Văn Chí (lo phương tiện ấn hành), Nguyễn Liễu Châu (đánh máy). Tờ *Thông tin Kháng chiến* ra được ít số thì đổi tên thành tờ *Chống xâm lăng*, tiếng nói của Mặt trận Việt Minh vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, mỗi kỳ xuất bản khoảng 4.000 tờ, số báo *Chống xâm lăng* đầu tiên ra đời ngày 1. 1. 1946 và được phát hành rộng rãi trong thành phố.

Tháng 10. 1945 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bắt đầu lan rộng ra ngoại thành Sài Gòn - Chợ Lớn, nhằm

hướng dẫn thông tin và động viên giai cấp công nhân và nhân dân Nam Bộ chống giặc cứu nước, đến địa bàn quận Gò Vấp (Gia Định) Tổng Công đoàn Nam Bộ quyết định cho xuất bản một tờ báo để đáp ứng nhu cầu thông tin cấp bách của nhân dân đang sục sôi chống Pháp. Tờ báo lúc đầu lấy tên là Công đoàn, Ban chủ nhiệm gồm 3 người: Nguyễn Lưu, Nguyễn Văn Đức, Lê Đình thụ (Vũ Hồng) do đồng chí Nguyễn Lưu làm chủ bút. Ngoài ra còn hai đồng chí Đức và Nam phụ trách việc ấn loát và phát hành. Ngày 9. 10. 1945 số báo *Công đoàn* đầu tiên ra đời để phục vụ đông đảo cán bộ, công nhân và nhân dân. Mỗi kỳ báo xuất bản 5.000 tờ, ba ngày một kỳ.

Tờ *Công đoàn* ra được 5 kỳ thì đồng chí Lý Chính Thắng (Tổng thư ký Công đoàn Nam Bộ) cho chuyển tờ báo về An Phú Đông (Gia Định) và đổi tên thành tờ *Căm tử*, đồng chí trực tiếp làm chủ nhiệm tờ báo thay đồng chí Nguyễn Lưu. Báo *Căm tử* tiếp tục được xuất bản, lưu hành ngoài tiền tuyến, trong lòng địch, khu du kích, với nhiều tin tức phong phú đa dạng và những bài bình luận xác đáng.

Do điều kiện, hoàn cảnh đặc biệt của Sài Gòn - Chợ Lớn lúc này là cán bộ, đảng viên còn rất ít, trình độ có hạn nên không đủ sức tuyên truyền và hướng dẫn quần chúng một cách rộng rãi. Qua hai tờ báo *Chống xâm lăng* và *Căm tử*, Đảng bộ đã phổ biến đến tận từng người dân những chủ trương của Đảng bộ, giải thích, hướng dẫn, tổ chức các đoàn thể hoạt động. Những bài viết trên báo đề cập đến từng vấn đề cụ thể như: Việc tổ chức các đoàn thể được thực hiện từng bước như thế nào? Phải làm những gì để tổ chức một cuộc đấu tranh... Nhi⁷ đoàn thể quần chúng đều được tổ chức và hoạt động căn cứ vào nội dung các bài báo. Mặt khác, báo còn đưa tin, những cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân diễn ra tại thành phố và tin chiến thắng của quân và dân ta trên khắp các chiến trường, góp phần cổ vũ, động viên, khích lệ tinh thần của nhân dân,

làm cho họ tin tưởng hơn vào sự nghiệp cách mạng. Chính vì lẽ đó mà hai tờ báo của thành phố đã trở nên rất gần gũi với đoàn thể quần chúng, trở thành linh hồn của phong trào quần chúng cách mạng ở thành phố này. Nó đã làm đúng vai trò, chức năng báo chí cách mạng: Người tuyên truyền tập thể, tổ chức tập thể và hướng dẫn, lãnh đạo tập thể như V.I. Lênin đã nói.



034

**KHI GIẶC PHÁP PHÁ VỠ VÒNG VÂY SÀI GÒN
ĐÁNH RA NGOẠI THÀNH VÀ CÁC TỈNH NAM BỘ,
THÀNH PHỐ ĐÃ CÓ CHỦ TRƯỞNG GÌ?
XIN CHO BIẾT VỀ RÕ CHỦ TRƯỞNG
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN.**

Đầu năm 1946, giặc Pháp đã chiếm được hầu hết các tỉnh Nam Bộ. Các tổ chức cơ sở Đảng buộc phải rút về hoạt động ở các căn cứ địa. Ở vùng ven Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh lân cận, địch mở các cuộc càn quét với qui mô lớn gây cho ta nhiều khó khăn, nhất là đối với đồng bào thành phố tản cư. Nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn về đời sống, mặc dù đã được sự đùm bọc và giúp đỡ của nhân dân vùng ven. Hơn nữa vùng nông thôn ngoại thành cũng đã bị giặc chiếm đóng và càn quét liên miên. Do đó, họ phải quay trở về thành phố. Nhưng việc phải quay về thành phố làm họ băn khoăn. Họ không muốn phản bội lại lời thề bất hợp tác với giặc trước khi ra đi, không muốn lại buộc phải làm việc trong các công sở, nhà máy của địch. Họ có mặc cảm là người phản bội Tổ quốc.

Để giải tỏa tâm trạng trên và lo cho cuộc sống của người lao động Sài Gòn - Chợ Lớn, Xứ ủy và Thành ủy đã chủ trương cho các ngành, các cấp vận động các gia đình công nhân, trí thức, công chức, tiểu thương... trở về thành phố, công nhân, viên chức có thể tiếp tục vào làm việc trong các công sở, nhà máy của giặc để một mặt là giải quyết

cuộc sống riêng và mặt khác có điều kiện để ủng hộ kháng chiến.

Bằng các bài viết trên báo *Chống xâm lăng* và *Cảm tử*, các đồng chí lãnh đạo Đảng bộ thành phố đã giải thích cho nhân dân hiểu rằng sống trong lòng địch không có nghĩa là theo địch mà ở đâu cũng có thể tham gia kháng chiến. Các bài báo đã nêu rõ: Đảng, Chính phủ, Mặt trận hiểu rõ tâm trạng của những người phải quay về thành phố. Đảng còn vạch ra các phương thức tham gia kháng chiến thích hợp ngay trong lòng địch: Công nhân làm trong các nhà máy thì phá hoại máy móc, sản phẩm, công chức xé sổ sách, giấy tờ, lân công, bác sĩ thì ủng hộ thuốc men, đồng bào tiểu thương, lao động thì quyên góp tiền, mua hàng gói ra chiến khu... Những bài báo ấy góp phần giải tỏa nỗi băn khoăn, lo lắng cho người dân Sài Gòn - Chợ Lớn. Họ thêm tin Đảng, Mặt trận vì đã thấu hiểu tâm trạng băn khoăn và hoàn cảnh làm việc trong lòng địch của họ. Họ cảm thấy mình vẫn đứng trong hàng ngũ những người tham gia kháng chiến. Trên cơ sở đó, Đảng bộ đã dần dần tổ chức đưa đồng bào tham gia các đoàn thể cứu quốc như Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn, Liên đoàn viên chức, Mặt trận Việt Minh... kêu gọi những người thuộc tầng lớp trên tham gia vào công tác mặt trận. Mặt khác, Đảng bộ đã chỉ đạo các đoàn thể mở nhiều cuộc vận động ở các công sở, nhà máy, khu phố để tuyên truyền chính sách đại đoàn kết của Đảng. Chính việc giải thích rõ ràng chính sách đại đoàn kết của Đảng đã làm người dân tin tưởng hơn vào Đảng, vào cuộc kháng chiến. Tuy chưa nhiều nhưng đã có một số nhà trí thức, tư sản, quan lại bắt đầu tham gia hoạt động trong các đoàn thể cứu quốc như Trương Văn Bền, Trần Công Khanh... Đây là thành công đầu tiên của Đảng trong công tác vận động các tầng lớp trên. Đảng bộ đã tạo cho người dân Sài Gòn - Chợ Lớn một thể đứng hợp pháp ngay trong lòng địch mà vẫn có thể tham gia các đoàn thể cách

mạng, ủng hộ cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp. Do vậy, các phong trào quần góp ủng hộ kháng chiến, phong trào đấu tranh, nhất là phá hoại dưới nhiều hình thức, phát triển rộng rãi.

Đi đôi với chủ trương đưa dân về thành phố, Đảng bộ đã đưa một số cán bộ cùng quần chúng trở về thành phố để xây dựng lại các cơ sở cách mạng. Lúc đầu, những cán bộ này tổ chức và nắm các đoàn thể quần chúng, vận động tuyên truyền, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho những quần chúng tốt để kết nạp họ vào Đảng. Từ đó hình thành nên các chi bộ Liên Xí nghiệp như Ba Son, Bastô, chi bộ Liên hộ Tân Định... trên địa bàn thành phố. Những quần chúng tích cực, trước đây ở ngoài Đảng, nay có điều kiện đã được các cơ sở Đảng tổ chức kết nạp, nên số đảng viên ngày một tăng. Chỉ trong vòng một năm, Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập được 33 chi bộ, với 208 đảng viên xuất thân từ các thành phần bản nông, công nhân, trí thức, tiểu tư sản. Tuy lực lượng của Đảng chưa nhiều, chưa mạnh nhưng là cơ sở vững chắc và là chỗ dựa của các phong trào quần chúng.

Qua thực tiễn, việc đưa dân tản cư trở về thành phố cho thấy: khi một chủ trương không còn phù hợp với tình hình hiện tại của địa phương thì Đảng bộ phải nhanh chóng chuyển hướng để ra chủ trương mới sát hợp. Muốn làm được như vậy, Đảng bộ phải sâu sát phong trào, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để có những biện pháp và bước đi thích hợp.

Chủ trương đưa dân tản cư trở về thành phố là một chủ trương đúng đắn của Đảng bộ thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn trong năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Nó đáp ứng đúng nhu cầu, nguyện vọng của đại đa số quần chúng lao động. Vì vậy, ở ngay trong lòng địch, Đảng bộ vẫn tạo ra được một phong trào quần chúng đấu tranh chống

chính quyền thực dân và tay sai sâu rộng với sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân thành phố: công nhân, trí thức, công chức, tiểu thương, học sinh và cả tầng lớp tư sản, địa chủ và những người trong hội đồng quản hạt thân Pháp. Nhờ vậy mà cuộc kháng chiến ở Sài Gòn - Chợ Lớn đã vượt qua được những khó khăn, góp phần vào những thắng lợi chung của cả nước.



**TỪ 1947 - 1950, THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN
ĐÃ HỢP BAO NHIÊU HỘI NGHỊ? XIN CHO BIẾT
ĐỊA ĐIỂM, NỘI DUNG TỪNG HỘI NGHỊ.**

Từ 1947 - 1950 Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn đã tổ chức 4 cuộc Hội nghị:

1. Ngày 15. 8. 1947, tại Bà Vụ (Vườn Thơm) Hội nghị cán bộ Đảng Sài Gòn - Chợ Lớn được triệu tập¹. Đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Trung ương Đảng, thay mặt Xứ ủy tham dự hội nghị. Hội nghị chủ trương:

- Đảng phải đi sâu vào phong trào quần chúng, phải kết hợp đấu tranh chính trị, kinh tế với đấu tranh vũ trang, trừ gian diệt ác.

- Đẩy mạnh hoạt động bí mật, công khai và nửa công khai, không hợp pháp với hợp pháp và nửa hợp pháp.

- Tiếp tục phát triển Đảng theo khẩu hiệu và phương châm "làm cho Đảng trở thành một Đảng của quần chúng". Để cụ thể hóa việc phát triển Đảng, Hội nghị quyết định:

- Phải mở rộng Đảng và phải chú ý vào hai điều kiện căn bản để tìm người và dẫn dắt họ vào Đảng là: hăng hái tham gia kháng chiến và tán thành lý tưởng của Đảng.

1. Một số cán bộ có dự Hội nghị này nhớ rằng hội nghị họp vào tháng 4. 1947.

- Mỗi chi bộ phải quy định cho mỗi đảng viên mỗi tháng phải giới thiệu được một số đảng viên nhất định.

Hội nghị đã ra Thành ủy mới gồm 15 đồng chí (13 chính thức, 2 dự khuyết) do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư¹.

2. Ngày 27 và 28. 2. 1949 Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn họp tại Thiên Hộ (Mỹ Tho), các đồng chí Lê Duẩn, Hoàng Dur Khương, Nguyễn Văn Linh thay mặt Xứ ủy dự Hội nghị.

Đánh giá về phong trào công nhân, Hội nghị nhận định: Đời sống công nhân rất khó khăn. Trong các xí nghiệp, cơ sở, tổ chức của ta còn rất ít do việc rút lực lượng công nhân ra chiến khu theo Chỉ thị 4/NV mà ta chưa xây dựng lại kịp... Các tổ chức Công đoàn còn nặng về đấu tranh chính trị, chưa chú trọng đúng mức đến quyền lợi kinh tế của công nhân, cán bộ Công đoàn không sát cơ sở, chỉ huy từ xa nên hiệu quả thấp. Cần củng cố lại công tác hoạt động bí mật để đưa phong trào lên. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ chung của Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1949 là: Tăng cường hoạt động vũ trang trong nội thành (làm cho vùng địch u tối, vùng ta tươi sáng), tiếp tục bao vây phá hoại kinh tế địch, phát triển dân quân, phá rối trật tự trong lòng địch, mở rộng và phát triển phong trào công nhân.

Hội nghị bầu ra cấp ủy mới gồm 15 đồng chí do Nguyễn Hộ làm Bí thư².

-
1. Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Thọ Chân, Ngô Sĩ Hùng, Ngô Thị Huệ, Chương Dương, Huỳnh Văn Vàng, Cao Đăng Chiến, Quế Lâm, Liễu Châu, Lê Tuấn, Lê Bá Hoan, Phùng Lượng, Phạm Văn Chúc, Đào Năng An, Nguyễn Việt Hùng.
 2. Gồm Nguyễn Hộ, Lê Bá Hoan, Huỳnh Văn Vàng, Nguyễn Kiệm, Lê Tuấn, Nguyễn Việt Hùng, Chương Dương, Phùng Lượng, Lê Minh, Tạ Nhật Tứ, Trần Văn Các, Đoàn Văn Bơ, Ngô Sĩ Hùng, Phạm Văn Chúc, Hồng Quyên.

3. Tháng 11. 1949 Thành ủy dời căn cứ từ Vàm Trà Cú (Tân An) về Long Phước (Thủ Đức, Gia Định). Tại đây đã diễn ra cuộc hội nghị Thành ủy mở rộng để đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ cho Đảng bộ và các đoàn thể quần chúng.

Hội nghị cho rằng, tình hình thành phố trong năm 1949 tuy gặp khó khăn nhưng phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đang có chiều hướng ngày càng lên mạnh, khí thế cách mạng trong quần chúng rất cao, cần có biện pháp để duy trì và đẩy mạnh phong trào lên cao hơn nữa. Nhược điểm lớn của phong trào là thiếu cán bộ làm nòng cốt để lãnh đạo các giới trong nội thành. Hội nghị chủ trương: Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động công khai hợp pháp và nửa hợp pháp, tranh thủ mọi khả năng công khai để tạo nên một phong trào có sự phối hợp chặt chẽ giữa công nhân và học sinh, kết hợp giữa chính trị với vũ trang diệt ác, dựa vào các tổ chức biến tướng để đưa phong trào ra công khai rầm rộ. Tăng cường cán bộ để thành lập Ban cán sự nội thành lãnh đạo trực tiếp các giới và các quận.

Hội nghị đã bầu ra Thành ủy mới do Nguyễn Hộ làm Bí thư¹.

4. Từ ngày 21 đến ngày 27. 8. 1950, Hội nghị Thành ủy họp tại Tân Long (Thủ Dầu Một) để thành lập Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Hội nghị đã đánh giá tình hình ở nội thành và đề ra một số chủ trương nhằm thực hiện sự lãnh đạo thống nhất của các cấp ủy đối với các ngành Quân, Dân, Chính, đơn giản bộ máy lãnh đạo và tổ chức từ trên xuống, chấn chỉnh các tổ chức quần chúng, phát triển mạnh phong trào chiến tranh du kích.

1. Thành ủy không có sự thay đổi so với Hội nghị tháng 2. 1949.

Hội nghị đã bầu Đặc khu ủy mới và phân công như sau: Nguyễn Văn Linh (Bí thư), Trần Quốc Thảo (Phó Bí thư), Nguyễn Hộ (Thường vụ), Nguyễn Văn Thi (Quân sự), Phạm Ngọc Thạch (Chủ tịch), Nguyễn Kiệm (Ban cán sự nội thành), Nguyễn Thọ Chân, Lê Tuấn, Đoàn Văn Bơ, Trần Minh Quyền (Công đoàn).

Đến năm 1951 Đặc khu ủy được bổ nhiệm các đồng chí: Lê Bá Hoan, Huỳnh Tấn Phát, Đào Tấn Xuân.



036

**TRUNG ĐỘI NỮ BIỆT ĐỘNG "MINH KHAI"
ĐƯỢC THÀNH LẬP KHI NÀO? DO AI CHỈ HUY?
XIN CHO BIẾT MỘT SỐ TRẬN ĐÁNH TIÊU BIỂU
CỦA TRUNG ĐỘI NÀY.**

Trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, trong tổ chức và hoạt động của các Ban công tác thành Sài Gòn - Chợ Lớn, các chiến sĩ nữ chiếm một tỉ lệ đáng kể. Có thể khẳng định, hầu hết các công tác lớn nhỏ của Ban công tác thành đều có công lao đóng góp của các chiến sĩ nữ, đặc biệt là những công tác như: liên lạc đưa đường, vận chuyển vũ khí, tài liệu bí mật, báo chí kháng chiến, thuốc men từ nội thành ra chiến khu hay từ các căn cứ vô nội thành, lấy tin tức sau các trận đánh phá địch, nắm tình hình hoạt động của địch... Đây là những công tác khó khăn phức tạp nhưng các chiến sĩ nữ đều thực hiện trôi chảy và an toàn.

Cuối tháng 10. 1947, 7 Ban công tác thành được đổi tên thành đại đội du kích xếp theo thứ tự từ 1 đến 7, trực thuộc Thành đội bộ dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn, Tự vệ Thành tổ chức thành ba đại đội 8, 9, 10, ba đại đội này có 1 Ban chỉ huy chung gọi là Ban chỉ huy Liên đại đội. Theo yêu cầu thiết tha của các chiến sĩ nữ trong Ban Liên lạc tự vệ Thành, Ban chỉ huy Liên đại đội 8, 9, 10 đã tổ chức một cuộc họp tại chiến khu Vườn Thơm tỉnh Chợ Lớn với sự

tham dự của cán bộ chủ chốt của ba đại đội trên, đại diện Ban liên lạc và cán bộ Văn phòng tự vệ thành.

Cuộc họp đã thảo luận sôi nổi về vai trò và vị trí quan trọng của người phụ nữ Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tất cả đều nhận thấy việc tổ chức một trung đội nữ hoạt động ngay trong lòng địch là cần thiết, đáp ứng được yêu cầu chiến đấu và đẩy mạnh hoạt động trong thành phố, nâng cao hơn nữa hoạt động của nữ giới trong nội thành - một địa bàn chiến lược, nơi tập trung cơ quan đầu não của địch về chính trị, quân sự. Hội nghị yêu cầu rút một phần lực lượng nữ chiến sĩ ưu tú ở các đại đội 8, 9, 10 thành lập trung đội nữ đặt trong hệ thống tổ chức của đại đội số 10.

Về tên gọi của Trung đội, lúc đầu cũng có nhiều ý kiến. Có ý kiến đặt tên trung đội là "Trung nữ Vương" để ghi nhớ công ơn của người phụ nữ Việt Nam đầu tiên phất cờ khởi nghĩa đuổi giặc ngoại xâm. Có ý kiến đề nghị lấy tên nữ danh tướng Bùi Thị Xuân đặt tên cho trung đội. Cuối cùng toàn thể hội nghị nhất trí để trung đội mang tên Nguyễn Thị Minh Khai (gọi tắt là Minh Khai) một nữ chiến sĩ ưu tú của Đảng.

Việc lựa chọn người trực tiếp chỉ huy Trung đội cũng được thảo luận kỹ và có sự nhất trí cao. Hội nghị nhất trí đề nghị cấp trên cử đồng chí Dư Thị Lắm (tên thật là Nguyễn Thị Hạnh) cán bộ phụ trách binh vận của Tự vệ Thành làm Trung đội trưởng. Đồng chí Nguyễn Thị Huệ làm chính trị viên trung đội.

Ngày 19. 12. 1947, Ủy ban kháng chiến hành chánh khu Sài Gòn - Chợ Lớn có quyết định thành lập Trung đội Minh Khai. Ngày 6. 1. 1948, Ban chỉ huy Liên đại đội 8, 9, 10 tổ chức lễ ra mắt cho trung đội tại chiến khu Vườn Thơm (nay thuộc Bình Chánh) có sự tham dự của đại diện

cơ quan dân chính Đảng xã Hậu Thạnh, huyện Trung Huyện, tỉnh Chợ Lớn.

Trung đội Minh Khai được thành lập với trên 30 chiến sĩ nữ, tuổi đời từ 18 đến 22, trong đó có chiến sĩ là học sinh của các trường Tôn Thọ Tường, Lê Bá Cang như: Mạc Thị Lan, Nguyễn Thị Kim Dung, Lê Thị Trọng, Hoàng Thị Thanh, tuổi đời mới chỉ 15, 16.

Trận đánh mở màn của Trung đội là vào lúc 19 giờ 30 ngày 28. 3. 1948, chỉ với 2 trái lựu đạn do binh công xưởng Tự vệ Thành sản xuất, 2 chiến sĩ Mạc Thị Lan và Lê Thị Quý (tức Trọng) đã đánh vào rạp chiếu bóng "A Sam" trên đường Albert (nay là đường Đinh Tiên Hoàng) đã diệt và gây thương vong cho hàng chục tên Pháp.

Sau trận đánh rạp "A Sam", tối ngày 30. 4. 1948, các chiến sĩ Nguyễn Thị Đào cùng với Bùi Thị Huệ và Nguyễn Thị Quý đã dùng 3 trái lựu đạn tấn công rạp Ca Thay ở góc đường General de Gaulle - Lefebvre (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Nguyễn Công Trứ) làm 20 lính Pháp chết và bị thương.

Hai vụ đánh lựu đạn tại rạp "A Sam" và "Ca Thay" là hai trận đánh tập dượt để chuẩn bị cho trận đánh lớn vào rạp "Majestic" trên đường Catinat (nay là đường Đồng Khởi)

Lúc 19 giờ ngày 20. 6. 1948, với 3 trái lựu đạn chiến lợi phẩm của Trung đoàn 120 gửi tặng Ban công tác số 10, các chiến sĩ Nguyễn Thị Kim Dung, Bùi Thị Huệ, Hoàng Thị Thanh và Nguyễn Thị Huệ (Huệ nhỏ), ăn mặc sang trọng dắt theo một em bé 10 tuổi vào rạp hát. Các chiến sĩ khéo léo giấu lựu đạn trong bóp đầm, từng cặp hai người qua mặt bọn cảnh binh Pháp. Với sự tự nhiên, bình tĩnh, tươi cười vui vẻ, các chiến sĩ đã xuất trình giấy coi hát cho nhân viên kiểm tra vé. Khi đã lọt qua được cửa, các chiến sĩ ung dung bước theo sau người hướng dẫn, ngồi vào đúng

số ghế của mình. Đúng 20 giờ, khi vừa chiếu hết phần phim phụ chuyển sang phần phim chính là phim "Adieu Cherie", trong lúc mọi người đang chăm chú nhìn lên màn ảnh thì chiến sĩ Nguyễn Thị Kim Dung liệng một trái lựu đạn về phía trái sau rạp hát, tiếp sau là Bùi Thị Huệ ném lựu đạn về phía bên phải lên phía hàng ghế đầu tiên, sau cùng là trái của Hoàng Thị Thanh ném xuống cuối rạp hát. Tiếng nổ kinh hồn của 3 trái lựu đạn đã làm cho 20 sĩ quan Pháp và ngoại kiều chết tại chỗ, 50 tên khác bị thương, trong đó có những tên như Michel Robert thanh tra mật thám Liên bang, Brouchard quyền giám đốc Pháp - Hoa ngân hàng...

Vụ ném lựu đạn vào rạp Majestic đã làm nức lòng người dân Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn, kẻ thù khiếp đảm, hoang mang, bọn thực dân Pháp điên đầu tức tối. Dư luận Sài Gòn - Chợ Lớn và lục tỉnh xôn xao, tiếng vang của trận đánh đã lan rộng ra nước ngoài, báo chí Hà Nội đã đăng tải tin về trận đánh trong mấy ngày liền.



037

**XIN CHO BIẾT VỀ NHỮNG CHIẾN KHU
TIÊU BIỂU CỦA SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH.
THÀNH TÍCH HOẠT ĐỘNG CỦA NHỮNG CHIẾN
KHU NÀY TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG
THỰC DÂN PHÁP?**

Trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã xây dựng nhiều chiến khu kháng chiến, trong đó nổi bật là các chiến khu An Phú Đông, Rừng Sác, Vườn Thơm.

Chiến khu An Phú Đông nằm ở phía Đông Bắc thành phố, gồm vùng đất thuộc hai xã An Phú Đông và Thạnh Lộc (quận Gò Vấp).

Thực hiện chủ trương "lập những khu căn cứ kháng chiến ngay ở ngoại ô, phụ cận Sài Gòn", "không rút đi xa, cố bám đất, bám dân, làm chiến tranh du kích, làm chiến tranh nhân dân" của Tỉnh ủy Gia Định đề ra từ đầu cuộc kháng chiến, sau ngày 5. 10. 1945, đại bộ phận các cơ quan quân, dân, chính, đảng và sở chỉ huy các đơn vị vũ trang tỉnh Gia Định và quận Gò Vấp chuyển dần về An Phú Đông - Thạnh Lộc. Kể đến, sở chỉ huy mặt trận tiền tuyến miền Đông, trụ sở Tổng Công đoàn Nam Bộ, liên hiệp Công đoàn Sài Gòn và nhiều tổ chức kháng chiến khác, kể cả Ủy ban kháng chiến xã Hạnh Thông cũng lần lượt rút về đây xây dựng căn cứ.

Tại đây, hội nghị cán bộ tỉnh Gia Định tại vườn Cau Đỏ, xã Thạch Lộc, (25. 12. 1945) quyết định chính thức thành lập chiến khu An Phú Đông, lấy hai xã An Phú Đông và Thạch Lộc làm trung tâm căn cứ, mở rộng phạm vi cơ động về phía sau: Quới Xuân, Tân Thới Hiệp, nối liền với Nhị Bình, Đông Thạnh, Bình Lý, Tân Mỹ, tạo thành một hành lang thuận tiện di chuyển bảo vệ lực lượng và chặn đánh địch. Cán bộ chiến sĩ bám lại. Các cơ quan kháng chiến tiếp tục hoạt động. Nhân dân sáng tạo nhiều cách đánh địch, xây dựng hệ thống phòng thủ trên mặt đất và đào hầm bí mật, hầm mốc chìm dưới nước (hầm cá trê).

Cụm danh từ "Chiến khu An Phú Đông" cùng với những câu thơ của nhà thơ Xuân Miên trở thành biểu tượng của cuộc chiến đấu gian khổ những ngày đầu kháng chiến ở ngoại vi Sài Gòn¹.

Chiến khu Rừng Sác ở phía đông nam thành phố, là một vùng rừng đước, chà là ngập mặn rộng đến 600 hecta, phía Bắc là khu lòng chảo Nhơn Trạch, phía Đông là quốc lộ 15, phía Tây là sông Soài Rạp, phía Nam kéo dài sát biển Đông. Rừng Sác là nơi tập hợp của hàng trăm sông rạch lớn nhỏ, chằng chịt ngang dọc ngoằn ngoèo như mạng nhện, tạo nên những đảo triều lúp xúp nổi giữa mênh mông nước

-
1. Thơ An Phú Đông của Xuân Miên năm 1946 có những câu:

*Bạn đã từng nghe An Phú Đông
Một làng nho nhỏ ở ven sông
Một năm chinh chiến? Ôi chinh chiến!
Sông nước Sài Gòn nhuộm máu hồng.
Từ đây đất này vang tiếng súng,
Âm thầm mưa gió... bóng quân đi.
Trên đường gặp lại bao nhiêu mộ,
Của những người đi chẳng trở về.
An Phú Đông! Đây An Phú Đông!
Trả lời tiếng gọi của non sông
Trẻ già đã biết hy sinh hết
Biết trả thù chung đổ máu hồng?*

(diện tích mặt sông rạch chiếm 1/4 diện tích toàn Rừng Sác). Quan trọng nhất trong toàn bộ hệ thống sông rạch ở Rừng Sác là sông Lòng Tàu - tên gọi gộp nhiều đoạn sông dài 45km nối biển Đông ở cửa biển Gành Rái lên ngã ba sông Đồng Tranh, sông Nhà Bè vào Cảng Sài Gòn, một cửa biển quốc tế, cái "cuống họng" của Sài Gòn và Nam Bộ. Phủ lên Rừng Sác là cả một rừng cây ngập mặn như mắm, bần, đước, dà, chà là, dừa nước... đan náu nhau tầng tầng lớp lớp, tạo nên những "đám lá tối trời", những "mái nhà", hang động. Sông rạch, đảo triều, rừng cây làm cho Rừng Sác trở thành một khu vực cực kỳ hiểm trở, một "trận đồ bát quái". "Trận đồ bát quái" này lại nằm kề cận thành phố Sài Gòn, bao bọc xung quanh con đường thủy chiến lược - Lòng Tàu - nối liền Sài Gòn với quốc tế.

Rừng Sác, vì thế, từ thế kỷ trước đã được Trương Định chọn làm căn cứ chống Pháp. Trước Cách mạng Tháng Tám, đây là nơi trú ẩn của những người có chí khí khai sơn phá thạch, khuấy nước chọc trời, cát cứ một cõi, những người trốn lính, phu, thuế, cờ bạc, hút xách bị chính quyền thực dân truy nã, những người "hào hớn giang hồ", trộm cướp lưu manh, bị xã hội dồn đến chân tường, sống ngoài vòng pháp luật.

Cuối tháng 11, 1945, sau khi mặt trận Rạch Đĩa - Cây Khô (Nhà Bè) bị vỡ, bộ chỉ huy mặt trận số 4 rút xuống Rừng Sác.

Cùng với bộ đội Bình Xuyên, tại Rừng Sác còn có hàng chục tổ chức của kháng chiến về đứng chân hoạt động như các bộ phận hậu cứ cơ quan lãnh đạo các tỉnh Chợ Lớn, Bà Rịa, Thị xã Cáp (Vũng Tàu), các cơ quan kháng chiến Sài Gòn (liên hiệp Công đoàn, công tác Thành, công an xung phong...), các cơ quan quân dân chính đảng các quận Nhà Bè (Gia Định), Cần Giuộc, Cần Đước (Chợ Lớn), Hòa

Tân (Gò Công) và cơ quan kháng chiến các xã đất liền ven phía Tây sông Soài Rạp...

Cuối tháng 2. 1946, Rừng Sác trở thành một chiến khu sôi động ở ngoại vi đông nam thành phố. Tại đây, bộ đội tỏa ra hoạt động đánh địch khắp nơi, tập kích huyện lỵ Nhà Bè, huyện lỵ Cần Giuộc, đánh đồn bót dọc sông Lòng Tàu, dọc liên tỉnh lộ 19, phục kích diệt tàu ghe của địch trên các sông rạch.

Chiến khu Vườn Thơm: ở phía tây thành phố, cách trung tâm Sài Gòn 10km, án ngữ trên hành lang nối Sài Gòn với chiến khu Đồng Tháp Mười, thuộc đất Trung Huyện và một phần quận Đức Hòa của các xã Hậu Thạnh, Đức Hòa Hạ (tỉnh Chợ Lớn). Toàn bộ chiến khu gồm 6 xã trung tâm (Tân Tạo, Tân Nhật, Tân Bửu, Lương Hòa, Hậu Thạnh Hạ, Đức Hòa Hạ với điểm trung tâm là Trụ Năm Thôn) và 9 xã ngoại vi (Bình Trị Đông, Tân Kiên, An Lạc, Tân Túc, Mỹ Yên, Thanh Hà, Long Hiệp, Long Phú, An Thạnh) với diện tích khoảng gần 200 km².

Từ đầu năm 1946, bộ đội chiến đấu ở mặt trận phía tây, Ban Chấp hành Mặt trận Việt Minh và các cơ quan kháng chiến của Sài Gòn, Chợ Lớn, của Trung Huyện và vùng phụ cận rút về đây, trụ bám, xây dựng căn cứ, chuẩn bị thực lực mọi mặt cho cuộc kháng chiến.

Dựa vào địa thế nhiều bung trấp kinh rạch và cỏ lác phức tạp, rậm rạp, khuất khúc bất ngờ, quân và dân tại Vườn Thơm, dưới sự chỉ đạo của trưởng ban căn cứ địa Nguyễn Văn Thơm, tiến hành đào vét kinh mương ngòi lạch, mở đường đi ngang dọc ở trong căn cứ, đồng thời dựng kè cản, đắp đập trên các kinh lớn, đào hầm hào khắp nơi, vừa để che giấu lực lượng vừa để chống địch cơ động càn quét. Căn cứ Vườn Thơm đứng vững cho đến 1949, được coi là một địa bàn cơ động nhất vào nội thành.



038

**TRONG CAO TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
ĐẦU NĂM 1950 Ở SÀI GÒN - CHỢ LỚN CÓ HAI
CUỘC BIỂU TÌNH ĐÃ ĐI VÀO LỊCH SỬ DÂN TỘC.
XIN CHO BIẾT VỀ DIỄN BIẾN CỦA
HAI CUỘC BIỂU TÌNH ĐÓ.**

Hai cuộc biểu tình lớn đã đi vào lịch sử dân tộc là cuộc biểu tình ngày 9. 1. 1950 và 19. 3. 1950

Ngày 9. 1. 1950 hơn 2.000 học sinh các trường Gia Long, Pétrus Ký, Nguyễn Văn Khuê, Lê Bá Cang biểu tình kéo đến Nha học chính và sau đó tiếp tục kéo đến dinh Trần Văn Hữu (Thủ hiến Nam phần) để đưa yêu sách. Nhân dân thành phố tham gia cuộc biểu tình của học sinh ngày càng đông. Trước áp lực của học sinh, Trần Văn Hữu buộc phải hứa sẽ mở cửa trường và thả số học sinh bị bắt. Nhưng, bọn cầm quyền Pháp thì không nhượng bộ. Đoàn biểu tình không chịu giải tán và tiếp tục đòi giải quyết các yêu sách. Ba giờ chiều cùng ngày, thực dân Pháp và bọn bù nhìn huy động 500 cảnh sát và binh lính bất ngờ đàn áp đánh đập bắn vào học sinh. Cuộc đàn áp diễn ra đẫm máu, 30 học sinh bị thương nặng, 150 em bị bắt. Trong số những người bị thương nặng có Trần Văn Ôn đã chết tại nhà thương Chợ Rẫy. Tin Trần Văn Ôn và một số học sinh bị chết đã gây xúc động mạnh trong nhiều tầng lớp nhân dân, nó kích thích tinh thần dân tộc và căm thù giặc Pháp đến cao độ. Trước tình hình đó, Ban cán sự nội thành chủ trương

phải tổ chức một cuộc truy điệu thật lớn để kích lòng căm thù giặc trong nhân dân, đồng thời biến đám tang thành một cuộc biểu tình phản đối nhà cầm quyền Pháp. Ban lễ tang được thành lập do ông Lưu Văn Lang làm trưởng ban.

Ngày 12. 1. 1950, hơn nửa triệu người gồm nhiều tầng lớp công nhân, xích lô, xe kéo, taxi, buôn bán, báo chí đã xuống đường tham gia đám tang Trần Văn Ôn và biến đám tang thành cuộc biểu tình phản đối bọn cầm quyền Pháp đàn áp học sinh. Đây là cuộc biểu tình lớn nhất từ khi Pháp quay lại xâm lược. Toàn thành phố bãi công, bãi chợ, bãi trường. Giặc Pháp và bọn bù nhìn lo sợ và lúng túng trước hành động của nhân dân ta. Cuộc tổng bãi công, bãi khóa, bãi thị ngày 12. 1. 1950 biểu lộ sự công khai phản uất của các tầng lớp nhân dân, tạo được sự đoàn kết đấu tranh giữa các học sinh trường công và trường tư, gây ảnh hưởng tốt trong các tầng lớp nhân dân yêu nước. Báo chí Sài Gòn viết bài và đưa tin rất chi tiết về cuộc đấu tranh. Báo Sài Gòn Mới ngày 14. 1. 1950 viết "Khấp địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đều đượm một màu tang tóc. Công nhân người Việt ở tất cả các trụ sở dầu Pháp và Việt đều nghỉ việc, một số công chức cũng không đi làm, các tiệm may, tiệm hớt tóc, các quán rượu đều đóng cửa tới xế chiều, các rạp hát, các chợ đều đóng cửa, anh em xích lô, xe ngựa, xe tải, ô tô buýt đều hy sinh một ngày để biểu dương lực lượng"... Và tờ báo trên nhận xét "Một đám tang vĩ đại, một đám tang biểu lộ tinh thần đoàn kết của một dân tộc tuy tiềm tàng ẩn nhẫn nhưng bất khuất, một đám tang để kêu gọi những người còn sống hãy sống cho xứng đáng hơn nữa. Một đám tang để nêu gương tinh thần ái quốc và lòng yêu giống nòi của dân tộc Việt Nam đến ngàn nào và hướng về đâu..."

Ngày 9. 1. 1950 đã trở thành "Ngày học sinh, sinh viên toàn quốc".

Ngày 19. 3. 1950, tại trường Tôn Thọ Tường, các tổ chức công khai, hợp pháp và đông đảo công nhân học sinh, các tầng lớp nhân dân đến dự cuộc mít tinh để nghe luật sư Nguyễn Hữu Thọ báo cáo thành tích về quá trình đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ tại Sài Gòn - Chợ Lớn, Ban cán sự nội thành chủ trương biến cuộc mít tinh thành cuộc biểu tình chống bọn can thiệp Mỹ. Khi xe của luật sư Nguyễn Hữu Thọ vừa đến thì bọn cảnh sát ập tới bao vây. Trước hành động đó của giặc, hơn 30 vạn người có mặt tại cuộc mít tinh đã rầm rập xuống đường thét vang khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc Pháp và bè lũ tay sai!

- Đế quốc Mỹ cút đi!

Như những lớp sóng trào, đoàn biểu tình đã đi qua các đường phố chính ở trung tâm thành phố, rầm rập tiến về chợ Bến Thành, rồi chia thành nhiều hướng xuống bến cảng. Đa Kao, Chợ Lớn. Đi đến đâu lại có quần chúng các nơi nhập vào càng đông. Đồng bào giương cao cờ đỏ sao vàng, chân dung Hồ Chí Minh và hô vang các khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc Pháp và bọn bù nhìn tay sai!" "Đế quốc Mỹ cút đi!"... ảnh Bảo Đại, cờ Pháp, cờ ba que, cờ Mỹ bị hạ trên đường phố có đoàn biểu tình đi qua. Tại chợ Bến Thành, đoàn biểu tình đã chặn xe nhà binh: bọn lính Pháp hoảng sợ bỏ chạy, xe bị đốt cháy. Tại bến cảng, đoàn biểu tình đã rượt đuổi lính Mỹ. Bọn cảnh sát nguy, lính và cảnh sát Pháp được điều đến để đàn áp. Lập tức nhiều chướng ngại vật được quần chúng dựng lên để cản xe nhà binh, chống lại binh lính và cảnh sát đàn áp. Những người biểu tình đã dùng củi, gậy, gạch, đá để tự vệ. Trên đường đi qua dinh Xà Tây (Ủy ban nhân dân Thành phố ngày nay), đoàn biểu tình gặp xe của tên Đại tá Pháp Périeux. Lập tức xe bị kéo lại và Périeux bị đâm chết tại chỗ. Chiếc xe được quần chúng khiêng đến trước dinh Xà Tây để đốt chung với hình Bảo Đại. Trước khí thế bùng bùng của quần chúng,

bọn cảnh sát phải lột lon, lột nón để trốn. Lính Pháp phải đóng cửa trại, không dám ra ngoài. Cuộc biểu tình đã kéo dài từ sáng tới chiều, dễ dẫn đến những hành động bột phát trước sự khiêu khích của kẻ thù. Vì vậy, Ban cán sự nội thành cùng với cán bộ lãnh đạo các giới đã huy động lực lượng Công đoàn, Công an xung phong theo từng đoàn biểu tình để hạn chế những hành động đập phá có thể xảy ra. Đến 3 giờ chiều thì cuộc biểu tình chấm dứt. Phối hợp với phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, tối 19. 3. 1950, đội biệt động của trung đoàn 300 đã dùng 3 khẩu súng cối 82 ly nã 20 phát đạn vào hai chiếc tàu Mỹ đậu trên sông Sài Gòn. Bị thêm đòn cảnh cáo của lực lượng vũ trang thành phố, hai tàu Mỹ buộc phải lạng lẽ rút chạy.

Ngày 19. 3. 1950 đã đi vào lịch sử dân tộc là ngày toàn quốc chống Mỹ.



039

**PHỐI HỢP VỚI CHIẾN TRƯỜNG TOÀN QUỐC
TRONG CHIẾN CUỘC ĐÔNG XUÂN 1953 - 1954
Ở THÀNH PHỐ ĐÃ CÓ NHỮNG PHONG TRÀO GÌ?
XIN CHO BIẾT VỀ DIỄN BIẾN VÀ KẾT QUẢ CỦA
CÁC PHONG TRÀO ĐÓ.**

Suốt thời gian của chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954, ở Sài Gòn - Chợ Lớn có nhiều phong trào quần chúng nổi dậy chống địch về nhiều mặt. Nổi bật là các phong trào đấu tranh chính trị:

- Phong trào chống bắt lính: đấu tranh chống bắt lính là phản kháng tất yếu của đồng bào và thanh niên Sài Gòn - Chợ Lớn khi nhận ra chính nghĩa của cuộc kháng chiến và nguy cơ trở thành bia đỡ đạn cho giặc. Càng thua đau trên chiến trường, địch càng điên cuồng bắt lính. Năm 1954 địch mở nhiều chiến dịch ruồng bố, lũng bắt thanh niên đi lính, chúng xông vào các nhà máy, trường học, rạp hát hoặc tổ chức chiếu bóng để lừa bịp dụ dỗ thanh niên. Những cuộc đuổi đất, đốt nhà mờ ám cũng là dịp để địch xông vào các xóm nhỏ, ruồng bắt thanh niên vào lính.

Phong trào chống bắt lính diễn ra khá mạnh từ những hình thức lẩn trốn đến đấu tranh phản kháng chống lại lệnh động viên của chính quyền địch. Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, địch ra lệnh tổng động viên khẩn cấp, đôn quân bắt lính, khủng bố, đe dọa học sinh thì một làn sóng đấu tranh

lại lan ra bắt đầu từ các trường học ở Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh như trường Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho) trường Huỳnh Khương Ninh. Kiến Thiết, Đồng Nai (Sài Gòn - Chợ Lớn) đã gây cho địch rất nhiều khó khăn trong việc đồn quân bắt lính. Ở nhiều nơi nhân dân tổ chức canh gác báo động cho thanh niên tạm lánh khi địch vào bắt lính hoặc cản xe địch giải thoát cho thanh niên mới bị địch bắt đi lính...

- Phong trào đấu tranh dân sinh, dân chủ: Tiêu biểu là phong trào đấu tranh của công nhân thuộc khối hậu cần của thực dân Pháp. Ngày 9. 9. 1953, 1.000 công nhân Sở Mộ bãi công đòi hưởng phụ cấp sinh hoạt 20%. Ngày 3. 11. 1953 hơn 2.000 công nhân Sở nhà binh bãi công đòi tăng lương 35%. Ngày 28. 9. 1953 công nhân viên hàng không bãi công đòi tăng lương tề liệt đường hàng không của Pháp một tuần lễ... Đầu 1954 hàng loạt cuộc bãi công nổ ra ở các xí nghiệp lớn tại thành phố như công nhân hãng cơ khí Asam, Eiffel, Faci, Caric đòi tăng lương. Công nhân các hãng dầu Shell, xe buýt, hãng dệt, hãng thuốc lá Ngô Vinh, Míc cũng bãi công ủng hộ và đòi tăng lương, giảm giờ làm cải thiện đời sống. Ngày 1. 5. 1954, đông đảo công nhân và nhân dân lao động Sài Gòn - Chợ Lớn đã tuần hành mít tinh trước Tòa Đô Chính của ngụy quyền với các khẩu hiệu "trả phụ cấp gia đình trên căn bản duy nhất", "mở thêm trường học", "áp dụng di dịch lương bổng"... Những khẩu hiệu đấu tranh thiết thực này có sức hiệu triệu quần chúng. Đúng như đồng chí Lê Duẩn nhận xét: "Trước mũi súng của quân thù hàng ngày cọ xát với địch, đấu tranh của đồng bào lao động giành được một đồng xu cũng có giá trị như một chiến công"¹.

1. Thời chống Mỹ, báo Nhân dân ngày 17. 2. 1965.

Những cuộc bãi công ở Sài Gòn - Chợ Lớn tuy chưa dẫn tới tổng bãi công liên kết nhiều ngành, nhiều giới, nhưng trong hoàn cảnh địch kiểm soát gắt gao, những cuộc đấu tranh này có cuộc tự phát, có cuộc tự giác do người của cách mạng tổ chức và lãnh đạo đều đã góp phần làm suy yếu thêm hậu phương của địch trong khi chiến trường chính đang giành thắng lợi.

- Phong trào đấu tranh chống đuổi nhà cướp đất: cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương đang bước vào giai đoạn quyết liệt, chúng càng phải ra sức củng cố hậu phương, nhất là ở những nơi quan trọng của chúng. Mặt khác bọn chủ đất ở Sài Gòn - Chợ Lớn gồm người Hoa, người Việt, người Ấn cũng đang đuổi nhà, đuổi dân để lấy đất xây cất hăng, xưởng. Phong trào đấu tranh chống đuổi nhà cướp đất của nhân dân lao động diễn ra sôi nổi, được đông đảo quần chúng ủng hộ. Từ những cuộc đấu tranh nhỏ xung đột với bọn chủ đất ở các xóm lao động chuyển thành những cuộc đấu tranh lớn với hình thức đấu tranh chính trị trực diện với chính quyền địch. Nổi bật là các cuộc đấu tranh của nhân dân các xóm lao động A-rát, Tân Bình, khu đường Ký Con, Nguyễn Tri Phương... đòi triển hạn nhà, không cho dỡ nhà, phá nhà đã gây tiếng vang lớn. Ngày 6. 12. 1953 hàng ngàn đồng bào Tân Định đã bất ngờ chặn đường tên Nguyễn Văn Tâm, thủ tướng nguy quyền vừa từ Pháp về rời sân bay vào trung tâm thành phố, Nguyễn Văn Tâm buộc phải nhận các yêu sách chống cướp đất của đồng bào.

Cuộc đấu tranh chống đuổi nhà cướp đất của đồng bào vào thành phố ngày càng lan rộng, gây nên sự bất lợi cho chính quyền. Ngày 8. 7. 1954 các Bộ trưởng tư pháp và thông tin phải đề nghị đình thi hành việc đuổi đất trong khi chờ đợi có thể lệ mới. Cuộc đấu tranh chống đuổi nhà cướp đất của nhân dân lao động bước đầu giành thắng lợi.

- Phong trào đấu tranh đòi hòa bình chấm dứt chiến tranh:

Sài Gòn - Chợ Lớn là nơi đi đầu trong phong trào đấu tranh đòi hòa bình chấm dứt chiến tranh. Đầu tháng 3. 1954, 353 nhân sĩ trí thức Sài Gòn - Chợ Lớn đã ra Tuyên ngôn đòi chính phủ và quốc hội Pháp phải ra lệnh ngưng bắn. Báo Nhân dân ra ngày 6. 5. 1954 gọi đó là "một quả bom hòa bình ở Nam Bộ". Mặc dù địch đã tìm mọi cách uy hiếp người ký kiến nghị, viết bản xuyên tạc, cố bưng bít bản tuyên ngôn hòa bình, nhưng cuộc vận động ký kiến nghị ở Sài Gòn vẫn lan rộng và sôi nổi thu hút nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Phong trào đấu tranh đòi hòa bình ở các thành phố lớn cũng đẩy lên mạnh mẽ sau thắng lợi ở Điện Biên Phủ hỗ trợ đắc lực cho cuộc đấu tranh ngoại giao ở Hội nghị Genève về vấn đề Đông Dương. Trong tháng 6. 1954 hơn 500 nghệ sĩ và công nhân sân khấu Sài Gòn gởi kiến nghị cho Hội nghị Genève đòi chính phủ Pháp phải thương lượng thành thật. Do có nhiều cuộc biểu tình đã nổ ra ở Sài Gòn - Chợ Lớn nên Đô trưởng nguy quyền đã ra thông báo nghiêm cấm hội họp biểu tình trên các công lộ. Ngày 20. 7. 1954 khi Hiệp định Genève được ký kết cảnh sát Sài Gòn được lệnh tháo gỡ tất cả những biểu ngữ có hàng chữ hòa bình thống nhất. Từ những cuộc đấu tranh trên, phong trào hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn được thành lập do luật sư Nguyễn Hữu Thọ đứng đầu tiếp tục đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève lại diễn ra sôi nổi từ tháng 8. 1954.



040

**HIỆP ĐỊNH GENÈVE VỀ LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở
ĐÔNG DƯƠNG ĐƯỢC KÝ KẾT NGÀY NÀO?
NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA HIỆP ĐỊNH
VỀ VẤN ĐỀ ĐÔNG DƯƠNG.**

Hiệp định Genève về lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký vào ngày 20. 7. 1954.

Tháng 1. 1954, Hội nghị Genève được triệu tập theo chủ trương của Hội nghị ngoại trưởng 4 nước, Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp ở Béc-Lin. Ngày 20. 4. 1954, Hội nghị bắt đầu bàn về Đông Dương. Ngày 4. 5. 1954 nhận lời mời của hai Chính phủ Liên Xô và Trung Quốc, đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa, do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn đã đến Genève để tham dự hội nghị.

Với tư thế là một dân tộc đang chiến thắng, đồng chí Phạm Văn Đồng từ trên diễn đàn của hội nghị Giomevor, nghiêm khắc lên án cuộc chiến tranh phi nghĩa của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương. Đồng chí Phạm Văn Đồng tuyên bố lập trường của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa về việc lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương là đi tới một giải pháp hoàn chỉnh: đình chỉ chiến sự trên toàn bán đảo Đông Dương đi đôi với một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam, vấn đề Lào và vấn đề Campuchia, trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền,

thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước Đông Dương. Lập trường đúng đắn của Việt Nam không được đoàn đại biểu Trung Quốc, một nước có ảnh hưởng và có vị trí lớn trong hội nghị ủng hộ.

Từ 8. 5 đến 23. 6. 1954 Trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc đã đàm phán trực tiếp với Trưởng đoàn đại biểu Pháp 4 lần và đi tới thỏa thuận một giải pháp khung cho một hiệp định ngừng bắn ở Đông Dương.

Ngày 23. 6. 1954 Thủ tướng Chu Ân Lai gặp Thủ tướng mới của Pháp là Măng-đét-Phrăng-xơ, lại đưa ra những nhượng bộ mới: chia cắt Việt Nam, giải quyết vấn đề quân sự trước, tách rời việc giải quyết 3 vấn đề Việt Nam, Lào, Campuchia. Trước đó Trung Quốc muốn Việt Nam bỏ cả Hà Nội, Hải Phòng và đường số 5¹.

Từ ngày 23. 6 đến ngày 20. 7. 1954, khi đoàn đại biểu Pháp tiến hành đàm phán trực tiếp với đoàn đại biểu Việt Nam để bàn các việc cụ thể, thì Trung Quốc giữ vai trò thúc ép Việt Nam nhân nhượng.

Ngay từ lúc chuẩn bị cho hội nghị Genève, đại biểu Trung Quốc đã phát biểu "Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không thể công khai giúp Việt Nam được trong trường hợp cuộc xung đột ở đây mở rộng"². Trung Quốc còn dùng những lời đe dọa mở rộng chiến tranh của Mỹ để ép Việt Nam.

1. Trong điện văn của Thủ tướng Chu Ân Lai gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và sao gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ngày 30. 5. 1954 đã viết "Lấy Hải Phòng làm cửa bể tự do, ở gần đây cho Pháp đóng một số quân nhất định, nếu không được nữa thì đem đường số 5 và Hà Nội, Hải Phòng làm khu công quân và phi quân sự..."

(Trích theo *Sự thật về mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua*, Nxb. Sự thật, 1979, tr. 32)

2. Như trên, tr. 30.

Đến ngày 10. 7. 1954, Việt Nam vẫn kiên trì lập trường của mình. Việt Nam đòi phải có đại biểu của hai chính phủ kháng chiến Lào, Campuchia dự đàm phán, giới tuyến quân sự tạm thời là vĩ tuyến 13, tổng tuyển cử tự do ở Việt Nam, Lào, Campuchia trong thời hạn 6 tháng, Lào và Campuchia có hai vùng tập kết.

Trung Quốc không những không ủng hộ những quan điểm ấy của Việt Nam mà còn ra sức thúc ép Việt Nam nhân nhượng Pháp. Trung Quốc đòi Việt Nam đưa ra những điều kiện mà Pháp có thể chấp thuận và không nên đưa ra những điều kiện "làm phức tạp lời thôi để tránh thảo luận mất thì giờ, rườm rà, kéo dài đàm phán, để cho Mỹ phá hoại".

Xuất phát từ truyền thống yêu chuộng hòa bình theo xu thế chung giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng và trong tình thế Trung Quốc đã thay đổi ngày 20. 7. 1954, Việt Nam đã chấp nhận một giải pháp. Giải pháp này quy định: các nước tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào, nhân dân Campuchia, ngừng bắn đồng thời ở Việt Nam và trên toàn chiến trường Đông Dương, Pháp rút quân, vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời chia Việt Nam làm hai miền, tiến tới có tổng tuyển cử tự do trong cả nước sau hai năm để thống nhất nước nhà.

Ở Lào có một khu tập kết cho các lực lượng kháng chiến Lào gồm hai tỉnh Sầm Nưa và Phong Xa Lỳ. Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến không có khu tập kết nào và phục viên tại chỗ.

Giải pháp Genève không phản ánh đầy đủ những thắng lợi của nhân dân ta trên chiến trường và xu thế của cuộc đấu tranh giữa ta với Pháp, cũng không đáp ứng đầy đủ những yêu cầu chính trị của giải pháp do đoàn đại biểu Việt Nam đưa ra. Vì thế, nó đã ngăn cản nhân dân ba nước

Việt Nam, Lào và Campuchia giành thắng lợi hoàn toàn. Đây là sự thay đổi lần thứ nhất của những người lãnh đạo Trung Quốc đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia.

Tuy vậy, hiệp định Genève đã góp phần cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương. Nhân dân ta ở miền Bắc có điều kiện bắt tay vào công cuộc xây dựng hòa bình, khôi phục kinh tế, hoàn thành cải cách ruộng đất, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam sau này. Thực dân Pháp từ chỗ hùng hổ muốn tiêu diệt cách mạng nước ta, đến chỗ buộc phải công nhận nước Việt Nam độc lập, thống nhất. Đây là lần đầu tiên trên thế giới, một hiệp định quốc tế với sự tham gia của các nước lớn đã công nhận Việt Nam có các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Cuộc đấu tranh ngoại giao ở hội nghị Genève đã để lại cho Đảng ta nhiều kinh nghiệm quý báu, trực tiếp cho cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai tại diễn đàn hội nghị Paris sau này.



041

**XIN CHO BIẾT "PHONG TRÀO BẢO VỆ HÒA BÌNH
SÀI GÒN - CHỢ LỚN DO AI CHỦ TRƯỞNG.
NẾU DIỄN BIẾN KẾT QUẢ VÀ KỂ TÊN MỘT SỐ
TRÍ THỨC TIÊU BIỂU THAM GIA
PHONG TRÀO NÀY.**

Hiệp định Genève được ký kết, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn sôi nổi hào hứng đón mừng chiến thắng, đón mừng hòa bình và bước vào một cao trào đấu tranh mới.

Để mở đầu, Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn quyết định tổ chức một cuộc biểu dương lực lượng lớn tại Thành phố. Chính quyền Diệm đã đánh hơi được và tìm cách ngăn chặn. Tuy vậy, sáng ngày 1. 8. 1954, đông đảo nhân dân vẫn xuống đường biểu tình với các khẩu hiệu đòi Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi thả tù chính trị. Nhân dân khắp các huyện của Gia Định đều hưởng ứng. Nhiều cuộc mít tinh được tổ chức ở Thông Tây Hội, An Nhơn, Tân Thới Nhất, An Phú Đông, Thạnh Lộc, Hạnh Thông... và một số nơi nhân dân kéo luôn vào thành phố. Đoàn biểu tình chính trong nội thành có tới 10.000 người tham dự, xuất phát từ Cầu Ông Lãnh tiến dọc theo đường Kitchener (Nguyễn Thái Học) về trung tâm (chợ Sài Gòn). Hai nữ đảng viên Đỗ Hữu Bích và Đỗ Duy Liên giương cao cờ đỏ sao vàng và cờ Pháp, dẫn đầu đoàn biểu tình (cho rằng có cờ Pháp sẽ hạn chế sự đàn áp của địch). Song, bọn cảnh sát vẫn xả đạn vào quần chúng biểu tình. Chị Đỗ Hữu Bích

bị trọng thương và nhiều người bị bắt. Tuy vậy, các đoàn biểu tình từ các nơi vẫn cứ tiếp tục đổ về trung tâm. Đến trưa ngày 1. 8. 1954, số người tham gia cuộc biểu dương lực lượng đã lên tới 50 ngàn người.

Trong không khí sôi động đó, chiều ngày 1. 8. 1954, "Phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn" đã được phát động. Đây là phong trào do đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn chủ trương, ngay sau khi Hiệp định Genève được ký kết, và giao cho các đồng chí Liên chi bộ viên chức do Hoàng Quốc Tân phụ trách. Đồng thời, các đồng chí Nguyễn Văn Kính, Trần Quốc Thảo khu ủy viên chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, các quận khẩn trương đưa lực lượng quần chúng vào thành phố, hưởng ứng phong trào. Và cuối tháng 7 Ban Chấp hành của Phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn cũng được thành lập.

Chiều ngày 1. 8, tại một cuộc họp có đông đủ đại biểu của các nhân sĩ, trí thức, công nhân, nông dân, học sinh sinh viên, phụ nữ, nhà báo, văn nghệ sĩ, các nhà tư sản, điền chủ tiến bộ... Ban Chấp hành Phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn ra mắt nhân dân thành phố.

Ban Chấp hành (còn gọi là Ban sáng lập) có trên 30 người gồm những nhân vật danh tiếng và đại diện tiêu biểu của các ngành, các giới*.

* Chủ tịch đoàn danh dự gồm có: kỹ sư Lưu Văn Lang, Chủ tịch Hội Tăng già Thích Huệ Quang, Giám đốc Ngân hàng Nguyễn Văn Vỹ, luật sư Trịnh Đình Thảo và dược sĩ Nguyễn Văn Liễn.

- Chủ tịch Ban Chấp hành là dược sĩ Trần Kim Quan

- Phó Chủ tịch: Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và nhà báo Nguyễn Thị Lựu.

- Ban thư ký gồm: Giáo sư Sử học Phạm Huy Thông, Giáo sư Luật học Nguyễn Văn Dưỡng, đại biểu công nhân Nguyễn Văn Đẻ.

- Thủ quỹ: Từ Bá Đức, Năm Châu.

Cũng tại cuộc họp này, Phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn ra hiệu triệu nói rõ mục đích của mình là: làm cho hòa bình ở Đông Dương được củng cố, quyền tự do dân chủ được bảo đảm và thống nhất nước nhà được thực hiện bằng tổng tuyển cử tự do theo tinh thần Hiệp định Genève.

Trong Ban Chấp hành có các đảng viên như Hoàng Quốc Tân, Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thị Lưu, Phạm Huy Thông... và nhiều đồng chí khác ở trong các tiểu ban của phong trào (tiểu ban tổ chức, tiểu ban ấn loát, tiểu ban phụ trách về trao trả tù binh và vận động thả chính trị phạm, tiểu ban lo việc tiếp xúc với Ủy ban quốc tế giám sát đình chiến).

Ở cơ sở, cán bộ đảng viên của các quận, huyện, ban, ngành đã tích cực ngày đêm vận động quần chúng trong mọi ngành, mọi giới hưởng ứng phong trào với nhiều hình thức phong phú như biểu tình, mít tinh, hội thảo, đưa kiến nghị hoặc tổ chức các cuộc hội họp để tập hợp những yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân, hoặc cử đại biểu đi thăm hỏi bộ đội và cán bộ của ta đang còn bị địch giam giữ, tổ chức liên lạc với Ủy ban quốc tế để đưa nguyện vọng và yêu sách đấu tranh. Các đồng chí cũng đã quyết định ra báo lấy tên là Hòa Bình, làm cơ quan ngôn luận cho phong trào.

Phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn được nhân dân hưởng ứng rầm rộ và rộng rãi. Mọi hoạt động của Phong trào được tiến hành công khai ở các khu phố, xí nghiệp, trường học... Hàng trăm Ủy ban hòa bình được lập ra ở cơ sở.

Lo sợ trước khí thế mạnh mẽ, rộng lớn của phong trào, tháng 11. 1954, Diệm ra lệnh đàn áp. Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn đã hướng phong trào xoay qua đấu tranh vạch trần bộ mặt phát xít của Ngô Đình Diệm phản động, và hành động khủng bố, đàn áp của chúng. Do vậy, phong

trào càng trở nên mạnh mẽ, quyết liệt, hình thức đấu tranh ngày càng phong phú và được nhân dân cả nước ủng hộ. Trước sự đàn áp của Diệm, sang năm 1955 phong trào lắng dần xuống và Huế là nơi kết thúc phong trào vào tháng 3. 1955.

Phong trào Bảo vệ Hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn là thắng lợi đầu tiên của Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn. Qua phong trào Đảng bộ đã tuyên truyền giác ngộ và tập hợp được quần chúng cách mạng. Phong trào gây được khí thế và niềm tin cho những người cộng sản thành phố trong đấu tranh chính trị.



042

**XIN CHO BIẾT VỀ CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI PHÁT XÍT,
ĐÀN ÁP CÁC LỰC LƯỢNG ĐỐI LẬP VÀ
CHÍNH SÁCH "TỔ CỘNG", "DIỆT CỘNG"
CỦA NGÔ ĐÌNH DIỆM ĐỐI VỚI MIỀN NAM
VÀ SÀI GÒN - CHỢ LỚN.**

Núp dưới chiêu bài "đả thực", "bài phong", sau khi gạt Pháp, hạ bệ Bảo Đại, cho tới những năm 1957 - 1958 Diệm tiến hành liên tục các cuộc thanh lọc những người làm việc cho Pháp ra khỏi chính quyền. Sau khi lập ra Chính phủ mới (7. 1954), ngày 1. 8. 1954, Diệm cho ra mắt "Hội đồng Đô Thành", gạt tất cả quan lại, công chức người Pháp ra khỏi Tòa Đô chính và thay bằng những tay chân tin cậy của Diệm. Tháng 12. 1954 Diệm tuyên bố sáp nhập lực lượng vũ trang của các giáo phái Bình Xuyên, Hòa Hảo, Cao Đài vào quân đội của Diệm. Các lực lượng này không chịu nên đã rút ra khỏi Chính phủ của Diệm và thành lập "Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia" chống Diệm.

Cuối tháng 4. 1955, Diệm nổ súng đánh quân Bình Xuyên. Tháng 5. 1955, Diệm mở cuộc tấn công tiêu diệt Hòa Hảo. Tháng 10. 1955, Diệm tiến hành đánh lực lượng Cao Đài.

Từ 25. 2 đến 9. 3. 1955, Diệm đem quân diệt 1.000 "Nghĩa dũng đoàn" của Đại Việt ở miền Trung, triệt hạ căn cứ Ba Lòng (Quảng Trị) và căn cứ ở Phú Yên. Từ đó Đại



Công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn biểu tình, 1. 5. 1958.

Việt chỉ còn là một lực lượng chống Diệm lưu vong ở nước ngoài.

Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng vào năm 1954 đã tham gia Chính phủ của Diệm, nhưng đến tháng 9. 1954 bị Diệm gạt ra. Việt Nam Quốc dân đảng liền chủ trương dựa vào Pháp, thân với Mỹ, chống Cộng và chống Diệm độc tài. Vì vậy, Diệm đã thẳng tay tiêu diệt lực lượng này. Năm 1956, các chiến khu của Việt Nam Quốc dân đảng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định bị Diệm triệt hạ. Tàn quân Việt Nam Quốc dân đảng chạy lên núi và xin đầu hàng Diệm, mong được Diệm thu nhận vì có công diệt cộng sản, nhưng Diệm không chấp nhận.

Từ cuối 1956 trở đi, các phe nhóm đối lập thân Pháp và dựa Mỹ ở miền Nam về cơ bản đã bị loại, không còn là trở ngại đáng kể đối với Diệm.

Diệm ra sức xây dựng một chính quyền "gia đình trị", độc tài, phát xít. Diệm hô hào "bài phong", nhưng lại tôn vinh gia đình, dòng họ mình theo kiểu phong kiến. Tất cả

quyền hành của quốc gia đều tập trung vào tay gia đình, quyền thuộc của họ Ngô, ra sức quảng cáo cho cái gọi là công đức của "Ngô Chí sĩ", ca ngợi Nhà nước họ Ngô và sức mạnh của quan thầy Mỹ.

Trong khi thanh toán sát phạt các lực lượng đối lập, nhất là trong các trận tiêu diệt Bình Xuyên, Hòa Hảo, Diệm, Nhu và Cẩn đã giết hại luôn cả hàng vạn dân lành.

Trong cuộc trưng cầu ý dân ngày 23. 10. 1955, cả miền Nam có hơn 60.000 người (riêng ở Sài Gòn có 4.000 người) bị Diệm bắt và hàng ngàn người bị giết vì phản đối cuộc trưng cầu dân ý. Nhằm xây dựng hệ thống chính quyền trung thành với mình, từ tháng 6 đến tháng 8. 1956, Diệm hủy bỏ các hội đồng xã, cách chức 2.500 xã trưởng, năm 1958, Diệm tiếp tục thải ra 1.000 công an, cảnh sát, 1.000 nhân viên hành chính, 1.500 hạ sĩ quan, điều đi xa một số tướng tá như Mai Hữu Xuân, Nguyễn Ngọc Lễ... để thay vào những người thân tín của gia đình Diệm*.

Ngày 15. 7. 1955, Ngô Đình Diệm phát động chiến dịch "tố cộng".

Tháng 5. 1957, Diệm đưa ra dự luật "Đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật". Dự luật này bị nhân dân phản đối và Quốc hội của Việt Nam cộng hòa không dám thông qua, nhưng đến ngày 6. 5. 1959, Diệm lại đưa ra Luật 10/1959. Đó là đạo luật phát xít để cho Diệm tự do giết hại không chỉ những chiến sĩ cách mạng mà cả những người dân thường yêu nước. Theo Chỉ thị số 4 (20. 3. 1956) của "Ủy ban nhân dân tố cộng" thì khái quát "Việt cộng" là bao gồm tất cả những người đã tham gia kháng chiến từ 1945 - 1954, những người mới tham gia "Phong trào bảo vệ hòa bình" 1954 - 1955, những người tán thành thống nhất đất nước,

* Lời phán quyết về Việt Nam của Joseph A. Ampte, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1985, tr. 54.

những người tham gia Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể (yêu nước) ở miền Nam. Nói gọn lại là ai không ủng hộ Diệm đều bị gán cho là Việt cộng. Diệm kêu gọi "Đừng nhẹ tay với cộng sản, không nên xem cộng sản là người, phải bắn cộng sản không run tay" (Báo *Cách mạng quốc gia* số ra ngày 15. 4. 1959 và "bắt được cộng sản thì xử tử tại trận" (Báo *Ngôn Luận*).

Bộ máy "chiến tranh tâm lý" do Ngô Đình Nhu trực tiếp điều khiển được gọi là Sở tác động tinh thần, trong hai năm 1956 - 1957 có 600 nhân viên do đại tá Lénxđen, người của CIA chỉ đạo. Nhiệm vụ của nó là "tố cộng". Chính quyền họ Ngô còn tổ chức tới 100 đoàn, gần 4.000 cán bộ chuyên nghiệp, hơn 1 vạn cán bộ ở cấp xã, huyện, khu phố, phục vụ "tố cộng" trong dân ta. "Tố cộng" trong quân đội có Nha chiến tranh tâm lý được tổ chức xuống tận tiểu đoàn, đại đội và bên cạnh đó còn có Nha tuyên úy của Thiên chúa giáo. Hệ thống "chiến tranh tâm lý" của Mỹ - Diệm ở miền Nam có liên hệ với hệ thống "chiến tranh tâm lý" của Mỹ ở Đông Nam Á, được Mỹ cung cấp tiền bạc và phương tiện hiện đại.

Từng bị tù đầy, tủi nhục qua gần 100 năm bị thực dân Pháp cai trị nhưng nhân dân miền Nam cũng chưa bao giờ phải sống trong không khí khủng bố, đàn áp khốc liệt như trong những năm này. Từ 1955 đến 1960, có 68.000 người bị giết, 191.700 người bị thương trong các cuộc càn quét, 160.000 người cộng sản và yêu nước bị bắt và giam cầm. Trên toàn miền Nam mọc lên 817 nhà tù, gần 300 "khu dinh điền", "khu trù mật" thực chất chỉ là những trại tập trung.



043

ĐẢNG BỘ SÀI GÒN - CHỢ LỚN VÀ GIA ĐÌNH ĐÃ CÓ NHỮNG BIỆN PHÁP GÌ ĐỂ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH CHỐNG "TỔ CỘNG", "DIỆT CỘNG" CỦA MỸ - DIỆM VÀ GIỮ GÌN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG?

Vào gần cuối 1956, Mỹ - Diệm bước vào giai đoạn II của chiến dịch "tổ cộng" và lấy Nam Bộ làm trọng điểm.

Tại Sài Gòn, tháng 9. 1956, Diệm kiện toàn "Ủy ban lãnh đạo tổ cộng Đô Thành Sài Gòn - Chợ Lớn", xây dựng các Ủy ban tổ cộng quận và ra lệnh cho các Ủy ban này phải được tổ chức đến từng khu phố, liên gia. Vào cuối năm 1956, ủy ban tổ cộng nhiều lần tổ chức cho nhân dân, các công sở, đoàn thể, trường học học tập các tài liệu "tổ cộng", bắt nhân dân phải đổi Giấy căn cước (Chứng minh thư) do "Hội đồng nhân dân chỉ đạo tổ cộng" cấp và có đóng hàng chữ "tổ cộng là quốc sách"

Việc xây dựng tổ chức liên gia, cài mật vụ vào tận cơ sở, theo dõi hoạt động từng người dân trong các khu phố để phục vụ cho chiến dịch "tổ cộng diệt cộng" đã gây ra rất nhiều khó khăn cho hoạt động của Đảng.

Bên cạnh đó một số đảng viên bị bắt không chịu nổi đòn tra tấn và cám dỗ của địch, chịu khuất phục rồi đi đến đầu hàng và phản bội. Có những đảng viên không chịu nổi tra tấn cực hình đã nhận khai báo một phần hoặc nhận



**Nhân dân biểu tình đấu tranh chống Luật phát xít 10. 1959
của Mỹ - Diệm**

"chuyển hướng", dự các lớp học tập do địch tổ chức, nhận chào cờ của chính quyền Sài Gòn. Trong số đó cũng có những đồng chí cho rằng: thân phận mình như "cá chậu, chim lồng" nên chấp nhận một vài điểm nào đó theo yêu cầu của địch rồi sau lại tìm cơ hội thoát ra ngoài để trở về với Đảng tiếp tục hoạt động, hoặc lợi dụng hoàn cảnh có được để giúp đỡ anh em trong tù. Nhưng khi địch phát hiện ra là "chiêu hồi giả" họ liền bị quăng ngay trở lại xà-lim và phải chịu mọi cực hình còn ghê gớm hơn trước.

Song phần đông đảng viên và quần chúng cách mạng đã dũng cảm đấu tranh chống lại các hoạt động "tổ cộng" của Diệm. Trong một thông tư của Chủ tịch hội đồng tổ cộng đã phải thừa nhận: các cán bộ kháng chiến cũ tìm các lý do để không tham gia học tập. Nếu phải tham gia thì vẫn giữ khí tiết của người cán bộ cách mạng và mềm dẻo đấu tranh, cương quyết không ký bản ly khai và không đứng ra tố cộng. Họ vận động nhân dân không tham gia học tập hoặc biến những cuộc học tập thành những cuộc

bàn cãi, lật ngược vấn đề, lái các cuộc học tập thành giáo dục ý thức đấu tranh cho nhân dân.

Có nhiều nơi, qua các cuộc học tập, nhân dân đã khôn khéo tranh thủ tố cáo tội ác của bọn công an, mật vụ cho là đã làm sai "chủ trương cần lao nhân vị của Ngô tổng thống".

Trong hoàn cảnh kẻ thù thống trị bằng các đạo luật phát xít, huy động toàn bộ sức mạnh bạo lực để tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiêu diệt Đảng mà Đảng bộ Thành phố về cơ bản vẫn phải đấu tranh bằng phương pháp hòa bình theo Hiệp định Genève cho nên việc bảo tồn lực lượng là cực kỳ khó khăn. Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định phải triệt để thực hiện "điều lắng", tức là cán bộ thay đổi nơi ở và tạm thời nằm im. Cán bộ nội thành phần lớn dạt ra ngoài. Các huyện của Gia Định phải lập căn cứ làm nơi đứng chân cho những đảng viên bị lộ.

Nhưng, càng khó khăn quần chúng càng yêu cầu có Đảng lãnh đạo. Những người nông dân Gia Định đã nói với đảng viên: các anh cứ ở dưới hầm mà lãnh đạo. Còn các anh, chúng tôi còn vững lòng tin. Có ý kiến của các anh là chúng tôi làm được tất cả.

Một số đảng viên đã phải kiên trì sống chui bụi, ngủ bờ hoặc dưới hầm bí mật, mặc cho đói, rét, bệnh tật dày vò, để hàng ngày tiếp xúc với dân, củng cố niềm tin cho nhân dân trong những tháng năm đen tối ấy.

Với Luật "10/ 59" Mỹ - Diệm đã đặt Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định cũng như lực lượng cách mạng trên toàn miền Nam đứng trước những thử thách nghiệt ngã nhất. Dù những người cộng sản vẫn nêu cao ý chí kiên cường, bất khuất, dù được nhân dân hết lòng đùm bọc, che chở, nhưng tổn thất của Đảng vẫn không tránh khỏi ngày một lớn hơn.

Từ 1955 đến 1959 số đảng viên của miền Nam bị tổn thất lên đến 9 phần 10. Riêng Nam Bộ 70.000 cán bộ, đảng viên bị địch giết, 90.000 cán bộ và nhân dân bị bắt, bị tù đầy, 200.000 người bị tra tấn thành tàn tật. Đảng viên ở Nam Bộ chỉ còn lại là 5.000/60.000.

Cuối 1959, Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ còn lại một người và vẫn bám thành phố, nhờ những cơ sở Đảng trong học sinh, sinh viên bảo vệ. Toàn Đảng bộ chỉ còn hơn một trăm đảng viên và phần lớn phải hoạt động đơn tuyến. Cán bộ phụ trách phải tạm lánh ra vùng nông thôn và chỉ đạo từ bên ngoài vào.



044

**XIN CHO BIẾT TÌNH HÌNH CÁCH MẠNG Ở
MIỀN NAM VÀ SÀI GÒN - CHỢ LỚN SAU
HIỆP ĐỊNH GENÈVE 1954? VIỆC XÂY DỰNG
CƠ SỞ TRONG CÁC NGÀNH CÁC GIỚI
CỦA ĐẢNG BỘ NHƯ THẾ NÀO?**

Để thi hành Hiệp định Genève, lực lượng vũ trang của ta (từ vĩ tuyến 17 trở vào) phải chuyển ra Bắc. Trong lúc đó, đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm trở thành kẻ thống trị ở miền Nam. Lực lượng của đối phương nhanh chóng được tăng cường. So sánh lực lượng giữa ta và địch đã có sự thay đổi, bất lợi cho ta. Đã vậy, về khách quan, cách mạng miền Nam lại gặp một số khó khăn mới. Xu hướng muốn hòa hoãn với chủ nghĩa đế quốc đang xuất hiện trong phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế. Miền Bắc Việt Nam là chỗ dựa của cách mạng miền Nam, nhưng lúc ấy vừa thoát ra khỏi chiến tranh, đang phải hàn gắn vết thương chiến tranh và khôi phục kinh tế. Cuộc cải cách ruộng đất tuy thắng lợi là cơ bản, đem lại ruộng đất cho nông dân, nhưng đã phạm sai lầm nghiêm trọng, buộc Đảng ta phải bỏ nhiều sức lực cho việc sửa sai.

Đứng trước tình hình mới của miền Nam, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9. 1954, Hội nghị lần thứ 8 (1955) của BCH Trung ương Đảng (khóa II) đã chỉ ra rằng: đế quốc

Mỹ là kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương "Nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta chưa phải đã hoàn thành, cuộc đấu tranh ái quốc không vì đỉnh chiến mà kết thúc" và "chúng ta phải nhận định cho rõ ràng và đề cao cảnh giác, chuẩn bị đầy đủ để đối phó với mọi tình thế".

Trước mắt, Trung ương chủ trương miền Nam phải chuyển sang phương thức đấu tranh mới: Đấu tranh chính trị và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là "...Đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do, dân chủ..., cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời phải lãnh đạo nhân dân chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quân chúng cách mạng, giữ lấy những quyền lợi quân chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến"*. Với phương châm đấu tranh là tranh thủ hoạt động hợp pháp kết hợp với nửa hợp pháp. Công tác ở đô thị phải được coi trọng đồng thời giữ vững và phát triển cơ sở ở nông thôn.

Những chủ trương, nhiệm vụ trên đây tuy Trung ương Đảng đề ra cho trước mắt, song thực tế nó đã quán triệt xuyên suốt từ cuối năm 1954 cho đến khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 (1959) của Trung ương Đảng.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, Đảng đã để lại ở miền Nam một khung cán bộ hoạt động bí mật. Tháng 10. 1954, Trung ương bổ cấp Trung ương Cục, lập ra Xứ ủy mới của Nam Bộ do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư. Đảng bộ Nam Bộ sau khi đi tập kết ra miền Bắc còn lại khoảng 60.000 đảng viên. Cuối năm 1954 tổ chức các Khu ủy, Liên Tỉnh ủy, Tỉnh ủy cũng được kiện toàn. Riêng ở Sài Gòn lực lượng

* Một số văn kiện Đảng về chống Mỹ cứu nước, tập 1, (1954 - 1965), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 68.

được tăng cường hơn trước*. Đây là thuận lợi lớn cho thành phố bước vào cuộc đấu tranh mới.

Ở thành phố Đảng bộ bước đầu gây dựng được lực lượng và cơ sở trong các ngành, các giới, đẩy mạnh phong trào đấu tranh cho các quyền dân sinh, dân chủ.

Trong công nhân lao động:

Thực hiện chủ trương của Khu ủy, 33 chi bộ của cánh công vận nằm ở Kênh Bui (Mỹ Tho), đã vào thành phố ngay sau ngày hòa bình lập lại. Có 18 Chi bộ vào nằm trong các xí nghiệp và đã phát triển hàng ngàn nông cốt công khai và bí mật. Các Chi bộ Đảng và hầu hết đoàn viên Công đoàn của ta trong thời kỳ chống Pháp đã tìm cách thâm nhập vào các tổ chức nghiệp đoàn công khai. Một số đảng viên như Đoàn Văn Thới, Trương Văn Khâm ... tham gia Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động và đã có tác động tích cực vào tổ chức này. Tổng Liên đoàn Lao động từ chỗ hoạt động yếu ớt đã nhanh chóng trở thành tụ điểm sôi động, đưa ra được nhiều khẩu hiệu đấu tranh sát hợp, kịp thời và mạnh dạn tổ chức đấu tranh, cho nên số lượng đoàn viên tăng nhanh, nhất là từ sau ngày 1. 5. 1955. Trong Tổng Liên đoàn Lao công, ta cũng tranh thủ nắm được nhiều nghiệp đoàn cơ sở.

Trong học sinh, sinh viên:

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy, cơ sở cách mạng phát triển khá nhanh trong giới học sinh, sinh viên, giáo chức. Ở đây có một chi bộ Đảng với khá đông đảng viên được chia thành 2 nhóm: công khai và bí mật do Phạm Văn

* Ngoài lực lượng thuộc các Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định, còn có lực lượng của một số ban, ngành thuộc Xứ ủy và Trung ương như Ban An ninh, Bình vận, Tình báo chiến lược... và một số đảng viên từ các nơi khác nhất là ở các tỉnh miền Trung chuyển vào gây dựng cơ sở tại thành phố.

Trạch, Trần Quang Cơ, Hồ Hảo Hớn phụ trách. Học sinh, sinh viên, giáo chức đã trở thành một lực lượng mạnh vừa hăng hái tham gia các phong trào của thành phố, vừa có những cuộc đấu tranh riêng của giới mình.

Trong giới tiểu thương:

Ngay từ những ngày đầu, Đảng bộ Thành phố rất chú trọng xây dựng cơ sở trong giới tiểu thương, nên ở một số Chợ Lớn như chợ Bến Thành, An Đông, Hạnh Thông Tây, Gò Vấp, Bà Chiểu v.v... đều có đảng viên. Hầu hết nghiệp đoàn các chợ do ta chi phối. Vì vậy, phong trào đấu tranh trong giới tiểu thương phát triển khá mạnh. Chị em đã tham gia sôi nổi trong các ngày lễ 1. 5. Riêng ngày 1. 5. 1955, đông đảo chị em ở các chợ Sài Gòn - Chợ Lớn và toàn thể chị em ở các chợ của Gia Định như chợ Gò Vấp, Thông Tây Hội, Bà Chiểu, Bà Quẹo, Thị Nghè đã tham gia cuộc biểu tình do Tổng Liên đoàn Lao động tổ chức, từ Ngã bảy về bến tàu Sài Gòn với các khẩu hiệu: "Đả đảo bọn sâu dân, một nước", "Ủng hộ tù nhân chính trị", "ngày làm 8 giờ", "xây dựng nhà trường, cất thêm bệnh viện", "tăng cường cho giáo chức", "giảm thuế chợ".

Trong giới kỹ giá, văn nghệ sĩ:

Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn rất quan tâm và đã cử một cán bộ Khu ủy phụ trách công tác trong giới này. Trong 2 năm 1955 - 1956 một số đảng viên và nhà báo, văn nghệ sĩ ra căn cứ đi kháng chiến trở về, đã nhanh chóng thâm nhập vào mặt trận báo chí, văn hóa, văn nghệ ở thành phố.

Mặc cho Ngô Đình Diệm tìm mọi cách để kiểm soát báo chí, song chiều bài "tự do báo chí" của chủ nghĩa thực dân mới lại tạo ra cơ sở "pháp lý" và những sơ hở để ta có thể lãnh đạo giới báo chí khai thác. Đảng đã bố trí một số người của ta nằm và chi phối một số tờ báo như tờ Nhân loại, Tiếng chuông, Phòng thương mại. Phần lớn các tờ báo

khác đều có người của ta tham gia viết bài, gây được ảnh hưởng tốt trong từng lúc, như đối với báo *Điện tín*, *Sài Gòn mới*, *Dân chủ*, *Buổi sáng*, *Lẽ sống**. Đội ngũ ký giả tiến bộ nêu cao truyền thống và kinh nghiệm của phong trào báo chí thống nhất trước đây đã tích cực tham gia phong trào đấu tranh chung của nhân dân và sử dụng báo chí vạch trần bộ mặt phản động, phát xít của Mỹ - Diệm, dùng nhiều hình thức khéo léo để phổ biến các quan điểm, chủ trương của Đảng, bênh vực quyền lợi dân sinh dân chủ cho các tầng lớp nhân dân, nhất là công nhân lao động, chống lại văn hóa đồi trụy, vạch mặt bọn bồi bút phản động, điên cuồng "chống Cộng" và gieo rắc nọc độc của "chiến tranh tâm lý", "cố võ đồi phong bại tục"...

Trong nông dân:

Ngoài việc hăng hái tham gia vào các phong trào đấu tranh chung toàn thành phố, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Gia Định, bà con nông dân còn liên tục đấu tranh giữ lấy ruộng đất đã được cách mạng đem lại. Vì vậy, qua thực hiện "cải cách điền địa" ở Gia Định, bọn Diệm chỉ cướp lại được một phần ba số ruộng đó. Cơ sở Đảng ở xã, ấp đã liên tục tổ chức, lãnh đạo nông dân đấu tranh chống địch đuổi dân, lấy đất lập căn cứ quân sự, đấu tranh chống tăng tô, tăng thuế, chống cướp bóc, đàn áp, trả thù những người yêu nước tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

* Phụ trách tờ Nhân loại có đồng chí Tân Đức, tờ Tiếng chuông có đồng chí Nguyễn Văn Hiếu, tờ *Phòng thương mại* có đồng chí Nguyễn Văn Tài. Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu đã viết nhiều bài trên báo *Tiếng chuông* để tuyên truyền chủ trương, quan điểm của Đảng, sự chỉ đạo của Khu ủy trong các phong trào đấu tranh. Khi nào có sự tham gia của ta thì tờ báo bán rất chạy.



045

**TRONG GIAI ĐOẠN 1957 - 1959 DƯỚI SỰ
LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ SÀI GÒN - CHỢ LỚN
ĐÃ CÓ NHIỀU PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA
CÁC TẦNG LỚP NHÂN DÂN ĐÒI QUYỀN
DÂN SINH, DÂN CHỦ. XIN CHO BIẾT ĐÓ LÀ
NHỮNG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH
CỦA TẦNG LỚP NÀO?**

Trong giai đoạn này, các chính sách kinh tế của Diệm đã làm cho số người thất nghiệp gia tăng, ngay cả quyền lợi của tầng lớp tư sản dân tộc bị hạn chế. Từ những bức xúc trong cuộc sống và dựa vào các chiêu bài "tự do, dân chủ" để vận động và tổ chức nên các phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp của quần chúng đã phát triển rất mạnh. Trong phong trào đấu tranh công khai hợp pháp này giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các tổ chức cũng đã có ý thức liên kết ngày một chặt chẽ và rộng rãi hơn theo các khẩu hiệu đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống Diệm đàn áp, chống tổ Cộng và qua đó mà bảo vệ lực lượng cách mạng.

1. Phong trào đấu tranh của công nhân lao động:

Do biết rõ những người cộng sản Việt Nam luôn coi công nhân lao động là lực lượng chủ lực của cách mạng nên Mỹ - Diệm đã dùng mọi cách để khống chế. Nếu so với thời kỳ thực dân Pháp thống trị, thì các biện pháp chống phá của Mỹ - Diệm tinh vi và hiểm độc hơn nhiều.

Mặc cho địch tìm mọi cách ngăn trở, cán bộ đảng viên của ta đã dựa vào các nghiệp đoàn và đặc biệt là "Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam", để tổ chức cuộc biểu dương lực lượng ngày 1. 5. 1957. Có hơn 27.000 người xuống đường trong sáng ngày 1. 5 với các khẩu hiệu đòi "Tăng lương cho công nhân viên chức", "chấm dứt nạn đuổi nhà", "giải quyết nạn thất nghiệp", "giảm tô, giảm tức đúng mức cho nhân dân", "miễn thuế lương bổng cho giáo sư tư thực"... và có cả khẩu hiệu "Thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình". Sau đó các lực lượng đi biểu tình tập trung làm mít tinh tại vườn Tao Đàn, quảng trường Diên Hồng và trường Pétrus - Ký (nay là trường Lê Hồng Phong). Cuộc biểu dương này đã mở đầu cho một đợt đấu tranh mới.

Sau lễ 1. 5, phong trào đấu tranh của công nhân lao động tiến triển sôi nổi. Nổi bật trong tháng 5 là cuộc bãi công của 2.000 công nhân Nhà đèn Chợ Quán, của 3.000 công nhân Hỏa xa và cuộc bãi công chiếm xưởng của 3.000 công nhân Ba Son. Những nơi có các cuộc đấu tranh nói trên đều có chi bộ Đảng tham gia như ở Nhà đèn, Hỏa xa hoặc do Quận ủy chỉ đạo trực tiếp như Ba Son.

Trong tháng 7. 1957 có hàng trăm cuộc đấu tranh của công nhân lao động liên tục nổ ra.

2. Phong trào đấu tranh của tiểu thương:

Tuy bị chính quyền Diệm đàn áp, các cơ sở Đảng ở Sài Gòn - Chợ Lớn vẫn bám chặt vào các tổ chức nghiệp đoàn chợ để hoạt động. Phần lớn các chợ đều có đảng viên phụ trách. Các Chợ Lớn như Bến Thành, An Đông có chi bộ Đảng. Các tổ chức nghiệp đoàn của 36 chợ Sài Gòn đều do cơ sở Đảng nắm. Địch cho tay sai theo dõi, ra sức kìm kẹp, săn lùng, nhưng nhờ giữ được thể hợp pháp và được chị em buôn bán nhỏ che chở, ủng hộ nên những năm 1957, 1958 lực lượng của Đảng vẫn hoạt động mạnh mẽ trong giới tiểu thương.

Các cuộc đấu tranh của tiểu thương nổ ra liên tục, ngày càng có sự liên kết rộng rãi với các phong trào khác, trình độ tổ chức ngày càng cao, với những hình thức đấu tranh rất phong phú. Từ việc gửi đơn kiến nghị lên chính quyền ngay đòi giải quyết các quyền lợi thiết thân của giới buôn bán, chị em tích cực tham gia biểu tình, mít tinh. Ngày 6. 5. 1957, chị em cử đại biểu kéo về tòa Đô Chính đòi bỏ phạt vạ. Ngày 10. 5. 1957, 20.000 chị em của 30 chợ đã họp đại hội đòi nhà cầm quyền phải sửa sang lại các chợ. Để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh trong ngày lễ 1. 5. 1958, 350 đại biểu Nghiệp đoàn mua bán của 50 chợ ở Sài Gòn - Gia Định đã họp đại hội (14. 4. 1958) để thảo yêu sách: đòi cải thiện điều kiện sinh hoạt, buôn bán cho chị em các chợ, đòi thành lập ban quản trị Đô Thành có đại biểu của chị em buôn bán tham gia, yêu cầu chính quyền giải quyết công ăn việc làm và nâng cao mức sống cho công nhân lao động...

3. Phong trào học sinh, sinh viên:

Những năm 1957, 1958 lực lượng cách mạng trong học sinh, sinh viên đã có bước phát triển nhanh chóng về số lượng, trong đó có khá đông là con em của tầng lớp lao động.

Từ tháng 2. 1957, lợi dụng Diệm ra Nghị định về quy chế Hiệu đoàn, lực lượng của Đảng trong học sinh đã nhanh chóng chủ động lập hiệu đoàn ở các trường. Thông qua tổ chức này và nghiệp đoàn Giáo dục tư thục (cũng do ta nắm), Ban Cán sự Đảng tập hợp được ngày càng đông đảo học sinh, sinh viên và giáo viên. Tháng 7. 1957, trong làn sóng đấu tranh của học sinh, sinh viên nổi lên khẩu hiệu đòi dạy tiếng Việt ở bậc đại học, đòi bỏ tập quân sự trong dịp hè. Tháng 9. 1957, nhiều trường đã xuống đường chống văn hóa đồi trụy của Mỹ du nhập vào miền Nam. Tháng 2. 1958, Ban Cán sự Đảng lại phát động một đợt đấu tranh

rộng lớn hơn và có sự liên kết chặt chẽ của nhiều trường trong thành phố. Đồng đảo học sinh đã xuống đường với các khẩu hiệu đòi tăng học bổng, bỏ học phí, cải cách thi cử, giảm thuế cho trường tư.

4. Phong trào đấu tranh trong giới tư sản dân tộc:

Cuối năm 1957 trở đi, xuất hiện ngày càng rõ thái độ của các nhà tư sản miền Nam chống chính sách "viện trợ kinh tế" của Mỹ. Riêng trong năm 1958, tại Sài Gòn đã diễn ra 25 cuộc đại hội của các nhà tư sản nhằm lên tiếng chống lại việc Diệm cho nhập cảng những hàng hóa mà trong nước đã có, đòi giảm thuế xuất nhập, đòi mở rộng thị trường buôn bán...

Để mở rộng mặt trận đấu tranh chống Mỹ - Diệm, Đảng bộ Thành phố đã quan tâm đến nguyện vọng của các nhà tư sản và vận động quần chúng ủng hộ những yêu sách trên đây của họ.

Trong đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, các ngành các giới đều có đưa ra các khẩu hiệu đòi chính quyền Diệm nâng đỡ hàng nội hóa, hạn chế nhập cảng, đòi ổn định giá cả, học sinh, sinh viên cũng tổ chức "Tuần lễ hàng nội hóa". Tháng 6. 1958, Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn phát động phong trào đấu tranh chống thuế trong giới công thương, kỹ nghệ gia, tiểu thương và tiểu chủ... Qua đó, nâng cao ý thức đấu tranh của các nhà tư sản ở thành phố và lôi kéo một số nhà tư sản dân tộc tích cực đứng vào mặt trận đấu tranh chung, như đã tham gia vào các ngày lễ 1. 5, lên tiếng ủng hộ một số cuộc đấu tranh của công nhân, tham gia vào các cuộc vận động cứu trợ và ủng hộ tài chính cho một số cơ sở Đảng hoạt động...

5. Nhân dân Sài Gòn đấu tranh chống chính quyền Diệm đuổi nhà, chiếm đất.

Nhằm thực hiện kế hoạch giải tỏa những khu lao động để chiếm đất và để tránh được sự "đe dọa" về chính trị, chính quyền Diệm không từ thủ đoạn nào kể cả đốt nhà. Cuộc đấu tranh chống đuổi nhà chiếm đất đã diễn ra sôi động từ nội thành đến ngoại thành và kéo dài nhiều năm.

Điển hình nhất ở nội thành và cuộc đấu tranh chống giải tỏa khu Chương Dương - Vân Đồn thuộc liên quận 1 - 4. Những thanh niên tốt được tổ chức vào các đội tự vệ dưới danh nghĩa "đội phòng cháy", "đội chữa cháy", "đội chống cướp" để hỗ trợ cho cuộc đấu tranh. Từ tháng 12. 1956, 100.000 quân chúng lao động ở khu vực này dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng đã tổ chức họp đại hội, đưa kiến nghị lên chính quyền, cùng lực lượng tự vệ chống lại bọn lính, cảnh sát đến cào nhà, dỡ nhà. Cuộc đấu tranh này kéo dài đến cuối năm 1958.

Ở các khu giải tỏa khác thuộc quận 3, quận 10, quận 11, sau khi nhân dân nhận ra rõ âm mưu của chính quyền Diệm, quần chúng xuống đường biểu tình phản đối chính quyền Diệm đuổi nhà cướp đất ngày càng nhiều ở các khu di cư Tân Sơn Hòa, Phú Thọ, ở các xóm lao động đường Trương Tấn Bửu, Trần Hưng Đạo, Trần Quý Cáp, Từ Dũ, Bùi Viện...



046

**XIN CHO BIẾT NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ Ý NGHĨA
LỊCH SỬ CỦA NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ
LẦN THỨ 15 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG (KHÓA II) THÁNG 1. 1959.**

Trải qua quá trình tìm tòi, trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh của nhân dân miền Nam và nghiên cứu bản "Đề cương cách mạng miền Nam" do đồng chí Lê Duẩn khởi thảo từ mùa thu năm 1956, Bộ Chính trị đã chuẩn bị một giải pháp cơ bản cho cách mạng miền Nam để trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 1. 1959, Ban Chấp hành Trung ương (khóa II) đã họp Hội nghị lần thứ 15 tại Hà Nội ra Nghị quyết về cách mạng miền Nam. Tháng 5. 1959, văn bản chính thức của Nghị quyết được thông qua và phổ biến đến các Đảng bộ miền Nam.

1. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

- Nghị quyết phân tích đặc điểm tình hình nước ta từ sau năm 1954, từ đó nêu ra hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam lúc đó: mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc xâm lược, giai cấp địa chủ phong kiến, bọn tư sản mại bản quan liêu thống trị ở miền Nam với toàn thể nhân dân Việt Nam, mâu thuẫn giữa con đường Xã hội chủ nghĩa với con đường tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai mâu thuẫn đó, thể hiện sự đối kháng gay gắt giữa lực lượng đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ với thế lực xâm

lược, gây chiến, đồng thời cũng thể hiện sự đối kháng gay gắt giữa lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc và hòa bình dân chủ trên thế giới với thế lực đế quốc hiếu chiến và xâm lược. Từ đó, Nghị quyết xác định: cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo và có hai nhiệm vụ chiến lược song song tiến hành là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ đó tuy tính chất khác nhau nhưng có quan hệ hữu cơ với nhau, cùng tác động ảnh hưởng và hỗ trợ lẫn nhau. Nghị quyết nhấn mạnh: hai miền tiến hành hai nhiệm vụ khác nhau, nhưng đánh đổ chế độ thống trị Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam là "nhiệm vụ chung vì lợi ích và yêu cầu chung của nhân dân cả nước".

- Về cách mạng miền Nam, Nghị quyết phân tích xã hội miền Nam sau năm 1954 có hai mâu thuẫn cơ bản: giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ xâm lược, và giữa nhân dân ta, trước hết là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến. Trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với đế quốc Mỹ xâm lược và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm là mâu thuẫn chủ yếu.

Phân tích các giai cấp ở miền Nam, Nghị quyết xác định động lực cách mạng là giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản, lực lượng cách mạng gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Đối tượng của cách mạng là đế quốc Mỹ và giai cấp tư sản mại bản, địa chủ phong kiến. Nghị quyết phân tích thái độ của các giai cấp và sự phân hóa trong nội bộ các giai cấp, từ đó Nghị quyết chỉ rõ: về sách lược, cần có sự phân biệt đối xử với từng bộ phận, cần lợi dụng mâu thuẫn giữa các bộ phận để cô lập cao độ với đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm.

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là đoàn kết toàn dân, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, thành lập chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam,

cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, Nghị quyết khẳng định: ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Nghị quyết chỉ rõ: con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

- Về khả năng phát triển của tình hình, Nghị quyết dự kiến: đế quốc Mỹ là tên đế quốc hiếu chiến, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang lâu dài, nhưng cuối cùng nhất định sẽ thắng lợi. Vì vậy, phải thấy trước khả năng đó để chuẩn bị và chủ động đối phó với mọi tình huống.

Nghị quyết chủ trương thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất riêng cho miền Nam, có cương lĩnh phù hợp với tính chất, nhiệm vụ và thành phần của nó, nhằm tập hợp rộng rãi mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai. Nghị quyết còn chỉ rõ: cần nghiên cứu và chủ động sử dụng khuynh hướng hòa bình trung lập đang nảy nở trong tư sản dân tộc và trí thức lớp trên.

Nghị quyết đánh giá tầm quan trọng của vai trò lãnh đạo của Đảng bộ miền Nam trong 4 năm qua và khẳng định: sự tồn tại và trưởng thành của Đảng bộ miền Nam là một nhân tố quyết định thắng lợi của phong trào cách mạng miền Nam. Nghị quyết khẳng định: vấn đề mấu chốt

hết sức cấp bách hiện nay là phải củng cố, xây dựng Đảng bộ miền Nam thật sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp Đảng bộ, nhất là các chi bộ đối với sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ. Trong hoàn cảnh mới, Đảng bộ miền Nam phải hết sức đề cao công tác bí mật, phải biết triệt để lợi dụng mọi khả năng hợp pháp để giữ gìn lực lượng của Đảng... Để bảo vệ các cơ quan đầu não và che giấu cán bộ, cần xây dựng ở các địa phương những cơ sở an toàn và khu an toàn.

2. Ý nghĩa lịch sử của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương (khóa II).

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương (khóa II) có tầm quan trọng và có ý nghĩa lớn lao trong sự phát triển của cách mạng miền Nam. Nghị quyết đã phản ánh đúng và giải quyết kịp thời yêu cầu của cách mạng miền Nam trong tình thế thực sự chín muồi. Khẳng định phương pháp đấu tranh là bạo lực cách mạng, từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Nghị quyết đó đã đáp ứng nguyện vọng thiết tha của cán bộ, chiến sĩ và đông đảo nhân dân miền Nam. Vì vậy, Nghị quyết ra đời đã được sự hưởng ứng của đông đảo nhân dân, nhân dân miền Nam đã nhất tề nổi dậy tiến hành đồng khởi làm tan rã hàng loạt bộ máy kềm kẹp của chính quyền địch ở thôn, xã, từng bước giành quyền làm chủ, tạo tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo của cách mạng miền Nam.

Thắng lợi của phong trào đó đã đánh dấu bước nhảy vọt đầu tiên của cách mạng miền Nam: từ giữ gìn lực lượng tiến lên thế tiến công cách mạng, đồng thời khẳng định Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 là một thành công điển hình của Đảng về phương pháp tiến hành cách mạng bạo lực, về nghệ thuật chỉ đạo, khởi đầu cuộc chiến tranh cách

mạng một cách khéo léo phù hợp với năng lực cách mạng của nhân dân miền Nam, với thời cơ lịch sử và với xu thế chung của tình hình thế giới lúc đó.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương khóa II - Nghị quyết lịch sử bàn về cách mạng miền Nam của Đảng có ý nghĩa mở đường cho cách mạng miền Nam, làm xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ và là một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.



047

XIN CHO BIẾT SỰ HÌNH THÀNH KHU ĐẢNG BỘ SÀI GÒN - GIA ĐỊNH.

Trong thời gian từ cuối năm 1954 đến đầu năm 1960. Tổ chức Đảng ở thành phố bao gồm:

- Khu Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn (nằm trong phạm vi Đô thành Sài Gòn)

- Tỉnh Đảng bộ Gia Định (gồm các huyện trong tỉnh Gia Định). Riêng huyện Cần Giờ lúc ấy có 3 xã thuộc Đảng bộ Vũng Tàu, 4 xã thuộc huyện Nhà Bè nằm trong Đảng bộ tỉnh Gia Định.

1. Đảng bộ khu Sài Gòn - Chợ Lớn¹.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, tháng 9. 1954, một Khu ủy mới được Trung ương Cục chỉ định gồm 13 đồng chí², trong đó có một số cán bộ chủ chốt ở các tỉnh được đưa về bổ sung cho Sài Gòn - Chợ Lớn. Bí thư Khu ủy là đồng chí Nguyễn Văn Linh.

-
1. Có ý kiến cho rằng lúc này vẫn gọi là Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn như trước kia.
 2. Nguyễn Văn Linh, Trần Quốc Thảo, Nguyễn Ngọc Thanh, Đoàn Văn Bơ, Dương Quang Dũng, Nguyễn Văn Quảng, Hoàng Nhất Huy, Trần Thuận, Đoàn Kim Định, Phan Kiêm và 3 ủy viên dự khuyết: Võ Văn Tuấn, Liêm, Nghiệp.

Khu ủy lúc này có mật danh là "Tổng hội L.T4", có 4 Đảng bộ quận với mật danh là "Công ty" và có 8 ban Đảng. Bí thư Quận ủy, Trưởng các Ban (trừ Ban Phụ vận, Ban Kinh tài) và Chánh văn phòng đều là Khu ủy viên.

Cấp quận chia ra thành vùng. Toàn thành phố có 21 vùng. Các Quận ủy viên được phân công phụ trách các vùng, gọi là Ban Cán sự vùng. Tổ chức cơ sở là Chi bộ hoặc tổ Đảng.

Tính đến đầu năm 1957, Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn có trên 80 chi bộ với khoảng trên dưới 700 đảng viên và có khoảng 500 đoàn viên thanh niên lao động, 3.000 nông cốt. Đây là thời kỳ mà lực lượng Đảng bộ Thành phố và quần chúng cách mạng của thành phố phát triển mạnh mẽ nhất trong giai đoạn 1954 - 1960.

2. Đảng bộ tỉnh Gia Định

Tháng 10. 1954, Xứ ủy cử ra Ban Chấp hành Đảng bộ Gia Định gồm 7 đồng chí do đồng chí Phạm Khải (Ba Ka) làm Bí thư*.

Sau khi được thành lập, Tỉnh ủy đã gấp rút sắp xếp lại tổ chức cho phù hợp với tình hình mới. Gia Định có một bộ phận cán bộ, bộ đội đi tập kết. Các tổ chức quần chúng cách mạng thành lập trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đều phải giải tán, Đảng bộ chỉ phát triển lực lượng bí mật là đoàn viên thanh niên lao động và nông cốt. Tờ báo bí mật của Đảng bộ được tiếp tục duy trì. Đảng bộ xây dựng và củng cố lại các hầm bí mật, địa đạo, tổ chức bảo vệ tốt các nơi đứng chân của Huyện ủy, Tỉnh ủy ngay tại địa phương. Tỉnh ủy Gia Định đã khẩn trương chọn để lại cho

* Tỉnh ủy gồm các đồng chí Phạm Khải (Ba Ka), Huỳnh Văn Thơm (Ba Súng), Đoàn Công Chánh (Sáu Khiêm), Nguyễn Hồng Đào, Nguyễn Trọng Tuyên (Ba Thi), Nguyễn Việt Hồng, Nguyễn Văn Tâm (Tám Râu, Tám Mặt).



Khu Ủy Sài Gòn - Gia Định năm 1965.

tỉnh một khung cán bộ có trình độ và dày dặn kinh nghiệm trong lãnh đạo đấu tranh quân sự cũng như chính trị. Hệ thống Đảng được tổ chức hoàn chỉnh từ tỉnh xuống quận, xã. Toàn tỉnh có năm Đảng bộ huyện: Hóc Môn (bao gồm cả Củ Chi ngày nay), Thủ Đức, Nhà Bè (có bốn xã của Cần Giờ), Gò Vấp (có bảy xã của Tân Bình), Bình Chánh, với 3.700 đảng viên, hầu hết các xã đều có tổ chức chi bộ.

Từ cuối năm 1959, đồng chí Võ Văn Kiệt, Xứ ủy viên, Phó Bí thư Liên tỉnh miền Tây được điều động về Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí đã cùng đồng chí Nguyễn Thái Sơn (Bảy Bình) và đồng chí Võ Văn Tuấn (Hai Trúc) nắm lại số đảng viên còn lại, tiến hành ráo riết công tác giáo dục chính trị tư tưởng và sắp xếp tổ chức. Các đồng chí đã chọn một số đảng viên nòng cốt và tích cực đưa ra vùng Bời Lời (xã Đông Thuận - Tây Ninh) để mở lớp huấn luyện gọi là lớp "Rừng Xanh" nhằm đào tạo những cán bộ cốt cán đưa về gây dựng lại cơ sở ở nội thành.

Cuối năm 1959, Tỉnh ủy Gia Định cũng rút một số cán bộ cơ sở còn lại, mở lớp bồi dưỡng để bố trí lại các địa bàn. Tỉnh ủy rất chú trọng số cán bộ nữ vì dễ có điều kiện hoạt động hợp pháp. Đồng chí Võ Văn Kiệt khi về phụ trách Sài Gòn còn phải xây dựng chỗ ở bí mật tại vùng Lộc Thuận thuộc huyện Trảng Bàng - Tây Ninh. Đồng chí nhận thấy nội thành Sài Gòn không thể tách rời với vùng nông thôn ngoại thành thuộc tỉnh Gia Định và cơ quan lãnh đạo thành phố cũng không thể không có vùng căn cứ ở nông thôn để đứng chân. Do đó, đồng chí kiến nghị với Xứ ủy sáp nhập hai Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định.

Đầu năm 1960 Xứ ủy chấp thuận giải thể Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn và Tỉnh ủy Gia Định, hợp nhất thành Khu Sài Gòn - Gia Định do đồng chí Võ Văn Kiệt làm Bí thư.



048

**XIN CHO BIẾT VỀ DIỄN BIẾN CUỘC
TỔNG BÃI CÔNG NGÀY 27. 7. 1964.
TẠI SAO NÓI CUỘC TỔNG BÃI CÔNG NÀY LÀ
BƯỚC TRƯỞNG THÀNH CỦA QUẦN CHÚNG
CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG SÀI GÒN - CHỢ LỚN?**

Sau cuộc đấu tranh của công nhân ngành dệt tháng 1. 1964, tên chủ xưởng Vinatexco trả thù công nhân bằng cách vô cớ đuổi việc 151 công nhân. Cuộc đình công phản đối lại nổ ra vào ngày 17. 4. 1964. Hai mươi ba ngày sau, tên Phó Tỉnh trưởng Gia Định chỉ huy bọn lính dù và bảo an kéo đến đàn áp công nhân. Hơn 100 công nhân bị thương và bị bắt. Công nhân Vimytex và Vinatexco, công nhân các xí nghiệp dệt, các nghiệp đoàn Cảng Tavico, Nha công chánh, xi măng, ô tô buýt... lần lượt vào trận, tiến hành đấu tranh để ủng hộ công nhân ngành dệt, kéo dài cho đến khi đạt được thắng lợi.

Để đối phó với tình hình, ngày 16. 6. 1964, chính quyền Sài Gòn ra sắc luật 18/64 cấm biểu tình, đình công, hội họp. Khu ủy Sài Gòn - Gia Định chủ trương phát động ngay một cuộc tổng bãi công vào ngày 27. 7. 1964 để chống sắc luật 18/64, ngày hôm đó 20 vạn công nhân các ngành dệt, điện nước, xăng dầu, xích lô, taxi, xe buýt của Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đều nghỉ việc và xuống đường tuần hành bất chấp lệnh thiết quân luật của chính quyền Sài Gòn. Đoàn biểu tình trưng các khẩu hiệu đòi

tự do dân chủ, đòi hủy bỏ sắc luật 18/64, đòi tự do nghiệp đoàn, đòi Mỹ rút về nước cùng các khẩu hiệu ủng hộ công nhân Vimytex và Vinatexco. Từ trụ sở Tổng Liên đoàn Lao động ở số 14 Lê Văn Duyệt (nay là Cách mạng Tháng Tám) tiến qua nhiều đường phố lớn, kéo đến phủ Thủ tướng của Nguyễn Khánh và Bộ Kinh tế nguy. 30.000 công nhân có mặt trước dinh Nguyễn Khánh, 60.000 công nhân cao su các đồn điền xung quanh thành phố cũng bãi công và tuyên bố sẵn sàng tiến về Sài Gòn để ủng hộ những người anh em cùng giai cấp. Cuộc tổng bãi công đã làm cho Sài Gòn tê liệt. Suốt ngày hôm ấy thành phố không điện, không nước, giao thông ngừng trệ, nhiều nhà hàng đóng cửa. Một số đường dây liên lạc giữa Sài Gòn với nước ngoài bị gián đoạn. Trước tình hình nghiêm trọng đó, Nguyễn Khánh buộc phải công bố cho tự do hội họp, hứa sẽ giải quyết các yêu sách của công nhân Vimytex như trả tự do cho các cán bộ nghiệp đoàn bị bắt, trừng trị phó tỉnh trưởng Gia Định, thu hồi vô điều kiện số công nhân Vimytex bị sa thải có báo trước 12 ngày.

Cuộc tổng bãi công này là bước trưởng thành của quần chúng công nhân lao động Sài Gòn - Gia Định. Lần đầu tiên trong lịch sử chống Mỹ cứu nước, giai cấp công nhân lao động Sài Gòn - Gia Định đã biểu dương toàn diện sức mạnh của mình bằng cách dùng bạo lực chính trị, dùng phương thức quần chúng biểu tình để chống lại lệnh cấm biểu tình, dùng bãi công để chống lại lệnh cấm bãi công của Mỹ - Khánh, tranh thủ được sự đồng tình của các tầng lớp nhân dân đồng thời làm kẻ thù phải run sợ. Cuộc đấu tranh có tính chất chính trị, trực diện chống Mỹ này làm nổi bật sức mạnh vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho thấy rõ hơn vai trò của giai cấp công nhân trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.



049

XIN CHO BIẾT DIỄN BIẾN PHONG TRÀO PHẬT GIÁO DẪN ĐẾN CAO TRÀO ĐẤU TRANH LẬT ĐỔ NGÔ ĐÌNH DIỆM THÁNG 11. 1963.

Từ năm 1959, trong phong trào đấu tranh chung đã có phong trào Phật giáo chống Mỹ - Diệm. Khi cũng cố được địa vị qua cuộc bầu cử Tổng thống, Diệm càng ra mặt thù ghét Phật giáo, cho tay chân phá phách chùa chiền, bắt bớ tăng ni Phật tử, vu cáo Phật giáo tiếp tay cho Cộng sản. Trong khi đó chúng lại đề cao Thiên chúa giáo lên hàng quốc đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho Ngô Đình Thục (anh trai của Diệm) được Vatican chọn làm Hồng y giáo chủ. Từ lâu phong trào Phật giáo vốn đã âm ỉ nhưng chưa thể hiện sức mạnh vì có một số người lãnh đạo Viện Hóa đạo lừng chùng, trông chờ vào sự thay đổi chính sách của Mỹ.

Ngày 6. 5. 1963, trước Lễ Phật đản hai ngày, Diệm đã đổ dầu vào lửa, điện khẩn ra Huế ra lệnh hạ cờ Phật giáo và cấm treo cờ Phật giáo trên toàn Miền Nam trong ngày Phật đản 8. 5. 1963. Giáo hội Phật giáo lập tức phản đối. Ngày 8. 5, nguy quyền tỉnh Thừa Thiên với vai trò chỉ phối của Ngô Đình Cẩn (em Diệm) cho cảnh sát nổ súng vào tín đồ Phật giáo đang tập trung ở Đài Phát thanh Huế, làm chết 8 người và bị thương 14 người. Thế là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo bùng

cháy bắt đầu từ Huế lan nhanh vào Sài Gòn, các đô thị và nông thôn toàn miền Nam. Phong trào biểu tình, kiến nghị phản đối diễn ra khắp nơi.

Ngày 13. 5. 1963, một phái đoàn Phật giáo gồm các chức sắc cao cấp kéo đến Dinh Gia Long gặp mặt Diệm yêu cầu rút bỏ lệnh cấm treo cờ Phật. Ngày 21. 5. 1963, tại chùa Ấn Quang, các vị hòa thượng tổ chức lễ cầu siêu cho những Phật tử bỏ mình ở Huế. Sau đó hàng ngàn tăng ni rước linh cữu tượng trưng từ chùa Ấn Quang về chùa Xá Lợi và lần lượt đến các chùa khác trong thành phố. Ngày 26. 5. 1963, Tổng Hội Phật giáo đưa ra 5 yêu sách "Bãi bỏ lệnh cấm treo cờ Phật - Thừa nhận đạo Phật - Phật giáo cùng địa vị với Thiên chúa giáo - Tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo - Phải bồi thường cho nạn nhân và gia đình họ trong cuộc khủng bố ở Huế và trừng trị các quan chức chịu trách nhiệm sự việc này".

Diệm - Nhu bác bỏ tất cả các yêu sách đó. Ngày 30. 5. 1963, hàng ngàn sư sãi tuyệt thực phản đối, phong trào đấu tranh của quần chúng Phật tử lan rộng, nhưng một số người lãnh đạo Viện Hóa đạo lùng chùng vì vẫn còn trông chờ vào sức ép của Mỹ đối với Diệm. Một số khác muốn thỏa hiệp, có kẻ lợi dụng phong trào đấu tranh để mưu cầu riêng tư như nhóm Thích Tâm Châu. Nắm được chỗ yếu đó, Diệm ra lệnh cho cảnh sát thẳng tay đàn áp.

10 giờ trưa ngày 10. 6. 1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ở ngã tư đường Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng (nay là ngã tư Cách mạng Tháng Tám - Nguyễn Đình Chiểu). Làn sóng công phẫn dâng lên cao độ khi vợ Nhu là Trần Lệ Xuân tuyên bố trên Đài Phát thanh cho đó là vụ "nướng quay nhà sư". Báo chí trong nước và thế giới đăng tin, ảnh vị hòa thượng tự thiêu và thái độ láo xược của gia đình Diệm - Nhu làm tăng thêm sự phẫn nộ. Hè

thu năm 1963 lại có thêm 6 tăng ni Phật tử tự thiêu để phản đối chế độ Diệm.

Từ cuối tháng 5. 1963, Trung ương Cục và Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đã có chủ trương hướng dẫn các cơ sở đưa lực lượng nhanh chóng tấp vào phong trào Phật giáo, hướng cho phong trào tiến công thẳng vào mục tiêu chống Mỹ - Diệm.

Khu ủy hướng dẫn các cơ sở nội ngoại thành huy động lực lượng quần chúng các giới cùng đồng bào Phật tử tiến hành các cuộc đấu tranh với các khẩu hiệu cách mạng, qua đó mà giác ngộ cách mạng đối với quần chúng xác lập và mở rộng vai trò lãnh đạo của Đảng trong phong trào chính trị ở nội đô. Ủy ban thanh niên học sinh sinh viên chống chế độ độc tài và Ủy ban chỉ đạo học sinh liên trường công tư Sài Gòn - Gia Định được thành lập. Học sinh các trường Gia Long, Trưng Vương, Lê Văn Duyệt, Văn Lang, Pétrus Ký, Chu Văn An, Võ Trường Toản, Nguyễn Khuyến, Trường Sơn... đồng loạt bãi khóa, cùng công nhân lao động và tăng ni Phật tử xuống đường đấu tranh. Ngày 20. 8. 1963, Diệm tuyên bố tình trạng thiết quân luật trên toàn miền Nam, quân đội ngay được lệnh "cấm trại". Một giờ sáng ngày 21. 8. 1963, từng đoàn xe quân sự chở đầy cảnh sát, mật vụ và lực lượng đặc biệt bao vây các trung tâm lớn của phong trào Phật giáo như chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Viện Hóa đạo..., xông vào bắt tất cả tăng ni Phật tử dồn lên xe buýt bưng, chở đi trong đêm tối. Những ai chống lại đều bị thẳng tay đàn áp, nhiều người chết và bị thương. Ở chùa Ấn Quang, 400 tăng ni bị bắt đưa đi Rạch Cát, nhốt ở một trại giam hẻo lánh thuộc ngoại ô thành phố. Cùng lúc, nhiều cuộc bắt bớ, đàn áp diễn ra ở Huế, Đà Nẵng và nhiều thị xã khác. Toàn miền Nam có 1.400 sư sãi bị bắt trong đó có hòa thượng Thích Tịnh Khiết, người đứng đầu Ủy ban Liên phái Phật giáo Việt Nam.

Trong hàng triệu lượt người xuống đường đấu tranh từ tháng 5 đến tháng 9. 1963, có trên 60.000 lượt sư sãi và học sinh, sinh viên. Với sự tham gia tích cực và kịp thời của các cơ sở và lực lượng quần chúng cách mạng theo sự lãnh đạo của Đảng bộ, phong trào Phật giáo đã thực sự biến thành cao trào đấu tranh chính trị của quần chúng ngay tại trung tâm Sài Gòn. Cao trào đó cùng với các hoạt động vũ trang và phong trào chống phá ấp chiến lược ở nông thôn đã đẩy Mỹ - ngụy vào tình thế rất lúng túng. Quân đội, chính quyền Sài Gòn càng phân hóa, mâu thuẫn giữa các phe nhóm càng gay gắt, Mỹ hoảng sợ, ra sức ép Diệm phải thay đổi chính sách nhưng Diệm, Nhu vẫn ngoan cố duy trì chế độ độc tài. Xu hướng "thay ngựa giữa dòng" phát triển trong giới cầm quyền Washington và bộc lộ từ tháng 6. 1963 khi Đại sứ Nâu-Tinh bị cách chức và Cabot Lodge sang thay.

Trong thời gian này, mặt trận dư luận và báo chí lan từ Sài Gòn ra các tỉnh và khắp nơi trên thế giới đã vạch trần tội ác của chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm và bản chất tàn bạo thâm độc của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ. Phong trào thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam, ủng hộ Phật giáo Việt Nam phản đối Mỹ - Diệm càng phát triển. Diệm từng lúc phải đưa nhiều phái đoàn đi nước ngoài, nhất là Pháp, Mỹ và các nước có đông Phật giáo để "giải độc" dư luận, trong đó có phái đoàn Trần Lệ Xuân.

Cabot Lodge từ ngày thay Nâu-Tinh* đã ngấm ngấm tập hợp lực lượng để thực hiện ý đồ "thay ngựa giữa dòng" của Nhà trắng. Cabot Lodge đã nhắm vào hai nhân vật: một là Dương Văn Minh, tuy Mỹ nắm không được chắc nhưng có uy tín trong các loại phe nhóm thân Mỹ, thân Pháp và trong quân đội Sài Gòn, có thể mang danh nghĩa người đứng đầu cuộc đảo chính, hai là Tôn Thất Đính, một

kẻ man trá, háo thắng được Diệm - Nhu tin cậy nhưng Mỹ có thể sử dụng trong giờ phút quyết định.

Ngày 1. 11. 1963, cuộc đảo chính lật Diệm nổ ra. Hội đồng quân nhân tiến hành đảo chính do Dương Văn Minh cầm đầu. Anh em Diệm - Nhu cố thủ ở dinh Gia Long, hy vọng vào "kế hoạch phản đảo chính" do Tôn Thất Đính phụ trách. Nhưng đến giờ chót, Đính ra mặt phản Diệm. Giữa đêm 1. 11. 1963, Diệm - Nhu từ hầm ngầm của Dinh Gia Long chui lên, đi ra góc đường Pasteur, đối diện bên hông Tòa Đô chính, lên xe chạy về Chợ Lớn, sau đó bị quân đảo chính của Minh bắt và giết trong một xe thiết giáp rồi chở xác về trụ sở Bộ Tổng tham mưu nguy. "Hội đồng quân nhân cách mạng" do Dương Văn Minh làm Chủ tịch lên cầm quyền thay Diệm.



050

XIN CHO BIẾT VỀ CUỘC HÀNH QUÂN CEDAR - FALLS CỦA MỸ ĐẦU NĂM 1967.

Cuộc hành quân Cedar - Falls của Mỹ nhằm vào vùng Tam giác sắt, bao gồm Củ Chi, Trảng Bàng và Bến Cát, cách Sài Gòn từ 20 đến 30 dặm về hướng Tây Bắc. Chính Mỹ đặt tên vùng này là Tam giác sắt và đánh giá là "Mũi tên sắt đáng sợ, chĩa thẳng vào Sài Gòn". Đây chính là căn cứ địa vững chắc của Khu ủy và Quân khu Sài Gòn - Gia Định.

Địch chủ trương tiêu diệt cơ quan đầu não Khu Sài Gòn - Gia Định, xóa địa đạo Củ Chi và Bến Súc. Chúng huy động trên 3 vạn quân, gồm 3 sư đoàn Mỹ, 3 chiến đoàn quân Sài Gòn, tăng cường thêm nhiều trung đoàn, tiểu đoàn thiết giáp, pháo và máy bay chiến thuật, chiến lược B52...

Trước đây địch đã dùng máy bơm nước làm ngập địa đạo và ném bom, đều không hiệu quả. Lần này, chúng thành lập các "đội chuột cống", trang bị mặt nạ phòng độc, đèn pin, máy thổi thuốc độc, thuốc chống sâu bọ cùng các loại súng ngắn, lưỡi lê, dụng cụ đào hầm... Chúng tung quân và mọi phương tiện bao vây bốn mặt, cho 200 xe ủi "bóc vỏ mặt đất" và các "đội chuột cống" luân diệt địa đạo ở các khu vực Long Nguyên, Bến Súc, Bàu Bàng, Hố Bò (Củ Chi)... Ở ấp Hòa An xã Trung An, địch thả hơi độc giết chết 60 người trong một nhánh hầm. Địch đã tàn phá

11 km² rừng, 6.000 ngôi nhà, cướp 5.700 tấn lúa, giết chết và làm bị thương hàng ngàn người, gom xức 15.000 dân ở Bến Súc, Củ Chi về các trại tập trung ở Phú Cường (Thủ Dầu Một), hủy diệt điều kiện sống ở vùng trung tâm Bến Súc và tạm thời đánh bật một số cơ quan ta ra khỏi căn cứ địa. Nhưng địch không diệt được quân chủ lực và cơ quan lãnh đạo đầu não Sài Gòn - Gia Định, không phá được địa đạo Củ Chi.

Sau 18 ngày đêm chiến đấu, từ 8. 1 đến 26. 1. 1967 quân và dân Củ Chi, Bến Cát, Gò Môn đã loại 2.500 tên Mỹ, 200 quân Sài Gòn, bắn rơi và hỏng 13 máy bay, phá hủy 30 xe tăng và xe bọc thép.

Bọn tâm lý chiến Sài Gòn huênh hoang "Tiểu đoàn Quyết thắng của Việt cộng đã bị tiêu diệt trong cuộc hành quân Cedar - Falls ". Nhưng liền sau đó, đêm 23. 2. 1967 chính Tiểu đoàn Quyết thắng phối hợp với địa phương quân Củ Chi tập kích vào cụm đóng quân của Mỹ ở Cây Trắc, loại 350 tên Mỹ, phá hủy 18 xe tăng và thu 70 súng các loại.

Kết thúc cuộc hành quân Cedar - Falls đêm 13. 2. 1967 (mùng 5 Tết Nguyên đán), đội biệt động do đồng chí Tám Cứ chỉ huy đã đặt khẩu cối 82 ly tại nhà số 8/4 đường Vườn Chuối (quận 3), bắn vào nhà của tướng Oétmôlen ở góc đường Phan Thanh Giản - Pasteur (nay là Điện Biên Phủ - Pasteur), 5 trái đạn lọt trúng nóc nhà (chỗ lắp kính) làm cho chúng hoảng vía, 1 trái đã rơi trúng một chiếc xe trên đường Pasteur làm chết và bị thương 29 tên Mỹ.



051

ĐẶC KHU RỪNG SÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP KHI NÀO? NHIỆM VỤ CỦA ĐẶC KHU RỪNG SÁC? NÊU NHỮNG TRẬN ĐÁNH TIÊU BIỂU.

Từ năm 1962 địch thành lập "Biệt khu Rừng Sác", năm 1963 chúng nâng lên thành "Đặc khu Rừng Sác", thuộc vùng 3 chiến thuật về mặt lãnh thổ, nhưng trực thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân Sài Gòn về mặt tác chiến. Địch coi đặc khu này là yết hầu của Thủ đô Sài Gòn.

Với ta, Rừng Sác cũng là một căn cứ nổi tiếng từ lâu. Năm 1963, ta thành lập một trạm tiếp nhận hàng chi viện quân sự từ miền Bắc vào (vòng xuống Bến Tre rồi trở lên) và 1964 đã cho phân đội đánh tàu của Bộ Tham mưu quân sự miền cấm chốt tại đây. Sau đó được bổ sung một đội công binh thủy từ miền Bắc vào, hợp nhất thành đoàn 125, rồi đổi phân hiệu là đoàn 5.000, do Nguyễn Khắc Bảo làm Đoàn trưởng. Tháng 1. 1966, đoàn này lại lấy mật danh là Đoàn 34 do Nguyễn Văn Mây làm Đoàn trưởng. Ngày 17. 3. 1966 bằng súng ĐKZ, đoàn 34 đánh chìm một tàu chở dầu trọng tải 6.000 tấn của địch trên sông Lòng Tàu. Tháng 6. 1966 Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam quyết định lập Đặc khu Rừng Sác của ta thuộc địa phận huyện Cần Giờ hiện nay. Trong những năm 1966, 1967 ta có một lực lượng cấp trung đoàn, trực thuộc Bộ Tham mưu miền Nam, gồm chủ lực Đặc khu có 4 đội chiến đấu, 2 đội vận chuyển và 3 cơ quan đoàn bộ. Ngoài ra, còn có hệ thống Dân -

Chính - Đảng của 10 xã ở Rừng Sác, chia làm 2 khu: khu Đông sông Lòng Tàu gọi là khu A và khu Tây gọi là khu B. Nhiệm vụ của Đặc khu là "chặn cổ" sông Lòng Tàu, đồng thời đánh vào quân cảng, kho tàng, góp phần đánh vào Sài Gòn, phát triển chiến tranh nhân dân tại chỗ, giữ vững căn cứ bàn đạp, bảo đảm hành lang vận chuyển vũ khí. Chỉ huy trưởng kiêm chánh ủy đầu tiên của Đặc khu là đồng chí Lương Văn Nhô (tức Hai Nhô).

Sau khi hình thành, Đặc khu chú trọng ngay việc xây dựng lực lượng tại chỗ. Chỉ một thời gian ngắn, mỗi xã đã có một chi bộ Đảng và tiểu đội du kích. Mở màn đợt tiến công đầu tiên, từ 1. 7. 1966 đến 15. 7. 1966, đội 2 bắn cháy một tàu dầu 10.000 tấn, bắn bị thương 2 tàu tuần tiễu trên sông Giàn Xây và sông Lôi Giang.

Ngày 20. 7. 1966, 2 tiểu đoàn Mỹ mở cuộc tìm diệt và bình định khu vực giồng chùa Rạch Lá, 60 chiến sĩ đội 4 đã bẻ gãy nhiều đợt xung phong của địch, giết và làm bị thương 135 tên. Ngày 23. 8. 1966, Đặc khu sử dụng lần đầu 2 trái thủy lôi sừng chạ, mỗi trái nặng 1.075kg, đánh chìm chiếc tàu vận tải quân sự 10.000 tấn mang tên Batôn Rugơ (Baton Rouger) tại ngã ba Vàm Cống, trên tàu có 45 thủy thủ, 100 xe thiết giáp M113, 3 máy bay phản lực, một khối lượng thực phẩm đủ dùng cho sư đoàn 4 Mỹ suốt mùa khô. Cho đến lúc đó, đây là chiếc tàu quân sự lớn nhất của Mỹ bị đánh chìm trên sông Lòng Tàu.

Địch phản kích suốt tuần lễ sau đó, nhưng 10 ngày sau, súng ĐKZ của ta lại bắn cháy chiếc tàu dầu 8.000 tấn ở ngã ba sông Lôi Giang.

Đặc biệt là trận đánh kho bom thành Tuy Hạ của các chiến sở đặc khu Rừng Sác. Sau nửa tháng điều nghiên, sáng ngày 12. 12. 1982 tổ chiến đấu 5 người thuộc đại hội 32 do đồng chí Hai làm mũi trưởng, đồng chí Hòa mũi phó đã lọt được vào trong thành, nhưng đã 4 giờ sáng vẫn chưa làm được gì, địch đã ủa phá địa hình (giải quyết hậu quả

của trận trước), kho bom chưa tìm ra. Toàn bộ tổ tảo bạo quyết định ém lại trong một bãi tranh giữa vòng thành khu kho địch. Một ngày căng thẳng lại phải kèm chế tại chỗ một lính lái xe ủi cho đến giờ nổ súng đêm sau. Đêm 13. 12. 1972, giữa căn cứ địch, 5 chiến sĩ lại bung ra, tìm được kho bom và đạn trọng pháo, mỗi kho có 8 dây, mỗi dây chiều dài xếp 81 trái, chiều cao 6 trái, 1 giờ sáng 13. 12, tất cả 32 khối thuốc nổ đã được áp vào các kho. 2 giờ 55 phút anh em vừa ra trắng Bàu Sen thì kho bom thành Tuy Hạ bùng nổ, cháy nổ kích thích kéo dài 3 ngày đêm. Tám mươi dây nhà kho chứa gần 10.000 tấn bom bị thiêu hủy hoàn toàn, một tiểu đoàn địch và một bầy chó berger bị thiệt hại nặng.

Địa đạo Củ Chi là căn cứ chìm, còn Rừng Sác là căn cứ nổi của quân dân thành phố. Tại đây lực lượng của đặc khu phải xây dựng theo hướng đặc công hóa, cả về tổ chức và hoạt động, bao gồm đặc công nước, đặc công bộ, và đặc công. Biên chế trở thành Trung đoàn đặc công mang tên Đoàn 10 Rừng Sác. Hoạt động xuất quỷ nhập thần của Đoàn trong một chiến khu trên mặt nước, sát nách Sài Gòn, đã làm cho Mỹ - nguy ngày đêm lo sợ.



052

**HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CHIẾN TRANH NHÂN DÂN
VÀ PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA DIỆT MỸ
DIỄN RA KHI NÀO? CHO BIẾT KẾT LUẬN VỀ
KHẢ NĂNG ĐÁNH MỸ CỦA CHIẾN TRANH
NHÂN DÂN VÀ KẾT QUẢ PHONG TRÀO
DIỆT MỸ (1965 - 1966) Ở SÀI GÒN - GIA ĐỊNH.**

Ngày 25. 1. 1966, Khu ủy và Bộ Chỉ huy Quân khu Sài Gòn - Gia Định tổ chức Hội nghị tổng kết chiến tranh nhân dân ở Củ Chi, nhằm học tập những kinh nghiệm chiến đấu và phát động phong trào thi đua diệt Mỹ.

Hội nghị đã rút ra mười kết luận về khả năng đánh Mỹ của chiến tranh nhân dân địa phương:

1. Ai cũng đánh được Mỹ.
2. Vũ khí gì cũng đánh được Mỹ.
3. Nhiều đánh được, ít cũng đánh được, 1 người 1 tổ đều đánh được.
4. Ở đâu cũng đánh được Mỹ, chỉ cần tích cực bám địch, tìm địch là đánh được.
5. Ngày đánh được, đêm cũng đánh được.
6. Địch phản công là cơ hội để diệt địch.
7. Đánh ở phía trước, đánh ở phía sau, đánh trong hậu cứ địch, đánh đều khắp, làm cho địch bị động, bối rối, càng dễ đánh hơn.

8. Đánh địch trong ấp chiến lược và cả ngoài ấp chiến đấu.

9. Có khả năng thắng tất cả mọi binh chủng của Mỹ như bộ binh, xe tăng, máy bay, biệt kích.

10. Đánh bằng vũ trang, bằng chính trị và cả binh vận làm cho địch tan rã nhanh chóng.

Mười kết luận trên trở thành nội dung cụ thể của công tác tư tưởng, công tác tổ chức và chỉ đạo chiến đấu của Đảng bộ, góp phần rất quan trọng vào phong trào thi đua đánh Mỹ trên chiến trường miền Nam.

Ngày 7. 2. 1966, Khu ủy chỉ đạo tổ chức Đại hội dũng sĩ diệt Mỹ trong toàn khu. Đại hội đã tuyên dương và tặng danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ" cho 209 cá nhân, trong đó có những nữ du kích lần đầu tiên tiêu diệt được Mỹ như: Trần Thị Gừng, Võ Thị Mô..., có người nông dân sản xuất giỏi, giết giặc giỏi là Nguyễn Văn Nì (tức Ba Nì) được xếp vào hàng Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú.

Ngày 9. 2. 1966, Khu ủy chỉ thị thiết lập vành đai diệt Mỹ ở Nam Củ Chi. Sau cuộc hành quân Crim, 2 lữ đoàn 2 và 3 của sư đoàn "Anh cả đỏ" Mỹ rút xuống Nam Củ Chi để xây dựng căn cứ Bắc Hà (tức Đồng Dù). Chúng đã bị du kích 6 xã Bắc Củ Chi đeo bám và không ngừng đánh phá khuấy rối chúng hằng ngày. Chủ trương xây dựng vành đai diệt Mỹ của Khu ủy được tổ chức, có sự chỉ huy thống nhất lời cuốn hầu hết các tầng lớp trẻ, già, trai gái tham gia giết giặc lập công. Vành đai kéo dài qua các xã Tân An Hội, Phước Vĩnh An, Trung Lập Hạ, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông tạo thành tuyến lửa ngày đêm bao vây địch. Mỗi đoạn vành đai có nhiều tuyến hầm hào, ồ, ụ chiến đấu, bãi tử địa, địa đạo. Nhiều đoạn dựa vào địa thế thiên nhiên như hầm đá, gò đồng, lũy tre tầm vông..., tạo thành thế chiến đấu liên hoàn trên mặt đất và dưới lòng đất. Phong trào nô

nước thì đua đăng ký diệt Mỹ trên vành đai đã làm cho các Ban chỉ huy xã đội, huyện đội phải tổ chức và phân công luôn phiên giữa du kích các ấp, các xã một cách công bằng để tránh sự so bì. Số người đạt danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ" ngày càng nhiều, tạo nên khí thế thi đua giết giặc ngày càng sôi nổi. Nhiều nơi để có đủ tiêu chuẩn dũng sĩ, anh em du kích đã mượn nhau, hẹn hôm sau sẽ diệt thêm để trả, nên được gọi là phong trào "Vay và trả".

Sư đoàn bộ binh số 1 "Anh cả đỏ" của Mỹ lừng danh trong Chiến tranh Thế giới thứ hai đã phải điều đứng trong vành đai diệt Mỹ của Củ Chi. Chỉ trong tháng đầu (tháng 2. 1966) du kích Củ Chi đã đánh trên 100 trận, giết và làm bị thương trên 1.000 tên. Đến tháng 12. 1966 Oétmôlen đã buộc phải điều Sư đoàn bộ binh 25 "Tia chớp nhiệt đới" đã kinh qua huấn luyện chống chiến tranh du kích ở vùng nhiệt đới từ Kontum về thay cho sư đoàn "Anh cả đỏ". 4.500 tên Mỹ của sư đoàn 25 đã ra sức chà đi xát lại chung quanh căn cứ Đồng Dù, cố biến thành một vành đai trắng nhưng vẫn không sao thực hiện được.

Suốt năm 1966, bọn bình định "áo đen" theo chân bọn "áo rằn" ngày đêm lừa phỉnh quần chúng vẫn không sao đạt được hiệu quả. Tại vùng ven Sài Gòn các cuộc tiến công từ ngoài vào hoặc ngay trong lòng ấp chiến lược nổi dậy, đã tăng gấp 12 lần so với năm 1965, diệt 217 tên bình định. Nhiều ấp, xã được giải phóng, nhiều lổm căn cứ du kích được hình thành và mở rộng.

Nhìn chung, trên chiến trường nông thôn và ven Sài Gòn, ta đánh bại một bước âm mưu của Mỹ định biến Củ Chi thành vành đai trắng. Ta thiết lập "Vành đai diệt Mỹ", giữ vững vùng giải phóng, mở thêm nhiều căn cứ lổm ven đô và suốt mùa mưa 1966, ta vẫn duy trì được áp lực quân sự ở Bắc Sài Gòn và tiến công vào cả những vùng địch cho là an toàn.



053

**XIN CHO BIẾT VỀ CHỦ TRƯỞNG
CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC VÀ SỰ CHUẨN BỊ
CỦA ĐẢNG BỘ SÀI GÒN - GIA ĐÌNH TRONG TỔNG
TẤN CÔNG VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN 1968.**

Tháng 6. 1967, Bộ Chính trị Trung ương Đảng cho rằng những thắng lợi to lớn, toàn diện mà quân và dân ta giành được trên cả hai miền Nam - Bắc đã làm thất bại một bước rất cơ bản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, đẩy chúng vào thế lúng túng và bị động cả về chiến lược lẫn chiến dịch.

Tháng 7. 1967, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương ra chỉ thị gấp rút triển khai mọi mặt chuẩn bị, bắt tay xây dựng các phương án, các kế hoạch tác chiến, mở các đợt hoạt động Thu Đông 1967 nhằm đẩy địch lún sâu hơn nữa vào thế bị động, tạo ra thế lực mạnh cho cách mạng miền Nam.

Các nghị quyết của Hội nghị Bộ Chính trị nửa cuối năm 1967, nhất là Hội nghị tháng 12. 1967 được Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), họp vào tháng 1. 1968 thông qua đều chỉ rõ:

Cuộc kháng chiến của ta lúc này cần phải và có thể tạo một chuyển biến lớn giữa các đế quốc. Mỹ đang ở thế ngập ngừng về chiến lược, giới cầm quyền Mỹ đã dao động và trong thời điểm rất nhạy cảm của năm bầu cử Tổng thống



Đồng chí Mai Chí Thọ, một trong những người lãnh đạo Đảng bộ Thành phố trước và sau 1975.

Mỹ để chuyển cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định, phải tạo được một bước ngoặt lớn của chiến tranh, phải tạo một bước nhảy vọt bằng cách chọn hướng chiến lược hiểm và dùng cách đánh mới, giáng một đòn bất ngờ thật mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ.

Hướng tiến công chủ yếu là đô thị. Trọng điểm là Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế - nơi địch đang sơ hở và cũng là nơi dễ nhạy cảm và gây tác động lớn.

Mục tiêu tiến công nhằm vào các cơ quan đầu não chiến tranh của Mỹ - nguy, các trung tâm chỉ huy, các hậu cứ, vừa tiêu diệt sinh lực vừa phá hủy phương tiện chiến tranh. Đây là chỗ hiểm yếu dễ chấn động nhất.

Không gian tiến công là toàn miền, tiến hành đồng loạt trên quy mô rộng lớn nhất từ trước đến nay.

Thời gian tiến công đúng vào giữa đêm giao thừa Tết Nguyên đán, lúc bất ngờ nhất.

Phương châm đánh địch vẫn là tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng nhưng trên diện rộng ở cả ba vùng chiến lược trong toàn Miền, thực hiện kết hợp tổng công kích và tổng khởi nghĩa.

Tất cả các mặt trên đây đều nhằm một mục tiêu giáng cho địch một đòn thật mạnh và hiểm, bất ngờ và đồng loạt, làm cho Mỹ phải lung lay ý chí xâm lược, tạo nên sự thay đổi cơ bản cục diện chiến tranh có lợi cho ta.

Ta cũng dự kiến ba khả năng:

1. Ta thắng lớn buộc Mỹ phải chịu thua và nhận thương lượng với ta để kết thúc chiến tranh.

2. Ta giành được thắng lợi ở nhiều nơi, nhưng địch vẫn giữ được nhiều vị trí quan trọng để tiếp tục chiến tranh.

3. Mỹ tăng thêm quân và dùng lực quân đánh ra miền Bắc... mở rộng chiến tranh ra cả Đông Dương.

Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng, ngày 25. 10. 1967, Trung ương cục miền Nam đã họp và ra Nghị quyết về tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, gọi là "Nghị quyết Quang Trung" và thật sự bắt tay ráo riết chuẩn bị.

Sau "Nghị quyết Quang Trung" của Trung ương Cục, Khu trọng điểm được thành lập gồm Sài Gòn - Gia Định và một phần đất của các tỉnh tiếp giáp với Sài Gòn. Khu trọng điểm được chia thành các phân khu trên cơ sở 5 cánh tiến công vào Sài Gòn của kế hoạch X (chuẩn bị hồi cuối Chiến tranh đặc biệt 1964 - 1965) và được mở rộng thêm ra trên các vùng thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ và tỉnh Long An. Khu trọng điểm gồm 6 phân khu, mỗi phân khu có Phân khu ủy và Ban chỉ huy quân sự.

- Phân khu 1 gồm Gò Môn, Củ Chi, Bến Cát và một phần Trảng Bàng, Dầu Tiếng, Tây Ninh, Bí thư Phân khu ủy đầu tiên là đồng chí Mai Chí Thọ.

- Phân khu 2 gồm các quận, 3, 5, 6, Bình Tân và Đức Hòa, Đức Huệ (Bắc Long An). Đồng chí Phan Văn Hân (Hai Sang) làm Bí thư.

- Phân khu 3 gồm các quận 2, 4, 7, 8, Nhà Bè và một phần nam Long An, Bí thư đầu tiên là đồng chí Nguyễn Văn Chính (Chín Cẩn).

- Phân khu 4 gồm quận 1, 9, Thạnh Mỹ Tây, Thủ Đức và Long Thành, Nhơn Trạch (thuộc Biên Hòa). Đồng chí Đoàn Công Chánh (Sáu Bảo) làm Bí thư.

- Phân khu 5 gồm Phú Nhuận, Bình Hòa, Dĩ An và Tân Uyên, Phú Giáo, Lái Thiêu (thuộc Thủ Dầu Một). Bí thư đầu tiên là Hoàng Minh Đạo (Năm Thu).

- Phân khu 6 gồm các ban, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang biệt động, an ninh nội thành, không có địa bàn riêng, do đồng chí Trần Bạch Đằng làm Bí thư.

Mỗi phân khu ủy chia làm hai: một bộ phận chỉ đạo nông thôn và một bộ phận chỉ đạo đô thị (trừ phân khu 6). Một số đồng chí Khu ủy, Tỉnh ủy, Huyện ủy thuộc các tỉnh có đất trong khu trọng điểm được chỉ định vào các Phân khu ủy. Riêng Ban Cán sự Phân khu 6 gồm phần lớn các đồng chí thuộc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Khu trọng điểm đặt dưới sự lãnh đạo của một Đảng ủy gồm các đồng chí Nguyễn Văn Linh - Phó Bí thư Trung ương Cục, Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà - Ủy viên Trung ương Cục.

Đảng ủy Khu trọng điểm tổ chức ra hai phân ban lãnh đạo hai Bộ Tư lệnh tiền phương: Bộ tư lệnh tiền phương Bắc gồm các đồng chí: Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Mai



Đồng chí Võ Văn Kiệt (kính đen) và Đồng chí Trần Bạch Đằng (kính trắng kế bên) cùng Phân khu Ủy - Phân khu 6 họp bàn kế hoạch Tổng tiến công Tết Mậu thân tại rừng Nhum - Tây Ninh, 12. 1976.

Chí Thọ, Bộ Tư lệnh tiền phương Nam gồm các đồng chí: Võ Văn Kiệt, Trần Bạch Đằng, Trần Hải Phụng. Bộ Tư lệnh tiền phương Bắc trực tiếp chỉ huy các mũi tiến công từ phía bắc, tây bắc, phía đông và đông bắc thành phố, gồm các phân khu 1, 4, 5 và lực lượng chủ lực của Miền. Bộ Tư lệnh tiền phương Nam chỉ huy các mũi phía nam, một phần tây nam, gồm Phân khu 2, Phân khu 3 và Phân khu 6, đồng thời lãnh đạo quần chúng nổi dậy ở nội thành.

Trung ương Cục tạm thời giải thể Khu ủy và Ban Chỉ huy Quân khu Sài Gòn - Gia Định để tăng cường cho các Phân khu. Toàn bộ lực lượng vũ trang ở ngoại thành Sài Gòn - Gia Định (các tiểu đoàn mũi nhọn, đặc công, bộ đội địa phương...) đều chia về các phân khu.

Nhiệm vụ của khu trọng điểm là: đánh chiếm các mục tiêu đầu não của Mỹ - ngụy, tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch, phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa, giành quyền làm chủ ở các quận, huyện, tranh thủ mọi khả năng cùng với lực lượng toàn miền tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận

quân nguy, đánh đổ nguy quyền các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của quân Mỹ và chư hầu, buộc Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam. Thành lập Mặt trận thứ hai* và tổ chức chính quyền cách mạng mọi nơi trong thành phố và Khu trọng điểm.

* Mặt trận thứ hai có tên là "Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam", gọi tắt là Mặt trận liên minh, có tuyên ngôn riêng. Trong đợt Tết Mậu thân, Mặt trận Liên minh mới có Ban vận động chưa có Ủy ban trung ương chính thức.



054

**XIN CHO BIẾT DIỄN BIẾN TRẬN ĐÁNH VÀ ĐƠN VỊ
BIỆT ĐỘNG ĐÁNH VÀO TÒA ĐẠI SỨ MỸ
RẠNG SÁNG NGÀY 1. 2. 1968.**

Đêm mừng một Tết Mậu thân (ngày 30. 1. 1968), đồng chí Võ Văn Thạnh, chính ủy phân khu 6, từ cơ sở bí mật nhà đồng chí Nguyễn Nông, số 241/5 đường Bạch Đằng (cầu Long Vân Tự) Bình Thạnh, đến Sở chỉ huy số 7 Yên Đỗ - tiệm phở Bình. Trước gần 100 cán bộ, chiến sĩ, cơ sở, các ban chỉ huy cụm các cánh, đồng chí trình trọng đọc lời hiệu triệu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Đồng chí nhắc lời thề "quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh", phổ biến giờ G, phát lệnh cho các cụm biệt động làm nhiệm vụ xung kích tiến công các mục tiêu đầu nòng Mỹ ngay ở Sài Gòn.

Giờ giao thừa Tết Mậu thân 1968, quân dân miền Nam náo nức đón thơ Chúc Xuân của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

"Tiến lên, toàn thắng ắt về ta"!

Lời thơ Bác như một hồi kèn xung trận!

Kế hoạch của ta là: biệt động bất ngờ đánh chiếm mục tiêu và giữ trong khoảng 1 giờ chờ các tiểu đoàn mũi nhọn và lực lượng thanh niên xung kích hoặc lực lượng địch binh biến đến hỗ trợ tăng cường và giữ luôn mục tiêu.

Tại mục tiêu Tòa Đại sứ Mỹ, rạng sáng ngày 1. 2. 1968 (mùng 2 Tết) 17 cán bộ chiến sĩ đội biệt động 11 (gồm

các chiến sĩ đơn vị và cơ quan thuộc phân khu 6) do các đồng chí Ngô Thanh Vân (Ba Đen) chỉ huy chung và Phan Văn Sửu (Bảy Tuyền) đốc chiến, Út Nhỏ trực tiếp phụ trách đội đi trên xe du lịch Dauphin và một xe tải nhẹ Peugeot 304, xuất phát từ nhà chị Hai Phê - Nguyễn Thị Huệ, số 59 Phan Thanh Giản (nay là đường Điện Biên Phủ) cách mục tiêu 200 mét chạy theo đường Mạc Đĩnh Chi tiếp cận tòa Đại sứ Mỹ (ở đường Thống Nhất) lúc 2 giờ 45 phút. Sau khi diệt 2 lính gác Mỹ ở cổng gác và dùng thuốc nổ phá thủng bức tường bao quanh toàn đội xông vào sâu, tiếp cận tòa nhà dùng hỏa lực nã vào cửa và giao chiến với lính Mỹ bảo vệ. Quân ta lọt vào tòa Đại sứ Mỹ trong lúc đại sứ Mỹ Bunke đang ở một cơ quan Mỹ trên đường Pasteur. Tên lính Mỹ gác điện thoại chỉ kịp kêu một tín hiệu cấp cứu đã bị bắn gục tại bàn. Lúc 3 giờ 5 phút, một chiếc xe đi tuần của quân cảnh Mỹ bắt được tín hiệu cấp cứu phát từ sứ quán vội chạy tới, 2 tên quân cảnh vừa nhảy xuống bị diệt tại chỗ. Nhận thấy tiểu đoàn 716 quân cảnh của Mỹ không đủ sức bảo vệ tòa Đại sứ Mỹ, Fred Weyand (tư lệnh các lực lượng dã chiến Mỹ ở vùng 3 chiến thuật) điều một bộ phận lực lượng sư đoàn dù 101 ở miền Đông đổ quân bằng trực thăng xuống nóc nhà tòa Đại sứ Mỹ. Nhưng chiếc trực thăng đầu tiên bị bắn quá mạnh, việc đổ quân không thể thực hiện được lúc trời chưa sáng.

5 giờ sáng, giặc đã vây bốn phía bên ngoài, tiếp đến trực thăng của sư đoàn dù 101 lại ồ ạt kéo đến nhưng vẫn bị hỏa lực ta đuổi đi. Không có 200 thanh niên sinh viên đến chi viện đội 11 theo kế hoạch. 7 giờ sáng, quân cảnh Mỹ mang mặt nạ đầu heo xông vào cổng chính, 20 phút sau đó hãng AP Mỹ đã đưa tin do ký giả Peter Arnett từ Sài Gòn điện về New York: "Việt cộng đã chiếm lĩnh bên trong tòa Đại sứ". 8 giờ trực thăng trở lại đổ quân Mỹ xuống lầu thượng. Chiến sĩ đội 11 độc đảm chiến đấu đến

viên đạn cuối cùng. Toàn đội đã dũng cảm hy sinh, bị thương và bị bắt.

Cán bộ, chiến sĩ đội 11 mới được giao nhiệm vụ ngày 27. 1. 1968 và trưa ngày 28. 1. 1968 mới bắt đầu làm công tác tổ chức tại nhà Bộ Chiêu (Bến Cát). Phần lớn chiến sĩ mãi đến tối ngày 30. 1. 1968 mới được biết. Tuy nhiên anh em đã chiến đấu rất xuất sắc.



055

XIN CHO BIẾT DIỄN BIẾN KHAI QUÁT ĐỢT 1 VÀ ĐỢT 2 TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN 1968 Ở SÀI GÒN - GIA ĐỊNH.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 ở Sài Gòn - Gia Định được chia làm hai đợt: đợt 1 từ 31. 1 đến 25. 2. 1968 và đợt 2 từ 5. 5 đến 18. 6. 1968.

1. Diễn biến đợt một:

Ở Sài Gòn - Gia Định, đợt 1 được phân thành 2 cao điểm: cao điểm 1 từ 31. 1 đến 12. 2. 1968, cao điểm 2 từ 17. 2 đến 25. 2. 1968

Theo qui định giờ "G" các lực lượng chờ pháo hiệu DKB bắn vào, nhưng không có vì đơn vị DKB không đến kịp.

Ngay đêm mùng 1 Tết (tức 30. 1. 1968) các đội biệt động đã đột nhập nội thành, từ các kho bí mật, các chiến sĩ đã dùng xe du lịch tiếp cận các mục tiêu. Hai giờ sáng ngày 31. 1. 1968, đơn vị đánh sân bay (bộ phận phối thuộc cho tiểu đoàn 268 Phân khu 2 ở phía Tây Tân Sơn Nhất) phải chuyển sang bắn súng lệnh bằng 8 quả súng cối 82 ly vào sân bay (Tiếng súng cối không vang được xa, cho nên có nơi trong Khu trọng điểm, không nghe được hiệu lệnh). Nghe pháo lệnh, các đội biệt động đồng loạt tiến công vào Sứ quán Mỹ, dinh Độc Lập, Đài Phát thanh, Bộ Tổng tham mưu và Bộ Tư lệnh Hải quân...



Phân khu Ủy phân khu 1 họp chuẩn bị cho Tổng tiến công Mậu Thân 1968.

Ở các mục tiêu khác, các đội biệt động đều tiến chiếm và giữ được đến sáng, nhưng các tiểu đoàn mũi nhọn của các phân khu không tiếp ứng được kịp thời. Các đội biệt động tuy anh dũng chiến đấu đến giờ phút chót, nhưng trước sức phản kích điên cuồng của địch, đã hy sinh gần hết. Các chiến sĩ đã nêu cao khí phách anh hùng của Biệt động Sài Gòn trong giờ phút lịch sử của Tết Mậu thân 1968.

Trên các mũi tiến công khác của ta, cuộc chiến đã diễn ra phức tạp ngay từ đầu.

Ở Bộ Tổng tham mưu nguy, quân ta đánh vào cổng số 4, chiếm Trường Sinh ngữ quân đội và kho đạn, chặn viện binh đến cứu nguy cho các căn cứ ở Gò Vấp.

Ở sân bay Tân Sơn Nhất, ta bắn phá sân bay và đánh vào phía Tây.

Ở một mũi khác, ta đánh trại Cổ Loa, căn cứ Phù Đổng, tiến về Bình Hòa, áp sát Tòa hành chính và bộ Chỉ huy Tiểu khu Gia Định.

Các đội vũ trang của cánh Hoa vận đã phát động quần chúng nổi dậy làm chủ tạm thời được một số khu vực.

Các đội vũ trang của Thành đoàn Thanh niên không làm được nhiệm vụ "Thê đội 2" cho các đội biệt động chủ công ở các mục tiêu. Tuy nhiên, khi súng đã nổ, cán bộ cốt cán của Thành đoàn cũng đã kịp thời phát động quần chúng nổi dậy ở một số cơ sở, đường phố như Khu Bàn Cờ, Vườn Chuối, tấp vào các mũi tiến công hướng Tây Nam và Chợ Lớn, Ngã Bảy, theo cánh Đông Bắc đánh vào hướng Đài Phát thanh Sài Gòn... Sau đó, anh em chuyển sang diệt ác trừ gian, bảo vệ các khu xóm lao động và tổ chức cứu trợ cho đồng bào bị nạn.

Lực lượng của Ban Công vận có nhiệm vụ tiếp sức cho mũi đánh Nhà đèn Chợ Quán, nhưng chờ mãi không thấy bộ đội ta vào, cho nên anh em chuyển sang diệt ác ôn.

Lực lượng chính trị của Ban Phụ vận không nhận được thông báo về giờ "G". Khi thấy súng nổ, chị em tấp vô, hô hào quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ và sau đó chị em kịp thời làm nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, tiếp tế lương thực, cứu chữa thương binh, tổ chức che giấu cho các chiến sĩ bị lạc, rồi tìm cách đưa ra ngoài.

Một bộ phận của lực lượng Tuyên huấn không vào được Đài Phát thanh, đã tỏa ra rải truyền đơn, dán áp phích, vận động cơ sở quần chúng giúp đỡ bộ đội từ ngoài vào.

Có thể nói, hầu hết những nơi bộ đội ta tiến vào, đều được quần chúng dẫn đường, tải thương, tiếp tế, treo cờ, gọi loa, làm binh vận, diệt ác, trừ gian, dựng chướng ngại vật trên đường phố... Nhiều nơi, nhân dịp này, bà con gói luôn con em mình gia nhập bộ đội giải phóng. Khí thế cách mạng diễn ra sôi sục nhiều ngày trong thành phố.

Cao điểm hai diễn ra nối tiếp từ ngày 17. 2. 1968, ta pháo kích vào sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tư lệnh MACV, Tổng nha Cảnh sát, Đài Ra-đa Phú Lâm, gây cho địch nhiều thiệt hại và thương vong. Chiến sự diễn ra ác liệt ở các

vùng ven đô. Ta tiến công vào hướng Tây Thành phố, đụng địch chặn ở nghĩa địa Triều Châu. Chiến sự đã rộ lên ở khắp hướng Bắc và Tây Bắc, cách thành phố 10 đến 15km. Tại đây quân ta giao chiến với lữ đoàn 2 sư đoàn 25 Mỹ đến giải tỏa.

Trên toàn chiến trường miền Nam, trong các đợt 1 tổng công kích - tổng khởi nghĩa, ta đã đồng loạt tiến công vào hầu hết các thành phố, thị xã, thị trấn và căn cứ quan trọng của địch. Đặc biệt là đã làm chủ thành phố Huế suốt 25 ngày đêm, gây cho địch nhiều thiệt hại rất nghiêm trọng.

2. Diễn biến đợt hai:

Đợt II có hai cao điểm: Cao điểm một từ ngày 5. 5. 1968 đến 21. 5. 1968 và cao điểm hai từ 25. 5. 1968 đến 18. 6. 1968.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn Miền bắt đầu từ đêm 4. 5. 1968, đánh vào 30 thành phố, thị xã, 70 thị trấn, quận lỵ, chi khu, 27 bộ tư lệnh từ quân đoàn đến trung đoàn, 40 sân bay, nhiều kho tàng và các trục đường giao thông thủy bộ của địch.

Tại khu trọng điểm, quân ta pháo kích vào các mục tiêu quan trọng: sân bay Tân Sơn Nhất, Đại sứ quán Mỹ, Dinh Độc lập, Nhà của Đại sứ Bânco, Tân Cảng, Bộ Tư lệnh Hải quân, Tổng nha Cảnh sát, Biệt khu Thủ Đô... Trong khi đó, các tiểu đoàn mũi nhọn thọc sâu, chọc thủng các tuyến phòng thủ ven đô, đánh vào các mục tiêu trong nội bộ. Biệt động thành đánh vào Đài Truyền hình, cầu Phan Thanh Giản, tiến công khu vực Thị Nghè, đường Minh Mạng, đường 46, khu vực Nghĩa trang Bình Quới vào đến cuối đường Tự Đức (nay là đường Nguyễn Văn Thủ, quận 1).

Các đội tuyên truyền vũ trang ở nội đô phát động quần chúng nổi dậy làm chủ ở nhiều khu vực (thuộc quận 5,

phía Bắc cầu Chữ Y phối hợp đánh Tòa Hành chính quận, Ty Cảnh sát quận 5).

Cuộc chiến đấu ở nội đô tạm lắng nhưng thế trận vẫn tiếp tục giằng co ác liệt ở ven đô. Sáng 25. 5. 1968, ta mở tiếp Cao điểm hai, Trung đoàn Quyết Thắng và Trung đoàn Đồng Nai phối hợp đánh địch ở mặt trận Gia Định. Địch dùng Chiến đoàn thủy quân lục chiến đối địch với ta. Tại chùa Trúc Lâm chúng bắn hàng ngàn quả đại bác và ngày 16. 6. 1968 chúng dùng cả hơi độc để đẩy lùi ta. Cuộc chiến đấu ngay cửa ngõ Sài Gòn đã kéo dài suốt 51 ngày đêm.

Ở các vùng ven, phong trào nổi dậy của quần chúng cũng không đều và có phần kém hơn đợt 1. Tổng cộng có trên 8.000 quần chúng tham gia bao vây đồn bót, gần 12.000 lượt người đấu tranh chính trị và trên 4.000 gia đình bỏ ấp chiến lược về ruộng vườn cũ. Quần chúng vùng ven đã diệt được 200 tên tề ngụy, bắt 45 tên, trấn áp cải tạo 30 tên và 45 tên ra thú tội với nhân dân. Binh sĩ của Thiệu tiếp tục đào rã ngũ nhưng kết quả không cao như yêu cầu của ta. Trong cả hai đợt đều không có một cuộc binh biến nào của quân đội Sài Gòn.

Giới ký giả Sài Gòn đã kịp thời đưa tin thắng lợi của ta trong hai đợt tổng tiến công và nổi dậy trên tất cả các báo công khai, góp phần cổ động cho phong trào chống xâm lược của nhân dân Việt Nam.



**XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA THẮNG LỢI
VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ RÚT RA TỪ
TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN 1968
Ở KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM.**

1. Ý nghĩa thắng lợi

Cuộc tổng công kích - tổng khởi nghĩa Mậu thân 1968 đã đi vào lịch sử chống Mỹ như là một trong những sự kiện sáng chói, đã đưa cách mạng Việt Nam lên một tầm cao mới, tạo nên một bước ngoặt quan trọng trong quá trình đấu tranh dẫn tới thắng lợi cuối cùng ngày 30. 4. 1975.

Cuộc tổng công kích - tổng khởi nghĩa Mậu thân đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ, đánh bại ý chí xâm lược của chúng, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, phải ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris, và sau đó phải rút quân Mỹ về nước.

Cuộc tổng công kích - tổng khởi nghĩa tại khu trọng điểm Sài Gòn - Gia Định, đặc biệt là trận đánh vào Đại sứ quán Mỹ đã làm rung động xã hội Mỹ, nhân dân Mỹ bàng hoàng, khuynh hướng muốn chấm dứt chiến tranh trở thành áp đảo. Cuộc tổng công kích - tổng khởi nghĩa ở Sài Gòn - Thủ đô đầu não của chế độ Sài Gòn đã tạo nên sự phân hóa chia rẽ cao độ trong hàng ngũ kẻ thù, thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước và cách mạng trong lòng nhân dân đô

thị, đồng thời cũng thúc đẩy cao hơn phong trào phản chiến của lính Mỹ, phong trào phản đối chiến tranh xâm lược của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới.

Đòn Tết Mậu thân trở thành sự kiện vang dội trong và ngoài nước, mọi lực lượng chính trị trên thế giới qua đó nhìn thấy con đường thất bại tất yếu của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam, loài người tiến bộ hiểu thêm về cuộc chiến đấu của nhân dân ta.

2. Những vấn đề rút ra từ cuộc công kích - tổng khởi nghĩa Tết Mậu thân (1968) ở Khu trọng điểm Sài Gòn - Gia Định

Cuộc tổng công kích - tổng khởi nghĩa Mậu thân (1968) tuy giành được thắng lợi to lớn, có ý nghĩa chiến lược, nhưng không đạt được mục tiêu của Trung ương đề ra là: Tiêu diệt và làm tan rã tuyệt đại bộ phận quân nguy, đánh đổ nguy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân.

Nguyên nhân, như Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng đã nêu rõ:

"Ta đã chủ quan trong việc đánh giá tình hình, cho nên đã đề ra yêu cầu chiến lược chưa thật sát với tình hình thực tế lúc bấy giờ, nhất là sau đợt tiến công Tết Mậu thân, đáng lẽ phải kịp thời đánh giá lại tình hình và có chủ trương chuyển hướng kịp thời, ta chậm thấy những cố gắng của địch, không đánh giá hết âm mưu của địch trong kế hoạch bình định nông thôn nhằm thực hiện chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" của Níchxơn, cho nên ta đã gặp phải khó khăn trong một thời gian dài.

Trong chỉ đạo chiến lược đã đánh giá tình hình địch không sát thực tế.

Về lực lượng của ta, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đã đánh giá khá cao khả năng của các lực lượng chính trị ở đô thị, cho là chỉ cần có bộ đội tiến công vào là quân chúng

sẽ nổi dậy lật đổ ngay được chính quyền Sài Gòn. Có nơi còn cho là quân chúng đang sẵn sàng khởi nghĩa đến mức như: "Cá tức trứng" chỉ cần một cơn mưa là đẻ ngay thôi.

Về phương thức tổng công kích - tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn là đúng, nhưng đặt nó trong sự so sánh lực lượng giữa ta và địch ở thời điểm đầu năm 1968 là không phù hợp. Địch còn trên 1 triệu 100 ngàn quân (kể cả Mỹ), bộ máy chính quyền tuy suy yếu, nhưng vẫn còn cai trị được dân, quân chúng trung gian tuy có hướng về cách mạng nhưng chưa thật sự bức xúc và đủ sức vùng lên khởi nghĩa... Phải có cú đấm quân sự thật mạnh mới có tổng khởi nghĩa của quân chúng, vì đây là tổng khởi nghĩa trong chiến tranh. Chính vì vậy mà về sau để phù hợp với thực tế đã diễn ra, Trung ương gọi đây là cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Nhưng nếu xét về thực chất đã diễn ra thì chỉ là một cuộc tập kích chiến lược chứ cũng chưa phải là tổng tiến công và nổi dậy.

Về sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ các cấp thì khuyết điểm quan trọng nhất là kế hoạch quá đơn giản, sơ lược, thiếu kiểm tra chặt chẽ từ việc xác định mục tiêu tiến công, ngày giờ hành động đến bố trí lực lượng và các vấn đề tiếp tế, hậu cần... Tất cả những vấn đề đó đã hạn chế thắng lợi của đợt I tổng công kích - tổng khởi nghĩa. Nếu sự lãnh đạo chỉ đạo của ta sâu sát hơn, kế hoạch chi tiết tỉ mỉ hơn, thì chắc chắn thắng lợi của đợt I sẽ cao hơn và đỡ bị thiệt hại, nhất là ở khu vực trọng điểm.

Về tổ chức, Trung ương Cục quyết định thành lập Khu trọng điểm là Sài Gòn - Gia Định với 5 mũi tiến công vào 5 mục tiêu chiến lược là cần thiết, nhưng việc chia cả tổ chức Đảng, lực lượng chính trị ra cho 5 phân khu là không cần thiết. Hơn nữa việc sắp xếp tổ chức, cán bộ, điều phối các lực lượng lại tạo nên quá nhiều xáo trộn trong một thời gian quá ngắn và gấp trước ngày giờ hành động. Việc hình

thành các phân khu tạo nên sự trùng lặp lên nhau về địa bàn hoạt động. 5 phân khu từ ngoài vào thì không có lực lượng trong nội thành, trong khi Phân khu 6 gồm các lực lượng nội thành tại chỗ thì lại không có địa bàn cụ thể. Điều đó rất trở ngại cho sự điều hành, chỉ huy và phối hợp các lực lượng. Tình trạng đó còn kéo dài sau Tết Mậu thân khá lâu, gây khó khăn không ít cho sự lãnh đạo của Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của chủ trương tổng công kích - tổng khởi nghĩa Mậu thân 1968 là một sự thật lịch sử. Những bài học thắng lợi và thiếu sót, thậm chí thất bại, rút ra từ việc thực hiện chủ trương tổng công kích - tổng khởi nghĩa Mậu thân 1968 là những kinh nghiệm rất quý giá cho chặng đường tiếp theo dẫn đến ký kết Hiệp định Paris về Việt Nam tháng 1. 1973 và vô cùng bổ ích cho chặng đường kết thúc chiến tranh bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy toàn thắng trong mùa xuân 1975.



057

**TỪ 1968 - 1972, THÀNH ỦY ĐÃ TRIỆU TẬP
MẤY CUỘC HỘI NGHỊ THƯỜNG GỌI LÀ
HỘI NGHỊ BÌNH GIÃ. XIN CHO BIẾT CHỦ TRƯỞNG
CỦA TỪNG HỘI NGHỊ.**

Từ 1968 đến 1972 Thành ủy đã triệu tập 5 cuộc hội nghị

1. Hội nghị Bình Giã I (tháng 8. 1968)

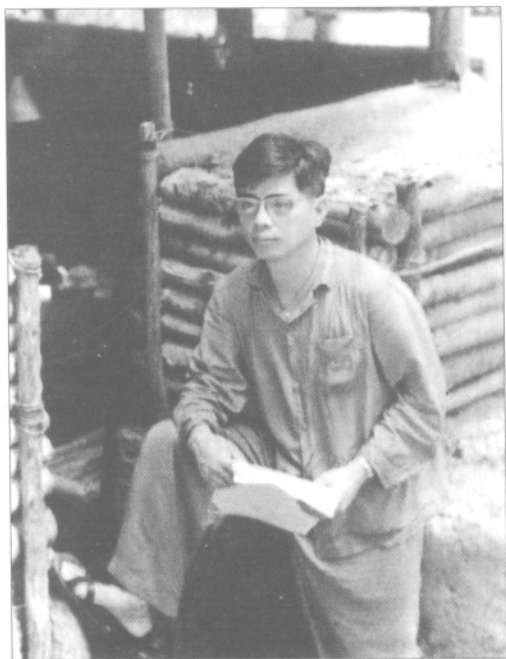
Đầu tháng 8. 1968, Thành ủy họp Hội nghị tại Ba Thu* để xem xét lại tình hình và đã ra Nghị quyết Bình Giã I (mật danh của Thành ủy).

Sau khi kiểm điểm tình hình, Thành ủy nhận định là Sài Gòn - Gia Định không còn khả năng tham gia tổng công kích - tổng khởi nghĩa đợt III nữa, mà chỉ có thể cố gắng tham gia bằng các hình thức và lực lượng thích hợp để chia lửa với toàn miền, cụ thể là:

- Không dùng bộ binh tiến công vào đô thị, mà chỉ dùng pháo binh pháo kích vào các mục tiêu ở Sài Gòn - Gia Định để phối hợp với lực lượng chủ lực Miền trong đợt III.

- Thành ủy chuyển trọng tâm công tác sang lãnh đạo đấu tranh chính trị, củng cố tổ chức để bảo tồn cơ sở, xây

* Ba Thu nằm sát biên giới Việt Nam - Campuchia, thuộc tỉnh Long An.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh trước cửa hầm ở căn cứ Củ Chi, 1971.

dựng lực lượng đi sâu vào công tác vận động quần chúng, gây dựng một cơ sở mới có tính vững chắc, lâu dài.

2. Hội nghị Bình Giã II (tháng 3. 1969)

Cuối năm 1968, do địch đánh phá ác liệt nên Thành ủy phải di chuyển từ Ba Thu về Mỹ Tho. Sau đó từ Mỹ Tho qua Trà Vinh, rồi từ Trà Vinh về Bến Tre. Tại đây, tháng 3. 1969, Thành ủy họp Hội nghị và ra Nghị quyết Bình Giã II.

Nghị quyết chỉ rõ địch đang thay đổi phương thức, thủ đoạn, nhằm tăng cường đàn áp, bắt bớ, đẩy mạnh bình định và kìm kẹp, đã gây cho ta nhiều lúng túng, nhất là lực lượng cách mạng ở cơ sở. Hoạt động của một số chi bộ, chi đoàn còn rời rạc chưa tập hợp được quần chúng. Một số cán bộ bị bắt đã khai báo làm cho nhiều cơ sở cách

mạng tiếp tục bị tổn thất. Trước tình hình đó trong Đảng bộ có một số người mang tư tưởng tiêu cực, nữu khuynh, có thái độ chờ thời, sợ thương vong, không tích cực hoạt động... Một bộ phận khác lại nôn nóng, "xé r.ò" trong đấu tranh, nêu những khẩu hiệu mạnh chưa phù hợp. Sức tiến công chính trị, quân sự, binh vận của ta chưa mạnh, chưa đạt được những yêu cầu đã đề ra.

Xuất phát từ tình hình Nghị quyết đã đề ra hướng công tác mới là:

- Về đấu tranh chính trị: khẩu hiệu trung tâm là đấu tranh đòi thay đổi Chính phủ hiện tại, lập Chính phủ hòa bình, thương lượng với Mặt trận Dân tộc Giải phóng, cải thiện dân sinh, dân chủ.

- Về đấu tranh vũ trang: Phát huy đánh nhỏ, đánh vừa và đánh lớn một cách cân đối. Chú ý đẩy mạnh chiến tranh du kích và vũ trang tự vệ.

Đối tượng là bộ máy kềm kẹp ở cơ sở, cơ quan đầu não, căn cứ kho tàng.

3. Hội nghị Bình Giả III (tháng 7. 1969)

Tháng 7. 1969 Hội nghị Thành ủy (Hội nghị Bình Giả III) đã được triệu tập họp ở Tân Phú (Bến Tre).

Hội nghị chủ trương:

Cần đi sâu và mở rộng đấu tranh toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Mỗi lĩnh vực đều có thể đề ra khẩu hiệu cụ thể, phù hợp với từng đối tượng quần chúng. Ngoài khẩu hiệu đấu tranh chung như đòi chấm dứt chiến tranh, đòi hòa bình, dân sinh, dân chủ, còn đòi các quyền tự do cơ bản như tự do báo chí, tín ngưỡng, bảo đảm các khuynh hướng chính trị được tự do hoạt động trong từng lĩnh vực... để khoét sâu mâu thuẫn nội bộ địch. Đấu tranh chính trị phải kết hợp mở rộng mặt trận liên hiệp rộng rãi,

mở ra các trung tâm tập hợp quần chúng rộng rãi. Phải củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong phong trào quần chúng, nhất là phong trào công nhân lao động, học sinh. Cần mở rộng chiến tranh du kích đều khắp trong thành phố. Nâng cao chất lượng các đội du kích, biệt động, bằng cách huấn luyện, đảm bảo hậu cần và phục vụ tác chiến trong thành phố. Chiến tranh du kích phải bảo đảm phá kim, diệt sinh lực địch, giành quyền làm chủ cơ sở. Cán bộ, đảng viên phải thâm nhập sâu, cắm rễ ở các khu, xóm lao động, xem đó là điều kiện đầu tiên để làm chủ ở cơ sở. Từ chỗ cấy "hạt nhân" ở xóm phát triển thành "đốm" và "lốm" chính trị và sau đó thành "khu căn cứ".

4. Hội nghị Bình Giả IV (tháng 5. 1970)

Hội nghị Bình Giả IV được tiến hành tại Ba Vát (Bến Tre).

Hội nghị đề ra nhiệm vụ chính trị chung là: "Duy trì và đẩy mạnh thế tiến công liên tục, ra sức xây dựng về mọi mặt, đảm bảo giành thắng lợi vững chắc trong cuộc đấu tranh lâu dài giữa ta và địch ở đô thị, đồng thời sẵn sàng khai thác mọi thời cơ đột biến, góp phần đánh bại âm mưu phi Mỹ hóa chiến tranh của Mỹ ở miền Nam.

5. Hội nghị Bình Giả V (1. 1972)

Từ tháng 1 đến tháng 2 năm 1972, Hội nghị Bình Giả V diễn ra ở vùng biên giới Campuchia, bên bờ sông Prech Xămđéc thuộc tỉnh Prâyveng.

Hội nghị lần này còn là một cuộc đấu tranh tư tưởng chống lại những khuynh hướng tiểu tư sản trên mọi lĩnh vực công tác chỉ đạo và vận động cách mạng ở thành phố.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã dự Hội nghị và phát biểu ý kiến trong suốt 2 ngày 14 và 15. 1. 1972.

Về phương hướng và công tác của Đảng bộ trong năm 1972, Nghị quyết Bình Giả V nêu rõ "Mục tiêu chủ yếu của cách mạng ở Sài Gòn 1972 là thực hiện cho kỳ được một cao trào chính trị tiến tới một cuộc bùng nổ cách mạng, kết hợp chặt chẽ giữa việc khẩn trương đưa phong trào lên một cách căn cơ với việc khai thác thật nhạy bén, triệt để thời cơ xuất hiện"*.

"Hướng chung của toàn Đảng bộ là kiên quyết đi vào quần chúng, bám chắc quần chúng, tập hợp quần chúng rộng rãi, nhất là quần chúng công nhân lao động, thanh niên và nông dân vùng ven, hình thành cho được lực lượng hạt nhân lãnh đạo quần chúng trên những địa bàn then chốt... Phải nắm bắt tất cả mọi thời cơ có được để xây dựng thực lực. Muốn tạo thời cơ phải luôn luôn chủ động tấn công địch. Tấn công để xây dựng thực lực, xây dựng để tăng cường tấn công.

* "Tóm tắt nghị quyết Bình Giả IV".



058

HIỆP ĐỊNH PARIS VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM ĐƯỢC KÝ KẾT LÚC NÀO? NỘI DUNG CHÍNH CỦA HIỆP ĐỊNH. TÌNH HÌNH SÀI GÒN - CHỢ LỚN SAU HIỆP ĐỊNH?

Sau khi bị thất bại trong trận tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Níchxơn phải tuyên bố ngừng ném bom, bắn pháo, thả mìn ở miền Bắc và trở lại hội đàm ở Paris.

Ngày 27. 1. 1973, Hiệp định Paris về "Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam" được ký kết và bắt đầu có hiệu lực từ 9 giờ sáng ngày 28. 1. 1973. Trong Hiệp định này Mỹ cam kết:

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Mỹ phải rút hết quân Mỹ và chư hầu về nước, phá hủy các căn cứ quân sự Mỹ, không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Công nhận Chính phủ cách mạng Lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, công nhận thực tế có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát ở miền Nam Việt Nam.

Với việc ký kết Hiệp định Paris, nhân dân ta đã giành được một bước thắng lợi vô cùng quan trọng trong cuộc đấu tranh lâu dài chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Tình hình Sài Gòn - Gia Định sau Hiệp định Paris:

Ngày 27. 1. 1973 Hiệp định Paris được ký thì 3 ngày sau, Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa do tướng Lê Quang Hòa dẫn đầu đã tới Sài Gòn và tiếp đó, ngày 1. 2. 1973, Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam do tướng Trần Văn Trà dẫn đầu, cũng tới Sài Gòn.

Tuy còn bị kềm kẹp nặng nề nhưng nhiều nơi bà con ở thành phố vẫn đổ ra đường hò reo, hoan hô hòa bình. Dịch cũng tuyên truyền huyênh hoang về thắng lợi của chúng qua lời kêu gọi của Thiệu trên đài phát thanh.

Ở nội đô, dịch tăng cường bộ máy kìm kẹp, quân sự hóa bộ máy hành chính cấp phường, khóm, lực lượng cảnh sát tăng 5 lần so với năm 1972.

Ở nông thôn, dịch bố ráp liên miên. Dân bị ngăn trở về ruộng vườn cũ. Nạn dịch lòng sục, vây bắt lính diễn ra rất căng thẳng từ thành phố đến ven đô. Lính trốn và thanh niên trốn lính diễn ra hàng ngày.

Số quân chúng tìm cách về lại ruộng vườn cũ thì gặp rất nhiều khó khăn: ruộng vườn hoang vu bị đào khoét, đạn mìn chưa nổ còn nhiều, thiếu vốn, thiếu giống, thiếu sức kéo, nhân lực phần lớn lại là đàn bà, trẻ em, người già, thêm vào đó bị dịch càn quét, bắn phá ác liệt nên phải quay vào sống lay lắt ở ven đô. Dịch còn đẩy mạnh chiêu hồi và tiếp tục dồn dân vào ấp chiến lược.

Trong tình cảnh đó, nhân dân Sài Gòn - Gia Định được sự lãnh đạo của Đảng bộ đã "xé rào" chống các luật lệ kìm kẹp của dịch, đấu tranh đòi những quyền lợi thiết thân, trở về nơi ruộng vườn cũ đùm bọc nhau sinh sống, vận động binh lính, tề ngụy và diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ ở cơ sở.

Ngay sau Hiệp định Paris, Thiệu đàn áp báo chí và các phe phái không ăn cánh, đóng cửa 5 tờ báo, giải tán 26 phe đảng, chỉ còn lại đảng Dân chủ (đảng cầm quyền), Liên minh Dân chủ Xã hội và đảng Tự do.

Sau Hiệp định Paris, có sự phân hóa mạnh. Số đông trong lực lượng trẻ (bao gồm cả linh mục, giáo phẩm, các thượng tọa tiến bộ) đều có tinh thần dân tộc, chống "ngoại bang", yêu hòa bình, muốn hòa giải dân tộc, ngã về phía "lực lượng 3)*.

"Lực lượng 3" ở Sài Gòn - Gia Định có ba thành phần:

- Những người thực sự có tinh thần dân tộc, mong muốn hòa bình, trung lập, hòa giải dân tộc và thực sự muốn chấm dứt chiến tranh.

- Những người cơ hội "đón gió" tạo thế để xuất hiện trên chính trường với tham vọng cá nhân.

- Số tay sai của Mỹ và các thế lực "ngoại bang" còn giấu mặt, đóng vai "lực lượng 3" để thực hiện mưu đồ của chủ khi cần thiết và được sự tài trợ của chủ.

Tiêu biểu cho những người thực sự có tinh thần dân tộc trong "Lực lượng 3" lúc bấy giờ có Luật sư Trần Ngọc Liễng, bà Ngô Bá Thành, Ni sư Huỳnh Liên, Dương Văn Minh... Những người này tùy mức hoạt động có khác nhau tùy theo cương vị xã hội của họ nhưng đều đã góp phần làm suy yếu chính quyền Sài Gòn, tạo thêm thuận lợi cho cách mạng.

* Jeff Stein-Marc Leepson, Sổ tay sự kiện chiến tranh Việt Nam: Lực lượng 3 là "một lực lượng trung lập được cả bộ máy quân sự Sài Gòn và phía cộng sản chấp nhận..."



**XIN CHO BIẾT ÂM MƯU CỦA MỸ - THIỆU,
VÀ NHỮNG CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TA
SAU KHI CÓ HIỆP ĐỊNH PARIS. SỰ ĐẤU TRANH
CHỐNG ĐỊCH PHÁ HOẠI HIỆP ĐỊNH VÀ ĐÒI
CÁC QUYỀN DÂN SINH DÂN CHỦ
Ở SÀI GÒN - GIA ĐỊNH?**

1. Âm mưu của Mỹ - Thiệu và những chủ trương của Đảng ta sau khi có Hiệp định Paris:

Mặc dù tình thế chung buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris, nhưng Mỹ vẫn còn nuôi hy vọng giành thắng lợi với chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", biến miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng biệt do Mỹ kiểm soát.

Mỹ thực hiện 3 biện pháp lớn là:

- Tiếp tục viện trợ quân sự - kinh tế, xây dựng chính quyền và quân đội Sài Gòn đủ để đối phó với ta và thực hiện ý đồ chiến lược của Mỹ.

- Tiếp tục lấn chiếm, bình định, mở rộng vùng kiểm soát, chiếm 75% số xã, ấp trên toàn Miền Nam.

- Nhanh chóng phục hồi kinh tế để miền Nam đủ sức tự lực, tự cường.

Nguyễn Văn Thiệu cũng tuyên bố: "Ngừng chiến không ngừng bắn, không thi hành Hiệp định Paris", "trên hòa bình, dưới chiến tranh, ngoài hòa hợp, trong bình định".

Từ cuối 1972, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã vạch "kế hoạch Hùng Vương" nhằm đưa quân đội Sài Gòn thực hiện chủ trương "Trần ngập lãnh thổ", cắm cờ lấn chiếm đất đai, giành dân trước, trong và sau khi ký Hiệp định Paris, Thiệu đề ra 10 biện pháp và đưa ra Luật 009. SLVN nhằm khủng bố tất cả những ai không ăn cánh với chúng.

Bộ Chỉ huy Quân sự Mỹ ở Sài Gòn (MACV) được thay thế bằng cơ quan tùy viên quốc phòng Mỹ (DAO) do tướng Giôn Morây chỉ huy với trên 20.000 cố vấn đội lốt quân sự, tiếp tục điều kiện, giám sát các hoạt động của quân ngụy và thực hiện sự phối hợp với không quân, hải quân Mỹ khi cần thiết.

Để đối phó với âm mưu của địch, cuối tháng 1. 1973, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết (dự thảo) đã chỉ rõ "... Chưa thể coi ở miền Nam đã thật hết tình trạng chiến tranh. Tình hình sẽ phát triển theo hai khả năng hoặc giữ được hòa bình, hoặc chiến tranh trở lại. Không thể có ảo tưởng địch sẽ thi hành một cách nghiêm chỉnh vì chúng rất lo ngại trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn".

Do vậy cần phải "... Kiên quyết giữ vững hòa bình, không chủ động gây xung đột quân sự, gây ra nội chiến, ra sức giữ vững và phát huy thắng lợi đã giành được, củng cố và tăng cường thực lực về mọi mặt, tranh thủ thuận lợi mới, khả năng mới để đưa cách mạng tiến lên bằng cao trào chính trị, có lực lượng vũ trang làm hậu thuẫn...". Bất kể trong tình huống nào lực lượng vũ trang ta phải mạnh và luôn luôn sẵn sàng chiến đấu. Bất kể trong tình huống nào nếu địch gây hấn trở lại nhất định phải bị giáng trả đích đáng.

Trong Chỉ thị 03 (27. 3. 1973) Trung ương Cục nêu rõ "Tuyệt đối ta không ảo tưởng địch sẽ thi hành Hiệp định nhưng cũng không đơn giản cho rằng địch làm gì thì làm. Mặt quan trọng có tính quyết định là nỗ lực và tác động

chủ quan của phía cách mạng*, phải kiên quyết và hết sức khẩn trương đẩy mạnh đấu tranh và xây dựng thực lực cách mạng. Nếu địch hành động bằng quân sự thì ta phải kiên quyết tiêu diệt chúng. Mặt khác cần phải dùng pháp lý Hiệp định để đấu tranh chính trị và binh vận.

2. Đấu tranh chống địch phá hoại Hiệp định Paris và đòi các quyền dân sinh, dân chủ.

Thực hiện chủ trương của Thành ủy, ngày 28. 1 có nhiều hình thức chào mừng Hiệp định Paris. Cờ Mặt trận Giải phóng xuất hiện ở nhiều nơi. Tại Bến Đá, Hàng Thái thuộc quận 8, địch đã phải dùng trực thăng để gỡ cờ của ta. Liên quận "1, 3, 10" tổ chức mít tinh lớn tại Ngã Bảy, đòi Thiệu trả tù chính trị, phản đối Thiệu bắt lính, đồn quân, đòi Thiệu thi hành Hiệp định Paris và đòi Thiệu từ chức. Giới trí thức thành phố tố cáo Thiệu giam giữ tù chính trị, đòi Thiệu thực hiện hòa hợp, hòa giải dân tộc. Lực lượng 3 đòi Thiệu thực hiện Chính phủ liên hiệp...

Từ tháng 3 kéo dài đến 1. 5. 1973 công nhân các hãng dầu SHELL, ESSO, CALTEX đòi tăng lương, chống khủng bố, đòi các quyền tự do dân chủ, đòi chấm dứt bắt lính và bãi bỏ các sắc thuế vô lý. Nổi bật là cuộc đấu tranh của gần 4.000 công nhân hỏa xa nổ ra từ tháng 3 đến tháng 5. 1973.

Từ 29. 3. 1973 tại sân bay Tân Sơn Nhất, tướng Uayen - Tổng Tư lệnh quân Mỹ ở Sài Gòn tổ chức lễ cuốn cờ. Sau đó ông ta cùng 2.501 lính Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, ở các vùng phụ cận với Việt Nam vẫn còn 125.000 quân Mỹ, 1.020 máy bay, 5 tàu sân bay, 56 tàu chiến sẵn sàng quay trở lại Miền Nam Việt Nam khi cần thiết.

* Lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng ngày 29. 3. 1973, quân đội các nước đồng minh với Mỹ cũng rút khỏi miền Nam Việt Nam.

Nhưng ở miền Nam thì vẫn chưa có ngừng bắn. Thiệu vẫn giữ lập trường 4 không: không nhượng đất, không trung lập, không liên hiệp và không nói chuyện với phía bên kia.

Thiệu xua 60% quân chủ lực đi vào lấn chiếm các vùng giải phóng (trọng điểm ở ven đô quanh Sài Gòn - Gia Định) nhằm xóa thế "da báo" trên chiến trường.

Trong khi Thiệu vẫn tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến khắp nơi thì một số cán bộ cách mạng của thành phố lại muốn "xả hơi" sau một thời gian dài hoạt động liên tục, có người còn mơ hồ cho rằng địch không dám đánh lớn, đến khi địch lấn chiếm thì không kiên quyết đánh trả và sợ vi phạm Hiệp định...

Một số cán bộ từ Trung ương phái vào lại phổ biến quan điểm hòa hợp dân tộc, thì đua hòa bình xây dựng đất nước giữa hai Miền và đề ra "5 cấm chỉ"* đã làm cho tình hình càng phức tạp thêm. Thành ủy kiên quyết bác bỏ "5 cấm chỉ". Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nghiêm khắc phê phán các quan điểm sai lệch nói trên, và chỉ đạo Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định kiên quyết đánh trả địch khi chúng lấn chiếm vùng giải phóng.

Tháng 6. 1973, Quân ủy miền quyết định "Kiên quyết và chủ động phản công và tấn công... kết hợp với đấu tranh chính trị và pháp lý của quần chúng... chuyển vùng tranh chấp thành vùng giải phóng, làm rõ kìm kẹp, chuyển thế vùng địch kiểm soát thành vùng tranh chấp... giành dân, giành quyền làm chủ của nhân dân".

* Tại hội nghị Bình vận Miền (4. 1973) có đề ra 5 cấm chỉ: Cấm tấn công địch, cấm đánh địch đi càn quét, lấn chiếm, cấm bắn pháo vào đồn, cấm bao vây đồn bót địch, cấm xây dựng xã, ấp chiến đấu.

Với sự chỉ đạo cương quyết đó, cuộc đấu tranh chống địch lấn chiếm diễn ra ngày càng quyết liệt và phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị cũng được đẩy mạnh lên, làm cho hình thái chiến trường trở lại như trước khi có Hiệp định Paris.



**XIN CHO BIẾT VỀ CHỦ TRƯỞNG MỞ CHIẾN DỊCH
HỒ CHÍ MINH GIẢI PHÓNG SÀI GÒN. NHIỆM VỤ
CỦA ĐẢNG BỘ SÀI GÒN - GIA ĐÌNH
TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LÀ GÌ?**

1. Chủ trương mở chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn.

Ngày 25. 3. 1975, Bộ Chính trị nêu quyết tâm "Cần tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kỹ thuật, giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa".

Ngày 29. 3. 1975, Trung ương Cục ra Nghị quyết 15 "Động viên toàn Đảng, toàn dân tập trung cao nhất mọi tinh thần và lực lượng của mình, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp, ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng đứng lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa, nhanh chóng đánh sập toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, với khí thế tiến công quyết liệt, thần tốc, táo bạo và quyết giành toàn thắng, giải phóng xã mình, huyện mình, tỉnh mình và toàn miền Nam".

Ngày 31. 3. 1975, Bộ Chính trị quyết định thời gian tổng công kích và tổng khởi nghĩa tốt nhất là vào tháng 4. 1975, không thể chậm vì mùa mưa sắp đến và trận quyết chiến chiến lược sẽ diễn ra tại Sài Gòn.

Ngày 3. 4. 1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định tổ chức cánh quân ven biển do Quân đoàn 2

đảm nhận từ Đà Nẵng hành quân cấp tốc vào Sài Gòn, theo đường số 1, đánh và giải phóng các tỉnh ven biển tiến vào Phan Rang. Nhanh chóng chuyển lực lượng Quân đoàn 3 và các binh khí kỹ thuật từ Tây Nguyên xuống, đồng thời điều Quân đoàn 1 từ Bắc vào.

Ngày 8. 4. 1975, tại Sở Chỉ huy Quân sự Miền, đồng chí Lê Đức Thọ thay mặt Bộ Chính trị công bố quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Chiến dịch giải phóng Sài Gòn và thông qua phương án của chiến dịch.

Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn do Đại tướng Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh trưởng, Bí thư Trung ương Cục Phạm Hùng làm Chính ủy, Thượng tướng Trần Văn Trà, Trung tướng Lê Đức Anh, Lê Trọng Tấn, Đinh Đức Thiện - Phó Tư lệnh, Thiếu tướng Lê Ngọc Hiền - Quyền Tham mưu trưởng, Lê Quang Hòa - Phó Chính ủy, Chủ nhiệm chính trị. Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Phó Bí thư Trung ương Cục được phân công lãnh đạo mũi nổi dậy. Đồng chí Võ Văn Kiệt phụ trách tiếp quản thành phố.

2. Phương án tác chiến của chiến dịch:

Dùng một bộ phận kèm chế, bao vây, chia cắt địch, không cho chúng co cụm về trung tâm nội đô Sài Gòn, tiêu diệt và làm tan rã các sư đoàn chủ lực địch ở vòng ngoài, đồng thời dùng đại bộ phận lực lượng nhanh chóng thọc sâu, đánh chiếm các địa bàn then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đoàn cơ giới mạnh tiến nhanh, đánh thẳng vào 5 mục tiêu chủ yếu*, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy giành chính quyền, giải phóng hoàn toàn thành phố.

Bộ Chỉ huy Chiến dịch đề nghị với Trung ương Đảng lấy tên Chiến dịch Giải phóng Sài Gòn là "Chiến dịch Hồ

* 5 mục tiêu chủ yếu: sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng Tham mưu, Biệt khu Thủ đô, Tổng Nha cảnh sát và dinh Độc Lập.

Chí Minh". 19 giờ ngày 14. 4. 1975 tại Mặt trận, Bộ Chỉ huy nhận được điện của Bộ Chính trị chấp thuận đề nghị trên.

Trong Chiến dịch này, nhiệm vụ của Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định là:

- Chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt để khi thời cơ đến thì phát động quần chúng nổi dậy và tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ cơ sở đến Trung ương.

- Lực lượng vũ trang địa phương vừa hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy vừa có nhiệm vụ chiếm giữ các cầu trọng yếu, khống chế các trận địa pháo, sân bay của địch, chiếm các bàn đạp, mở đường và dẫn đường cho bộ đội chủ lực tiến vào và chiếm các mục tiêu.

- Tạo mọi điều kiện cần thiết cho các binh đoàn chủ lực có chỗ tập kết, nhanh chóng triển khai lực lượng.

- Bảo đảm hậu cần tại chỗ cho chiến dịch (lương thực, thuốc men, nhân công và các phương tiện vận tải...).



061

TRONG THẮNG LỢI CỦA CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ, LỰC LƯỢNG TẠI CHỖ CỦA THÀNH PHỐ ĐÃ ĐÓNG GÓP MỘT PHẦN QUAN TRỌNG. XIN CHO BIẾT ĐÓ LÀ NHỮNG LỰC LƯỢNG NÀO?

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ngoài lực lượng của Trung ương và các quân đoàn chủ lực còn có nhiều lực lượng tại chỗ của Sài Gòn - Gia Định tham gia. Các lực lượng đó là:

- Lực lượng vũ trang của thành phố:

Tổng số lực lượng vũ trang của Thành phố tham gia chiến dịch lên đến 10 vạn được bố trí trên các hướng:

- Phía Bắc có Trung đoàn đặc công 11, các Z28, Z31, Z32 của tiểu đoàn biệt động 80 và Trung đoàn Đất Thép, chuẩn bị tiến đánh các mục tiêu sân bay Tân Sơn Nhất, căn cứ pháo Cổ Loa, căn cứ thiết giáp Phù Đổng, Bộ Tổng Tham mưu ngụy.

- Phía Tây có Trung đoàn đặc công 117, 429, các Z25, Z26, Z30 của tiểu đoàn biệt động 82 cùng tiểu đoàn 197 của Thành đội chuẩn bị đánh các mục tiêu Đài ra-đa Phú Lâm, Đài phát tin Phú Thọ, Biệt khu Thủ đô, Tổng Nha cảnh sát.

- Phía Đông có Trung đoàn 10 đặc công, Z22, Z23, Z24 biệt động cùng tiểu đoàn 4 của Thành đội có nhiệm vụ

đánh địch trên sông Sài Gòn, Rừng Sác, chiếm căn cứ Hải quân, cảng Sài Gòn...

Lực lượng vũ trang còn lại được phân công đánh một số mục tiêu, tiêu diệt sinh lực và kho tàng của địch, diệt đồn bót và phân chi khu, hỗ trợ cho quần chúng ở một số nơi vùng ven nổi dậy.

- Lực lượng vũ trang An ninh T4 chia làm 4 cụm có nhiệm vụ phối hợp đánh chiếm Tổng Nha Cảnh sát, Nha Cảnh sát đô Thành, các ty cảnh sát quận và một số cơ quan quan trọng khác của địch. Lực lượng Quân báo đảm nhiệm đánh chiếm trụ sở Tỉnh báo Trung ương của địch.

- Lực lượng công nhân, theo chủ trương của Ban Công vận, tham gia khởi nghĩa chủ yếu là ở khu phố, còn một bộ phận có nhiệm vụ chiếm lĩnh và bảo vệ các xí nghiệp, nhà máy không để cho địch phá hoại. Các ban cán sự Đảng lãnh đạo công nhân khởi nghĩa được thành lập.

- Lực lượng Thành đoàn ở vùng căn cứ chia thành hai mũi cùng với 2 bộ phận của Bộ Chỉ huy tiền phương sẵn sàng tiến vào thành phố theo hướng Tây Bắc (Củ Chi - Hóc Môn) và hướng Tây Nam (Tiền Giang - Long An - Bình Chánh).

Ngoài ra còn có 500 cán bộ, đoàn viên sẵn sàng thâm nhập thành phố phát động quần chúng khởi nghĩa.

Lực lượng vũ trang Thành đoàn hỗ trợ quần chúng nổi dậy và một số tổ biệt động được bố trí ở những điểm cần thiết để đánh địch phản kích.

- Ban Hoa vận bố trí lực lượng lãnh đạo khởi nghĩa ở 10 vùng trọng điểm thuộc quận 5, 6, 10 và 11, mỗi vùng cử về 2 đến 5 cán bộ tổ chức thành tiểu ban khởi nghĩa.

- Ban Bình vận đã hướng dẫn cho đảng viên, quần chúng tham gia cảnh cáo nguy quyền, trừng trị ác ôn và tuyên

truyền các chính sách của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Các cơ sở binh vận ở căn cứ Đồng Dù, xưởng Ba Son, Bộ Chỉ huy biệt động quân, trường quân sự Quang Trung... khẩn trương chuẩn bị để hợp đồng chiến đấu.

- Ban Trí vận đã triệu tập các đảng viên và cốt cán làm công tác trí vận nằm trong nội đô, trong tổ chức của ông Trần Ngọc Liễng và các tổ chức nửa công khai ra căn cứ để được hướng dẫn và động viên chuẩn bị mọi công việc cho giai đoạn cuối cùng.

Thành ủy yêu cầu các đồng chí và những cốt cán của ta trong lực lượng trí vận hình thành các nhóm, chủ động theo dõi Đài Phát thanh Hà Nội và Đài Phát thanh Giải phóng để kịp thời nắm chủ trương, chỉ đạo của ta và biết linh hoạt sáng tạo tìm cách làm suy yếu hàng ngũ địch, tập hợp lực lượng đánh đổ nguy quyền từ bên trên và từ trong ruột đánh ra.

Nhân dân thành phố đã tham gia chuẩn bị tại chỗ và chuyển từ ngoài vào một khối lượng vật chất phục vụ cho chiến dịch là 58.800 tấn (24.000 tấn đạn, 21.000 tấn gạo, 11.000 tấn nhiên liệu, thuốc men, dụng cụ y tế...). Để vận chuyển khối lượng vật chất đó xuống tận các cánh, ta phải sử dụng gần 4.000 xe tải, hơn 600 tàu, thuyền canoe, 1.736 xe thô với 10.000 lượt dân công. Thành phố đã đảm bảo hậu cần của chiến dịch đến 60%.

Để đón ngày "Hội cách mạng" hàng ngàn chị em phụ nữ đã bí mật cắm cũi ngày đêm may cờ. Trong học sinh sinh viên đã chuẩn bị được 12.000 lá cờ cắm tay. Quân chúng của cánh Hoa vận (chủ yếu là quận 5) đã may 36 lá cờ lớn, 16.000 cờ nhỏ. Không mua được vải đỏ, có người đã cắt áo dài đỏ của mình để may cờ. Nhân dân còn kẻ hàng

ngàn khẩu hiệu, bích chương và chuẩn bị cả loa, kèn, trống...

Chỉ riêng về phân lực lượng vũ trang nhân dân thành phố, bước đầu đã tổng kết được như sau:

Diệt hơn 31.000 tên địch, bắt sống hơn 12.000 tên, chiếm 9 cầu 2 kho, 21 đồn, 9 căn cứ quân sự, 5 chi khu, 21 phân chi khu và trụ sở tề, 1 tiểu khu, 1 bến cảng (Tân cảng) và nhiều cơ sở khác. Thu 12.275 súng, 88 xe quân sự, 183 máy truyền tin, 216 tấn đạn và nhiều phương tiện chiến tranh khác.



062

**TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH, THÀNH PHỐ
CÓ BAO NHIÊU NƠI QUÂN CHÚNG NỔI DẬY
GIÀNH CHÍNH QUYỀN Ở NỘI THÀNH
VÀ NGOẠI THÀNH? XIN CHO BIẾT
NHỮNG NƠI NỔI DẬY TIÊU BIỂU.**

Sau khi tiếng súng chiến dịch Hồ Chí Minh đã nổ và vô cùng xung quanh Sài Gòn đã rạn nứt hẳn, thì mũi nổi dậy của quần chúng thực sự được phát động.

Trong ngày 29 và đêm 29 rạng 30. 4, cả sáng 30. 4 trước khi đại quân tiến vào đã có tất cả 107 điểm nổi dậy của quần chúng tại chỗ dưới sự lãnh đạo của Đảng, chia ra 31 điểm ở ngoại thành và 76 điểm ở nội thành. Trong số này có:

- 32 điểm trong ngày 29 và đêm 29 rạng 30. 4
- 34 điểm trước 9 giờ 30 khi Dương Văn Minh chưa tuyên bố đầu hàng
- Và 41 điểm sau khi Dương Văn Minh đầu hàng, nhưng các quân đoàn chưa vào.

Những điểm nổi dậy này, chủ yếu là giành chính quyền thật sự ở cơ sở, phá kềm kẹp, gỡ đồn bót ở rất nhiều nơi trong thành phố, những nơi quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ là:

- Phường Trần Quang Khải, Xóm Chùa, xưởng Nông cơ (quận 1)

- Phường Huyện Sĩ, phường Bến Thành (quận 2)
- Phường Bàn Cờ, phường Trương Minh Giảng, cuộc Cảnh sát quận và tòa Hành chính quận 3 (quận 3)
- Phường Khánh Hội, phường Xóm Chiếu, nhà máy chỉ Khánh Hội (quận 4)
- Phường Chợ Quán, phường An Đông, Câu lạc bộ sĩ quan, đồn Cây Mai, cuộc Cảnh sát quận, tòa Hành chính quận 5 (quận 5)
- Phường Bình Tây, phường Phú Lâm, phường Bình Phú, phường Chợ, cuộc Cảnh sát quận, tòa Hành chính quận 6 (quận 6)
- Phường Hàng Thái, phường Bến Đá, phường Cây Sung, phường Bình Đông, cuộc Cảnh sát, tòa Hành chính quận 7 (quận 7)
- Phường Rạch Ông, phường Hưng Phú, phường Chánh Hưng, tòa Hành chính quận 8 (quận 8)
- Phường Nguyễn Tri Phương, phường Chí Hòa, phường Minh Mạng, phường Nhật Tảo, phường Phan Thanh Giản, tòa Hành chính quận 10 (quận 10)
- Phường Bình Thới, phường Cầu Tre, cuộc Cảnh sát quận, tòa Hành chính quận (quận 11)

Diễn biến quá trình giành chính quyền ở các huyện như sau:

- Ở huyện Củ Chi, các xã Tân Thông Hội, Phước Vĩnh An, Phước Hiệp, Phước Thạnh, Tân Thạnh Đông, Trung An, Phú Hòa Đông và dinh quận.
- Ở huyện Hóc Môn, các xã Xuân Thới Thượng, Thới Tam Thôn, Xuân Thới Sơn.
- Ở huyện Gò Vấp: Tân Thới Hiệp, Thạnh Lộc, An Phú Đông.

- Ở huyện Thủ Đức: toàn bộ các xã ở Thủ Đức và thị trấn, nhân dân đã nổi dậy giành chính quyền, quần chúng tham gia tổ chức đời sống và giữ gìn an ninh.

- Ở huyện Bình Chánh: Tân Tạo, Tân Nhựt, Tân Kiên và huyện lỵ Bình Chánh.

- Ở Bình Thạnh: Thạnh Mỹ Tây và Bình Hòa và dinh tỉnh trưởng Gia Định.

- Ở Phú Nhuận, các ấp Đông Nhất, Đông Nhì, Đông Ba, Tây Nhất, Tây Nhì, Tây Ba và Trung Nhất.

- Ở Tân Bình: Tân Sơn Nhì, Tân Sơn Hòa.

- Ở Nhà Bè: hầu hết ở các xã và huyện lỵ Nhà Bè, nhân dân nổi dậy giành chính quyền.

- Ở huyện Duyên Hải: quận lỵ Duyên Hải.

Tại các xí nghiệp, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, công nhân đã nổi dậy làm chủ nhà máy. Dưới đây là một vài nơi điển hình:

- Xí nghiệp VIMTEX, Phong Phú, Liên Phương (nay là Phước Long), VINATEXCO.

- Nhà đèn Chợ Quán, Thủ Đức.

- Nhà máy nước Thủ Đức.



063

XIN CHO BIẾT VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG THỨ BA VÀ VIỆC SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG THỨ BA CỦA ĐẢNG TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH.

Đường lối tổng quát của Đảng ta về cách mạng ở thành thị là: "Lấy công nhân, lao động làm nền tảng, phải đặc biệt sử dụng vai trò lực lượng xung kích của học sinh, sinh viên, thanh niên và phụ nữ, phải thực hiện công nông binh liên hiệp, phải sử dụng và phát huy mạnh mẽ vai trò của lực lượng thứ ba, phải liên hiệp với giai cấp tư sản dân tộc, phải tranh thủ và lôi kéo mọi lực lượng và khuynh hướng có thể tranh thủ và lôi kéo được, và trên cơ sở đó, lợi dụng triệt để mâu thuẫn trong nội bộ địch" (trích Nghị quyết ngày 12. 9. 1974 của Bộ Chính trị về công tác đô thị ở miền Nam).

Đường lối của Đảng đã nêu vai trò của lực lượng thứ ba và vấn đề lợi dụng mâu thuẫn địch trong cách mạng ở thành thị.

Quá trình kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã thúc đẩy hình thành tại thành phố Sài Gòn và các thành thị miền Nam một lực lượng mà ta gọi là lực lượng thứ ba*. Nó tập hợp tất cả các phe nhóm và cá nhân

* Jeff Stein-Marc Leepson, Sổ tay sự kiện chiến tranh Việt Nam: Lực lượng 3 là "một lực lượng trung lập được cả bộ máy quân sự Sài Gòn và phía cộng sản chấp nhận...".

là trí thức, nhân sĩ, dân biểu, nhà báo, tu sĩ các tôn giáo, công thương gia và cựu tướng tá nguy... Họ giống nhau trên lập trường chung là hòa bình, độc lập, dân chủ và chống Thiệu.

Từ khi Hiệp định Paris chính thức được công nhận thì lực lượng này càng hăng hái nổi lên đấu tranh nêu cao vai trò của mình và chống lại quyết liệt chính quyền phát xít Nguyễn Văn Thiệu. Những người tiêu biểu như bà Ngô Bá Thành, ông Trần Ngọc Liễng, kỹ sư Dương Văn Đại, dân biểu Hồ Ngọc Nhuận, Lý Quý Chung, Kiều Mộng Thu, giáo sư Lý Chánh Trung, Châu Tâm Luân, linh mục Phan Khắc Từ, Chân Tín, Thượng tọa Pháp Lan, ni sư Huỳnh Liên, nhà báo Nam Đình...

Từ lâu, Đảng đã tranh thủ, lôi kéo và xây dựng nên lực lượng này. Tới đầu năm 1975, ở Sài Gòn đã có tới gần 30 tổ chức do những người trong lực lượng thứ 3 đứng đầu chống Thiệu. Do sự lãnh đạo khéo léo của ta, các tổ chức này đã liên minh với nhau trên hành động, ra các tuyên ngôn, các bản cáo trạng chung tố cáo và lên án tập đoàn phát xít Nguyễn Văn Thiệu, nói rõ Thiệu là sản phẩm của chiến tranh, còn Thiệu là còn chiến tranh, đòi phải thay đổi Thiệu. Về sử dụng lực lượng thứ 3, nghị quyết Bộ Chính trị về công tác đô thị Miền Nam tháng 9/1974 chỉ rõ: "Vấn đề nắm lực lượng thứ 3, biết sử dụng và phát huy vai trò của lực lượng thứ 3 là vấn đề có ý nghĩa chiến lược của cách mạng miền Nam mà thành thị phải thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ..." bước vào chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh, Đảng ta thấy rằng có thể phát huy tác dụng của lực lượng thứ 3 trong giờ phút lịch sử này. Ta đã gọi các đảng viên và cốt cán làm công tác trí vận nằm ở trong thành, trong tổ chức công khai của ông Trần Ngọc Liễng và các tổ chức bán công khai thác của lực lượng thứ 3 ra vùng giải phóng để bàn và xúc tiến công tác mới, ở giai đoạn cuối cùng.

Sau đó tình hình diễn biến rất nhanh, ta không còn có thể chỉ đạo kịp từng ngày mà những đồng chí, những cốt cán của ta trong lực lượng thứ 3 tự phát huy tính chủ động trong công tác của mình theo hướng chung.

Ngày 26 và 27, Mỹ dứt khoát gạt Thiệu và phe cánh để mong cứu vãn tình thế. Tối ngày 26. 4 Mỹ giúp Thiệu chuẩn ra nước ngoài. Trong hai ngày 26 và 27. 4 đại sứ Mỹ, đại sứ Pháp, Trần Văn Đôn, Dương Văn Minh, Mai Hữu Xuân có cuộc họp kín với nhau. Và tới lúc này, sau khi đã mặc cả với nhau, Mỹ mới dứt khoát đưa Dương Văn Minh lên - vì thực ra cũng không còn con bài nào khác.

Các đồng chí của ta, những anh em nòng cốt trong lực lượng thứ 3 thấy là một thời cơ tốt để đưa người của ta vào trong chính phủ của Dương Văn Minh để tác động làm cho toàn bộ hệ thống kèm kẹp của ngụy, gồm chính quyền, quân đội và cảnh sát nhanh chóng tan rã và tốt nhất là tác động cho nó đầu hàng cách mạng một cách êm thấm không đổ nhiều máu và không bị tàn phá. Chúng ta đã thực hiện được việc này, có kết quả tích cực! Cụ thể như sau:

Ông Trần Ngọc Liễng đã tác động vào Dương Văn Minh và Dương Văn Minh đã nhận cho đồng chí Triệu Quốc Mạnh của ta (tất nhiên ông Minh không biết là đảng cộng sản) nắm ngành cảnh sát (ta xin làm giám đốc cảnh sát đô thành chứ không làm ở trên Tổng nha vì Cảnh sát đô thành lúc này quan trọng hơn). Dương Văn Minh cũng đã nhận một cốt cán của ta làm Đô Trưởng.

Đồng chí Triệu Quốc Mạnh, với tư cách giám đốc Cảnh sát đô thành - và nhân danh tổng thống nói là để tạo điều kiện thương thuyết, đã ra lệnh giải tán các phòng của Cảnh sát đặc biệt Đô thành, ra lệnh thả hết tù chính trị và gọi đây nói lên Tổng nha bảo thả hết tù chính trị, ra lệnh cho các đồn cảnh sát không được nổ súng và ai muốn về nhà lo cho gia đình thì cho về, thực tế làm cho tất cả bộ máy

cảnh sát tan rã ngay trong ngày 29. 4. Như thế là một bộ phận quan trọng trong bộ máy kèm kẹp của ngụy đã bị ta làm cho tan vỡ.

Ông Nguyễn Hữu Hạnh là cơ sở từ lâu của cánh Bình vận của Trung ương Cục, được Dương Văn Minh bố trí làm trợ tá cho Tổng tham mưu trưởng Vĩnh Lộc. Sáng ngày 30. 4, Vĩnh Lộc bỏ trốn chạy ra nước ngoài, ông Nguyễn Hữu Hạnh lấy tư cách là thay cho Tổng tham mưu trưởng đã ra lệnh cho quân ngụy không bắn, ở đâu ở đó, lệnh được đọc trên đài phát thanh lúc 9 giờ 30.

Như thế là một bộ phận rất quan trọng khác của bộ máy chiến tranh, bộ máy kèm kẹp của ngụy đã bị người của ta làm cho tê liệt.

Trong thời điểm lịch sử, chúng ta đã đưa người của ta vào nắm được cơ quan cao nhất của quân đội, của cảnh sát ngụy, đã đưa được nhiều người, từ nhiều phía tác động vào cả Tổng thống, Phó Tổng thống và Thủ tướng làm cho các bộ máy chiến tranh và bộ máy kèm kẹp của địch tan ra nhanh chóng, góp phần làm cho những người đứng đầu ngụy quyền phải nhận sự đầu hàng nhân dân, đầu hàng cách mạng vô điều kiện. Đó là mũi tấn công chính trị tuyệt diệu. Chưa có một nơi nào, một lúc nào lại làm được như vậy.



064

NÊU DIỄN BIẾN KHÁI QUÁT CUỘC TỔNG TẤN CÔNG VÀ NỔI DẬY TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH Ở SÀI GÒN - GIA ĐỊNH TỪ 26. 4 ĐẾN 30. 4. 1975.

Ngày 25. 4. 1975, khi các quân đoàn của ta tiến vào các điểm tập kết bao vây Sài Gòn theo quyết định của Bộ Chỉ huy chiến dịch, nhiệm vụ của năm cánh quân chủ lực đánh chiếm năm mục tiêu chủ yếu: dinh Độc Lập, Bộ Tổng tham mưu ngụy, Sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha Cảnh sát ngụy.

14 giờ ngày 26. 4. 1975, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định họp ở An Thạnh để kiểm điểm lại lần cuối toàn bộ công việc đã chuẩn bị và hướng dẫn thêm những việc cần phải làm tiếp.

Sau hội nghị này, các đồng chí trong Thành ủy xuống cơ sở để trực tiếp chỉ đạo công việc khởi nghĩa ở thành phố và ven đô.

Các lực lượng vũ trang của Thành đội, các lực lượng đặc công đã ém sẵn ở các cầu dẫn vào thành phố và các vị trí xung yếu, sẵn sàng đánh địch.

Giờ giải phóng Sài Gòn đã điểm!

17 giờ ngày 26. 4. 1975, cuộc Tổng tiến công của đại quân ta vào tuyến phòng thủ ngoại vi của Sài Gòn - Gia Định bắt đầu.

Các Quân đoàn chủ lực của Bộ và Miền đều tiến vào nắm mục tiêu chiến lược đã được phân công.

Vành đai phòng thủ vòng ngoài của Sài Gòn bị chọc thủng. Quân ta áp sát Sài Gòn và chuẩn bị tiến công vào nội đô.

Ngay trong đêm đó, Nguyễn Văn Thiệu cùng Trần Thiện Khiêm lên máy bay đào tẩu khỏi Sài Gòn.

Ngày 28. 4. 1975, biên đội Không quân nhân dân Việt Nam dùng máy bay A-37 và cũng do Đại úy phi công Nguyễn Thành Trung dẫn đường xuất kích từ sân bay Phan Rang, đã ném bom, phá hỏng 24 máy bay ở sân bay Tân Sơn Nhất. Chiến dịch di tản bằng máy bay của Mỹ ở sân bay này bị phá bỏ. Mỹ phải chuyển sang di tản bằng máy bay lên thẳng ngay trong thành phố.

15 giờ cùng ngày, Dương Văn Minh nhận chức Tổng thống và cử Nguyễn Văn Huyền làm Phó Tổng thống, Vũ Văn Mẫu làm Thủ tướng.

Cùng ngày, các đơn vị vũ trang của thành phố đã đánh địch ở Tân Cảng, căn cứ pháo binh địch ở Cổ Loa và đánh chiếm một số nơi để hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy (quận 6, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa...).

5 giờ ngày 29. 4. 1975 pháo hỏa tiễn của quân ta bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất, các lực lượng vũ trang của thành phố như Trung đoàn Gia định 1 và 2, các tiểu đoàn và các đội biệt động cùng các Quân đoàn chủ lực tiến vào nội đô, các đơn vị đặc công, biệt động, an ninh đánh chiếm các cầu và áp sát các mục tiêu được phân công.

Ở các trọng điểm khởi nghĩa và các nơi có điều kiện, nhân dân đã đứng lên giành chính quyền.

Chiều ngày 29. 4. 1975, 16.000 cảnh sát trong thành phố được đồng chí Triệu Quốc Mạnh với cương vị Chỉ huy trưởng Cảnh sát Đô Thành đã cho về nhà. Bộ máy kềm kẹp của ngụy quyền ở cơ sở thực sự bị tan rã và lệnh thiết

quân luật mất hiệu lực đã tạo điều kiện cho đồng bào nội đô nổi dậy.

17 giờ ngày 29. 4. 1975 Dương Văn Minh ra tuyên bố trên Đài Phát thanh chấp nhận các điều kiện của Mặt trận Dân tộc Giải phóng và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam*.

Đêm 29 rạng 30. 4. 1975, máy bay lên thẳng Mỹ hạ xuống một số mái nhà cao tầng trong thành phố chở người Mỹ, sĩ quan, nhân viên của quân đội và chính quyền Sài Gòn di tản. Tại Bộ Tổng tham mưu, các đơn vị bảo vệ đã tan rã, các trưởng phòng Bộ Tổng Tham mưu đã bỏ chạy. Các đơn vị phòng thủ quanh Sài Gòn cũng đã tan rã, chỉ còn hai tiểu đoàn dù chốt tại ngã tư Bảy Hiền và cổng Phi Long.

Một số cơ sở an ninh của ta trong Bộ Tổng Tham mưu thu giữ chìa khóa và tài liệu để giao lại cho quân giải phóng. Lúc này, Tổng Tham mưu trưởng Vĩnh Lộc đã bỏ chạy. Ông Nguyễn Hữu Hạnh, cơ sở bí mật của ta là trợ lý cho Vĩnh Lộc, mặc nhiên nắm quyền chỉ huy quân đội. Ông đã ra lệnh cho quân nguy không được phá cầu và báo cáo cho Dương Văn Minh tình hình quân sự hết sức đen tối, để thúc đẩy ông Minh sớm tuyên bố đầu hàng.

5 giờ 30 phút ngày 30. 4. 1975, quân ta từ 4 hướng đồng loạt tiến vào nội thành.

Sáng 30. 4. 1975, Dương Văn Minh họp nội các đưa ra chủ trương "Tuyên bố thành phố bỏ ngõ"**, và cho phát lệnh kêu gọi binh sĩ ngừng bắn, ở đâu giữ nguyên ở đó trên Đài Phát thanh vào lúc 09 giờ 30 phút.

* Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr.365.

** Lý Quý Chung, lúc ấy là Bộ Trưởng Thông tin trong Chính phủ cho biết "Ý định tuyên bố "bỏ ngõ" đã được Dương Văn Minh và ông tính đến từ chiều 19. 4. 1975, nhưng sự thành phố hỗn loạn trong đêm nên phải để sáng 30. 4 mới công bố.

Các cánh quân của ta vẫn tiếp tục tiến như vũ bão vào Sài Gòn. Một số đơn vị quân Sài Gòn do không nhận được lệnh hoặc ngoan cố vẫn còn kháng cự ở một số nơi trên đường quốc lộ 1 và ngã tư Bảy Hiền, Bộ Tổng tham mưu...

Quân chúng dưới sự lãnh đạo của các cơ sở của Đảng và của các đoàn thể, các ban, ngành đã nhanh chóng vùng lên treo cờ, băng, khẩu hiệu và tỏa ra chiếm các công sở, đồn, trại, bót cảnh sát của địch, giành chính quyền về tay nhân dân.

Đến 9 giờ sáng ngày 30. 4. 1975, khu trọng điểm khởi nghĩa ở Ngã Bảy rền vang tiếng reo mừng của quần chúng đã khởi nghĩa thắng lợi. Các đồng chí ở đây đã dựng cao ngọn cờ cách mạng để hiệu triệu quần chúng.

Các điểm khởi nghĩa của Thành đoàn và Hoa vận cũng nổi dậy rất sớm và đã nhanh chóng chiếm lĩnh các công sở địch.

11 giờ ngày 30. 4. 1975, mũi thọc sâu của Quân đoàn 2 với chiếc xe tăng mang số hiệu 390 húc đổ cổng chính và tiến thẳng vào sân dinh Độc Lập.

Nửa giờ sau đó, Tổng thống Việt Nam cộng hòa Dương Văn Minh đã đọc bản tuyên bố đầu hàng vô điều kiện trên Đài Phát thanh Sài Gòn.

Lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được trung úy Bùi Quang Thận kéo lên trên cột cờ ở dinh Độc Lập, chính thức kết thúc chế độ Mỹ và tay sai ở miền Nam Việt Nam và đánh dấu giờ phút lịch sử vinh quang của nhân dân ta, của Đảng ta, hoàn thành sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.



065

Ý NGHĨA VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC?

1. Ý nghĩa lịch sử:

- Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Trải qua hai mươi một năm chiến đấu, nhân dân ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược kiểu mới của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Thắng lợi đó đã kết thúc vẻ vang ba mươi năm chiến tranh giải phóng dân tộc bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị kéo dài hơn 1 thế kỷ của chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta, hoàn thành về cơ bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, bảo vệ và phát triển những thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hoàn thành thống nhất đất nước.

- Thắng lợi đó đã đánh dấu một bước ngoặt quyết định mở đường cho dân tộc Việt Nam tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng văn minh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Thắng lợi của nhân dân ta đã lập tan cuộc phản kích lớn nhất, dài ngày nhất, ác liệt nhất của tên đế quốc đầu sỏ chống các lực lượng cách mạng trên thế giới kể từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai (thời gian kéo dài 222 tháng, đế quốc Mỹ đã huy động 6,6 triệu số lượt binh lính Mỹ tham chiến, chi phí 676 tỉ đôla). Thắng lợi đó đã đẩy lùi và làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc và thế lực phản động quốc tế, mở đầu cho sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới.

Thắng lợi của nhân dân ta đã góp phần làm tăng thêm sức mạnh và thế tiến công cách mạng trên thế giới, động viên cổ vũ hàng trăm triệu người đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhân dân Việt Nam đã chứng minh chân lý rằng trong thời đại ngày nay, một dân tộc đất không rộng, người không đông, kinh tế kém phát triển, song đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh kiên quyết dưới sự lãnh đạo của một Đảng Mác - Lênin có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi thế lực xâm lược, dù đó là nước đế quốc mạnh nhất.

Đánh giá về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã ghi rõ: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công

vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc*.

2. Bài học kinh nghiệm:

- Xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm cách mạng Việt Nam.

Đó là đường lối nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng đó vào nhau, nhằm thực hiện một mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà, mở đường đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhờ có đường lối ấy, Đảng ta đã động viên và tập hợp được sức mạnh của chủ nghĩa xã hội với sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc, sức mạnh của hậu phương với sức mạnh của tiền tuyến, tạo nên một sức mạnh tổng hợp của cả nước cùng đứng lên đánh Mỹ và thắng Mỹ.

- Lựa chọn phương pháp cách mạng thích hợp.

Phương pháp cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng là sử dụng bạo lực cách mạng gồm lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân, tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng, kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, đánh địch bằng ba mũi giáp công, kết hợp ba thứ quân, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ, thực hiện làm chủ để tiêu diệt

* Đảng Cộng sản Việt Nam: Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 5 - 6.

đánh lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ mở những cuộc tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy đê bẹp quân địch giành thắng lợi cuối cùng.

- Xây dựng hậu phương - căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước.

Ngay từ đầu bước vào cuộc kháng chiến, Đảng ta đã sớm xác định đúng vai trò của miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, làm căn cứ địa cho cách mạng cả nước, đồng thời xây dựng căn cứ địa tại chỗ ở miền Nam và hệ thống giao thông vận tải chiến lược nối liền miền Nam, miền Bắc, Lào, Campuchia. Vì vậy, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã hình thành một hệ thống hậu phương, căn cứ địa liên hoàn ngày càng rộng lớn, vững chắc, nối thông với hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Đó chính là nguồn sức mạnh to lớn cả về vật chất và tinh thần trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ và góp phần quyết định chiến thắng của Mùa Xuân 1975.

- Liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương.

Đoàn kết, liên minh chiến đấu với nhân dân Lào, nhân dân Campuchia, trên cơ sở "Đông Dương là một chiến trường" cùng đánh Mỹ và thắng Mỹ. Trên cơ sở kiên trì, nhất quán, giữ vững đoàn kết liên minh với Lào và Campuchia thì phải biết lựa chọn hình thức và nội dung phù hợp với lực lượng của từng nước, theo từng thời kỳ, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của bạn, đồng thời phải giữ vững độc lập, tự chủ của ta nhằm thực hiện mục tiêu chung là đánh thắng đế quốc Mỹ trên toàn chiến trường Đông Dương.

- Thực hiện đoàn kết quốc tế trên cơ sở nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta chủ trương thực hiện đoàn kết liên minh với các lực lượng cách mạng của thời đại, tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đồng thời nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ trong việc hoạch định đường lối và phương pháp cách mạng phù hợp với đặc điểm, điều kiện của nước ta. Chính vì vậy, Đảng ta đã tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ cao nhất của nhân loại tiến bộ đặc biệt là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, trong đó có cả nhân dân tiến bộ Mỹ, hình thành Mặt trận thống nhất quốc tế rộng lớn ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ.

- Xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ của cuộc kháng chiến.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, những kinh nghiệm mà Đảng tích lũy được trong cuộc kháng chiến chống Pháp là vốn quý tạo bản lĩnh cho Đảng bước vào thời kỳ mới, nhưng chưa đủ để đáp ứng nhu cầu lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng miền Nam, chống đế quốc Mỹ trong hoàn cảnh lịch sử mới. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã chứng tỏ Đảng ta trải qua một thời gian tìm tòi, khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn để tìm ra được giải pháp đúng đắn. Bài học của quá trình tìm tòi đó là bám sát thực tiễn, phân tích đúng tình thế và so sánh lực lượng, sớm phát hiện các vấn đề phải giải quyết và tìm ra lời giải cho các vấn đề ấy. Đồng thời phải luôn luôn bổ sung, phát triển và hoàn thiện đường lối vì thực tiễn và tình huống mới luôn xuất hiện và biến đổi không ngừng.

Dựa trên đường lối và phương hướng đúng, phải có quyết tâm vừa đánh vừa học, vừa đánh vừa tổng kết để nâng cao trình độ của Đảng lên ngang tầm đòi hỏi của cách mạng.

Xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đồng thời không ngừng tổng kết thực tiễn của quá trình tiến hành chiến tranh cách mạng, bổ sung phát triển và hoàn thiện đường lối, kiên trì và sáng tạo trong lãnh đạo, trong chỉ đạo chiến tranh là vấn đề sống còn của cuộc chiến tranh cứu nước, là bài học bao trùm, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo của Đảng.



066

**ỦY BAN QUÂN QUẢN SÀI GÒN - GIA ĐỊNH
ĐƯỢC THÀNH LẬP NGÀY, THÁNG, NĂM NÀO?
GỒM BAO NHIÊU THÀNH VIÊN
VÀ DO AI LÀM CHỦ TỊCH?**

Trước khi tiến hành chiến dịch giải phóng Sài Gòn, ngày 20. 4. 1975, Trung ương Cục đã ra nghị quyết về việc tổ chức Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định và các thành phố, địa phương khác. Tham gia các Ủy ban Quân quản này gồm các cán bộ lãnh đạo chỉ huy trong Bộ Tư lệnh Miền, các quân khu, các đơn vị, cùng các cán bộ của Trung ương Cục, Khu ủy, Tỉnh ủy và Thành ủy của các địa phương. Các Ủy ban quân quản này làm nhiệm vụ như các Ủy ban nhân dân lâm thời, nhưng dựa chủ yếu vào lực lượng quân sự làm nhiệm vụ quản lý theo kỷ luật quân sự.

Sự ra đời của Ủy ban quân quản Sài Gòn - Gia Định:

Sau ngày 30. 4. 1975, để nhanh chóng ổn định lại trật tự, an ninh cũng như việc khôi phục và đem lại sự ổn định cuộc sống bình thường của các giới đồng bào trong thành phố vừa mới giải phóng, ngày 3. 5. 1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra quyết định thành lập Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định do Thượng tướng Trần Văn Trà làm Chủ tịch. Đến ngày 7. 5. 1975 Ủy ban quân quản chính thức ra mắt đồng bào thành phố, trụ sở đóng tại dinh Độc Lập (nay là dinh

Thống Nhất - số 7 đường Lê Duẩn, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thành phần của Ủy ban Quân quản (gồm 11 đồng chí):

1. Trần Văn Trà - Chủ tịch
2. Võ Văn Kiệt - Phó Chủ tịch
3. Hoàng Cầm - Phó Chủ tịch
4. Trần Văn Danh - Phó Chủ tịch
5. Mai Chí Thọ - Phó Chủ tịch
6. Cao Đăng Chiếm - Phó Chủ tịch
7. Bùi Thanh Khiết - Ủy viên
8. Bảy Thư - Ủy viên
9. Dương Kỳ Hiệp - Ủy viên
10. Nguyễn Võ Danh - Ủy viên
11. Phan Minh Tánh - Ủy viên

Nhiệm vụ của Ủy ban quân quản:

* Tiêu diệt các ổ đề kháng, thanh toán triệt để các lực lượng phản động của địch.

* Nhanh chóng ổn định tình hình và thiết lập trật tự, trị an của thành phố, xây dựng lực lượng tự vệ trong quần chúng.

* Chuẩn bị những điều kiện để chuyển sang chính quyền cách mạng.

Hoạt động chủ yếu của Ủy ban quân quản:

Ngay sau ngày ra mắt, Ủy ban quân quản đã ra Mệnh lệnh số 1: kêu gọi đồng bào, cán bộ chiến sĩ tham gia cùng Ủy ban quân quản nhanh chóng thành lập chính quyền các cấp, thiết lập trật tự trị an, duy trì trở lại bình thường mọi hoạt động dân sinh, kêu gọi nhân viên chính quyền và sĩ



Lễ bàn giao giữa Ủy ban quân quản và Ủy ban nhân dân cách mạng. Thành phố Sài Gòn - Gia Định, 7. 5. 1975.

quan, binh sĩ chế độ cũ ra trình diện, công nhân viên chức trở lại nhiệm sở, ban bố lệnh giới nghiêm ban đêm.

Mệnh lệnh số 1 của Ủy ban quân quản đã được nhân dân Sài Gòn nhiệt tình ủng hộ. Tình hình an ninh, trật tự trên đường phố được ổn định rất nhanh. Chỉ sau ít ngày, cuộc sống của người dân thành phố đã trở lại bình thường. Chợ vẫn họp, điện nước đầy đủ...

Ủy ban quân quản tổ chức tiếp quản các căn cứ quân sự đóng trên địa bàn thành phố, như: Trần Hưng Đạo của Bộ Tổng tham mưu địch, trại Cổ Loa (căn cứ pháo binh), trại Phù Đổng (căn cứ phòng không), sân bay Tân Sơn Nhất (căn cứ không quân), biệt khu Thủ Đức, căn cứ Quang Trung, cảng Sài Gòn, hải quân công xưởng Ba Son, Tổng Nha cảnh sát Đô Thành... cùng với các công sở của chính quyền Sài Gòn, thu gom những vũ khí, mìn, đạn còn vương vãi ra khỏi thành phố.

Các đơn vị phối hợp với các địa phương tổ chức tiếp nhận trình diện của các nhân viên, sĩ quan, binh lính ngụy quyền tiến hành phân loại đối tượng để tổ chức các lớp học cải tạo ngắn hạn hoặc dài hạn. Những tên còn ngoan

cố lén lút tập hợp lại để chống phá cách mạng hoặc lẩn trốn không ra trình diện đều bị truy quét và vô hiệu hóa.

Tiêu diệt những tệ nạn xã hội, dẹp bỏ những nơi trước đây đã từng là những hang ổ ma túy, mại dâm, lòng bất các băng cướp đang hoành hành trên địa bàn thành phố. Từ tháng 5 đến tháng 11. 1975, lực lượng vũ trang đã triệt phá 850 vụ phá hoại chính trị của 288 đối tượng, bắt giam 737 tên lưu manh trộm cướp và 2.437 đối tượng tệ nạn xã hội. Đến gần cuối năm 1975, tình hình an ninh trật tự xã hội của thành phố cơ bản được ổn định.

Cùng với việc giữ gìn an ninh trật tự - xã hội, các đơn vị còn tổ chức cứu trợ cho hàng ngàn gia đình nghèo đói, vận động nhân dân cùng tham gia thu dọn những khu vực đổ nát, mất vệ sinh, phòng dịch bệnh, bảo vệ môi trường, đồng thời tiến hành khám chữa bệnh cho nhiều người, lập tủ thuốc nhân dân tại các trạm y tế.

Để giảm bớt dân số tập trung quá đông ở thành phố, Ủy ban quân quản đã chỉ đạo việc giãn dân về nông thôn. Các đội công tác với 2.000 cán bộ xuống từng phường, khóm, gia đình để vận động các gia đình trước đây di di tản, các gia đình từ thôn quê chạy lên thành phố tránh chiến sự trở về quê cũ làm ăn, sinh sống.

Cuối năm 1975, trên cơ sở những thành quả và xây dựng chính quyền, ổn định tình hình, kiểm soát và làm trong sạch địa bàn thành phố mới giải phóng, hai miền Nam - Bắc có điều kiện để đi đến thống nhất đất nước, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của đồng bào thành phố và nhân dân cả nước, Ủy ban quân quản tiếp tục hoàn thành những trọng trách còn lại của mình, như:

Ngày 22. 9. 1975 với sự tham gia phụ trách của hàng ngàn cán bộ quân đội phục vụ công tác đổi tiền lần thứ

nhất thành công tốt đẹp, cả hai miền được sử dụng thống nhất một loại tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 20. 11. 1975, Hội nghị hiệp thương chính trị hai miền Nam - Bắc để tiến tới thành lập một chính quyền duy nhất của Việt Nam được tiến hành trọng thể tại dinh Độc lập. Trong những ngày này, Lữ đoàn kiểm soát quân sự và lực lượng an ninh đã bắt gọn nhóm "Dân quân phục quốc" phản động mưu toan phá hoại hội nghị và những băng nhóm phản động khác.

Tháng 2. 1976, Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định đã hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình sau 10 tháng hoạt động và bàn giao việc quản lý toàn diện thành phố cho Ủy ban nhân dân Thành phố Sài Gòn - Gia Định. Sự kiện này đánh dấu thắng lợi to lớn của hoạt động quân quản dưới sự lãnh đạo của Đảng trên địa bàn thành phố, tiếp ngay sau thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.



067

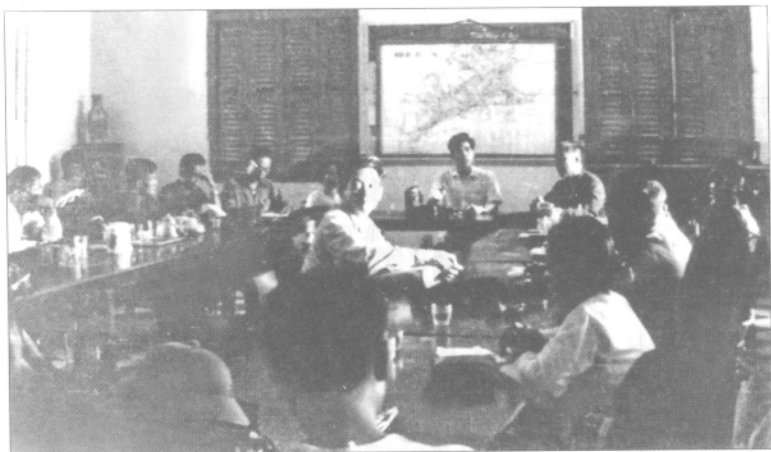
XIN CHO BIẾT SAU NGÀY GIẢI PHÓNG THÀNH ỦY HỢP HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT VÀO THỜI GIAN NÀO? HỘI NGHỊ ĐÃ ĐỀ RA CHỦ TRƯỞNG GÌ?

Ngày 15. 6. 1975 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Sài Gòn - Gia Định lần thứ nhất được khai mạc, sau một thời gian khẩn trương chuẩn bị trong tình hình hết sức sôi động và phức tạp của một thành phố lớn vừa mới được giải phóng với nhiều công việc bề bộn đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách.

Tham dự hội nghị gồm có các thành viên trong Ban Thường vụ của Ban Chấp hành kể cả cũ và mới được bổ sung sau giải phóng.

Hội nghị đánh giá tổng quát tình hình Đảng bộ Thành phố sau 45 ngày giải phóng, những khó khăn, thuận lợi đặt ra trước Đảng bộ và nhân dân thành phố. Hội nghị sau khi thảo luận, bàn bạc, cân nhắc kỹ đã nhất trí và đề ra những nhiệm vụ cấp bách như sau:

- Truy quét bọn phản cách mạng
- Phát động quần chúng, ổn định tình hình chung chiếm ưu thế trên trận địa chính trị, quân sự, văn hóa...
- Chăm lo đời sống nhân dân và giải quyết các vấn đề kinh tế trước mắt.



Thường vụ Thành ủy họp đánh giá cuộc Tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn tại trường Pétrus Ký, 6. 5. 1975.

- Xây dựng Đảng và củng cố chính quyền cách mạng, các đoàn thể cách mạng, vũ trang, an ninh, các Đảng đoàn...

Trong những nhiệm vụ nêu trên thì việc chăm lo đời sống quần chúng, giải quyết công ăn việc làm, khôi phục và phát triển sản xuất, đưa quần chúng hồi hương, đi xây dựng kinh tế mới, giãn dân ra vùng ven là nổi trội hơn cả. Và để thực hiện các nhiệm vụ ấy, thành phố trước mắt nhanh chóng khôi phục lại sản xuất, tạo công ăn việc làm cho người lao động, duy trì đời sống công nhân, nhân dân lao động và các tầng lớp nhân dân nghèo.

Cũng tại Hội nghị này, Thành ủy xác định Sài Gòn - Gia Định là một đơn vị 4 cấp, gồm: Thành ủy, Quận ủy, Phường ủy và Khóm. Quận được coi là đơn vị có tính chất toàn diện.

Hội nghị thông qua Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, đây cũng là Nghị quyết quan trọng đầu tiên của Thành ủy từ sau ngày giải phóng.

Hội nghị Thành ủy lần thứ nhất đánh dấu một bước quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Sài Gòn - Gia Định xây dựng cuộc sống mới trong đó nhân dân thực sự được làm chủ cuộc đời mình.



068

SAU GIẢI PHÓNG ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ CÓ BAO NHIÊU QUẬN ỦY TRỰC THUỘC THÀNH ỦY?

Ngay sau khi thiết lập xong chính quyền Quân quản, ngày 10. 5. 1975 Ban Thường vụ Thành ủy đã họp bàn, xác định địa giới và thống nhất tên gọi đối với quận:

Thành phố Sài Gòn - Gia Định vẫn giữ nguyên 21 quận (14 quận nội thành và 7 quận ngoại thành).

14 quận nội thành gồm các quận: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, Phú Nhuận, Bình Hòa, Thạnh Mỹ Tây.

7 quận ngoại thành gồm các quận: Thủ Đức, Nhà Bè, Bình Chánh, Tân Bình, Gò Vấp, Hóc Môn, Củ Chi.

Tháng 6 và 7. 1975, Ban Thường vụ Thành ủy ra quyết định chỉ định 21 Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ quận trực thuộc là: Quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, Hóc Môn, Củ Chi, Gò Vấp, Bình Chánh, Thủ Đức, Nhà Bè, Phú Nhuận, Tân Bình, Thạnh Mỹ Tây, Bình Hòa. Trong thời gian này, Đảng bộ thành phố có 5.734 đảng viên (trong đó nội thành có 3.675 đảng viên, ngoại thành có 2.059 đảng viên). Lực lượng cán bộ bao gồm nhiều nguồn tập hợp về như: cán bộ từ các chiến khu, cán bộ tại chỗ, cán bộ binh vận, cán bộ hoạt động công khai, cán bộ do đứt liên lạc, cán bộ bị địch bắt thả ra rải rác và trao trả trước ngày 30. 4. 1975). Đa số cán bộ, đảng viên của Đảng bộ

xuất thân từ thành phần nông dân, tiểu tư sản, còn số cán bộ đảng viên xuất thân từ công nhân, trí thức chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ.

Do yêu cầu trong thời kỳ quân quản, Ban Chấp hành Đảng bộ một số quận, phường (nơi các đơn vị quân đội đóng quân) có cơ cấu một số đảng viên là chính ủy, cấp trưởng của trung đoàn, tiểu đoàn tham gia cấp ủy. Như ở quận 3, 11, Bình Thạnh, mỗi cấp ủy quận có đồng chí chính ủy trung đoàn tham gia Ban Thường vụ, đồng chí Trung đoàn trưởng tham gia ủy viên Ban Chấp hành quận, ở cấp phường (cũ), có hai đồng chí chính trị viên và tiểu đoàn trưởng tham gia Đảng ủy phường.

Sự tồn tại của 21 quận và 21 quận ủy kéo dài cho đến tháng 10. 1976, sau khi sắp xếp lại hệ thống chính quyền từ 4 cấp chỉ còn 3 cấp thì có một số quận sáp nhập lại thành một và chỉ còn 12 quận nội thành và 5 huyện ngoại thành, như: quận 1 và quận 2 sáp nhập làm một, lấy tên quận 1, quận 7 và quận 8, lấy tên quận 8, quận Bình Hòa và quận Thạnh Mỹ Tây, lấy tên quận Bình Thạnh, quận 9 nhập vào Thủ Đức, lấy tên huyện Thủ Đức, Và chuyển hai quận Tân Bình và Gò Vấp thành quận nội thành.

Nội thành gồm các quận: 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Tân Bình, Gò Vấp.

Huyện ngoại thành gồm: Bình Chánh, Thủ Đức, Nhà Bè, Hóc Môn, Củ Chi.

Từ 1975 - 1995, địa giới hành chính của thành phố và các quận có nhiều thay đổi bổ sung tùy theo yêu cầu phát triển và quản lý của mỗi thời kỳ: Sau Nghị định 03/CP của Chính phủ ngày 6. 1. 1997, Thành phố Hồ Chí Minh có 17 quận (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Gò Vấp, Tân Bình, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Thủ Đức) và 5 huyện (Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ).

Đến ngày 5. 11. 2003, Nghị định 130/2003/NĐ-CP của Chính phủ thành lập thêm hai quận Bình Tân (tách từ huyện Bình Chánh) và Tân Phú (tách từ quận Tân Bình).

Tính đến thời điểm cuối năm 2005, Thành phố Hồ Chí Minh có 19 quận (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân, Thủ Đức) với và 5 huyện (Bình Chánh, Cần Giờ, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè). Như vậy hiện nay có 19 Quận ủy trực thuộc Thành ủy.



069

**ỦY BAN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG SÀI GÒN -
GIA ĐỊNH CHÍNH THỨC RA MẮT THỜI GIAN NÀO,
Ở ĐÂU, AI LÀ CHỦ TỊCH VÀ CÁC PHÓ CHỦ TỊCH?**

Sau thời gian tiếp quản thành phố Sài Gòn - Gia Định, chính quyền quân quản dưới sự chỉ đạo của Trung ương, Trung ương Cục và Thành ủy đã thực hiện một khối công việc rất to lớn: ổn định được tình hình, dập tắt những nhen nhóm phản cách mạng, đồng thời xây dựng bộ máy chính quyền cách mạng đến tận cơ sở. Bảo vệ và điều hành không gián đoạn các cơ sở phục vụ lợi ích công cộng và phục hồi sinh hoạt bình thường của thành phố, triển khai các công tác xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế..., Tiếp quản và đưa vào hoạt động những cơ sở kinh tế quan trọng, Đánh đổ tư sản mại bản, Tổ chức lại sản xuất và phân phối sản phẩm, Tổ chức học tập cải tạo ngục quân ngục quyền và đưa hơn 45 vạn người dân về quê cũ làm ăn. Ủy ban quân quản sau một thời gian đã hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ sứ mệnh lịch sử của mình.

Trong thời gian này, nhân dân miền Nam cùng cả nước bước vào thực hiện kế hoạch kinh tế năm 1976 - 1980 và thực hiện một nhu cầu lớn thứ hai của đất nước sau chiến tranh là thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Thời kỳ này, cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, một cuộc đấu tranh giai cấp nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, mối quan

hệ giữa cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì thế, chính quyền quân quản Sài Gòn - Gia Định không thể tiếp tục tồn tại kéo dài một chế độ chính quyền dưới sự quản lý của quân đội. Ngày 20. 1. 1976, Bộ Chính trị ra Chỉ thị, đồng thời cùng với Quyết định số 03/ QĐ-76 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam cho thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng thành phố Sài Gòn - Gia Định, thay thế cho Ủy ban quân quản. Đồng chí Võ Văn Kiệt - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng giữ chức Chủ tịch. Trụ sở đóng tại 86 Lê Thánh Tôn, quận I.

Ngày 21. 01. 1976, tại Hội trường dinh Độc Lập (nay gọi là dinh Thống Nhất) đã cử hành lễ bàn giao giữa Ủy ban quân quản và Ủy ban nhân dân cách mạng Thành phố. Tham dự lễ gồm có các đồng chí: Nguyễn Văn Linh - Bí thư Thành ủy Thành phố, Trần Văn Trà - Chủ tịch Ủy ban quân quản Thành phố....

Thành phần ủy ban gồm có: Đồng chí Võ Văn Kiệt làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch gồm các đồng chí Mai Chí Thọ, Lê Đình Nhon, Nguyễn Văn Hiếu. Và cùng với 11 đồng chí ủy viên là Lê Quang Chánh, Nguyễn Duy Cương, Trần Văn Danh, Văn Đại, Bùi Thanh Khiết, Nguyễn Kiến Lập, Lê Văn Quýnh, Trần Tấn, Nguyễn Văn Thuyền, Dương Đình Thảo và Đỗ Duy Liên.

Ngày 24. 01. 1976, tại Nhà hát lớn Thành phố lễ ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng Thành phố đã được tổ chức trọng thể. Trong buổi lễ khai mạc, đồng chí Võ Văn Kiệt - Chủ tịch Ủy ban, đã thay mặt đọc diễn văn, bản kiểm điểm về tình hình và đề ra nhiệm vụ mới của thành phố.

Sự ra đời của Ủy ban nhân dân cách mạng là một sự kiện quan trọng trong sinh hoạt chính trị của nhân dân thành phố, là một bước phát triển mới của chính quyền nhân dân, đồng thời cũng là một bước củng cố và tăng cường thêm

chính quyền cách mạng của thành phố. Trong khoảng thời gian ngắn (9 tháng) sau giải phóng, nhân dân thành phố dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, đã sử dụng chính quyền cách mạng dưới hình thức quân quản đã hoàn thành được một khối công việc hết sức trọng đại.

Ủy ban nhân dân cách mạng thay thế Ủy ban quân quản không có nghĩa là giảm bớt chuyên chính với kẻ thù mà còn là tăng cường thêm. Nhiệm vụ của lực lượng quân sự, lực lượng an ninh vẫn rất nặng nề. Sự chuyên chính sẽ càng được tăng cường hơn là do sinh hoạt dân chủ được rộng hơn.

Đến tháng 7. 1976, Ủy ban nhân dân cách mạng Thành phố được đổi tên gọi là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.



070

HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC DIỄN RA VÀO THỜI ĐIỂM NÀO? NỘI DUNG CỦA HỘI NGHỊ?

Sau chiến thắng lịch sử 30. 4. 1975, Tổ quốc Việt Nam trên thực tế đã được thống nhất về mặt lãnh thổ, song ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau. Ở miền Bắc, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Còn chính quyền các cấp là Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính địa phương. Ở miền Nam, có Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn của chính phủ. Các cấp là Ủy ban nhân dân cách mạng ở địa phương.

Từ thực tế đó, sau khi miền Nam được giải phóng, một trong những nguyện vọng thiết tha trước mắt, đồng thời là tình cảm thiêng liêng của nhân dân hai miền Nam - Bắc là sớm được sum họp, mong muốn có một chính phủ thống nhất, một cơ quan đại diện quyền lực chung của nhân dân cả nước.

Đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước, đồng thời cũng phù hợp với thực tế lịch sử của dân tộc "nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một", Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp trong tháng 9. 1975 đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất

nước. Hội nghị nhấn mạnh: "Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam"* . Vì vậy, những công việc chuẩn bị để nhằm tiến hành hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước được gấp rút triển khai.

Trong hai ngày 5 và 6. 11. 1975, Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn của Chính phủ cùng đại diện các nhân sĩ, trí thức yêu nước, dân chủ, đã mở Hội nghị liên tịch (mở rộng) tại Sài Gòn. Hội nghị tiến hành thảo luận và đã đi đến nhất trí về sự cần thiết sớm hoàn thành thống nhất đất nước, trước hết là về mặt Nhà nước. Hội nghị cũng đã đề xuất những nguyên tắc và biện pháp tiến hành hiệp thương giữa hai miền Nam - Bắc và cử đoàn đại biểu miền Nam tham dự hội nghị hiệp thương với đoàn đại biểu miền Bắc.

Từ ngày 15 đến ngày 2. 1. 1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn. Hai đoàn đại biểu đại diện cho hai miền tham dự Hội nghị. Đoàn miền Bắc gồm 25 đại biểu do đồng chí Trường Chinh làm trưởng đoàn, đoàn miền Nam gồm 25 đại biểu do đồng chí Phạm Hùng làm trưởng đoàn. Hội nghị tiến hành thảo luận và đi đến nhất trí hoàn toàn mọi vấn đề thuộc về chủ trương, bước đi, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

Hội nghị nhận định "Cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước cùng làm xã hội chủ

* Các Đại hội Đảng ta (1930 - 1986), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.86.

nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cần hoàn thành thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là sự thống nhất trọn vẹn và vững chắc nhất". Bên cạnh đó, Hội nghị cũng nhấn mạnh: "Cần tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ Việt Nam để bầu ra Quốc hội chung cho cả nước. Là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của Việt Nam hoàn toàn độc lập và chủ nghĩa xã hội. Quốc hội đó sẽ xác định thể chế Nhà nước, bầu ra cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và quy định Hiến pháp của nước Việt Nam thống nhất".

Hội nghị không chỉ đạt được sự nhất trí cao về chủ trương, phương hướng, mà còn đề ra được những biện pháp cụ thể để thực hiện ý nguyện của toàn dân. Chủ trương, nghị quyết của Hội nghị được triển khai ngay sau khi Hội nghị kết thúc.



071

XIN CHO BIẾT HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN MIỀN NAM HỌP VÀO THỜI GIAN NÀO? NỘI DUNG CỦA HỘI NGHỊ?

Giữa lúc đồng bào cả nước đang sôi nổi thi đua lao động sản xuất và công tác để lập thành tích chào mừng thắng lợi của Hội nghị Hiệp thương Chính trị thống nhất tổ quốc, ngày 20. 12. 1975 Hội nghị Đại biểu Nhân dân miền Nam đã long trọng khai mạc tại dinh Thống Nhất (dinh Độc Lập cũ). Tham dự Hội nghị có 276 đại biểu thay mặt cho Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ hòa bình Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, Hội đồng cố vấn chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, các đoàn thể, tổ chức, tôn giáo, dân tộc, các tầng lớp nhân dân, các nhân sĩ, trí thức yêu nước và dân chủ, các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng, các anh hùng chiến sĩ thi đua trên toàn miền Nam. Đoàn Chủ tịch Hội nghị gồm có 29 người, trong đó có các đồng chí: Phạm Hùng, Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát, Trịnh Đình Thảo, Trần Nam Trung, Đồng Văn Cống, Nguyễn Thị Định...

Hội nghị họp với nội dung: Báo cáo lại kết quả của Hội nghị Hiệp thương chính trị Thống nhất tổ quốc và thảo luận.

Bản báo cáo chính trị quan trọng này đã đề cập ba vấn đề lớn:

1. Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam,
2. Thực hiện thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước, những nguyên tắc, bước đi, biện pháp,
3. Nhiệm vụ trước mắt của chúng ta.

Sau một ngày họp theo từng đoàn đại biểu để thảo luận trao đổi về "Thông báo của Hội nghị Hiệp thương Chính trị Thống nhất tổ quốc" và bản báo cáo của Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, Hội nghị đã nhất trí thông qua những chủ trương, biện pháp và bước đi của Hội nghị Hiệp thương.

Hội nghị còn nghe đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam, Bí thư Đảng bộ miền Nam, trưởng đoàn đại biểu miền Nam dự Hội nghị Hiệp thương Chính trị Thống nhất tổ quốc phát biểu ý kiến về vấn đề "Ý nghĩa của Hội nghị đại biểu nhân dân miền Nam lịch sử và tình hình, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đó là:

1. Xây dựng chính quyền cách mạng của nhân dân ở các cấp, đủ sức làm nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bảo đảm các quyền tự do dân chủ, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân, nông dân, trí thức yêu nước và tiến bộ. Giữ vững trật tự an ninh. Xây dựng hệ thống cơ quan pháp chế, lần lượt ban hành các chính sách và luật lệ cần thiết.
2. Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng đúng chính sách và sách lược.
3. Xoá bỏ giai cấp tư sản mại bản và các tàn dư giai cấp địa chủ, phong kiến.

4. Khôi phục và phát triển sản xuất, giải quyết nạn thất nghiệp do chế độ cũ để lại.

5. Giải quyết tốt các vấn đề lưu thông, tín dụng, tài chính, ngân hàng, tiền tệ.

6. Áp dụng các biện pháp quản lý kinh tế thích hợp.

7. Đẩy mạnh các mặt công tác văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội.

8. Đẩy mạnh phong trào cách mạng trong quần chúng.

Hội nghị này có tầm quan trọng đặc biệt và có ý nghĩa chính trị trọng đại. Đây là Hội nghị đoàn kết nhất, biểu thị sự quyết tâm và tiếng nói thống nhất của toàn quân, toàn dân miền Nam cùng với đồng bào và chiến sĩ miền Bắc xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.



072

THÀNH PHỐ CHÍNH THỨC ĐƯỢC MANG TÊN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀO NĂM NÀO? CƠ QUAN NÀO QUYẾT ĐỊNH?

Ngày 25. 4. 1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trên toàn quốc. Cuối tháng 6 đầu tháng 7. 1976, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất với 492 đại biểu được gọi là Quốc hội khóa VI với ý nghĩa kế tục sự nghiệp của 5 khóa Quốc hội trước, họp kỳ đầu tiên tại Hà Nội. Kỳ họp lịch sử này của Quốc hội là kỳ họp hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

Ngày 2. 7. 1976, tại Hội trường Thống nhất - dinh Độc lập, Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng. Quốc ca là bài Tiến quân ca, Quốc huy mang dòng chữ "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam", lấy Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam thống nhất, và chính thức đặt tên cho thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh do đồng chí Trường Chinh - Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa VI ký quyết định.

Mặc dù mãi cho đến năm 1976, Quốc hội mới thông qua và ký bằng văn bản chính thức việc lấy tên Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt cho thành phố Sài Gòn - Gia Định, nung thực chất ngay từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp rồi qua chống Mỹ, nhân dân thành phố vẫn luôn lấy tư cách "công

dân Thành phố Hồ Chí Minh" để đối đầu với kẻ thù. Vì thế nên khi thành phố được giải phóng, mọi người dùng ngay tên Hồ Chí Minh thay cho tên Sài Gòn như một điều đương nhiên và cho đó là một phần thưởng xứng đáng.

Từ Sài Gòn đến thành phố Hồ Chí Minh, thành phố trải qua hơn trăm năm trong bão táp đấu tranh và cách mạng. Sự chuyển hóa đó lấy nền từ độ dài của những đau khổ và hy sinh tìm đến chân lý, từ bước chập chững ban đầu mà động lực thúc giục chỉ vì "mến nghĩa nên làm quân chiêu mộ", chỉ vì "ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ" như Nguyễn Đình Chiểu đã phản ánh. Vượt trên mọi phân tích, thành phố Sài Gòn mang tên Hồ Chí Minh là một biểu thị của cái đẹp - không gì sánh nổi.

Tên Bác Hồ vĩ đại được đặt cho thành phố này còn có một ý nghĩa là sự đòi hỏi nghiêm khắc của đất nước với nhân dân thành phố, đòi hỏi ở mỗi cá nhân một tinh thần trách nhiệm cao, một bản lĩnh mới, bản lĩnh quản lý kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc với tư cách là người chủ tập thể trước mọi thử thách.

Trao cho Thành phố tên Hồ Chí Minh, đồng bào cả nước và Trung ương thể theo ước nguyện và niềm tin của Bác. Quá khứ của thành phố xứng đáng với phần thưởng cao quý đó. Hiện tại và tương lai thành phố nhất định càng xứng đáng với phần thưởng cao quý đó. Thành tựu của ba mươi năm gắn liền với sức cổ vũ của cái tên mà nhân dân thành phố mãi mãi gìn giữ như tâm hồn của mình, gắn liền với nghĩa vụ phải làm sáng danh vị lãnh tụ vĩ đại nhất của dân tộc. Khó khăn trước mắt còn chồng chất. Song, chặng đường ba mươi năm và bài học của nó cho phép Đảng bộ, giai cấp công nhân và nông dân, giới khoa học và văn học nghệ thuật, lớp trẻ cùng mọi tầng lớp nhân dân tin tưởng mạnh mẽ vào tương lai rực rỡ của Thành phố Sài Gòn - Gia Định, nay là Thành phố Hồ Chí Minh.



073

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ IV XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI LÀ GÌ?

Hơn một năm sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước độc lập và thống nhất, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được triệu tập tại thủ đô Hà Nội từ ngày 14 đến ngày 20. 12. 1976. Trên 1.000 đại biểu thay mặt cho 1,5 triệu đảng viên trong cả nước đã về dự Đại hội.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã trình bày trước Đại hội: Báo cáo Chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng. Đại hội đã thảo luận các báo cáo và thông qua Nghị quyết về đánh giá chặng đường cách mạng đã qua và phương hướng, nhiệm vụ của thời kỳ mới - thời kỳ cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đã tổng kết những kinh nghiệm phong phú của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đồng thời tổng kết toàn bộ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam và nêu lên những bài học với nội dung rất phong phú và sâu sắc có giá trị cho hoạt động của Đảng trong giai đoạn mới.

Đại hội xác định ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: *một là*, nước ta đang ở trong quá

trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, *hai là*, Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra, *ba là*, cách mạng xã hội chủ nghĩa nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt.

Quán triệt những đặc điểm trên, Đại hội đã đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là "Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, xây dựng thành công quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội".

Đại hội cũng đã đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nước ta là "Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ

lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, vừa xây dựng kinh tế Trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, kết hợp kinh tế với quốc phòng, tăng cường quan hệ phân công hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi, làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc."

Quán triệt đường lối chung và đường lối kinh tế đã nêu trên, Đại hội quyết định phương hướng nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm năm (1976 - 1980) với hai mục tiêu cơ bản là:

- Xây dựng một bước cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp trên phạm vi cả nước.

- Cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Đại hội đề ra nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại đúng đắn nhằm tranh thủ điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh nhịp độ xây dựng đất nước và tăng cường đoàn kết hợp tác quốc tế. Tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Nhiệm vụ xây dựng Đảng được Đại hội nhấn mạnh theo phương hướng xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải xây dựng Đảng trong phong trào cách mạng của quần chúng, xây dựng Đảng gắn liền với kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước, nâng cao chất lượng đảng viên gắn liền với nâng cao chất lượng của tổ chức cơ sở Đảng, phát triển Đảng phải coi trọng chất lượng. Đại hội quyết định đổi tên Đảng thành Đảng cộng sản Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức và 32 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị gồm 14 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết. Ban Bí thư gồm 9 đồng chí. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đây là Đại hội đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, động viên mọi người Việt Nam phát huy tài năng và trí tuệ của mình, ra sức xây dựng nước Việt Nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.



074

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ NHẤT ĐƯỢC TỔ CHỨC VÀO THỜI GIAN NÀO? Ở ĐÂU? NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI?

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I (1976, 1977) đã được tiến hành trong 2 vòng.

- *Vòng I:* diễn ra từ ngày 11. 11. 1976 đến ngày 20. 11. 1976 tại Hội trường 272 Võ Thị Sáu. Tham dự Đại hội có 439 đại biểu (432 đại biểu của Đảng bộ thành phố và 7 đại biểu của Trung ương) thay mặt cho 19.886 đảng viên thuộc 17 Đảng bộ Quận và 27 Đảng bộ trực thuộc Thành ủy. Nhiệm vụ của Đại hội là nghiên cứu thảo luận Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III chuẩn bị trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Bài phát biểu của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 25, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng, Dự thảo Điều lệ Đảng và nhất trí đổi tên Đảng thành Đảng CSVN. Đại hội đã bầu ra Đoàn đại biểu của Đảng bộ thành phố đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ IV gồm 37 đồng chí.

- *Vòng II:* Diễn ra từ ngày 19. 4. 1977 đến ngày 30. 4. 1977. Tham dự Đại hội I vòng 2 có 589 đại biểu thay mặt cho 28.079 đảng viên thuộc 17 Đảng bộ quận, huyện và 162 đảng bộ và chi bộ trực thuộc Thành ủy. Nhiệm vụ của



Đồng chí Võ Văn Kiệt Bí thư Thành ủy (1977 - 1980)

Đại hội I vòng 2 là căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội toàn quốc, vận dụng cho sát đúng vào điều kiện của thành phố, làm sáng tỏ các vấn đề của tình hình hiện tại của thành phố, từ đó vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, biện pháp của Đảng bộ và nhân dân thành phố trong thời gian từ nay đến Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ II. Đồng thời bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới.

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I được xác định là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội của thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu. Đại hội nghe và thông qua Báo cáo Chính trị khái quát quá trình đấu tranh lâu dài, gay go, quyết liệt đầy thử thách hy sinh nhưng vô cùng quật cường, anh dũng của Đảng bộ Sài Gòn, nhân dân Sài Gòn từ những ngày đầu cầm gậy tầm vông chống thực dân Pháp bảo vệ tổ quốc cho đến chiến thắng Hồ Chí Minh lịch sử. Những thành quả to lớn, những biến đổi sâu sắc của thành phố từ sau ngày giải phóng cùng những khó



Đại hội Đại biểu Đảng bộ TP.HCM lần thứ I (19 - 30. 4. 1977).

khẩn thử thách mà Đảng bộ và nhân dân thành phố phải vượt qua.

Báo cáo Chính trị dành phần quan trọng đề cập tới phương hướng nhiệm vụ chung đến năm 1980 và nhiệm vụ mục tiêu chủ yếu trong hai năm 1977 - 1978 của thành phố.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khóa I nhiệm kỳ 1977 - 1980 gồm 45 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu làm Bí thư Thành ủy, Phó Bí thư là các đồng chí Mai Chí Thọ, Vũ Đình Liệu và Trần Quốc Hương.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 1980:

1. Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, ra sức xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

2. Sẵn sàng đập tan bọn phản động ngóc đầu dậy và sự phản kháng của giai cấp bóc lột, ngăn chặn, loại trừ những

hành động phá hoại đời sống cộng đồng, bảo vệ tốt thành quả cách mạng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ nhất có ý nghĩa lịch sử lớn. Đây là Đại hội đầu tiên sau giải phóng, là Đại hội mở đầu thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở thành phố. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn này là cải tạo xã hội chủ nghĩa. Với đại hội lần thứ nhất, Đảng bộ Thành phố đã tự khẳng định vị trí của mình là lãnh đạo nhân dân thành phố bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ phải lãnh đạo nhân dân đoàn kết nhất trí biến các Nghị quyết của Đại hội thành hành động cách mạng trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội. Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ nhất có tác dụng củng cố, kiện toàn các cấp ủy Đảng và các Đảng bộ toàn diện trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, đồng thời còn có ý nghĩa đặc biệt về phát huy dân chủ (lần đầu tiên toàn Đảng bộ có sinh hoạt dân chủ rộng rãi), thảo luận và quyết định các chủ trương, biện pháp cải tạo xây dựng phát triển thành phố và xây dựng Đảng.



075

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ II ĐƯỢC TỔ CHỨC VÀO THỜI GIAN NÀO? Ở ĐÂU? MỤC TIÊU PHƯƠNG HƯỚNG CỦA ĐẠI HỘI LÀ GÌ?

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ II diễn ra từ ngày 14. 10. 1980 đến ngày 25. 10. 1980 tại hội trường 272 Võ Thị Sáu.

Tham dự Đại hội có 547 đại biểu chính thức thay mặt 37.776 đảng viên của 1.486 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn Đảng bộ.

Đại hội II của Đảng bộ thành phố là Đại hội của trí tuệ kiên cường và tinh thần hành động với ý chí vươn lên trong cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai con đường, với quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân thành phố tự giác đấu tranh, lao động và sáng tạo để xoay chuyển mạnh tình hình mọi mặt của thành phố.

Mục tiêu phương hướng của Đại hội II đề ra 6 nhiệm vụ cơ bản và cấp bách thể hiện cụ thể trong kế hoạch năm 1981 - 1985 nhằm đẩy mạnh sản xuất, ra sức xây dựng lại trật tự kinh tế, xã hội, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân lao động, với nội dung cụ thể như sau:

1. Phát huy cao nhất năng lực sản xuất hiện có của các ngành kinh tế, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư



**Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh
lần thứ II (14 - 25. 10. 1980).**

ng nghiệp, phát triển xuất khẩu, chuyển mạnh cải tiến, quản lý kinh tế, quản lý phân phối lưu thông, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại hợp lý các ngành kinh tế - kỹ thuật, phối hợp và hiệp tác sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố và khu vực, nhằm tiếp tục sắp xếp công ăn việc làm và ra sức ổn định tình hình kinh tế, xã hội và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

2. Tiếp tục phục hồi và xây dựng mới có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật và đẩy mạnh hoạt động khoa học - kỹ thuật ở thành phố chuẩn bị điều kiện tiến mạnh vào những năm sau trong sự nghiệp công nghiệp hóa.

3. Tiếp tục củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang và an ninh nhân dân, đưa công cuộc xây dựng quốc phòng toàn dân vào nền nếp, bảo vệ vững chắc thành phố và tăng cường quốc phòng của cả nước, sẵn sàng làm nghĩa vụ quốc tế.

4. Đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng, tiếp tục xây dựng và nhân các điển hình tiên tiến, kiên quyết khắc phục những mặt tiêu cực trong nội bộ như ăn cắp của công, hối lộ, ức hiếp quần chúng, đồng thời phải chống tiêu cực ngoài xã hội, đặc biệt tập trung chống đầu cơ, buôn lậu, trốn thuế, làm hàng giả.

5. Phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa, văn nghệ, y tế, xã hội, thể dục thể thao, đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới.

6. củng cố và kiện toàn cơ chế làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy hiệu lực quản lý của chính quyền, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, mở rộng và phát huy vai trò của các đoàn thể cách mạng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sức chiến đấu của các cơ sở Đảng.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa II nhiệm kỳ 1980 - 1983 gồm 51 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết.

Đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu làm Bí thư Thành ủy. Phó Bí thư gồm các đồng chí Mai Chí Thọ - Phó Bí thư thứ nhất - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng chí Trần Quốc Hương - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy và đồng chí Phan Văn Tấn. Ngoài ra còn có 12 đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.

Đại hội đại biểu lần thứ II có ý nghĩa quan trọng trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội của thành phố. Đại hội đã tự phê bình và phê bình thẳng thắn nghiêm túc về những khuyết điểm, yếu kém của mình trong lãnh đạo quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đại hội phản ánh những tư duy đổi mới của Đảng bộ đang được hình thành, nhấn mạnh ổn định tình hình kinh tế - xã hội là nhiệm vụ bức thiết nhất.

Từ tháng 12. 1981, đồng chí Nguyễn Văn Linh - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) được Trung ương Đảng cử về Thành phố Hồ Chí Minh đảm nhiệm chức vụ Bí thư Thành ủy thay đồng chí Võ Văn Kiệt được cử ra Hà Nội giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban khoa học Nhà nước.



076

NGHỊ QUYẾT 01/NQ-TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ (THÁNG 9. 1982) ĐÃ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM VÀ NHIỆM VỤ CỦA THÀNH PHỐ NHƯ THẾ NÀO?

Từ ngày 10 đến ngày 18. 9. 1982 Bộ Chính trị đã làm việc với Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh để xác định vị trí đặc điểm của thành phố đối với khu vực cùng với việc đánh giá những thành tựu và những khuyết điểm của thành phố. Ngày 14. 9. 1982, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 01/NQ-TW về thành phố.

Đánh giá về vị trí, vai trò của Thành phố Hồ Chí Minh trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị đã nêu rõ:

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế lớn, một trung tâm giao dịch quốc tế và du lịch của nước ta. Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí chính trị quan trọng sau Thủ đô Hà Nội. Nhân dân lao động Thành phố Hồ Chí Minh vốn có tinh thần yêu nước nồng nàn, có truyền thống cách mạng kiên cường, đồng thời lại rất năng động và giàu sáng tạo trong sản xuất và kinh doanh.

Về mặt quốc phòng, Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí quan trọng trong hậu phương lớn của đất nước ta và của phía nam Đông Dương.

Trong giai đoạn này Nghị quyết 01/NQ-TW đã nêu nhiệm vụ chung của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Phát động phong trào cách mạng của quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thành phố, tiến hành ba cuộc cách mạng, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, xây dựng với cải tạo để hoàn thành tốt cải tạo xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên này, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và lực lượng sản xuất mới ngày càng lớn mạnh. Cụ thể là:

1. Phát triển mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp, kết hợp chặt chẽ công nghiệp với nông nghiệp, phát huy năng lực sẵn có và tiềm tàng của thành phố, làm ra ngày càng nhiều sản phẩm (cả tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu) có chất lượng cao, phục vụ nhu cầu của thành phố, của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và của cả nước.

Phải phát huy thế mạnh và khả năng thực tế của thành phố để thúc đẩy sớm hình thành cơ cấu công - nông nghiệp trên địa bàn thành phố và cả trong khu vực Nam Bộ cũ theo kế hoạch, quy hoạch của Nhà nước.

Trên cơ sở phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, phải hết sức chăm lo ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của ba triệu rưỡi nhân dân thành phố, trước hết là cán bộ, công nhân, viên chức, những người lao động chân tay và trí óc, các chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân. Đó phải là mối quan tâm hàng đầu của đảng bộ và chính quyền thành phố, những người chịu trách nhiệm trực tiếp trước nhân dân, đó cũng là trách nhiệm mà cả nước và Trung ương giao cho thành phố, cùng chăm lo với Đảng bộ và chính quyền thành phố.

Trong các hoạt động sản xuất và đời sống, cần thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, Trung ương và địa phương cùng làm.

Với những thế mạnh to lớn của mình, thành phố phải phấn đấu để sớm bảo đảm được nhu cầu tái sản xuất mở rộng của bản thân thành phố và góp phần đáng kể tích lũy cho cả nước.

2. Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và đối với nông nghiệp của thành phố, theo chính sách của Đảng và quy định của Nhà nước.

Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt và gắn chặt với cuộc đấu tranh giữa ta với địch (đế quốc Mỹ và bọn bành trướng).

Làm cải tạo xã hội chủ nghĩa không phải giản đơn là xoá bỏ, mà chính là tổ chức lại sản xuất và phân phối theo hướng xã hội chủ nghĩa bằng những hình thức và phương thức quản lý thích hợp với từng ngành nghề để sử dụng tốt, đồng thời hạn chế và cải tạo, đấu tranh chống tiêu cực.

Phải tập trung sức của toàn Đảng bộ và chính quyền, đoàn thể để mở rộng mạng lưới và các hình thức hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, nắm cho được phần lớn hàng hoá trong tay Nhà nước, nhất là những mặt hàng chủ yếu. Cải tiến các hoạt động tài chính, tiền tệ để tăng cường nắm tiền, tăng thu cho ngân sách Trung ương và địa phương. Sử dụng đồng bộ các biện pháp kinh tế, giáo dục và hành chính để quản lý thị trường.

Trong sản xuất, phải phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm, chống tham ô, làm bừa, làm ẩu, chạy theo lợi nhuận, kiên quyết trừng trị bọn kinh doanh trái phép, làm hàng giả, phân phối lưu thông, phải thẳng tay trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn ăn cắp, phá hoại thị trường.

3. Tăng cường lãnh đạo mặt trận tư tưởng và văn hóa. Đường lối của Đảng ta đã vạch rõ: phải tiến hành đồng

thời ba cuộc cách mạng. Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì tàn dư văn hóa của chủ nghĩa thực dân mới còn nhiều, vì địch đang hàng ngày hàng giờ chống phá ta rất thâm độc về tư tưởng và văn hóa.

Cùng như trên mặt trận kinh tế, Đảng bộ Thành phố phải chỉ đạo rất chặt chẽ mặt trận văn hóa, không một chút lơ là, quyết đập tan mọi thủ đoạn phá hoại của địch, đấu tranh kiên quyết để loại trừ mọi ảnh hưởng văn hóa phản động, lạc hậu, đồi trụy, từng bước xây dựng nền văn hóa mới, nếp sống văn hóa xã hội chủ nghĩa, văn minh, lành mạnh, tươi vui của nhân dân thành phố.

4. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Thành phố Hồ Chí Minh là hậu phương của cả nước, đồng thời là trọng điểm phá hoại về nhiều mặt của địch, là một trung tâm hoạt động của bọn gián điệp và phản động. Vì vậy, phải giáo dục sâu sắc cán bộ, đảng viên và nhân dân thành phố về tinh thần cảnh giác cách mạng, về ý thức kỷ luật, kiên quyết đấu tranh chống các hành vi phạm pháp, các tệ nạn xã hội. Tăng cường các lực lượng vũ trang bảo vệ thành phố, bảo vệ nhân dân, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh mà Trung ương và thành phố đề ra.

5. Để bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của thành phố, nhân tố quyết định là phải xây dựng đảng bộ thành phố vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng.

Xác định rõ tầm quan trọng của Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị, để triển khai Nghị quyết đạt kết cao, Đảng bộ Thành phố đã ra hàng loạt Nghị quyết khác trên tất cả các

lĩnh vực. Nhờ vậy mà Đảng bộ và nhân dân thành phố đã vươn lên mạnh mẽ, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, vận dụng một cách sáng tạo các nghị quyết của Đảng vào hoàn cảnh của thành phố, đưa nền kinh tế dần dần đi đúng hướng và phát triển ngày một vững chắc. Xứng đáng với sự đánh giá của Nghị quyết 01/NQ-TW về vị trí, vai trò của Thành phố Hồ Chí Minh.



077

SỰ KIỆN ĐÀ LẠT NĂM 1983 ĐÃ CÓ TÁC ĐỘNG GÌ ĐẾN QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG?

Cuối năm 1982 đầu năm 1983, tình hình thành phố cũng như cả nước đang trong quá trình tháo gỡ khó khăn. Thành phố vẫn cố gắng tiếp tục duy trì trong một thời gian nhất định nền kinh tế nhiều thành phần mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần 29 khóa 3 đã đề ra, mạnh dạn cho phép tư nhân bỏ vốn đầu tư vào sản xuất, được thuê mướm 10 lao động (sau được nâng lên 20 lao động) để bung sản xuất ra, có sản phẩm cho thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đồng thời giải quyết việc làm.

Thành phố phải đối mặt trước tình hình nguyên liệu cạn kiệt, sản xuất đình đốn, đã thôi thúc lãnh đạo thành phố có những suy nghĩ tìm tòi ban đầu là dùng nông sản ở thành phố và khu vực thu mua được với giá thoả thuận, bán ra ngoài thị trường tiểu ngạch lấy ngoại tệ mua nguyên liệu cung cấp cho sản xuất công nghiệp thành phố. Với ý nghĩa táo bạo này lãnh đạo thành phố qua nhiều lần bàn bạc, trao đổi và đã đi đến chấp thuận cho thành lập Công ty Xuất nhập khẩu trực tiếp của thành phố như: Direximco, Công ty Xuất nhập khẩu Chợ Lớn Cholimes, huy động vốn của nhiều đơn vị, hợp tác xã, tổ hợp của tư nhân để mua nông sản ở thành phố và một số tỉnh đồng bằng xuất khẩu tiểu ngạch sang Singapore, Hồng Kông... lấy ngoại tệ nhập

nguyên liệu vật tư cho nhu cầu sản xuất công nghiệp thành phố. Cách làm ăn này đã tỏ ra có hiệu quả, từ đó mở ra rất nhiều mặt hàng, nhiều ngành. Công nghiệp thành phố bước đầu giải quyết được khâu nguyên liệu, vật tư khan hiếm, vừa có sản phẩm bán ra có lãi giải quyết được thất nghiệp cho công nhân.

Thực tế đã chứng minh rằng, trong cuộc đấu tranh giành cơ giữa cái mới và cái cũ, giữa tiến bộ và lạc hậu, những cái phù hợp qui luật, có sức sống thường xuất hiện ở cơ sở, ở những nơi khó khăn phức tạp nhất. Đảng bộ và chính quyền thành phố nhạy bén trước nhân tố mới, được các nghị quyết Trung ương soi sáng đã phát động hai đợt hoạt động rất quan trọng:

Một là, phong trào học tập và nhân điển hình tiên tiến trong từng ngành, trước hết là ở ngành công nghiệp chế biến, cơ khí, dệt.

Hai là, cùng với sự giúp đỡ của nhiều ngành Trung ương tổ chức một đợt khai kho đưa vào sử dụng những vật tư tồn đọng một cách phi lý do cơ chế cũ ràng buộc, mở khu triển lãm giới thiệu mua bán vật tư, tận dụng phế liệu, phế thải, tăng quyền chủ động cho cơ sở, hợp tác kinh doanh giữa các đơn vị, ngành trên địa bàn thành phố và khu vực, mở ra khả năng hợp tác giữa các xí nghiệp Trung ương và thành phố, giữa thành phố và các tỉnh, giúp cơ sở sản xuất xây dựng kế hoạch sản xuất phụ và các khung giá hợp lý để nắm lại nguồn nguyên liệu nông nghiệp cho xí nghiệp quốc doanh, đẩy mạnh xuất nhập khẩu trực dụng để bổ sung nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu thiếu hụt.

Trong thời gian này Trung ương có một đợt vào thành phố kiểm tra và từ kinh nghiệm làm ăn có hiệu quả của thành phố, Chính phủ đã có quyết định 25 và 26/CP cho phép làm kế hoạch ba phần (A: kế hoạch pháp lệnh, B: kế hoạch sản xuất phụ, C: kế hoạch ngoài sản phẩm chính) và

trả lương khoán, lương sản phẩm trong xí nghiệp quốc doanh, kết hợp với thực hiện Quyết định 182/CP về phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân viên chức là những cơ sở pháp lý cho bước tháo gỡ ban đầu của thành phố.

Tuy nhiên, sự đổi mới này không dễ được chấp nhận ngay. Đây là cuộc đấu tranh giữa bảo thủ, trì trệ với đổi mới cách nghĩ, cách làm diễn ra khá phức tạp và gay gắt. Thậm chí nhiều sáng kiến còn bị ngộ nhận. Cho nên tình hình ở thành phố lúc này đang trên đà phát triển lại bị khựng lại do có nhiều dư luận phê phán gay gắt những sáng kiến tháo gỡ ấy của thành phố và cho rằng Thành phố Hồ Chí Minh chạy theo "cơ chế thị trường", "phát triển tư bản chủ nghĩa" mang nặng tính xét lại... Thêm vào đó là sự báo cáo sai lệch của một người nặng tư tưởng bảo thủ đã khiến Trung ương lại phải tổ chức đợt kiểm tra các Công ty, xí nghiệp ở thành phố lần thứ hai vào cuối năm 1982. Chỉ trong vòng một tháng đã có đến sáu đoàn kiểm tra của Trung ương vào thành phố và một cuộc kiểm điểm nghiêm khắc đã diễn ra trong cuộc họp kéo dài, nhiều vấn đề ở thành phố đã bị đưa ra để phê phán.

Đợt điều chỉnh giá bán buôn xí nghiệp, những qui định mới về xuất nhập khẩu, về kiều hối, Nghị định 146/CP... thực chất đã hạn chế kế hoạch ba phần, thu hẹp cơ chế trả lương theo sản phẩm, lương khoán. Nhiều xí nghiệp của Trung ương và địa phương lại bị trói tay, lâm vào tình trạng bế tắc như trước. Đây là giai đoạn đấu tranh giằng co gay gắt. Một số giám đốc nản chí "không dám tìm tòi làm theo cách mới nữa", né tránh, sợ đụng chạm... Hoặc có một số cố bần tính cách xoay xở vận dụng chính sách chung để thành phố tiếp tục hoạt động sao cho có hiệu quả, nhưng vẫn không có lối thoát.

Trước tình hình đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Thành ủy vẫn kiên trì chủ trương: bằng thực tiễn sinh động

của mình, thành phố phải cố gắng báo cáo đầy đủ, tỉ mỉ với các đồng chí lãnh đạo cao nhất ở Trung ương về hướng đổi mới đã xuất hiện từ thực tiễn, vì chỉ có sự chuyển động ở cấp cao nhất thì mới chuyển động được toàn cục, nếu chỉ có một số địa phương làm thì hiệu quả cũng chỉ có ý nghĩa cục bộ, không thống nhất và cũng không xoay chuyển được tình thế.

Ngày 13. 7. 1983, nhân tham dự buổi báo cáo tình hình với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước tại Đà Lạt, ngoài đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng một số đồng chí lãnh đạo Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố còn có các đồng chí Trần Tựu, Giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm 2/9, Nguyễn Văn Long, Tổng Giám đốc ngành dệt, Lê Thị Lý, giám đốc xí nghiệp dệt Phước Long... Các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng đã trực tiếp nghe báo cáo của các giám đốc xí nghiệp và đặt nhiều câu hỏi cụ thể về nhiều mặt có liên quan đến cơ chế và việc tháo gỡ cơ chế cũ, hình thành cơ chế quản lý theo lối mới, có nhiều cái rất mới khác. Đây cũng là dịp để các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước có điều kiện đối thoại, tâm sự thẳng thắn với những điển hình đang bung ra sản xuất, kinh doanh để tìm hiểu sự việc theo đúng thực chất của nó. Và tiếp theo đó các đồng chí trong Bộ Chính trị đã trực tiếp đi tìm hiểu một số cơ sở xuất nhập khẩu, một số xí nghiệp, công nghiệp quốc doanh, tiếp xúc trực tiếp thực tế qua làm ăn có hiệu quả của các đơn vị đã nhận thấy những vấn đề của thực tiễn cần xử lý, hướng đi đúng quy luật bắt đầu có sức thuyết phục.

Chính kết quả của những cuộc tiếp cận với thực tiễn của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt Trung ương đã có tác động đến Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VI và VII (khóa V) vào cuối năm 1984. Nội dung nghị quyết của các Hội nghị Trung ương 6, 7 đã mở đầu giai đoạn đầu

tranh sôi nổi cho quan điểm đổi mới nội bộ Đảng từ Trung ương đến các địa phương, các ngành.

Hiệu quả từ thực tế của Thành phố Hồ Chí Minh hay đúng hơn là nhờ tác động chính từ sự kiện Đà Lạt năm 1983 đã giúp Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, đứng đầu là đồng chí Trường Chinh thêm quyết tâm và dứt khoát xoá bỏ cơ chế cũ, thực hiện đường lối đổi mới tại Đại hội VI của Đảng.



078

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ III ĐƯỢC TỔ CHỨC VÀO NGÀY, THÁNG, NĂM NÀO? CHO BIẾT NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA ĐẠI HỘI?

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ III (1982, 1983) được diễn ra trong 2 vòng.

Vòng 1: Diễn ra từ ngày 9. 1. 1982 đến ngày 19. 1. 1982 tại Hội trường 272 Võ Thị Sáu. Tham dự Đại hội vòng 1 có 557 đại biểu (trong đó có 8 đại biểu do Trung ương giới thiệu về) thay mặt hơn 40.000 đảng viên của hơn 1.500 tổ chức cơ sở đảng thuộc 190 đảng bộ trực thuộc Thành ủy. Đại hội III vòng 1 có nhiệm vụ thảo luận đóng góp ý kiến vào Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa IV trình Đại hội V, Dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) và bầu đoàn Đại biểu của Đảng bộ Thành phố đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng gồm có 56 đại biểu (trong đó có 8 đại biểu do Trung ương giới thiệu về ứng cử tại Đảng bộ thành phố).

Vòng 2: Diễn ra từ ngày 7. 11. 1983 đến ngày 11. 11. 1983 tại Hội trường 272 Võ Thị Sáu. Tham dự Đại hội III vòng 2 có 590 đại biểu thay mặt 46.907 đảng viên của 1.806 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ.

Báo cáo chính trị của Đại hội khẳng định những thành tựu quan trọng cũng như những khó khăn, tồn tại về mọi



Đồng chí Nguyễn Văn Linh Bí thư Thành ủy (1983 - 1986)

mặt của Đảng bộ thành phố trong nhiệm kỳ II từ 1980. 1983 và đề ra phương hướng phát triển trong 2 năm 1984 - 1985 và những năm 1980.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp Hành Đảng bộ khóa III (nhiệm kỳ 1983 - 1986) gồm 58 đồng chí, trong đó có 56 ủy viên chính thức và hai ủy viên dự khuyết.

Ban Thường vụ Thành ủy khóa III gồm 15 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư Thành ủy, Phó Bí thư là các đồng chí Mai Chí Thọ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng chí Phan Minh Tánh và đồng chí Phan Văn Khải - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ III có ý nghĩa quan trọng trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội tự phê bình và phê bình thẳng thắn, nghiêm túc về những khuyết điểm, yếu kém của mình trong lãnh đạo quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đại hội đánh dấu bước chuyển



Đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Nguyễn Văn Linh tại Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ III (7 - 11. 11. 1983).

mình phản ánh những tư duy đổi mới của Đảng đang được hình thành, coi ổn định kinh tế - xã hội là nhiệm vụ bức thiết nhất.

Tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V (họp từ ngày 1 đến ngày 7. 6. 1985), đồng chí Nguyễn Văn Linh - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa V, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh được Trung ương bầu bổ sung vào Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa V. Đầu tháng 7. 1986, đồng chí được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cử ra Hà Nội nhận nhiệm vụ Thường trực Ban Bí thư, chuẩn bị cho Đại hội VI của Đảng, đồng chí Mai Chí Thọ - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa V, Phó Bí thư được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương chỉ định giữ chức Quyền Bí thư Thành ủy từ tháng 7. 1986, chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IV (10. 1986).



079

**TỪ NGÀY GIẢI PHÓNG ĐẾN NAY THÀNH PHỐ
ĐÃ TỔ CHỨC MẤY KỲ BẦU CỬ HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN CẤP THÀNH PHỐ? AI LÀM CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN? AI LÀM CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN?**

Từ ngày đất nước được hoàn toàn thống nhất đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức 7 kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố:

1. Kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố khóa I (nhiệm kỳ 1977 - 1981).

Ngày 15. 5. 1977, gần 1.700.000 (đạt tỷ lệ 98,64%) cử tri thành phố đã tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố khóa I (nhiệm kỳ 1977 - 1981). Kết quả cử tri Thành phố đã bầu được 139 đại biểu Hội đồng nhân dân khóa I.

Từ ngày 20 đến ngày 24. 6. 1977, Hội đồng nhân dân khóa I đã họp kỳ họp thứ nhất. Trong kỳ họp này Hội đồng nhân dân Khóa I đã bầu ông Võ Việt Nam phụ trách Văn phòng Hội đồng nhân dân và ông Vũ Đình Liệu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố*.

* Tại kỳ họp thứ 4 ngày 7. 8. 1978, Hội đồng nhân dân Thành phố khóa I đã bầu ông Mai Chí Thọ giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, thay ông Vũ Đình Liệu nghỉ đi chữa bệnh.

2. Kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố khóa II (nhiệm kỳ 1981 - 1985).

Ngày 26. 4. 1981, Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân Thành phố khóa II (nhiệm kỳ 1981 - 1985), có 1.838.042 cử tri đi bầu (đạt tỷ lệ 97,59%). Trong cuộc bầu cử này, Thành phố đã bầu được 160 đại biểu Hội đồng nhân dân khóa II.

Ngày 13. 6. 1981, Hội đồng nhân dân Thành phố đã họp kỳ họp thứ nhất. Trong kỳ họp này Hội đồng nhân dân Thành phố khóa II đã bầu ông Võ Việt Nam giữ chức Trưởng ban điều hành Hội đồng nhân dân và ông Mai Chí Thọ giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố khóa III (nhiệm kỳ 1985 - 1989).

Ngày 26. 5. 1985, hơn 2 triệu cử tri thành phố đã nô nức tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố khóa III (nhiệm kỳ 1985 - 1989). Kết quả trong cuộc bầu cử này cử tri thành phố đã bầu được 150 đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố khóa III.

Trong hai ngày 26 và 27. 6 . 1985, Hội đồng nhân dân Thành phố khóa III đã tiến hành kỳ họp thứ nhất. Trong kỳ họp này Hội đồng nhân dân Thành phố khóa III đã bầu ông Lê Minh Triết giữ chức vụ Trưởng ban Thư ký Hội đồng nhân dân Thành phố và ông Phan Văn Khải¹ giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố khóa IV (nhiệm kỳ 1989 - 1994).

1. Cuối năm 1989, ông Nguyễn Vĩnh Nghiệp được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay ông Phan Văn Khải ra Trung ương nhận nhiệm vụ mới.

Ngày 19. 11. 1989, Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân khóa IV nhiệm kỳ (1989 - 1994), có 98,77% cử tri tham gia đi bầu. Kết quả đã bầu được 120 đại biểu Hội đồng nhân dân khóa IV.

Ngày 9. 12. 1989, Hội đồng nhân dân khóa IV đã họp kỳ họp thứ nhất. Trong kỳ họp này Hội đồng nhân dân khóa IV đã bầu ông Lê Khắc Bình giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa IV và ông Nguyễn Vĩnh Nghiệp giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố khóa V (nhiệm kỳ 1994 - 1999).

Ngày 20. 1. 1994, Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân khóa V (nhiệm kỳ 1994 - 1999). Có 2.834.133 cử tri đi bầu (đạt tỷ lệ 99,72%) so với tổng cử tri trong danh sách niêm yết. Kết quả đã bầu được 85 đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố khóa V.

Ngày 16. 12. 1994, Hội đồng nhân dân khóa V đã họp kỳ họp thứ nhất. Trong kỳ họp này Hội đồng đã bầu ông Phạm Chánh Trực giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa V và ông Trương Tấn Sang giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố¹.

6. Kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VI (nhiệm kỳ 1999 - 2004).

Ngày 14. 11. 1999, thành phố tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân khóa VI (nhiệm kỳ 1999 - 2004), có 3.441.842 cử tri của thành phố tham gia đi bầu, đạt 99,84% trong tổng số cử tri trong danh sách niêm yết. Trong kỳ bầu cử

1. Sau đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VI, đồng chí Trương Tấn Sang trúng cử Bí thư Thành ủy thì ông Võ Viết Thanh giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

này, thành phố bầu được 85 đại biểu Hội đồng nhân dân khóa VI.

Ngày 14. 12. 1999, Hội đồng nhân dân khóa VI đã tiến hành kỳ họp thứ nhất để bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Ông Huỳnh Đảm* được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa VI và ông Võ Viết Thanh được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

7. Kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VII (nhiệm kỳ 2004 - 2009).

Ngày 25. 4. 2004 cùng với cử tri của cả nước, cử tri thành phố hân hoan tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp. Đúng 6 giờ 45 phút, đồng loạt 2.670 khu vực bỏ phiếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã khai mạc ngày hội bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp (2004 - 2009). Đến 21 giờ ngày 25. 4, có 99, 94% cử tri thành phố đã hoàn thành nhiệm vụ của mình. Trong đó các quận 1, 7, 10, 11, Gò Vấp và huyện Củ Chi đạt tỷ lệ 100% cử tri đi bầu.

Kết quả thành phố đã bầu được 95 đại biểu Hội đồng nhân dân khóa VII.

Ngày 20. 5. 2004, Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VII đã họp kỳ họp thứ nhất. Trong kỳ họp này Hội đồng nhân dân đã bầu bà Phạm Phương Thảo giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân và ông Lê Thanh Hải giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành Phố.

* Sau khi ông Huỳnh Đảm ra trung ương nhận nhiệm vụ mới, ông Võ Văn Cường được cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân.



080

**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 6
(9. 1979) KHÓA IV, ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ
ĐÃ CÓ NHỮNG BIỆN PHÁP GÌ ĐỂ "THÁO GỖ"
VÀ "BUNG RA" SẢN XUẤT?**

Sau giải phóng, mặc dù Đảng bộ và chính quyền thành phố rất cố gắng trong việc lãnh đạo thúc đẩy sản xuất phát triển, nhưng kinh tế vẫn phát triển rất chậm vì không theo đúng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, không thích nghi với người dân thành phố. Hậu quả mất cân đối nghiêm trọng trong xuất nhập khẩu, thiếu vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế, hàng hoá sản xuất ra không bảo đảm chất lượng, số người thất nghiệp tăng cao. Tốc độ phát triển kinh tế càng về sau càng chậm lại, lạm phát ngày càng tăng.

Trước tình hình đó, Đảng bộ và nhân dân thành phố đã chủ động tìm ra phương thức để giải quyết khủng hoảng. Nghị quyết của Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương khóa IV (tháng 9. 1979) đánh dấu một bước ngoặt trong quản lý kinh tế đối với thành phố. Trước đó, được sự chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy đã có Nghị quyết 9 (8. 1979) nhằm tháo gỡ tình trạng kinh tế sa sút của những năm 1978 - 1979. Tiếp theo, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ II (10. 1980) cũng đã ra

Nghị quyết đề ra một số biện pháp "tháo gỡ" về cơ chế sản xuất để thúc đẩy kinh tế phát triển.

Nghị quyết 9 và 10 chỉ rõ, trên cơ sở giành quyền chủ động đề ra kế hoạch bổ sung cho cơ sở sản xuất công nghiệp quốc doanh, không ý lại trông chờ cấp trên, tự tạo nguồn vật tư nguyên liệu bằng cách kết hợp với các tỉnh trong khu vực, hạn chế tình trạng công nhân xí nghiệp quốc doanh phải nghỉ ăn lương 70% vì thiếu nguyên liệu, vật tư, thực hiện lương khoán, trả lương theo sản phẩm, kết hợp chặt chẽ ba lợi ích, trong đó quan tâm đúng mức lợi ích của người lao động, lấy ổn định đời sống công nhân mà khôi phục và thúc đẩy sản xuất, qua đó tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phải vươn lên giữ vai trò chủ đạo của nền kinh tế, phát triển mạnh kinh tế địa phương trong mối quan hệ thống nhất theo ngành kinh tế - kỹ thuật của cả nước.

Theo tinh thần Nghị quyết 9 (1979) và 10 (1980), Đảng bộ và nhân dân thành phố đã bắt tay vào thực hiện tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho sản xuất bung ra, dần dần thoát khỏi cơ chế quan liêu bao cấp, dần dần hình thành mô hình quản lý mới theo hướng tự chủ, tự lo liệu cân đối, tự trang trải trong sản xuất kinh doanh. Đây là một hướng đi đúng và đã đóng góp đáng kể cho việc đổi mới hệ thống quản lý ở nước ta.

Sau những tháo gỡ nói trên, nền kinh tế trên địa bàn thành phố có bước nhảy vọt. Nếu tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 1976 - 1980 chỉ là 2,18%/năm thì thời kỳ 1980 - 1985 tốc độ tăng trưởng bình quân là 8,1%/năm. Việc thu hút lao động vào làm việc trong các ngành kinh tế cũng tăng lên, GDP bình quân đầu người đạt 585 USD. Đời sống người dân từng bước được ổn định và cải thiện. Tuy còn có những mặt hạn chế song có thể nói đây là

bước khởi đầu thử nghiệm, khẳng định để cùng cả nước tiến đến thực hiện đường lối đổi mới kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn sau này.



081

**ĐỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 8 (KHÓA V)
CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ GIÁ - LƯƠNG - TIỀN,
THÀNH PHỐ ĐÃ CÓ CHỦ TRƯỞNG,
BIỆN PHÁP GÌ?**

Từ ngày 3 đến ngày 11. 10. 1985 Ban Chấp hành Đảng bộ khóa III đã họp Hội nghị lần thứ 10 để kiểm điểm tình hình thực hiện các nghị quyết của Trung ương (khóa V) và Nghị quyết 9 của Thành ủy (khóa III), trong đó Hội nghị cũng đã bàn việc triển khai thực hiện một cách toàn diện Nghị quyết 8 của Trung ương để có hiệu quả cao.

Với tinh thần dứt khoát xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đưa tất cả chi phí vào giá thành sản phẩm thì phần lớn các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, thậm chí một số cơ sở dịch vụ ăn uống... sau khi rà soát kiểm điểm lại cách làm ăn vừa qua đều nhận thấy bị thua lỗ, sản xuất nói chung vẫn chưa thật gắn với thị trường, chưa đáp ứng được yêu cầu thiết yếu của người tiêu dùng. Nhận thức mới là nhân tố rất có ý nghĩa đòi hỏi phải gấp rút thay đổi cơ chế quản lý cũ, thực hiện cơ chế quản lý mới.

Hội nghị quyết định những công việc cấp bách cần tiến hành để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 một cách toàn diện, đồng bộ, khẩn trương và vững chắc. Trước

hết là công tác tuyên truyền giáo dục phải thấy rõ cốt lõi của Nghị quyết là vấn đề thay đổi cơ chế quản lý, mà giá, lương, tiền là khâu đột phá, hiểu đúng đắn và đầy đủ mối quan hệ của tính đột phá và nội dung "cốt lõi" của Nghị quyết, thì sẽ có khả năng tạo ra bước ngoặt mới, đưa nền kinh tế nước ta nói chung và thành phố nói riêng thoát khỏi những bế tắc, trì trệ, tiêu cực, tiến lên một bước phát triển mới mạnh mẽ. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 phải là một phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Hội nghị đề ra một số vấn đề cụ thể cần giải quyết: để thực hiện tốt: Tập trung đẩy mạnh sản xuất, tháo gỡ cơ chế bao cấp để giải phóng sức sản xuất, huy động vốn trong nhân dân, tiếp tục mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, tháo gỡ ngay những vướng mắc trong khâu phân phối lưu thông, nhất là về mặt ngân hàng, giá cả, tài chính, giải quyết vấn đề thu nhập cho cán bộ công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân lao động nghèo, chỉnh đốn biên chế, tinh giản bộ máy để đảm bảo bộ máy hoạt động có hiệu quả hơn, củng cố bộ phận chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết 8 ở các cấp.

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ lần thứ 10 chỉ cho phép điều chỉnh cơ cấu mặt hàng mà không chấp nhận việc điều chỉnh giá trị tổng sản lượng sụt xuống (giữ vững 32,5 tỉ).

Do có sự chỉ đạo tập trung bằng nhiều biện pháp nên đã mang lại một số kết quả bước đầu trong việc làm dịu lại tình hình, trấn an được một phần dư luận quần chúng và tâm tư của cán bộ đảng viên.



082

**XIN CHO BIẾT NHỮNG THÀNH TỰU
MÀ ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
ĐẠT ĐƯỢC SAU MUỖI NĂM GIẢI PHÓNG
1975 - 1985.**

Trải qua giai đoạn 10 năm (1975 - 1985), thành phố đã đạt được những thành tựu đáng kể trên nhiều lĩnh vực, làm chuyển biến từng bước, trở thành một thành phố sản xuất với một lớp người lao động mới, là tiền đề quan trọng để thành phố chuyển mình vào giai đoạn phát triển mới. Mặc dù có rất nhiều khó khăn phức tạp phải đương đầu nhưng Đảng bộ và nhân dân thành phố kiên trì đấu tranh, năng động sáng tạo để vượt qua, phát triển đi lên và tiến bộ nhiều mặt: Quy mô của nền kinh tế năm 1985 tăng gấp 2 lần năm 1976, thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,8%, tổng sản phẩm xã hội của thành phố chiếm 25% cả nước, hoạt động văn hóa - xã hội tiến bộ, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo vệ tốt, hệ thống chính trị được củng cố vững chắc, thành phố thường xuyên có các phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Mặt nổi bật là thành phố có một số mô hình kinh tế sinh động góp phần tháo gỡ những ràng buộc của cơ chế quản lý cũ, khơi dậy sức sáng tạo của quần chúng trong sản xuất, lưu thông, phân phối và cả trong các hoạt động văn hóa - xã hội, giữ gìn trật tự an ninh, phát huy những suy nghĩ đúng và cung cách làm ăn có hiệu quả, đóng góp tích cực vào

những công trình khu vực như thủy điện Trị An, làm nghĩa vụ quốc tế tại chỗ và đối với nước bạn Campuchia và Lào. Những thành quả đó được trải qua từng giai đoạn:

Sau ngày giải phóng, Đảng bộ và nhân dân thành phố bắt tay vào nhiệm vụ xây dựng, củng cố và giữ gìn chính quyền cách mạng, mang lại đời sống yên lành và ấm no cho nhân dân. Đứng trước vô vàn khó khăn, phức tạp do hậu quả nặng nề của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới để lại trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, Đảng bộ và nhân dân thành phố đã thực hiện ổn định tình hình chính trị - xã hội, phục hồi sản xuất.

Qua hai năm 1975 - 1976, dựa vào sức mạnh của quân chúng, Đảng bộ và chính quyền cách mạng đã giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội ngày càng ổn định và đã giải quyết kịp thời nhiều vấn đề cấp bách về kinh tế và đời sống. Với thành quả đạt được, thành phố đã hoàn thành giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tạo điều kiện chuyển mạnh sang thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ 1977 - 1980, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân Thành phố đã phát huy truyền thống cách mạng, thực hiện được nhiệm vụ tập trung cải tạo, phát triển sản xuất, công nghiệp có chuyển biến bước đầu, nông nghiệp được phục hồi, xây dựng cơ bản và quản lý đô thị có kết quả, giáo dục, y tế có tiến bộ, hệ thống chính trị được kiện toàn vững mạnh. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, thành phố chịu nhiều thử thách - bị chi phối bởi tình thế đất nước vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, tác động của chiến tranh biên giới Tây Nam, sai sót trong công tác cải tạo và hạn chế trong quản lý kinh tế - xã hội... làm cho tình hình thêm khó khăn, phức tạp.

Đại Hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ II (10. 1980) là Đại hội của ý chí và quyết tâm nhìn

thẳng vào sự thật, năng động sáng tạo. Đại hội đã đánh giá nghiêm túc những ưu, khuyết điểm và đề ra những vấn đề quan trọng về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và những công tác cụ thể trong nhiệm kỳ tới nhằm xây dựng thành phố thực sự trở thành "Một trung tâm công nghiệp, một trung tâm văn hóa và khoa học kỹ thuật, một trung tâm giao dịch quốc tế và một đầu mối giao thông quan trọng của cả nước", xứng đáng với thành phố được mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Đảng bộ và nhân dân thành phố bước vào thời kỳ tháo gỡ cơ chế không phù hợp, góp phần tạo tiền đề đổi mới từ 1985 - 1986.

Qua 5 năm thực hiện chuyển hướng kinh tế với tinh thần nêu cao trách nhiệm và tính chủ động, từ thực tiễn thành phố đã tìm ra phương hướng tháo gỡ khó khăn, kiên trì quan điểm phát triển sản xuất. Nhờ vậy, tổng sản phẩm xã hội đã tăng bình quân hàng năm 13%, ngành công nghiệp tăng bình quân hàng năm 16,2%, từng bước khắc phục tình trạng bao cấp, giữ vững sản xuất và bảo đảm đời sống nhân dân, thu nhập bình quân trên đầu người từ 290 USD năm 1980 lên 400 USD năm 1985, dựa vào dân để tiến hành củng cố, từng bước hoàn thiện được hệ thống chính trị vững mạnh.

Những thành tựu trên chứng tỏ Đảng bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đánh giá đúng bản chất cách mạng và sức mạnh to lớn của nhân dân, từ đó có những bước đột phá, tháo gỡ những vướng mắc, đấu tranh và từng bước chiến thắng những trở lực của cơ chế cũ, làm sáng tỏ dần con đường đi và cách làm mới, tư duy mới, góp phần tích cực vào việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng.



083

XIN CHO BIẾT VỀ ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI VÀ ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI được tiến hành từ ngày 15 đến ngày 18. 12. 1986 tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1129 đại biểu thay mặt cho gần 1,9 triệu đảng viên. Có 32 đoàn đại biểu quốc tế đến dự Đại hội.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, Đại hội cho rằng "trong mười năm qua đã phạm nhiều sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế¹. Những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng, kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. "Khuyết hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuyết hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng"², "Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 19.

2. Sdd, tr. 26

đạo kinh tế, xã hội, bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức công tác cán bộ của Đảng"¹, do "sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ"².

Từ thực tiễn của đất nước, nhất là từ những sai lầm, khuyết điểm, Đại hội đã nêu những bài học chủ yếu:

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

Bốn là, phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một Đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện:

- Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, tập trung thực hiện ba chương trình mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. "Các chương trình mục tiêu đó cụ thể hóa nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên".

- Thực hiện chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế. Vận dụng quan điểm của Lênin coi nền

1. Sđd, tr. 27

2. Sđd, tr. 27

kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ. Các thành phần kinh tế ở nước ta gồm có: kinh tế xã hội chủ nghĩa (quốc doanh và tập thể), kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể), kinh tế tư bản, tư nhân, kinh tế tư bản Nhà nước dưới nhiều hình thức mà hình thức cao nhất là công tư hợp doanh, kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và các vùng núi cao khác.

- Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với những hình thức và bước đi thích hợp, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.

- Qua phân tích những tác hại của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong nhiều năm qua đã không tạo được động lực phát triển, dẫn tới bộ máy quản lý kém năng lực hoạt động, phong cách quản lý quan liêu, cửa quyền, tư duy mang nặng tính chất chủ quan, duy ý chí, Đại hội khẳng định rằng, phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế mà Đại hội vạch ra là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế. Thực chất của cơ chế mới về quản lý kinh tế là cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, theo nguyên tắc tập trung, dân chủ chú trọng tính kế hoạch, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa, tiền tệ, các đơn vị sản xuất có quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh, tự chủ về tài chính, sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế.

- Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý điều hành của Nhà nước cho phù hợp với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và cơ chế quản lý mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng là Đại hội hoạch định đường lối đổi mới, khởi xướng công cuộc đổi mới, tạo ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.



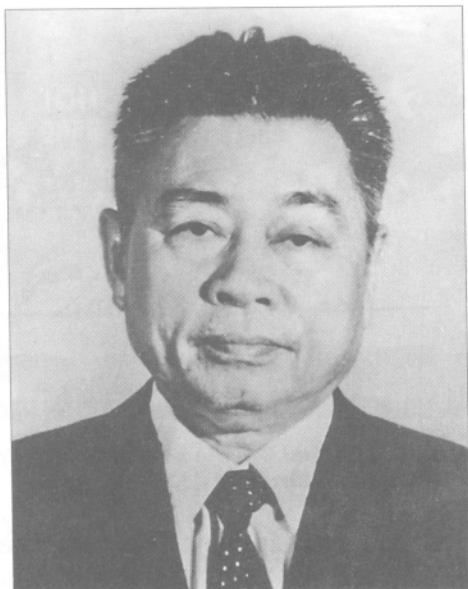
084

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ IV DIỄN RA NGÀY, THÁNG, NĂM NÀO? Ở ĐÂU VÀ NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI?

Sau gần một năm chuẩn bị, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố được tiến hành từ ngày 22. 10. 1986 đến ngày 30. 10. 1986 tại Hội trường 272 Võ Thị Sáu. Tham dự Đại hội có 594 đại biểu chính thức (trong số 597 đại biểu chính thức được bầu) thay mặt 63.306 đảng viên của 2.147 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ.

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ IV có nhiệm vụ đánh giá đúng thành quả đã đạt được, những thiếu sót, sai lầm đã mắc phải, vạch ra phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ để đưa thành phố vượt qua khó khăn, tiếp tục đi lên một cách mạnh mẽ và vững chắc trong công cuộc cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực tháo gỡ những khó khăn chung nhằm ổn định tình hình, thực hiện có kết quả Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.

Đại hội khẳng định truyền thống của Đảng bộ Thành phố: có tinh thần cách mạng tiến công, ý thức tự lực cao, năng động sáng tạo, dám chịu trách nhiệm trước Trung ương Đảng và nhân dân thành phố trong việc vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng, của Nhà nước sát hợp với



Đồng chí Võ Trần Chí Bí thư Thành ủy (1986 - 1991)

thực tiễn địa phương, với cuộc sống của nhân dân lao động, được đông đảo quần chúng thành phố đồng tình và ủng hộ.

Bên cạnh những ưu điểm, Báo cáo Chính trị đã nêu đậm nét về những thiếu sót khuyết điểm mà trước hết là của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đại hội cũng đã đề ra phương hướng, mục tiêu của Đảng bộ từ 1986 - 1990 như: "Ra sức ổn định tình hình kinh tế xã hội mà quan trọng nhất là ổn định và phát triển sản xuất, ổn định thị trường giá cả, ổn định và cải thiện một bước đời sống, giữ vững an ninh và trật tự xã hội, tạo điều kiện tích lũy để đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong những năm tiếp theo, trên cơ sở kiên định lập trường giai cấp công nhân, tăng cường chuyên chính vô sản, lấy dân làm gốc, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động".



Đoàn chủ tịch Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IV (30. 10. 1986).

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khóa IV nhiệm kỳ 1986 - 1991 gồm 68 đồng chí, trong đó có 58 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết.

Ban Thường vụ khóa IV gồm 20 đồng chí do đồng chí Võ Trần Chí làm Bí thư Thành ủy. Phó Bí thư là đồng chí Phan Văn Khải - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Đại hội cũng bầu Đoàn Đại biểu của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI gồm 50 đại biểu chính thức trong đó có 8 đại biểu do Trung ương giới thiệu về ứng cử tại thành phố và bầu 5 đại biểu dự khuyết.

Đại hội đã đánh giá đúng thực trạng tình hình của thành phố, tổng kết được những kinh nghiệm từ thực tiễn thành công và thất bại, với ý thức trách nhiệm vì dân, dũng cảm thừa nhận sai lầm khuyết điểm, với tinh thần đoàn kết nhất trí cao, Đại hội đã tìm ra hướng đi mới, thích hợp cho thành phố. Với tinh thần đổi mới là "vấn đề sống còn của chúng ta". Đại hội đã kêu gọi toàn thể cán bộ đảng viên, chiến sĩ và nhân dân thành phố hãy ra sức lao động, chiến đấu và học tập, đổi mới cách nghĩ, cách làm, đổi mới tư duy

nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức cán bộ, để nhanh chóng vượt qua tình hình khó khăn hiện nay, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng do Đại hội lần thứ 4 Đảng bộ Thành phố đề ra.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ 4 có ý nghĩa lịch sử trọng đại là đại hội đổi mới đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự nghiệp cải tạo và xây dựng thành phố đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tại Đại hội VI (12. 1986) của Đảng, đoàn Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh có các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ, Phan Minh Tấn, Trần Quốc Hương, Võ Trần Chí, Phan Văn Khải, Lê Văn Triết, Võ Viết Thanh được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI. Trong đó các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ được bầu vào Bộ Chính trị, đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu giữ chức Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI.

Tháng 4. 1989, đồng chí Phan Văn Khải - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa VI, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được Trung ương điều động ra Hà Nội nhận công tác mới. Đồng chí Nguyễn Vĩnh Nghiệp được cử làm Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng chí Nguyễn Võ Danh là Phó Bí thư Thường trực Thành ủy.



085

ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII VÀ CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng họp từ ngày 24 đến ngày 27. 6. 1991 tại Hà Nội. Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn 2,1 triệu đảng viên của toàn Đảng. Nhiều đoàn đại biểu quốc tế đã đến dự.

Đại hội diễn ra trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp. Các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang lâm vào "cuộc khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng nhất từ trước tới nay", chủ nghĩa xã hội đang ở giai đoạn khó khăn, thử thách gay go. Chế độ xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ ở các nước Đông Âu. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đứng trước thử thách quyết liệt nhất (ngay sau Đại hội VII của Đảng ta, đã diễn ra sự kiện tháng 8. 1991 dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa Liên Xô). Đó là tổn thất nặng nề nhất của chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới. Tình hình đó không thể không tác động đến tiến trình công cuộc đổi mới ở nước ta diễn ra từ sau Đại hội VI của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đánh giá những việc làm được, những việc có thể làm nhưng chưa làm được, những vấn đề mới nảy sinh, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm tiến hành đổi

mới trên các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu cho năm năm tới. Ý nghĩa trọng đại của Đại hội VII còn ở chỗ, đây là lần đầu tiên Đại hội thông qua Cương lĩnh vạch ra những quan niệm và phương hướng cơ bản về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thông qua chiến lược ổn định và phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000.

Trên cơ sở đánh giá tình hình hơn 4 năm đổi mới, Đại hội lần thứ VII đã rút ra năm bài học kinh nghiệm bước đầu về đổi mới:

Một là, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế, xã hội.

Bốn là, tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng để phát huy dân chủ đúng hướng và đạt kết quả thì quá trình đó phải lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp với tình hình chính trị.

Năm là, trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định đường lối đổi mới, tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000, Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã đánh giá tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam và nêu lên những bài học kinh nghiệm lớn, đó là:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do dân và vì dân.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh vạch rõ quan điểm của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta sẽ xây dựng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ để thực hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Do dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) gồm có 146 ủy viên. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bầu Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng gồm 13 ủy viên. Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội VII có ý nghĩa trọng đại trong lịch sử Đảng:

1. Khẳng định những định hướng đúng đắn của Đại hội VI. Đại hội VII đã hình thành rõ nét con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm nước ta. Với cương lĩnh chiến lược kinh tế và những chính sách cụ thể, Đại hội VII đã đặt thêm một mốc son mới nhằm đưa nước ta ra khỏi cuộc khủng hoảng về con đường quá độ đã kéo dài 12 năm (1975 - 1986).

2. Bằng cách tổng kết kinh nghiệm bước đầu của công cuộc đổi mới và đề xuất bổ sung những giải pháp tiếp tục khắc phục cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đại hội VII đã được thực tiễn chứng minh là một đại hội có vai trò tạo ra tiền đề để làm cho đất nước trụ vững trước ảnh hưởng bất lợi của sự sụp đổ của Liên Xô.

3. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta còn đang được thực tiễn tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh, song những nét căn bản về con đường quá độ do Đại hội vạch ra đang là một thực tế sinh động cho nhiều lực lượng cách mạng trên thế giới nghiên cứu, xem xét và gửi gắm lòng tin vào tiền đồ của sự nghiệp cách mạng mà Mác - Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh để lại.



086

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ V ĐƯỢC TỔ CHỨC VÀO THỜI GIAN NÀO? Ở ĐÂU? CHO BIẾT NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA ĐẠI HỘI?

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố đã được tiến hành trong hai vòng.

Vòng 1: Diễn ra từ ngày 4. 5. 1991 đến ngày 7. 5. 1991 tại Hội trường 272 đường Võ Thị Sáu. Tham dự Đại hội V vòng 1 có 492 đại biểu chính thức thay mặt cho 77.087 Đảng viên của 2.317 cơ sở Đảng trong toàn Đảng bộ.

Đại hội thảo luận và thông qua Báo cáo tổng hợp và bản tổng kết của Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ V (vòng 1) về những đóng góp của Đảng bộ Thành phố vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội VII của Đảng.

Đại hội đã bầu Đoàn Đại biểu của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng gồm 44 đại biểu chính thức, trong đó có 5 đại biểu Trung ương giới thiệu về ứng cử tại thành phố.

Sau Đại hội vòng 1, thực hiện chỉ thị của Trung ương, Thành ủy đã chỉ đạo Đảng bộ các cấp tiến hành mở đại hội nhiệm kỳ. Đến cuối tháng 8. 1991, tất cả 2.317 cơ sở Đảng trong toàn Đảng bộ đã tổ chức đại hội (vòng 2) thành công. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn của Đảng bộ, biểu thị sự thống nhất của toàn thể cán bộ, Đảng viên

trong Đảng bộ đối với những quan điểm của Đảng mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII nêu ra.

Vòng 2: Đại hội diễn ra từ ngày 22 đến ngày 26. 10. 1991. Tư tưởng chỉ đạo của Đại hội Đảng bộ Thành phố lần này cũng theo tinh thần của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII: "Trí tuệ - Đổi mới - Dân chủ - Kỷ cương - Đoàn kết."

Tham dự Đại hội V vòng 2 của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh có 492 đại biểu chính thức, thay mặt cho hơn 78.400 Đảng viên của toàn Đảng bộ. Dự Đại hội còn có đồng chí Đỗ Mười - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đồng chí Nguyễn Văn Linh - Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội khẳng định thành tựu và cũng là bài học quan trọng nhất của thành phố là giữ được sự ổn định về chính trị. Muốn ổn định thì phải có đường lối, chính sách đổi mới đúng đắn, hợp lòng dân, cộng với sự lãnh đạo sáng suốt, tính độc lập dân chủ, tự cường của cấp ủy, của cả Đảng bộ và nhân dân thành phố, tinh thần tận tụy, năng động của các lực lượng chuyên chính.

Trên tinh thần phân tích tình hình quốc tế trong nước, những yêu cầu khách quan đang đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân thành phố, Đại hội đã đề ra mục tiêu tổng quát của thành phố trong năm năm 1991 - 1995 là "Giữ vững ổn định chính trị, phát huy cao nhất tiềm năng về con người và nguồn nhân lực của thành phố, tập trung sức chấn chỉnh, ổn định và phát triển sản xuất công - nông nghiệp, thương mại dịch vụ, tạo tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trên cơ sở đổi mới toàn diện, có bước đi vững chắc, phát huy dân chủ, chính đón Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng, làm tốt vai trò trung tâm của thành phố, tích cực góp phần cùng cả nước phấn đấu thoát khỏi tình trạng khủng hoảng hiện



Đoàn Chủ tịch Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ V vòng II (22 - 26. 10. 1991).

nay, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa". Ngoài ra, để thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu tổng quát, Đại hội còn nêu lên bốn giải pháp lớn.

Đại hội bầu ra Ban chấp hành Đảng bộ khóa V nhiệm kỳ 1991 - 1996 gồm 51 ủy viên chính thức (không có ủy viên dự khuyết).

Ban Thường vụ Thành ủy gồm 16 đồng chí do đồng chí Võ Trần Chí - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa VII làm Bí thư Thành ủy. Phó Bí thư là các đồng chí Trần Trọng Tân, Trương Tấn Sang.

Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ V diễn ra trong bối cảnh đất nước đang gặp nhiều khó khăn, phải đứng trước những thử thách lớn lao nên có ý nghĩa hết sức quan trọng, là cột mốc khởi đầu cho giai đoạn vươn lên vượt qua khó khăn phức tạp, nâng cao thêm tầm nhìn và ý thức trách

* Văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh lần thứ V, tr. 52 - 53.

nhiệm của Đảng bộ và nhân dân thành phố trong hoạt động thực tiễn để biến Nghị quyết Đại hội thành hiện thực, làm tốt vai trò và nhiệm vụ trung tâm của thành phố đối với khu vực và cả nước.

Tháng 10. 1992, đồng chí Trương Tấn Sang - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, Phó Bí thư Thành ủy được kỳ họp thứ 13 Hội đồng nhân dân Thành phố khóa IV bầu làm Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay đồng chí Nguyễn Vĩnh Nghiệp nghỉ trị bệnh dài hạn. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khóa V (họp từ ngày 14 đến ngày 16. 10. 1993) đã bầu Đoàn Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh đi dự Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng gồm 16 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết.

Từ ngày 28. 3. 1994 đến 31. 3. 1994, Đảng bộ thành phố tổ chức Hội nghị Đại biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ khóa V (1994). Tham dự Hội nghị có 315 đại biểu chính thức thay mặt 80.815 Đảng viên của toàn Đảng bộ. Hội nghị đã thảo luận và đánh giá đúng những thành tựu và tồn tại, phân tích nguyên nhân - bài học thực tiễn trong công cuộc đổi mới ở một thành phố có vị trí trung tâm về nhiều mặt, nhận rõ thời cơ và thách thức, xác định những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để phấn đấu hoàn thành Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ V, góp phần đưa đất nước chuyển sang một thời kỳ phát triển mới - thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hội nghị đã bầu bổ sung 11 đồng chí làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ khóa V.



087

HỘI NGHỊ LẦN THỨ 5 BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ (KHÓA V) HỌP VÀO THỜI GIAN NÀO? HỘI NGHỊ ĐÃ BÀN VỀ VẤN ĐỀ GÌ?

Trong hai ngày 27 và 28. 11. 1992, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa V) khai mạc. Hội nghị đã nghe báo cáo về quy hoạch tổng thể thành phố, tập trung thảo luận và quyết định: về đầu tư sửa chữa, cải tạo nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn thành phố, về kiểm điểm một năm thực hiện quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa V).

Về hệ thống cơ sở hạ tầng, Hội nghị thống nhất nhận định: cơ sở hạ tầng là tiền đề của sự phát triển kinh tế theo hướng văn minh hiện đại vừa là yêu cầu khách quan, vừa là đòi hỏi bức thiết của quá trình phát triển kinh tế - xã hội theo các mục tiêu Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ V đã xác định. Từ sau ngày giải phóng, thành phố đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển chung. Thực trạng hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn thành phố đang xuống cấp nghiêm trọng, gây trở ngại rất lớn đến nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Vì vậy, cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển đô thị của thành phố đã được Bộ Chính trị thông qua.

Hội nghị nhấn mạnh các vấn đề cần tập trung giải quyết cho đến năm 1995 bao gồm: cải tạo lưới điện để đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế và sinh hoạt, đầu tư sửa chữa lớn và xây dựng cầu đường, nâng công suất cấp nước song song với cải tạo và nạo vét các tuyến thoát nước, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng ô nhiễm và từng bước cải thiện môi trường thành phố, tập trung đầu tư các công trình thủy lợi trọng điểm, đầu tư kỹ thuật hạ tầng cho các khu nhà ở, sắp xếp, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống bệnh viện, trường học, ký túc xá...

Hội nghị quan tâm nhiều đến biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện, nhất là biện pháp cân đối vốn cho các công trình và nhất trí kiến nghị với Trung ương ban hành quy chế phù hợp để thành phố có thể tập trung khả năng, tạo các nguồn vốn cho việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nhất là công trình trọng điểm.

Để tổ chức thực hiện cụ thể, Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng kế hoạch và xác định mục tiêu cụ thể, mức phấn đấu trong từng thời điểm để trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét quyết định trong thời gian sớm nhất.



088

CHƯƠNG TRÌNH XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO CỦA THÀNH PHỐ RA ĐỜI VÀO THỜI ĐIỂM NÀO? SỰ CHỈ ĐẠO CỦA THÀNH ỦY ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH NÀY?

Thành phố sau ngày giải phóng 30. 4. 1975, với dân số là 3 triệu người trong đó đã có 20% số hộ dân nằm trong diện đối nghèo, khoảng cách giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất chênh lệch gấp 10 lần. Ở các vùng nông thôn ngoại thành, tỷ lệ hộ đối nghèo còn cao hơn, nhiều gia đình lâm vào cảnh cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, con cái thất học, ốm đau, không tiền chữa trị, nhà ở dột nát không đủ che nắng, che mưa... Đặc biệt là vào những năm 1977 - 1980 lại xảy ra tình trạng thiếu lương thực trầm trọng, nhất là bà con nông dân ở vùng sâu vùng xa.

Trước tình hình đó, Đảng bộ Thành phố ngay từ những ngày đầu tiếp quản đã có sự quan tâm và có sáng kiến mở cuộc vận động xoá đói giảm nghèo, huy động sức mạnh toàn xã hội chăm lo, giúp đỡ các hộ đối nghèo như chỉ đạo cho các ban, ngành, đoàn thể, mặt trận, các hội chuyên ngành của thành phố phối hợp với các huyện, xã để giải quyết ngay những vấn đề cấp bách cho nông nghiệp và nông thôn ngoại thành: qua những đợt trợ giúp đối với kinh tế hộ, giúp người dân tự lập vươn lên trong cuộc sống thông qua các tổ chức quần chúng như Hội Làm vườn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ. Truyền thống "tương thân, tương ái", "lá

lành đùm lá rách", san sẻ, đùm bọc lẫn nhau của người dân thành phố đã đẩy lên thành phong trào.

Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, sau khi có Nghị quyết 10/TU của Bộ Chính trị và Nghị quyết 07/TU của Thành ủy (khóa IV) về quản lý kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Ban Thường vụ Thành ủy đã chỉ đạo các Ban, ngành, đoàn thể, mặt trận, các hội chuyên ngành của thành phố phối hợp với các huyện, xã giải quyết những vấn đề cấp bách cho nông nghiệp và nông thôn ngoại thành, và đã từng bước đạt những kết quả đáng khích lệ. Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân khác nhau (cả chủ quan lẫn khách quan) nên ở nông thôn tình hình phân hóa trong đời sống vẫn diễn ra theo chiều hướng xấu. Chỉ có gần 35% hộ nông dân thuộc diện khá giả, có tích lũy, 24% hộ tạm đủ ăn song vẫn khó khăn từng lúc, còn lại khoảng 40% là hộ nghèo đói (trong đó có 9.000 hộ phải cứu trợ thường xuyên và gần 2.000 hộ bị trắng tay, thiếu đất, mất phương tiện sản xuất để sinh sống, phần lớn lại thuộc diện chính sách).

Trước thực trạng đó, ngày 12. 2. 1992 Ban Thường vụ Thành ủy họp bàn giải quyết tình hình và đề ra chủ trương triển khai thực hiện chương trình "phấn đấu xóa nạn đói, giảm hộ nghèo" ở nông thôn ngoại thành và củng cố khối liên minh công nông, xây dựng chỗ dựa vững chắc của Thành phố trong mọi tình huống, thực hiện sự nghiệp xây dựng dân giàu nước mạnh, tiếp tục tạo điều kiện để các hộ nghèo đói tự lập, ổn định cuộc sống. Quyết tâm của Ban Thường vụ Thành ủy là tập trung phấn đấu thu hẹp tình trạng nghèo đói trong năm 1992 và tiến tới cơ bản xóa hộ nghèo đói ở nông thôn ngoại thành vào cuối năm 1993.

Để tổ chức triển khai chương trình đạt kết quả, ngày 20. 2. 1992 Thành ủy đã ra Thông báo số 03/TB-TU (2. 1992) thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chương trình và đồng thời nêu lên một số biện pháp như thống kê cụ thể đối tượng

nghèo đói ở từng địa phương, huy động và tạo nhiều nguồn vốn, xây dựng quỹ trợ giúp hộ nghèo đói, giải quyết đất sản xuất nông nghiệp và phát triển các ngành nghề dịch vụ. Ban Chỉ đạo Chương trình do đồng chí Võ Viết Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố làm Trưởng Ban với chức năng thường trực chuyên trách ở thành phố, bên dưới thì có hệ thống chỉ đạo và cán bộ chuyên trách tận quận huyện, phường xã để làm tham mưu, tổ chức thực hiện. Chương trình này chính thức trở thành chương trình Xóa đói - Giảm nghèo vào cuối năm 1992.

Nội dung chương trình và mục tiêu phấn đấu là:

- Phấn đấu xoá nạn đói, giảm hộ nghèo ở nông thôn vừa có tính chất cấp bách vừa cơ bản lâu dài nhằm thực hiện nghị quyết đại hội V của Đảng bộ thành phố đồng thời khôi phục và củng cố khối công nông liên minh, xây dựng vững chắc thành phố trong mọi tình thế, thực hiện sự nghiệp dân giàu nước mạnh, tiếp tục tạo điều kiện để các hộ nghèo đói tự lập và ổn định cuộc sống.

- Tập trung phấn đấu thu hẹp trong năm 1992 và tiến tới cơ bản xoá hộ nghèo đói ở nông thôn ngoại thành vào cuối năm 1993.

- Đối với hộ thuộc diện phải cứu trợ thường xuyên và đột xuất sẽ do thành phố và huyện lên danh sách trợ cấp thường xuyên hoặc cứu tế, cứu trợ kịp thời khi cần thiết, nhất là trong các dịp lễ, tết.

Ngay khi chương trình xóa đói giảm nghèo được phát động, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đã nhanh chóng tổ chức quán triệt chủ trương và tuyên truyền vận động liên tục trong các cơ quan đơn vị, các tầng lớp nhân dân, từng bước tạo thành phong trào hành động cách mạng mang tính chất xã hội rộng lớn, được các ngành, các giới hưởng ứng.



089

**XIN CHO BIẾT NHỮNG THÀNH TỰU VỀ KINH TẾ -
XÃ HỘI MÀ ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
ĐẠT ĐƯỢC SAU MƯỜI NĂM THỰC HIỆN
ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG
(1986 - 1996).**

Trong mười năm (1986 - 1996), thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Đảng bộ Thành phố trải qua hai nhiệm kỳ Đại hội là: Đại hội Đảng bộ lần thứ IV (1986 - 1991) và Đại hội Đảng bộ lần thứ V (1991 - 1996).

Trong năm năm đầu (1986 - 1991), thực hiện đường lối đổi mới của Đảng mặc dù đã có nhiều nỗ lực phấn đấu nhưng tình hình kinh tế - xã hội của thành phố chưa có những bước phát triển đột biến vì phải khắc phục những tồn tại của những năm trước đó để lại và bắt đầu triển khai thực hiện những chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước.

Năm năm tiếp theo (1991 - 1996) là thời kỳ thành phố đạt được những thành tựu rất quan trọng trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, cụ thể là:

- Trên lĩnh vực kinh tế: Tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng liên tục và tương đối đều đặn, bình quân 12,6%/năm, chiếm 17% trong GDP cả nước. GDP bình quân đầu người từ 644 USD năm 1991, tăng lên 912 USD năm 1995. Bình quân hàng năm, khu vực công nghiệp tăng 16,8%, khu vực dịch vụ tăng 10,1%, khu vực nông nghiệp tăng 4,7%.

Khu vực công nghiệp có tiến bộ đáng kể. Đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, mở rộng sản xuất - kinh doanh, tiếp cận thị trường, tự tích lũy và huy động các nguồn vốn để đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Nhiều sản phẩm thay dần hàng ngoại nhập, được thị trường tín nhiệm. Tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến được nâng cao trong cơ cấu hàng xuất khẩu.

Khu vực nông nghiệp duy trì được nhịp độ tăng trưởng, có sự chuyển đổi cơ cấu thích hợp theo hướng sản xuất hàng hoá và quá trình đô thị hoá. Cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao được chú ý, giống mới được nhân rộng. Dịch vụ nông nghiệp bình quân mỗi năm tăng 5%. Đã hình thành các vùng chuyên canh tập trung. Tỷ trọng chăn nuôi chiếm gần 40% giá trị tổng sản phẩm nông nghiệp và đang tăng nhanh, nhất là bò sữa. Các công trình thủy lợi Kênh Đông, Hóc Môn - Bắc Bình Chánh bước đầu đưa vào khai thác có nhiều hiệu quả. Bảo vệ và phát triển tốt rừng phòng hộ.

Khu vực dịch vụ tăng khá. Lưu thông hàng hoá mở rộng. Hoạt động tài chính tiền tệ có tiến bộ. Lĩnh vực ngoại thương được đẩy mạnh. Du lịch mở rộng với nhiều hình thức phong phú. Dịch vụ tư vấn bắt đầu phát triển.

Cơ cấu kinh tế thành phố tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp với cơ cấu trong GDP là công nghiệp 41%, dịch vụ 55,9%, nông nghiệp 3%.

- Trên lĩnh vực xã hội: Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ với nhiều hình thức sở hữu, phát triển dịch vụ và kinh tế hộ gia đình, bảo đảm cho người lao động được tự do hành nghề, thuê mướn lao động. Các chương trình "quỹ quốc gia, giải quyết việc làm", "giới thiệu việc làm", "trợ vốn", "giúp nhau mưu sinh lập nghiệp" đã thực hiện có kết quả, bình quân mỗi năm giải quyết cho 120.000 lao động

có việc làm, tăng 71% so với thời kỳ 1986 - 1990. Chương trình xoá đói giảm nghèo huy động được trên 57 tỷ, trợ vốn cho trên 61.000 hộ, đến 30. 4. 1995 đã xoá hộ đói.

Đời sống của đại bộ phận nhân dân được nâng dần lên: mức chi hàng hoá dịch vụ dân cư tăng thực tế bình quân trên 13%/năm. Số hộ có mức sống nghèo khó giảm, số hộ có mức sống trung bình và khá tăng. Tỷ trọng chi phí cho sinh hoạt văn hóa tinh thần của người dân ngày càng tăng. Trên 60% hộ dân ngoại thành được sử dụng nước sạch, 97/100 xã có lưới điện, trong đó 18 xã được điện khí hóa.

Các hoạt động: giải quyết nhà ở, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, hoạt động thể dục thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội... cũng thu được những thành tựu rất quan trọng.

Đánh giá những thành tựu mà Đảng bộ và Nhân dân Thành phố giành được trong nhiệm kỳ V (1991 - 1996), Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VI nêu "Những thành tựu nêu trên là kết quả của cả quá trình phấn đấu quyết liệt trong mười năm đổi mới, từ sau Đại hội VI của Đảng: Kinh tế đi dần vào ổn định, có tốc độ tăng trưởng liên tục và bước đầu có tích lũy, đời sống các tầng lớp nhân dân được ổn định và có mức cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được thực hiện đem lại kết quả thiết thực, đã góp phần cùng cả nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, hệ thống chính trị được củng cố, việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng đã đem lại những kết quả bước đầu, lòng tin của người dân đối với Đảng và Nhà nước được củng cố và nâng lên".



090

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ VI ĐƯỢC TỔ CHỨC VÀO THỜI GIAN NÀO? CHO BIẾT KẾT QUẢ CỦA ĐẠI HỘI.

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VI được tiến hành từ ngày 8. 5. 1996 đến ngày 11. 5. 1996 tại Hội trường 272 Võ Thị Sáu. Tham dự Đại hội VI có 395 đại biểu chính thức thay mặt 85.294 đảng viên của toàn Đảng bộ.

Nhiệm vụ của Đại hội là "phải phân tích đánh giá sát, đúng tình hình các mặt của thành phố trong nhiệm kỳ qua, tìm ra nguyên nhân của những việc làm được và những tồn tại khuyết điểm, rút ra bài học kinh nghiệm cho lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành nhiệm kỳ tới, phân tích, dự đoán những biến động của tình hình thế giới, khu vực, trong nước tác động đến sự vận động và phát triển của thành phố. Trên cơ sở đánh giá và dự báo tình hình, đồng thời quán triệt ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị đối với Đảng bộ thành phố, Đại hội có trách nhiệm vạch ra phương hướng, nhiệm vụ nhất là những giải pháp cụ thể trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị trong đó trọng tâm là đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa cùng với các địa phương bạn Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Sông



**Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh
lần thứ VI (8 - 11. 5. 1996).**

Bé, làm tròn trách nhiệm một trung tâm kinh tế lớn về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tài chính, tiền tệ, vận tải của cả nước"*.

Sau khi phân tích kỹ những thuận lợi, khó khăn và những điều kiện, những yếu tố cơ bản của thành phố trong bối cảnh chung của cả nước thời kỳ 1996 - 2000, Đại hội xác định mục tiêu tổng quát trong năm năm tới là: giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, tập trung sức, khai thác thời cơ, vượt qua thử thách, đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội tương ứng với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế liên tục, vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao tích lũy nội bộ với giải quyết các vấn đề văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng, nâng dần mức sống của nhân dân, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trình độ mọi mặt của cán bộ đảng viên góp phần cùng cả nước thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách

* Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VI.

toàn diện và đồng bộ, đặt và vượt các mục tiêu của "chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000" tạo điều kiện vững chắc cho bước phát triển cao hơn trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khóa VI nhiệm kỳ 1996 - 2000 gồm 51 ủy viên (không có ủy viên dự khuyết). Ban Thường vụ Thành ủy gồm 13 đồng chí, do đồng chí Trương Tấn Sang làm Bí thư Thành ủy, Phó Bí thư Thành ủy là các đồng chí Võ Văn Cương, Phạm Chánh Trực, Võ Viết Thanh.

Đại hội cũng đã bầu Đoàn Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Ngoài 4 đại biểu đương nhiên, Đại hội bầu ra 30 đại biểu chính thức và 3 đại biểu dự khuyết.

Đại hội VI của Đảng bộ Thành phố là Đại hội của sự phát triển với trọng tâm đi vào xây dựng nguồn lực con người, đổi mới công nghệ, phát huy hơn nữa vai trò của khoa học xã hội và nhân văn, xây dựng chiến lược phát triển đô thị, nâng cao năng lực toàn diện và sức chiến đấu của Đảng bộ nhằm hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau khi đồng chí Trương Tấn Sang nhận nhiệm vụ Bí thư Thành ủy, đồng chí Võ Viết Thanh - Phó Bí thư Thành ủy đảm trách nhiệm vụ Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cuối tháng 12. 1996, đồng chí Nguyễn Minh Triết - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Bí thư Tỉnh ủy Sông Bé được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng điều động về làm Phó Bí thư và từ tháng 3. 1997, làm Phó Bí thư Thường trực Thành ủy. Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (12. 1997) đã bầu bổ sung 4 đồng chí vào Bộ Chính trị, trong đó có đồng chí Nguyễn Minh Triết - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay sau đó, đồng



Đồng chí Trương Tấn Sang Đại hội Đại biểu lần thứ 6.



Đồng chí Nguyễn Minh Triết Đại hội Đại biểu lần thứ 6.

chí Nguyễn Minh Triết được Ban Chấp hành Trung ương cử làm Trưởng ban Dân vận Trung ương. Đồng chí Võ Văn Cương - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Phó Bí thư Thành ủy lãnh trách nhiệm Phó Bí thư Thường trực Thành ủy.

Đầu tháng 1. 2000, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương có Quyết định cử đồng chí Trương Tấn Sang - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội nhận nhiệm vụ Trưởng ban Kinh tế Trung ương và cử đồng chí Nguyễn Minh Triết - Ủy viên Bộ Chính trị về lại thành phố đảm nhận trọng trách Bí thư Thành ủy.



091

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ VII ĐƯỢC TỔ CHỨC VÀO NGÀY, THÁNG, NĂM NÀO? NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA ĐẠI HỘI?

Sau khi họp phiên trù bị vào chiều ngày 18. 12. 2000, Đại hội chính thức diễn ra từ ngày 19 đến ngày 23. 12. 2000 tại Hội trường 272 Võ Thị Sáu. Dự Đại hội có 399 đại biểu chính thức thay mặt cho 101.561 đảng viên của 59 đảng bộ cấp trên cơ sở và 2 đảng bộ trực thuộc Thành ủy.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VI trình Đại hội VII khẳng định những thành tựu có ý nghĩa quan trọng về mọi mặt mà Đảng bộ và nhân dân thành phố đạt được trong nhiệm kỳ 1996 - 2000 mang chất lượng mới và hướng đi đúng theo đường lối đổi mới của Đảng, tạo tiền đề cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đóng góp tích cực vào thành tựu chung của cả nước.

Phát biểu trước Đại hội, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chỉ đạo Đảng bộ TP phải tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn với tinh thần tích cực hơn nữa, thực chất hơn nữa, tập trung hơn nữa với tinh thần phấn đấu anh dũng, bền bỉ, quyết tâm vượt lên để đi trước và về đích trước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đáp lại xứng đáng sự mong đợi của cả nước.



**Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh
khóa VII (19 - 24. 12. 2000).**

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khóa VII nhiệm kỳ 2001 - 2005 gồm 51 ủy viên. Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí do đồng chí Nguyễn Minh Triết làm Bí thư Thành ủy. Phó Bí thư Thường trực là đồng chí Võ Văn Cương và đồng chí Huỳnh Đảm - Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Đại hội bầu Đoàn Đại biểu của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh dự Đại hội Đại biểu lần thứ IX của Đảng gồm 2 đại biểu đương nhiên, 25 đại biểu chính thức, 2 đại biểu dự khuyết.

Ngày 5. 7. 2001, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VII đã bầu đồng chí Lê Thanh Hải - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm Phó Bí thư Thành ủy.

Ngày 10. 9. 2004, Bộ Chính trị đã có Quyết định 115. QĐNS/TW về việc phân công đồng chí Lê Hoàng Quân - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Bí thư Tỉnh ủy Đồng

Nai, về tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Thường trực Thành ủy.

Từ tháng 5. 2005, đồng chí Phạm Phương Thảo - Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được Ban Chấp hành Đảng bộ bầu và Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương chuẩn y giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy thành phố khóa VII.



XIN CHO BIẾT NHỮNG THÀNH TỰU VỀ KINH TẾ MÀ ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM NĂM (1996 - 2000).

Sau năm năm (1996 - 2000), kể từ Đại hội Đảng bộ lần thứ VI đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những thành tựu quan trọng về kinh tế:

- Tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân hàng năm 10,2%, gần 1,5 lần so với mức tăng trưởng bình quân cả nước, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá và dịch vụ có chất lượng cao, đóng góp vào ngân sách Nhà nước ngày càng tăng. Cơ cấu các khu vực kinh tế và thành phần kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tích lũy của nền kinh tế tiếp tục gia tăng, tạo điều kiện cho bước phát triển đi vào chiều sâu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Dịch vụ - thương mại (khu vực III) tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP, phát triển đa dạng theo hướng hiện đại, công nghiệp - xây dựng (khu vực II) vẫn giữ tốc độ tăng trưởng cao nhất, nông nghiệp (khu vực I) có bước chuyển dịch về cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ở ngoại thành đang phát triển loại hình kinh tế hộ sản xuất - kinh doanh có hiệu quả.

- Kinh tế Nhà nước vẫn giữ vị trí chi phối trong các ngành quan trọng, đóng góp trên 45% cơ cấu GDP, kinh

tế hợp tác được tổ chức lại theo luật hợp tác xã, kinh tế tư nhân đã giải quyết hơn 60% việc làm cho người lao động, khu vực có vốn đầu tư từ nước ngoài vẫn tăng trưởng khá, đóng góp trên 18% cơ cấu GDP, chiếm trên 19% kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật được cải thiện đáng kể, các chương trình chỉnh trang, mở rộng đô thị, xây dựng các trục, nút giao thông trọng yếu, giải tỏa nhà trên kênh rạch, phát triển các khu công nghiệp gắn với việc tái định cư, xây dựng các khu dân cư mới... đã làm cho bộ mặt thành phố khang trang hơn.

- Đã hoàn thành điện khí hoá nông thôn: Hệ thống cấp nước được đầu tư từ nhiều nguồn vốn, đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho sản xuất và phần lớn cho sinh hoạt của nhân dân. Mạng lưới bưu chính viễn thông phát triển khá mạnh và tiếp tục hiện đại hóa.

Nhìn chung năm năm qua, những thành tựu về kinh tế mà thành phố đã đạt được có ý nghĩa rất quan trọng, khẳng định chất lượng mới và hướng đi đúng theo đường lối đổi mới của Đảng, tạo thêm tiền đề cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đóng góp tích cực vào thành tựu chung của cả nước. Đó là kết quả nối tiếp của quá trình đổi mới, của tinh thần nỗ lực vươn lên của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố trong việc chấp hành Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội VI của Đảng bộ Thành phố.



093

XIN CHO BIẾT HỘI NGHỊ THÀNH ỦY LẦN THỨ 13 (KHÓA VII) DIỄN RA TRONG THỜI GIAN NÀO? HỘI NGHỊ ĐÃ BÀN VỀ VẤN ĐỀ GÌ?

Hội nghị Thành ủy lần thứ 13 (khóa VII) về kiểm điểm giữa nhiệm kỳ đã được tiến hành từ ngày 9 đến ngày 11. 9. 2003 dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy.

Nội dung của Hội nghị bao gồm kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu đề ra trong nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa VII (nhiệm kỳ 2001 - 2005) trong nửa nhiệm kỳ qua, đồng thời bàn một số giải pháp thực hiện nhiệm vụ từ nay đến 2005.

Theo Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ, những thành tựu trong hai năm rưỡi qua đã đạt được trên các lĩnh vực: tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, đạt 9,9%, công nghiệp tăng 15% (công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng 27,7%), đầu tư ngân sách chiếm 17%, có thêm 36.700 hộ vượt chuẩn nghèo, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 200.000 lao động, hạ tỷ lệ hộ nghèo còn 3% trên tổng số dân có hộ khẩu thành phố, an ninh chính trị được giữ vững, phạm pháp hình sự giảm 9,1%, giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, văn hóa - xã hội, y tế, chăm sóc sức khỏe, cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực. Trong công tác xây dựng Đảng, nổi bật là đợt

nghiên cứu, quán triệt Cương lĩnh và Điều lệ Đảng với sự tham gia của 90% đảng viên trong toàn Đảng bộ, đào tạo, bồi dưỡng cho gần 14.500 cán bộ, luân chuyển 272 cán bộ diện Thành ủy quản lý, được thành tựu trên là do Đảng bộ và nhân dân thành phố tiếp tục phát huy tính năng động, sáng tạo, tinh thần vượt khó vươn lên, huy động được các nguồn lực xã hội, tận dụng các tiềm năng kinh tế.

Tuy nhiên vẫn còn những mặt thiếu sót và tồn tại. Để khắc phục và hoàn thành tốt các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa VII đề ra từ nay đến cuối năm 2005, Hội nghị cũng đã thảo luận, tìm ra những giải pháp lớn, trong đó tập trung phát triển ngành dịch vụ, cơ cấu lại ngành công nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, quy định rõ qui hoạch và thực hiện quy hoạch, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp, cũng như năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ.



094

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐÓN NHẬN DANH HIỆU "THÀNH PHỐ ANH HÙNG" DO ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG VÀO NGÀY, THÁNG, NĂM NÀO?

Sáng ngày 1. 9. 2005, tại Nhà hát Hòa Bình, nhân dịp Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức mít tinh kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh đã vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý "Thành phố Anh hùng" do Đảng và Nhà nước trao tặng vì "đã có nhiều công lao to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Đến dự có các đồng chí: Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp Hành Trung ương Đảng, Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy, Trương Mỹ Hoa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Lê Hoàng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Lê Thanh Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố, Võ Văn Cường, Phó Bí thư Thành ủy, Phạm Phương Thảo, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Trần Thành Long, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cùng nhiều cán bộ lão thành cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, cựu chiến binh, các nhân sĩ,

trí thức, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân, đông đảo thanh thiếu niên thành phố và đại diện một số tỉnh, thành phố.

Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thay mặt Trung ương Đảng và Nhà nước đã trao cờ và Bằng danh hiệu "Thành phố Anh hùng" cho các đồng chí lãnh đạo Nguyễn Minh Triết, Lê Hoàng Quân, Lê Thanh Hải, Phạm Phương Thảo, Trần Thành Long. Phát biểu tại buổi lễ, đồng chí Tổng Bí thư đã nhấn mạnh "Những thành tựu và đóng góp quan trọng của Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh qua các thời kỳ là sự hy sinh to lớn và cống hiến xứng đáng của nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào, là biểu hiện tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và ý thức trách nhiệm "vì cả nước, cùng cả nước" của Đảng bộ và nhân dân thành phố. Ghi nhận những công lao to lớn đó, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng cho thành phố nhiều huân chương và danh hiệu cao quý: Huân chương Sao vàng (1985), danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (1978), Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2005). Cũng tại buổi lễ, đồng chí Nguyễn Minh Triết đã chân thành cảm ơn đồng chí Tổng Bí thư đã trao danh hiệu "Thành phố anh hùng" cho thành phố và hứa Thành phố Hồ Chí Minh nguyện tiếp tục phấn đấu theo tinh thần "vì cả nước, cùng cả nước" thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đã đề ra trong Nghị quyết 20 của Bộ Chính trị về thành phố, góp phần thực hiện mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", mãi xứng đáng với niềm tin của Trung ương cũng như sự giúp đỡ và lòng mong đợi của cả nước.



095

XIN CHO BIẾT 12 CHƯƠNG TRÌNH (VÀ CÔNG TRÌNH) TRỌNG ĐIỂM CỦA THÀNH PHỐ DO ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ VII ĐỀ RA LÀ GÌ?

Để đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phấn đấu của Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ VII đề ra, Đại hội còn đề ra 12 chương (và công trình) trọng điểm và yêu cầu Thành phố cần phải tập trung triển khai, thực hiện:

1. Chương trình công viên phần mềm Quang Trung và Khu Công nghệ cao.
2. Chương trình phát triển nguồn nhân lực.
3. Chương trình củng cố và sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước.
4. Chương trình nước sạch cho sinh hoạt của người dân.
5. Chương trình xử lý rác.
6. Chương trình chống kẹt xe nội thị.
7. Chương trình chống ngập nước nội thị trong mùa mưa.
8. Chương trình giống cây, giống con chất lượng cao.
9. Chương trình di dời và tái định cư 10 ngàn hộ dân sống trên và ven kênh rạch.

10. Chương trình thực hiện mục tiêu 3 giảm: ma túy, mại dâm và tội phạm.

11. Chương trình đại lộ Đông Tây và đường hầm Thủ Thiêm.

12. Chương trình Khu tưởng niệm các vua Hùng trong Công viên Lịch sử văn hóa các dân tộc.

Trong số này có bốn chương trình liên quan trực tiếp đến phát triển kinh tế và nguồn nhân lực (Chương trình công viên phần mềm Quang Trung và khu công nghệ cao, Chương trình củng cố, sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, Chương trình giống cây, giống con chất lượng cao, Chương trình phát triển nhân lực), năm chương trình, công trình liên quan trực tiếp đến kết cấu hạ tầng đô thị (Chương trình nước sạch cho sinh hoạt của người dân, Chương trình xử lý rác, Chương trình chống kẹt xe nội thị, Chương trình chống ngập nước nội thị trong mùa mưa, Công trình đại lộ Đông Tây và đường hầm Thủ Thiêm) và ba chương trình, công trình liên quan trực tiếp đến đời sống văn hóa, xã hội (Chương trình di dời và tái định cư 10 ngàn hộ dân sống ven và trên kênh rạch, Chương trình mục tiêu ba giảm: tội phạm, ma túy và mại dâm, Chương trình khu tưởng niệm các vua Hùng trong Công viên Lịch sử văn hóa các dân tộc).

Cho đến nay (2005), tuy phần lớn các chương trình, công trình còn phải tiếp tục thực hiện để hoàn thành, nhưng nhìn chung nhiều nội dung kết quả của các chương trình, công trình đã có tác động tích cực đối với đời sống, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện hạ tầng đô thị và giữ vững trật tự, an ninh xã hội.



096

XIN CHO BIẾT CHƯƠNG TRÌNH 17/CT-TU CỦA THÀNH ỦY VỀ "XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN THÀNH PHỐ" RA ĐỜI VÀO THỜI GIAN NÀO VÀ BAO GỒM NHỮNG NỘI DUNG GÌ?

Ngày 25. 7. 1994, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VII) đã thảo luận và thông qua nghị quyết về "Phát triển công nghiệp, công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới".

Ngày 1. 9. 1994, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố (khóa V) đã họp hội nghị để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương VII (khóa VII), Hội nghị đã đề ra "Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh".

Nội dung của Chương trình 17/Ct-TU của Thành ủy gồm có ba phần chính:

- I. Nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Trung ương 7.
- II. Những công việc cần triển khai xây dựng đề án để thực hiện Nghị quyết Trung ương 7.

III. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết.

Về xây dựng giai cấp công nhân Chương trình 17/Ct-TU nêu rõ:

Cần xác định các công tác trọng tâm chủ yếu và giao cho các ngành chức năng nghiên cứu, xây dựng đề án thực hiện như sau:

1. Nâng cao giác ngộ giai cấp (giáo dục cho người công nhân nhận thức đúng bản chất giai cấp công nhân, bồi dưỡng truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, ý thức tự lực tự cường, rèn luyện tác phong công nghiệp. Ý thức tổ chức kỷ luật, tính năng động sáng tạo), trang bị cho công nhân có đủ kiến thức về pháp luật để sống và làm việc theo pháp luật.

Ban Văn hóa Tư tưởng Thành ủy chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng đề án và kế hoạch tổ chức thực hiện (có sự phối hợp với Trường Đảng Nguyễn Văn Cừ, Trung tâm Giáo dục chính trị, Ban Dân vận Thành ủy, Liên đoàn Lao động, Sở Tư pháp thành phố...).

2. Đào tạo văn hóa và nghề nghiệp, bảo đảm đến năm 2000 hầu hết công nhân có trình độ văn hóa từ phổ thông cơ sở trở lên, có kỹ năng nghề nghiệp tương ứng với công nghệ mới.

Sở Giáo dục Đào tạo thành phố chịu trách nhiệm tổ chức nghiên cứu xây dựng đề án và kế hoạch thực hiện (có sự phối hợp với Sở lao động Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động thành phố).

3. Tạo việc làm, cải thiện điều kiện lao động, thực hiện các chính sách lao động và lao động nữ nhằm bảo đảm đến năm 2000 giảm thiểu tình trạng thất nghiệp, người lao động làm việc trong điều kiện an toàn, phòng chống có hiệu quả các bệnh nghề nghiệp.

Sở Lao động Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng đề án và kế hoạch thực hiện (có sự phối hợp với Liên đoàn Lao động, Phân viện Bảo hộ Lao động của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, Thành đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố).

4. Nghiên cứu, áp dụng rộng rãi cơ chế khoán trong các doanh nghiệp Nhà nước, bán cổ phần cho công nhân ở những doanh nghiệp có đủ điều kiện.

Viện Kinh tế chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng đề án và kế hoạch tổ chức thực hiện (có sự phối hợp với các cơ quan chức năng).

5. Thực hiện tốt luật Công đoàn, luật lao động, nghiên cứu xây dựng các quy định bảo đảm quyền của công nhân và quyền của Công đoàn trong từng loại doanh nghiệp, các hình thức, các chính sách xã hội nhằm trợ giúp cho công nhân bị mất việc làm, thiếu việc làm, thất nghiệp, có việc làm nhưng quá khó khăn... bảo đảm yếu tố tinh thần để công nhân vững tâm tiến công vào mặt trận công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Liên đoàn Lao động thành phố chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng đề án và kế hoạch thực hiện (có sự phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội).

6. Xây dựng tổ chức Đảng, các đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các doanh nghiệp liên doanh và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Ban Tổ chức Thành ủy chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng đề án và kế hoạch tổ chức thực hiện (phối hợp với Ban Dân vận Thành ủy, các đoàn thể và các ngành chức năng).

Chương trình 17/Ct-TU về xây dựng giai cấp công nhân nhấn mạnh "Xây dựng giai cấp công nhân thành một lực

lượng tiên phong trong xã hội, đông về số lượng, mạnh về chất lượng, có nhận thức tư tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng làm chỗ dựa vững chắc cho Đảng trong từng bước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, làm nòng cốt cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở thành phố là một yêu cầu vừa cấp bách, vừa cơ bản, cần được tập trung trước hết vào lực lượng hạt nhân của giai cấp công nhân trong các ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim, năng lượng, giao thông vận tải, điện tử và các ngành mũi nhọn của quá trình công nghiệp hóa".

Để thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VII), Thành ủy đã chỉ đạo xây dựng dự báo khoa học về sự phát triển của thành phố đến năm 2010. Đồng thời xác định những ngành, lĩnh vực cần tập trung đầu tư phát triển công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quy hoạch sắp xếp lại ngành công nghiệp thành phố, xác định các ngành công nghiệp mũi nhọn. Tổ chức triển khai xây dựng khu công nghiệp kỹ thuật cao, các khu công nghiệp tập trung.

Thực hiện Chương trình 17/Ct-TU của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo nghiên cứu, quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống trường lớp, trung tâm đào tạo, dạy nghề thuộc phạm vi thành phố quản lý để nâng cao khả năng dạy nghề cho công nhân - lao động và dành ưu tiên một phần ngân sách thành phố hàng năm để đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị hiện đại cho các cơ sở dạy nghề của thành phố.

Liên đoàn lao động Thành phố đã tổ chức nghiên cứu toàn diện về đội ngũ công nhân thành phố (số lượng, trình độ, cơ cấu, tay nghề, việc làm, thu nhập, điều kiện sống), tập trung chỉ đạo công tác vận động, tập hợp công nhân lao động và xây dựng Công đoàn trong các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh.

Các Sở, Ban, Ngành của thành phố như: Sở Nhà đất, Sở Lao động Thương binh - xã hội... Cũng phối hợp thực hiện Chương trình 17/Ct-TU để xây dựng đề án giải quyết nhà ở cho công nhân có thu nhập thấp, xây dựng quỹ trợ cấp thất nghiệp, quỹ trợ vốn tạo việc làm, quỹ tín dụng học nghề, có phương án giải quyết điều kiện sinh sống, điều kiện sinh hoạt văn hóa tinh thần cho công nhân.



097

XIN CHO BIẾT MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG BA (KHÓA VII) VỀ CUỘC VẬN ĐỘNG "ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG" CỦA ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ.

Từ ngày 18 đến ngày 29. 6. 1992, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã họp Hội nghị lần thứ ba. Sau khi phân tích tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị cho rằng trong bối cảnh quốc tế, tình hình đất nước hiện nay, việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng đang nổi lên là một nhiệm vụ quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng, vì vậy Hội nghị đã bàn và thông qua Nghị quyết "Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng".

Từ ngày 21 đến ngày 25. 8. 1992, Thành ủy (khóa V) họp Hội nghị lần thứ 4 để quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Hội nghị đã quyết định mở cuộc vận động "Đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong toàn Đảng bộ" và thành lập Ban chỉ đạo đổi mới và chỉnh đốn Đảng do đồng chí Bí thư Thành ủy làm Trưởng ban.

Cuộc vận động "Đổi mới và chỉnh đốn Đảng" của Đảng bộ Thành phố được tiến hành từ tháng 9. 1992 đến hết năm 1995 được chia làm 2 bước:

- Bước 1: Năm 1992 tổ chức thí điểm ở một số doanh nghiệp trọng yếu của Nhà nước và một số Đảng bộ, chi bộ ấp. Sắp xếp lại một số Đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy.

- Bước 2: Năm 1993 tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm ở các cơ sở thí điểm và triển khai cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng ở các tổ chức cơ sở Đảng còn lại.

Ngày 26 và 27. 6. 1993, Thành ủy mở Hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm và triển khai thực hiện rộng rãi trong toàn Đảng bộ. Đến cuối tháng 12. 1993 đã có 92,6% cơ sở Đảng triển khai thực hiện cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Tháng 1. 1995, Thành ủy mở Hội nghị sơ kết hai năm (1993 - 1994) thực hiện cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Hội nghị đã đánh giá kết quả của cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng là:

- Cùng cố được sự thống nhất về chính trị tư tưởng, niềm tin của đông đảo cán bộ, đảng viên đối với vai trò lãnh đạo của Đảng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới. Nâng cao ý thức trách nhiệm của nhiều cấp ủy và số đông đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, khắc phục mức độ mơ hồ mất cảnh giác, dao động, chập choạng, mất phương hướng của một số cán bộ đảng viên.

- Cùng cố thêm một bước tổ chức cơ sở Đảng (về vai trò, chức năng, phương thức lãnh đạo) ở nhiều phường xã, một số cơ quan, doanh nghiệp, sự nghiệp. Khắc phục tình trạng lỏng lẻo về tổ chức và sinh hoạt của một số cơ sở Đảng và đảng viên.

- Qua khảo sát kiểm điểm phân tích chất lượng đảng viên, nhìn chung các cơ sở Đảng cũng như cấp ủy cấp trên

nắm được tình hình Đảng bộ, cán bộ, đảng viên chắc và cụ thể hơn, biểu dương đảng viên tốt, xử lý kỷ luật, cảnh báo, nhắc nhở số đảng viên có hành vi sai phạm hoặc có dấu hiệu sa sút, tạo cơ sở cho việc đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng Đảng thuận lợi hơn.

- Nhiều cơ sở Đảng nhận thức và gắn được yêu cầu nội dung đổi mới chính đồn Đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương. Một số cơ sở Đảng kết hợp cuộc vận động với sắp xếp, chấn chỉnh tổ chức bộ máy, quy hoạch cán bộ dự bị, bố trí cán bộ chủ chốt.

Qua cuộc vận động đổi mới và chỉnh đồn Đảng, tư tưởng cán bộ, đảng viên được ổn định, lòng tin được nâng lên. Hầu hết nhất trí cao về con đường bảo vệ độc lập dân tộc, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Số đông khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng là yếu tố duy nhất bảo đảm sự ổn định chính trị và đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lực lượng đảng viên trung kiên tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Nhiều đảng viên là cán bộ hưu trí, cựu chiến binh đã nêu gương tốt, tích cực tham gia công tác và học tập được quần chúng tín nhiệm.

Từ kết quả của cuộc vận động đổi mới và chỉnh đồn Đảng, Thành ủy đã ra Chỉ thị 15/CT-TU về "Mở đợt phát triển đảng viên mới nhân kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng (3. 2. 1930 - 3. 2. 1995)", trong đợt phát triển đảng lần này, Đảng bộ Thành phố đã phát triển được 3.544 đảng viên mới, tăng ba lần so với năm 1992 và là năm phát triển đảng cao nhất từ năm 1989 đến 1994.



098

**NGHỊ QUYẾT 20/NQ-TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2010,
RA ĐỜI VÀO NGÀY, THÁNG NĂM NÀO?
NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA NGHỊ QUYẾT?**

Sau khi đánh giá tình hình và kết quả xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong hai mươi năm thực hiện Nghị quyết 01/NQ-TW, ngày 18. 11. 2002, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 20/NQ-TW về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010. Nội dung Nghị quyết nêu rõ:

Đảng bộ và nhân dân thành phố cần quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về phương hướng phát triển chung của đất nước, của các ngành, các vùng để vận dụng vào điều kiện cụ thể của thành phố, tiếp tục nỗ lực phấn đấu, chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy tính năng động, sáng tạo, để đi đầu cả nước về phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao, hiện đại, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, bảo vệ tốt môi trường, hình thành đồng bộ cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đi đầu trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả phát triển kinh tế, trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế với thế giới, xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành một

thành phố xã hội chủ nghĩa văn minh, hiện đại, đóng vai trò ngày càng lớn với khu vực phía Nam và cả nước, từng bước trở thành một trung tâm công nghiệp, dịch vụ, khoa học công nghệ của khu vực Đông Nam Á, xứng đáng với thành phố mang tên Bác Hồ.

Để thực hiện phương hướng và mục tiêu trên, Đảng bộ thành phố cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau: Bảo đảm sự vững vàng về chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội thành phố trong mọi tình huống, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định khu vực và cả nước. Khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững, có hiệu quả và sức cạnh tranh cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp đặc điểm và vị trí của thành phố... Chăm lo phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo để nhanh chóng nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đào tạo nhân tài cho thành phố và cho đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân thành phố đều có điều kiện học tập. Mở rộng, nâng cao mạng lưới y tế từ thành phố đến cơ sở, xây dựng các bệnh viện ngang tầm các nước trong khu vực, nâng cao tinh thần phục vụ của cán bộ, nhân viên để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh của nhân dân thành phố và các địa phương trong khu vực. Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng rộng khắp, nâng cấp các cơ sở luyện tập, phát triển thể thao thành tích cao, nhất là các môn thành phố có truyền thống, có ưu thế. Phát triển nâng cao chất lượng và quản lý tốt các hoạt động văn hóa quần chúng, xây dựng nếp sống văn hóa trên địa bàn dân cư, các sinh hoạt vui chơi, giải trí lành mạnh, quan tâm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người lao động thu nhập thấp, đầu tư phát triển các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp trình độ cao, phát triển đi

đôi với chỉ đạo và quản lý chặt chẽ các hoạt động phát thanh, truyền hình, Internet, báo chí, xuất bản... Thực hiện tốt chính sách với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, quan tâm chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, những người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội..., giải quyết có hiệu quả việc làm cho người lao động, nhất là việc làm cho thanh niên. Kiên quyết đấu tranh, giải quyết các tệ nạn ma túy, mại dâm, tội phạm... tạo lập môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, tiên tiến, mang đậm bản sắc và truyền thống dân tộc, xây dựng lối sống thanh lịch, hiện đại, tôn trọng pháp luật, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho nhân dân thành phố... Cũng cố xây dựng lực lượng quân đội, công an thành phố trong sạch, vững mạnh, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngăn chặn và kịp thời đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", gây mất ổn định chính trị - xã hội, "bạo loạn lật đổ" của các thế lực phản động thù địch.

Tiếp tục củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị. Làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo các Nghị quyết của Trung ương, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ thành phố nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ thành phố trong thời kỳ mới. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền thành phố, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm, thực hiện phân cấp quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, từng bước xây dựng nền hành chính văn minh, hiện đại. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường khối đoàn kết toàn dân. Cần đặc biệt quan tâm tới công tác cán bộ (đánh giá, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ...). Trong đó tập trung vào việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng ba loại cán bộ: cán bộ lãnh đạo chính trị và quản lý nhà nước, cán bộ khoa học - công nghệ

và văn hóa nghệ thuật, cán bộ quản lý doanh nghiệp. Xây dựng đội ngũ cán bộ các ngành các cấp của thành phố có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, phẩm chất đạo đức và nhiệt tình cách mạng cao.

Ngày 6. 12. 2002, nhằm quán triệt Nghị quyết 20/NQ-TW của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VII đã họp Hội nghị bất thường để góp ý xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. Bản dự thảo Chương trình triển khai Nghị quyết 20/NQ-TU nêu như sau "Từ nay đến năm 2010 thành phố tập trung 7 nhiệm vụ: Bảo đảm sự phát triển ổn định về chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế để phát triển với tốc độ nhanh, tiến hành rà soát và điều chỉnh quy hoạch phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch đồng bộ phát triển cơ cấu hạ tầng, chăm lo phát triển giáo dục, mở rộng và nâng cấp mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng phục vụ đời sống văn hóa, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, kiên trì đấu tranh với các tệ nạn xã hội, giải quyết kịp thời khiếu kiện của dân, nâng cao chất lượng và hiệu quả hệ thống chính trị, làm tốt công tác xây dựng chính đồn Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý." Và để đạt được nhiệm vụ trên cần phải thực hiện 4 nhóm giải pháp chủ yếu.

Với ý chí quyết tâm cao, Đảng bộ và nhân dân thành phố từng bước lập lại kỷ cương, thực hiện tốt Nghị quyết 20 của Bộ Chính trị, đưa Thành phố phát triển lên tầm cao mới.



**XIN CHO BIẾT NHỮNG THÀNH TỰU LỚN
MÀ THÀNH PHỐ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC
TRONG BA MƯƠI NĂM (1975 - 2005).**

Ba mươi năm là một thời kỳ lịch sử không dài so với lịch sử ngàn năm của dân tộc và lịch sử hơn 300 năm hình thành và phát triển Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đây là một thời kỳ đầy sóng gió, luôn đan xen biết bao thuận lợi lẫn khó khăn, thời cơ và thử thách rất quyết liệt đối với Đảng bộ và nhân dân thành phố. Những nhiệm vụ đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân thành phố luôn luôn mới mẻ, trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, đầy gian nan, phức tạp.

Phát huy truyền thống anh hùng và tinh thần sáng tạo trong chiến tranh cách mạng, bằng ý chí tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo tìm hướng đi thích hợp..., Đảng bộ và nhân dân thành phố đã đồng tâm hiệp lực, nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn thử thách, có lúc tưởng chừng như không thể vượt qua được, giành được những thành tựu rất đáng tự hào.

1. Thực hiện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu và phát triển kinh tế - xã hội (1975 - 1985)

Sau ngày giải phóng, Đảng bộ và nhân dân thành phố bắt tay vào nhiệm vụ xây dựng, củng cố và giữ gìn chính

quyền cách mạng, mang lại đời sống yên lành và ấm no cho nhân dân. Đứng trước vô vàn khó khăn, phức tạp do hậu quả nặng nề của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới để lại trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, Đảng bộ và nhân dân thành phố đã thực hiện ổn định tình hình chính trị - xã hội, phục hồi sản xuất.

Qua hai năm 1975 - 1976, dựa vào sức mạnh của quân chúng, Đảng bộ và chính quyền cách mạng đã giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội ngày càng ổn định và đã giải quyết kịp thời nhiều vấn đề cấp bách về kinh tế và đời sống. Với thành quả đạt được, thành phố đã hoàn thành giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tạo điều kiện chuyển mạnh sang thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ 1977 - 1980, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân thành phố đã phát huy truyền thống cách mạng, thực hiện được nhiệm vụ tập trung cải tạo, phát triển sản xuất, công nghiệp có chuyển biến bước đầu, nông nghiệp được phục hồi, xây dựng cơ bản và quản lý đô thị có kết quả, giáo dục, y tế có tiến bộ, hệ thống chính trị được kiện toàn vững mạnh. Tuy nhiên, trong thời kỳ này, thành phố chịu nhiều thử thách - bị chi phối bởi tình thế đất nước vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, tác động của chiến tranh biên giới Tây Nam, sai sót trong công tác cải tạo và hạn chế trong quản lý kinh tế - xã hội... làm cho tình hình thêm nhiều khó khăn, phức tạp.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ II (10. 1980) - Đại hội của ý chí và quyết tâm nhìn thẳng vào sự thật, năng động sáng tạo. Đại hội đã đánh giá nghiêm túc những ưu, khuyết điểm và đề ra những vấn đề quan trọng về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và những công tác cụ thể trong nhiệm kỳ tới nhằm xây dựng thành phố thực sự trở thành "Một trung tâm công nghiệp, một

trung tâm văn hóa và khoa học kỹ thuật, một trung tâm giao dịch quốc tế và một đầu mối giao thông quan trọng của cả nước", xứng đáng với tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Đảng bộ và nhân dân thành phố bước vào thời kỳ tháo gỡ cơ chế không phù hợp, góp phần tạo tiền đề đổi mới từ 1981 - 1985.

Qua năm năm thực hiện chuyển hướng kinh tế với tinh thần nêu cao trách nhiệm và tính chủ động, từ thực tiễn thành phố đã tìm ra phương hướng tháo gỡ khó khăn, kiên trì quan điểm phát triển sản xuất. Nhờ vậy, tổng sản phẩm xã hội đã tăng bình quân hàng năm 13%, ngành công nghiệp tăng bình quân hàng năm 16,2%, từng bước khắc phục tình trạng bao cấp, giữ vững sản xuất và bảo đảm đời sống nhân dân, thu nhập bình quân trên đầu người từ 290 USD năm 1980 lên 400 USD năm 1985, dựa vào dân để tiến hành củng cố, từng bước hoàn thiện được hệ thống chính trị vững mạnh.

Trải qua giai đoạn mười năm (1975 - 1985), thành phố đã đạt được những thành tựu đáng kể trên nhiều lĩnh vực, chuyển biến từng bước trở thành một thành phố sản xuất với một lớp người lao động mới. Mặc dù có rất nhiều khó khăn phức tạp phải đương đầu nhưng Đảng bộ và nhân dân thành phố vẫn kiên trì đấu tranh, năng động sáng tạo để vượt qua, phát triển đi lên và tiến bộ nhiều mặt: Quy mô của nền kinh tế năm 1985 gấp 2 lần năm 1976, thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,8%, tổng sản phẩm xã hội của thành phố chiếm 25% cả nước, hoạt động văn hóa - xã hội tiến bộ, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo vệ tốt, hệ thống chính trị được củng cố vững chắc, thành phố thường xuyên có các phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Mặt nổi bật là thành phố có một số mô hình kinh tế sinh động góp phần tháo gỡ những ràng buộc của cơ chế quản lý cũ, khơi động sức sáng tạo

của quần chúng trong sản xuất, lưu thông, phân phối và cả trong các hoạt động văn hóa - xã hội, giữ gìn trật tự an ninh, phát huy những suy nghĩ đúng và cung cách làm ăn có hiệu quả, đóng góp tích cực vào những công trình khu vực như thủy điện Trị An, làm nghĩa vụ quốc tế tại chỗ và đối với nước bạn Campuchia và Lào. Những thành quả đó là tiền đề quan trọng để thành phố chuyển mình vào giai đoạn phát triển mới.

Những thành tựu trên chứng tỏ Đảng bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đánh giá đúng bản chất cách mạng và sức mạnh to lớn của nhân dân, từ đó có những bước đột phá, tháo gỡ những vướng mắc, đấu tranh và từng bước chiến thắng những trở lực của cơ chế cũ, làm sáng tỏ dần con đường đi và cách làm mới, tư duy mới, góp phần tích cực vào việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng.

2. Thực hiện đường lối đổi mới và bước đầu tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế - xã hội thành phố (1986 - 2005)

Hai mươi năm qua là quá trình Đảng bộ và nhân dân thành phố tiến hành công cuộc đổi mới bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng (12. 1986), Đảng bộ đã tổ chức 4 lần Đại hội, đề ra nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ xây dựng, phát triển và bảo vệ thành phố đi lên xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, Đảng bộ và nhân dân thành phố đã thực hiện được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Về chính trị: thành phố luôn giữ vững ổn định chính trị xã hội, kể cả trong những lúc tình hình trong nước có nhiều khó khăn và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chung, vào việc bảo vệ và khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đây là một trong những thành tựu nổi bật, vừa là nguyên nhân, vừa là kết quả của ổn định và phát triển kinh tế - xã hội suốt 30 năm qua. Thành tựu đó có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển. Thành tựu đó càng khẳng định quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân thành phố kiên quyết bảo vệ thành quả cách mạng đã đạt được, bảo vệ chính quyền, bảo vệ Đảng, bảo vệ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, bảo vệ cuộc sống yên bình của nhân dân. Thành tựu đó chứng tỏ nền tảng của ổn định chính trị là yên dân, là niềm tin vững chắc của nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

Xuất phát từ vị trí trung tâm của thành phố là một địa bàn trọng điểm của khu vực phía Nam, các thế lực thù địch, phản động và phản tử xấu không ngừng lợi dụng mọi sự phức tạp để chống phá công cuộc đổi mới của nhân dân thành phố. Chúng tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, thực hiện chiến lược "Diễn biến hòa bình" hòng làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng và làm cho nhân dân mất lòng tin, tạo dựng thế lực chống phá từ bên trong, tạo điều kiện gây mất ổn định chính trị xã hội để cuối cùng kích động lật đổ chế độ, làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trong cuộc đấu tranh gay go, phức tạp mới, Thành ủy và các cấp ủy Đảng đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, từng bước đối phó có hiệu quả với những hoạt động, âm mưu, thủ đoạn của địch. Đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh tế, vừa chăm lo đời sống nhân dân, vừa thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo đúng đắn của Đảng, tăng cường giáo dục nhận thức đi đôi với việc nghiêm túc xử lý các vi phạm pháp luật, chú trọng xây dựng lực lượng mà trước hết là xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, chống tiêu cực và suy thoái trong cán bộ, đảng viên nhằm tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân,

phát huy vai trò của các lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp với đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh quốc, phòng chống tội phạm... Trên cơ sở đó, thành phố đã kịp thời đập tan những âm mưu, thủ đoạn, hoạt động chống phá của kẻ địch, bảo vệ đời sống yên lành của nhân dân, tạo nên niềm tin vững chắc của dân đối với Đảng, Chính quyền.

Sự vững vàng và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu của quân, dân thành phố dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã giúp cho thành phố đứng vững trước mọi sóng gió và biến động của thời cuộc.

Về kinh tế: Kinh tế thành phố được khôi phục và không ngừng phát triển. Đã có sự biến đổi sâu sắc, toàn diện, từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp nay đã chuyển đổi thành kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh và liên tục tăng trưởng.

Thành phố luôn giữ vai trò đầu tàu trong tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư, tạo nguồn thu ngân sách và giải quyết các vấn đề xã hội.

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân hàng năm giai đoạn 1986 - 1990 là 7,8%, 1991 - 1995 là 12,6%, 1996 - 2000 là 10,3%, gần 1,5 lần so với cả nước, từ 2001 - 2005 là 11%, năm sau cao hơn năm trước. Thành phố đóng góp 20% GDP (so với 13% của những năm 80), trên 30% ngân sách cả nước, cứ 1% tăng trưởng GDP của thành phố góp phần làm cho cả nước tăng được 0,2% GDP, 0,3% giá trị sản xuất công nghiệp, 0,4% kim ngạch xuất khẩu và 0,3% nguồn thu ngân sách.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp. Năm năm qua, tốc độ tăng trưởng của dịch vụ - thương mại đạt 9,9%/năm, chiếm tỷ trọng lớn trong GDP với chất lượng cao, công nghiệp

và xây dựng đạt 12,6%/năm, tăng trưởng cao với sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao phát triển nhanh, nông - lâm - ngư nghiệp đạt 3,5%/năm, phát triển theo hướng công nghiệp hóa. Các thành phần kinh tế phát triển tốt với cơ cấu tích cực, kinh tế Nhà nước vẫn giữ vị trí chi phối trong các ngành quan trọng, đóng góp trên 45% cơ cấu GDP, kinh tế hợp tác được tổ chức lại phù hợp, kinh tế tư nhân đã giải quyết hơn 60% việc làm cho người lao động, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng khá, đóng góp trên 18% cơ cấu GDP, chiếm trên 19% kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn, từ 1988 - 2004 đã thu hút 1949 dự án với tổng vốn đăng ký đầu 11,91 tỷ USD, chiếm 20,7% so với cả nước. Đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã chiếm 25,1% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, 36,7% kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Tích lũy tiếp tục gia tăng trên cơ sở phát huy nội lực của thành phố, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP đạt mức 35% (năm 2005 xấp xỉ 57.000 tỷ đồng, năm 2004 là 43.000 tỷ đồng, năm 1995 là 10.000 tỷ đồng, năm 1985 là 700 tỷ đồng), trong đó phần đầu tư của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh trong nước có mức tăng trưởng cao hơn kinh tế nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư từ ngân sách thành phố chủ yếu tập trung vào hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tăng nhanh, chiếm 17% tổng vốn đầu tư.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được cải thiện đáng kể đã làm cho bộ mặt thành phố khang trang hơn. Thành phố đã và đang đẩy mạnh thực hiện chương trình chỉnh trang, mở rộng đô thị, xây dựng các trục, nút giao thông trọng yếu, giải tỏa nhà trên kênh rạch, phát triển các khu công nghiệp (hiện có 2 Khu chế xuất, 12 Khu công nghiệp) gắn với việc tái định cư, xây dựng các khu dân cư mới, đã hoàn thành điện khí hóa nông thôn, xây dựng hệ

thống cấp nước đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho sinh hoạt và sản xuất của người dân, mạng lưới bưu chính viễn thông phát triển khá mạnh và tiếp tục hiện đại hóa, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với mức trang bị điện thoại gấp 3,5 lần, máy tính gấp 8 lần, tỷ lệ người sử dụng Internet gấp 7 lần so với mức bình quân trong cả nước.

Trong lĩnh vực nông nghiệp tuy chiếm tỷ lệ trong cơ cấu GDP không cao (1,5%) nhưng đang có hướng chuyển dịch cơ cấu tích cực với chương trình hai cây, hai con: cây rau sạch và cây dừa cayen, con tôm và con bò sữa, đã và đang mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nông dân ngoại thành.

Trong hai mươi năm đổi mới, thành phố đã duy trì được nhịp độ tăng trưởng kinh tế khá cao, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng, có những ảnh hưởng và tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế của các tỉnh trong khu vực và của cả nước, năng động, sáng tạo và có những đóng góp quan trọng trong việc hình thành, phát triển đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước như phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Về văn hóa xã hội: Đời sống của nhân dân từng bước được ổn định và nâng lên. Qua mỗi mốc thời gian, đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần của nhân dân thành phố ngày càng được nâng cao.

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi khởi xướng và thực hiện đầu tiên trong cả nước các phong trào đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, chương trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống mới trên địa bàn dân cư, chương trình bảo trợ bệnh nhân nghèo, chương trình đem lại nụ cười cho trẻ thơ, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng... mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, có ý nghĩa kinh tế, chính trị,

văn hóa, xã hội rộng lớn, có sức lan tỏa mạnh, thể hiện sinh động bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Công cuộc đổi mới đã mang lại cho người dân thành phố đời sống không ngừng được cải thiện, nâng cao và đang đi vào ổn định. Thu nhập thực tế của người dân tăng bình quân trên 5%/năm, GDP bình quân trên đầu người tăng từ 400 USD năm 1985 lên 610 USD năm 1990, 940 USD năm 1995, 1.365 USD năm 2000 và trên 1.800 USD năm 2004, và 1.920 USD/người/năm vào năm 2005, đứng đầu cả nước về mức GDP bình quân đầu người, gấp 3,5 lần mức bình quân chung, tạo khả năng vượt trội về sức mua và tích lũy đầu tư. Giải quyết việc làm hàng năm đều tăng, đến 2004 tỷ lệ thất nghiệp còn 6,1%.

Khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo đã có những bước tiến quan trọng. Thành phố có 38% các nhà khoa học và 28% trường đại học, cao đẳng của cả nước cùng nhiều viện nghiên cứu tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ đã góp phần tăng năng suất lao động, thúc đẩy tiến độ hiện đại hóa thành phố và khu vực phía Nam, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp một số cơ sở khoa học cho các giải pháp về kinh tế, văn hóa, xã hội. Giáo dục - đào tạo đã tăng về qui mô, có tiến bộ về chất lượng, việc xây dựng mới trường lớp phát triển, số lượng trường đại học, cao đẳng trên thành phố tăng lên. Đến nay, cơ bản đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở (vào năm 2002), đến hết năm 2005, hoàn thành phổ cập giáo dục phổ thông trung học các quận nội thành, trên thành phố có 70 trường học, cao đẳng với hơn 9.000 giảng viên và gần 300.000 sinh viên, bậc học phổ thông có 21.777 lớp với 33.887 giáo viên và 881.996 học sinh, mẫu giáo có 4.036 lớp với 6.886 giáo viên và 147.808 cháu, đào tạo nghề cho 40% người lao động. Mặt bằng học vấn của người dân thành phố được

nâng cao, giảm dần khoảng cách giữa giáo dục nội thành và ngoại thành. Đầu tư cho giáo dục tăng dần, "xã hội hóa" giáo dục các cấp học và các loại hình đào tạo được đẩy mạnh, công tác "khuyến học", "khuyến tài" không ngừng được mở rộng, góp phần tích cực vào việc "xã hội hóa" giáo dục và xây dựng xã hội học tập.

Việc chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, tuổi thọ trung bình của người dân tăng lên trên 72 tuổi, hệ thống y tế cơ sở được tăng cường, 100% phường, xã có bác sĩ. Hoạt động thể dục, thể thao có bước phát triển, 20% dân số đã tham gia luyện tập thường xuyên. Thành phố đã có được 38 đơn vị báo chí (trong đó có 2 đài) đã thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời phổ biến những chủ trương, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước và các hoạt động của Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội. Hoạt động văn học - nghệ thuật, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đi vào cuộc sống, ngày càng phát triển.

Thành quả nổi bật của Đảng bộ và nhân dân thành phố là đã tạo ra phong trào toàn xã hội chăm lo đồng bào nghèo mang lại kết quả thiết thực, có ý nghĩa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội rộng lớn. Trên cơ sở dựa vào dân thực hiện chủ trương xã hội hóa, thành phố đã hoàn thành chủ trương xóa đói, giảm nghèo giai đoạn một sau 13 năm phát động (1992 - 2005), hoàn thành việc xây tặng nhà tình nghĩa (hơn 10.000 căn) và hàng chục ngàn căn nhà tình thương (chỉ tính riêng từ 2001 đến nay, trong cuộc vận động "Vì người nghèo" đã xây tặng 2.569 căn nhà), đã có 550/1776 Khu dân cư văn hóa và 143 đơn vị văn hóa được thành phố công nhận, 80% số hộ đạt chuẩn Gia đình văn hóa, phụng dưỡng suốt đời gần 1.300 bà mẹ Việt Nam anh hùng, đỡ đầu chăm sóc hàng ngàn thương binh nặng và người thân của liệt sĩ, chương trình mục tiêu "3 giảm" được nhân

dân thành phố ủng hộ, tham gia mang lại hiệu quả rõ nét, đã tập trung quản lý việc cai nghiện và giáo dục cho trên 30.000 đối tượng nhằm trả lại cho xã hội những con người lành mạnh. Cùng nhiều phong trào, việc làm khác nhằm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người dân, thành phố đã biểu hiện sinh động bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống chính trị: Không ngừng được củng cố, năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền được nâng lên, dân chủ được mở rộng hơn, sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc không ngừng được phát huy và có bước trưởng thành trên nhiều mặt.

Hệ thống chính trị ở thành phố được quan tâm củng cố, Đảng bộ đã có trên 70% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, với nhiều điển hình tốt trong thực hiện vai trò lãnh đạo chính trị, chuyên môn, vận động quần chúng, tổ chức bộ máy chính quyền các cấp có bước đổi mới theo hướng ngày càng tinh gọn, hiệu quả, phương pháp, lề lối làm việc được cải tiến theo hướng sát thực tế, sát cơ sở, giảm bớt các thủ tục hành chính phiền hà. Vai trò của Mặt trận và các đoàn thể được tăng cường để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đoàn kết trong nội bộ Đảng và trong nhân dân thành phố đã trở thành động lực và sức mạnh dẫn đến thành công, đoàn kết trong các cấp ủy Đảng, trước hết là trong Thành ủy luôn luôn được giữ vững, nhất là khi gặp phải tình thế khó khăn, cùng đồng tâm hiệp lực, cùng chịu trách nhiệm, tìm giải pháp vượt qua.

Có được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đó là do Đảng bộ và Chính quyền thành phố đã nỗ lực phấn đấu, vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của thành phố, giai cấp

công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân thành phố đã phát huy truyền thống yêu nước, cách mạng, lao động cần cù, sáng tạo, nêu cao phẩm chất, ý chí của người Việt Nam trong giai đoạn mới, có sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, của Chính phủ, sự ủng hộ, giúp đỡ của các cơ quan trung ương, của các địa phương và nhân dân cả nước.

Những thành tựu to lớn trên đây thể hiện tính năng động, sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân thành phố, ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước, đã phát huy truyền thống cách mạng tốt đẹp trong suốt các thời kỳ cách mạng, đấu tranh giải phóng dân tộc, tin tưởng và vững bước đi lên dưới sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố và đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xứng đáng với danh hiệu Thành phố anh hùng - thành phố mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.



100

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ LẦN THỨ VIII HỌP NGÀY THÁNG NĂM NÀO? NÊU NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI.

Sau khi họp phiên trù bị vào ngày 5. 12. 2005, Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII (2005 - 2010) chính thức khai mạc từ ngày 6 đến ngày 9. 12. 2005 tại Hội trường thành phố số 111 Bà Huyện Thanh Quan, quận 3.

Tham dự Đại hội gồm có 398 đại biểu chính thức thay mặt cho 125.329 đảng viên trong toàn Đảng bộ thành phố và hơn 100 khách mời. Đại hội vinh dự tiếp đón Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nông Đức Mạnh, đồng chí Trần Đức Lương - Chủ tịch nước và đồng chí Phan Văn Khải - Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Võ Văn Kiệt - Nguyên Thủ tướng Chính phủ và cùng nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước cùng đến dự và chúc mừng Đại hội.

Phát biểu trước Đại hội, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chỉ đạo Đảng bộ Thành phố phải được tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn với tinh thần tích cực hơn nữa, thực chất hơn nữa, tập trung hơn nữa với tinh thần phấn đấu anh dũng, xây dựng thành phố thành một thành phố xã hội chủ nghĩa, phồn vinh, văn minh, hiện đại, mãi mãi xứng đáng với tên Bác kính yêu, xứng đáng với danh hiệu cao quý Thành phố anh hùng.

Đại hội lần này có nhiệm vụ đánh giá khái quát ba mươi năm xây dựng và phát triển, đặc biệt hai mươi năm đổi mới, kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII, gắn với việc thực hiện Nghị quyết 20 của Bộ Chính trị về Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định phương hướng, nhiệm vụ, xây dựng phát triển và bảo vệ thành phố, xây dựng Đảng và cả hệ thống chính trị và đề ra những giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2006 - 2010. Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục chủ động hội nhập và tăng tốc phát triển, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội xác định nhiệm vụ mục tiêu tổng quát trong năm năm (2006 - 2010) là: Chủ động hội nhập và tăng tốc phát triển. Cụ thể, tiếp tục đổi mới toàn diện và mạnh mẽ hơn nữa, phát huy dân chủ và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, động viên mọi nguồn lực, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, xây dựng thành phố ngày càng văn minh, hiện đại, từng bước trở thành một trung tâm công nghiệp, dịch vụ, khoa học công nghệ của khu vực Đông Nam Á, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII gồm 59 ủy viên.

Ban Thường vụ Thành ủy khóa VIII gồm 15 đồng chí và đồng chí Nguyễn Minh Triết tiếp tục được bầu giữ chức vụ Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh và các Phó Bí thư Thành ủy gồm: đồng chí Lê Hoàng Quân - Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Lê Thanh Hải - Phó Bí thư, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng chí Phạm Phương Thảo
- Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố.

Đại hội cũng đã bầu Đoàn Đại biểu của Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX gồm 4 đại biểu đương nhiên và 25 đại biểu chính thức.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN ĐÌNH VIỆT

ĐỖ THỊ PHẤN

Biên tập:

LÊ THU GIANG

Sửa bản in:

THỦY ĐIỆP

Bìa:

ĐỖ TUẤN HUY

Vi tính:

NGỌC HUỆ - VĂN THÀNH

*

In 1.000 cuốn, khổ 13,5x21,5 cm tại Công ty Xuất nhập khẩu ngành in. Đóng xén tại Xưởng in và thành phẩm 93 Lê Quang Định, Q.BT. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 125-06/CXB/16-14/THTPHCM cấp ngày 20-02-2006. In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2007.



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ GIA ĐÌNH – SÀI GÒN TP. HỒ CHÍ MINH



NXB
TỔNG HỢP
TP. HCM

VHSG
NXB VĂN HÓA SÀI GÒN

Địa lý ở thành phố Nguyễn Đình Đầu

Khảo cổ học ở thành phố Lê Xuân Diệm

Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Thị Hoài Hương

Lịch sử thời kỳ trước 1802 Cao Tự Thanh

Lịch sử thời kỳ 1802 – 1875 Trần Thị Mai

Lịch sử thời kỳ 1862 – 1945 Nguyễn Nghị

Lịch sử thời kỳ 1945 – 1975 Hà Minh Hồng

Trần Nam Tiến, Lưu Văn Quyết, Hà Kim Phương

Một trăm sự kiện nổi bật ở thành phố thời gian 1975 – 2005

Trần Thanh Phương

Chiến dịch Hồ Chí Minh Hồ Sơn Đài, Trần Nam Tiến

Lịch sử Đảng bộ thành phố Phạm Văn Thắng

Di tích lịch sử – văn hóa ở thành phố

Phạm Hữu Mỹ, Nguyễn Văn Đường

Thủ công nghiệp ở thành phố Võ Công Nguyên

Kinh tế – đầu tư từ 1986 ở thành phố Nguyễn Hoài Bảo

Công nghiệp ở thành phố

Dương Thị Kiều Anh, Nguyễn Hoài Bảo, Phạm Hà

Ngoại thương ở thành phố

Nguyễn Hoài Bảo, Võ Tất Thắng

Phật giáo ở thành phố Trần Hồng Liên

Thiên chúa giáo ở thành phố Nguyễn Nghị

Khổng Thành Ngọc, Hoàng Minh Thức

Người Hoa ở thành phố Phan Thị Yến Tuyết

Người Chăm ở thành phố Phan Văn Dớp, Vương Hoàng Trù

Một trăm nhân vật nổi tiếng ở thành phố Nguyễn Thu Văn

Một trăm Việt kiều nói về thành phố

Nguyễn Việt Thuận, Thành Trung, Lam Điền, Tường Vân

Văn học Hán Nôm ở thành phố Nguyễn Khuê, Cao Tự Thanh

Văn học quốc ngữ trước 1945 ở thành phố Võ Văn Nhơn

Văn học thời kỳ 1945 – 1975 ở thành phố

Vũ Hạnh, Nguyễn Ngọc Phan

Văn học thời gian 1975 – 2005 ở thành phố Trần Thanh Giao

Báo chí ở thành phố Trương Ngọc Tường, Nguyễn Ngọc Phan

Sân khấu cải lương ở thành phố Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Hương

Mỹ thuật ở thành phố Uyên Huy, Trương Phi Đức, Lê Bá Thanh

Âm nhạc ở thành phố Hoàng Hương

Kiến trúc ở thành phố Bạch Anh Tuấn

Điện ảnh ở thành phố Nguyễn Quân Bảo

